

**ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
Năm Đạo 82**

**PHỤ BẢN NỘI SAN CAO ĐÀI GIÁO LÝ
(Sưu tập biên khảo giáo lý)**

Dặm dài gánh Đạo

**CHÍ TÍN (LÊ VĂN BÁ)
Tháng 8 Đinh Hợi (10-2007)**

Lưu hành nội bộ



Đạo trưởng Chí Tín

*"Dặm dài gánh đạo đã bao năm,
Trải bước phong ba vẫn vững cầm;
Giáo lý phổ truyền ra khắp chốn,
Công phu thiên định hưởng ân thâm."*

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo
Ất Dậu 2005

LỜI GIỚI THIỆU

Đạo Trưởng (ĐT) Chí Tín - Lê Văn Bá sinh trưởng trong một gia đình gốc đạo Cao Đài, vốn sớm giác ngộ, tu học từ khi còn niên thiếu.

Từ khi nối gót bào huynh là ĐT Đạt Minh - Lê Văn Non, tham gia hành đạo tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo (CQPTGLĐĐ), ĐT rất chú trọng việc nghiên cứu giáo lý, tích cực góp phần phổ biến tập san Cao Đài Giáo Lý, thuyết đạo và biên soạn các bài tham luận giáo lý, các bài nghiên cứu Đạo giáo . . .

Quyển sách này là một sưu tập hầu hết các công trình nêu trên của ĐT đã đăng trên Nội san Cao Đài Giáo Lý của Cơ Quan, trước là để làm tài liệu tham khảo cho hậu tấn, sau là ghi nhận một phần công đức của ĐT.

Nội dung sưu tập có thể xếp thành các phần như sau:

Phần 1: Các bài viết về lý thuyết tu học Đạo pháp

Phần 2: Các bài viết về giáo lý tổng quát

Phần 3: Các bài viết về các đấng Thiêng Liêng

Phần 4: Các bài viết về Cơ Quan PTGLĐĐ

Phần 5: Các bài viết về tôn giáo bạn và kinh điển đạo giáo.

Phần lớn các công trình biên soạn trên đây đã được đăng trong Nội san Cao Đài Giáo Lý hoặc kết tập thành những quyển

sách nhỏ, một số là những bài thuyết minh giáo lý của ĐT tại Hội trường CQPTGLĐĐ.

Các bài viết trong sưu tập này đều giữ nguyên bút pháp và tư tưởng hay quan điểm riêng của ĐT do quyền sách thuộc về tư liệu cá nhân. Những người sưu tập góp phần kỹ thuật ấn loát quyển sách với lòng kính mến và tri ân bậc đàn anh lão thành dày công với Đạo nói chung và với Cơ Quan PTGLĐĐ nói riêng.

Ngoài ra, đây là sở nguyện của ĐT, muốn làm món quà kỷ niệm cho các thân hữu, quý đạo hữu trong ngoài Cơ Quan nhân ngày sinh nhật thứ 90 vào tháng 10 năm 2007 (Đình Hối).

Vậy xin được thay mặt một số đạo hữu đàn em của Đạo Trưởng Chí Tín, mến mộ công đức và kính trọng tấm gương tâm đạo chí thành của ĐT, mạo muội viết lời giới thiệu này.

Thu phân Đình Hối – 2007

Thiện Chí

LƯỢC SỬ TÁC GIẢ CHÍ TÍN



Đạo Trưởng Chí Tín tộc danh là Lê Văn Bá, sanh ngày 10 tháng 10 năm 1918 tại Thành phố Gò Công hiện nay là tỉnh Tiền Giang. Cha là Lê Văn Còn, nguyên Thượng Giáo Sư Hội Thánh Ban Chính Đạo Bến Tre đặc quả Minh Đức Đạo Nhơn. Mẹ là Phạm Thị Huỳnh, chức việc Ban Cai Quản Nữ phái Thánh thất Bình Hòa (Gia Định). Đạo Trưởng có ba người con, hai trai và một gái.

Học trường Trung Học Pétrus Trương Vĩnh Ký với trình độ Trung Học Pháp Việt, cấp bằng Thành Chung (B.E.P.S. Pháp). Đạo trưởng làm việc tại hãng Ba Son ba năm rồi thi đậu vào Quan Thuế làm việc được ba tháng thì bỏ việc.

Từ năm 1942 làm việc cho hãng East Asiatic Đan Mạch cai quản nhà máy cưa và khai thác gỗ ở Đà Lạt đến khi Nhật đảo chánh năm 1945 về Saigon. Sau đó hãng East Asiatic kêu lại, giao việc trong ngành xuất nhập cảng và vận tải đường biển.

Sau mười một năm làm việc tích lũy nhiều kinh nghiệm, có uy tín và có vốn riêng, đạo trưởng cùng với East Asiatic lập ra hãng Kyxaco nhập cảng độc quyền xe Wolks Wagen ở Việt Nam. Từ năm 1957 đến 1975 Đạo trưởng giữ chức vụ Quản Trị viên Giám Đốc Công ty này.

Đời tu hành

Năm 1933, Đạo Trưởng Chí Tín nhập môn tại Thánh Thất Phú Nhuận thuộc Tòa Thánh Tây Ninh. Năm 1935, lúc 17 tuổi, Thánh thất Bình Hòa vừa cất xong thì Đạo Trưởng về hành đạo tại đây, cùng với song thân và anh là ông Lê Văn Non¹. Hai anh em học qua các lớp huấn luyện Đồng Nhi và Lễ Sĩ, đi lễ các đàn lễ.

Từ buổi sơ khai năm Ất Ty 1965, Đạo Trưởng gia nhập vào Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo sau khi được Đức Lý Giáo Tông thân nạp làm đệ tử tại Thiên Lý Đàn, được Đức Chí Tôn ban Thánh danh Chí Tín để lập công quả:

Thiên Lý Đàn, ngày 29 tháng Chạp Ất Ty (20-01-1966):

*“**Lê Văn Bá** thấy con chí nguyện,
Hiệp chung lo điều kiện Cơ Quan;
Đốc đem đem tám can tràng,
Lập công bồi đức cho ngang bạn hiền.
Nay Thầy ban danh Tiên cho trẻ,
Để con hiền mát mẻ tâm trung;
Tên là **Chí Tín** lập công,
Bước mau để kịp đại đồng thế gian.”*

¹ Đạo Trưởng Lê Văn Non, Tiên danh Đạt Minh sanh ngày 13-02-1913 tại Gò Công, người phối ngẫu là đạo tỷ Bạch Hào, có bảy người con gồm hai gái và năm trai. Gia nhập CQPTGLĐĐ năm 1965 với các chức vụ phụ trách: 1965 Trưởng Ban Nghi Lễ và Chương Nghiêm Pháp Quân; 1966 Ngoại Giao Vụ Phó; 1969 Nội Chánh Vụ Trưởng; 1971 Phó Tổng Thư Ký; 1972 Tổng Thư Ký; 1985 Tham Lý Minh Đạo.

Đạo pháp: 1966 Sơ Thiên, 1969 Thập Nhị Cầm Đoạn, 1980 Nội Công Hấp Khí I và II, 1972 Nhị Cơ, 1973 Nhị Cơ Tiến Đạo Tam Muội Chánh Định, 1978 Bá Nhựt Trúc Cơ, 1981 Thập ngoạt Hoài Thai. Liễu Đạo ngày 13-08 Ất Sửu 1985. Đắc vị Quang Minh Huệ Tiên.

Năm 1972, ĐT được Đức Lý Giáo Tông khuyến khích:

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời 20 tháng Chạp Tân Hợi (04-02-1972):

“Chí Tín! Cười!

THI

*Thấy trò em út nghĩ mà thương,
Trôi bước từ lâu vạn dặm trường;
Sức mọn nhưng lòng không quá mọn,
Đỡ nưng còn có Lão Đông Phương.”*

Hơn nữa ĐT và bào huynh là ĐT Đạt Minh còn được sự âm phò mặc trợ của thân phụ đã đắc vị là Đức Minh Đức Đạo Nhơn, thường giảng đàn dạy đạo như trường học sau đây:

Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, mồng 6 tháng 2 năm Quý Sửu (10-3-1973):

*“Sau đây với tư cách gia đình, Cha dạy con về nói lại với con **Chí Tín** rằng đừng thói chí ngã lòng trước một cái vấp chơn vì cây gai nhỏ, hoặc một viên sỏi còn mắc kẹt trong bít tất. Sự mạng ra khơi của Cơ Quan chỉ mới giai đoạn sơ khởi. Mục tiêu cuối cùng muốn đạt được sẽ còn trải qua nhiều giai đoạn khác nữa.*

Hai con nhớ lời Cha đã dạy, đừng làm sai rồi bị khảo mà buồn nghe con! Con an tọa.”

Điểm đặc biệt nhất trong đời hành đạo của ĐT Chí Tín có lẽ là sứ mạng hi hữu về Đạo pháp do Đức Đông Phương Lão Tổ và Đức Ngô Minh Chiêu giao phó qua Thánh giáo ngày đêm

27 tháng Giêng Canh Thân (13-3-1980) tại Minh Đức Tu Viện (Vũng Tàu):

“ĐÔNG PHƯƠNG LÃO TỔ chào chư hiền đệ hiền muội.

Hôm nay Bàn Đạo muốn cùng chư đệ muội đem một giải pháp nhằm vào công việc thống nhất đường lối trì hành đạo pháp phổ độ nhơn sanh trong nội bộ Cao Đài, ngõ hầu hoằng dương cơ cứu độ. Dầu nhơn tâm phân cách là do duyên nghiệp của mỗi người, nhưng sứ mạng Thiên ân có bốn phận giữ tâm trung thực để đem lại thế quân bình với một niềm tin sáng suốt bất phân cho mọi người cho trật tự đúng theo Tân Pháp Đại Đạo.

*Hôm nay Bàn Đạo dành cho hiền đệ **Chí Tín** bắt đầu thực hiện sứ mạng trọng đại của hiền đệ, và cùng chia sứ mạng cho chư đệ muội nơi đây. Đây chính là một công quả khá lớn mà Bàn Đạo và Ngô Đại Tiên dành cho hiền đệ đến ngày nay không thể trễ được nữa.*

*Sứ mạng đó Bàn Đạo không thể trễ được là: từ đây đến tiết Đông Chí, hiền đệ **Chí Tín** hãy đem công phu pháp thọ được nơi Phái Chiếu Minh truyền lại cho **Ch.T, Th.B, H.C** và **H.M**. Riêng hiền muội **B.T** cũng được tham dự để đến lúc sẽ thực hiện công quả. Phần này chư đệ muội sẽ được nghe giải bày, đừng thắc mắc gì cả.*

Vậy sau đàn này, Bàn Đạo vẫn hiện có để chứng minh việc làm của chư đệ muội.”

Cuối đời, có lẽ nguồn an ủi lớn lao nhất đối với ĐT là được Đức Giáo Tông ban ơn trong lúc thọ bệnh đang điều trị trong bệnh viện ở tuổi 88 (năm 2005).

*“Dặm dài gánh đạo đã bao năm,
Trải bước phong ba vẫn vững cầm;
Giáo lý phổ truyền ra khắp chốn,
Công phu thiên định hưởng ân thâm.”*

Các trách vụ ở CQPTGLĐĐ

1. Nội Chánh Vụ Trưởng ngày 14 tháng 02 Bính Ngọ (05-3-1966) gồm có Nội vụ, Kinh tế, Thông tin báo chí, Văn Hóa và Thanh niên (sau được chia ra 3 vụ là Nội Chánh Vụ, Văn Hóa Vụ và Thanh Niên Vụ).

2. Phó Tổng Thư Ký ngày 14 tháng 02 Kỷ Dậu (31-3-1969). Sau khi Đạo Trưởng Minh Lý (Đỗ Vạn Lý) Tham Lý Minh Đạo kiêm Tổng Thư Ký Cơ Quan ra đi, đạo trưởng phải đảm nhiệm thêm hai trách nhiệm này.

3. Tổng Thư Ký chính thức ngày 14 tháng 3 năm 1971.

4. Tham Lý Minh Đạo ngày 15 tháng 02 Nhâm Tý (29-3-1972).

5. Phó Tổng Lý Minh Đạo ngày 18 tháng 02 Ất Sửu (07-4-1985) đến ngày xuất ngoại 24-12-1986.

6. Được Ôn Trên phục hồi chức Phó Tổng Lý Minh Đạo năm Kỷ Mão (tháng 4-1999) sau 12 năm hành đạo ở hải ngoại.

7. Từ năm 2005, Đạo trưởng được lệnh Ôn Trên đến ở hẳn tại trụ sở Cơ Quan PTGLĐĐ để tu luyện và hành đạo với chức vụ trên.

Thọ truyền Đạo Pháp

Bắt đầu học Sơ thiên tâm pháp 1966 với Đạo Trưởng Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn rồi học tiếp Thập nhị cảm đoạn, Nhị cơ rồi Nhị cơ tiến đạo, Nội công hấp Khí I và Nội công hấp khí II, rồi Tam Muội Chánh Định, luyện ngũ hành âm dương, khai thông huyết đạo ba năm ròng rã. Năm 1970 thọ pháp Chiêu Minh và được Đức Ngô Minh Chiêu giảng cơ dạy bổ túc trong năm 1980. Năm 1978 nhập khóa Bá Nhứt Trúc Cơ 100 ngày tại Vĩnh Nguyên Tự. Năm 1980 nhập khóa Thập Ngoạt Hoài Thai 300 ngày. Năm 1981 nhập khóa Tam Niên Nhũ Bộ ba năm tại Minh Đức Tu viện ở Vũng Tàu.

Công trình biên soạn

A. Ở trong nước:

1. Phụ trách tập san Cao Đài Giáo Lý của Cơ Quan từ lúc khởi sự quay ronéo
2. Vấn đề tịnh luyện đối với môn sinh Cao Đài
3. Thử nêu những yếu điểm giáo lý Cao Đài
4. Đức tin Cao Đài
5. Pythagore (dịch của E.Schuré)
6. Những tiết lộ của Thần Minh (dịch của Allan Kardec)
7. Từ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển đến Đại Thừa Chơn Giáo

B. Ở nước ngoài:

1. Cao Đài Giáo lý ở hải ngoại đến số 59
2. Suu tập Thánh giáo Đức Lý Thái Bạch Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo
3. Suu tập Thánh giáo Đức Vạn Hạnh Thiên Sư

4. Suu tập Thánh giáo Đức Đông Phương Lão Tổ và Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn
5. Suu tập Thánh giáo Đức Quan Thế Âm Bồ Tát
6. Lòng Từ Mẫu I và II
7. Huấn Từ Đức Chí Tôn
8. Cao Đài Giáo Lý Đại Cương
9. Căn bản Giáo lý Cao Đài (quyển I và II).

Và nhiều đề tài khác đăng trong Cao Đài Giáo Lý hoặc in riêng trên từng tập nhỏ.

Hiện nay

Đạo trưởng đã ngót 90 tuổi, sau thời gian bệnh nặng vào năm 2005, sức khỏe đã giảm sút nhiều. Tuy nhiên, tinh thần Đạo trưởng còn rất minh mẫn, ngoài tứ thời tịnh định, thường đọc kinh sách và viết bài vở giáo lý. Hằng tuần Đạo trưởng vẫn chủ trì các phiên họp Hội Đồng Cơ Quan, ngoài ra còn tham dự một số sinh hoạt nội bộ.

Lược sử trên đây của Đạo trưởng Chí Tín được viết xong vào đầu tháng 9 năm 2007. ■

Phần 1

Bài viết về Đạo pháp

- ĐẠO PHÁP THUẦN CHƠN HUYỀN VI CHỨNG ĐẮC
- NỘI GIÁO TÂM TRUYỀN VÀ NGOẠI GIÁO CÔNG TRUYỀN
- SỰ TU CHỨNG
- TỌA THIÊN
- THƯỜNG XUÂN VỚI ĐẠO PHÁP
- THẾ NÀO LÀ NỘI TU VÀ NGOẠI TU
- XUÂN TÂM, XUÂN ĐẠO PHÁP
- THÀNH TIÊN TẠI TRẦN
- KHỬ TRƯỚC LƯU THANH
- ĐỨC LÝ GIÁO TÔNG THÁI BẠCH KIM TINH VỚI VIỆC CÔNG PHU TU LUYỆN
- PHẢN TÌNH NỘI CẦU
- CƠ TẠI MỤC
- THẾ NÀO LÀ BỰC CHƠN NHƠN?
- ĐỜI NGƯỜI MỘT KIẾP SỐNG VÀ TÁC DỤNG ĐẠO PHÁP
- TÁNH MẠNG SONG TU

ĐẠO PHÁP THUẦN CHƠN HUYỀN VI CHỨNG ĐẶC

Đây là trọng điểm thứ nhứt trong năm trọng điểm mà toàn thể nhơn viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo (CQPTGL) phải thực hiện cho thành công mới làm tròn sứ mạng đã nhận lãnh nơi Ôn Trên. Đó là sứ mạng trọng đại và gian khổ như lời của Đức Lý Giáo Tông đã dạy.

Chúng ta hãy cố gắng tìm hiểu Thánh ý của Đức Lý Giáo Tông để chứng cho được huyền vi của đạo pháp, là cứu cánh giải thoát của cuộc đời tu hành của mình.

Ôn Trên dạy về đạo pháp:

“Đạo là sức sống thiên nhiên,
Pháp là chiếc bát nhã thuyền sang sông.”

Đạo thì vô vi huyền nhiệm vô cùng, không hơi, không tiếng, không lời, không thể dùng ngôn ngữ diễn tả được. Đạo tạo nên vũ trụ càn khôn, thế giới vạn vật; có thể tạm hiểu là Đấng Tạo Hóa, hay Đức Chí Tôn Thượng Đế. Chính Đức Lão Tử tạm gọi là Đạo. Thiêng Liêng cũng thường gọi là Tiên Thiên Hư Vô Chi Khí, vì có trước khi tạo dựng đất trời. Khí Hư Vô này sanh ra Thầy. Một Chơn Thần Thầy sanh ra các con và chư Thần Thánh Tiên Phật. Nếu không có khí Hư Vô thì không có Thầy, không có Thầy thì không có chi trong càn khôn thế giới. Thầy dạy: *“Các con là Thầy, Thầy là các con.”*

Thầy (Đạo hay Khí Hư Vô) đem lại sự sống còn cho muôn loài vạn vật, nên đâu đâu cũng có Đạo, từ tế vi cho đến vĩ đại. Lìa Đạo thì mất, giữ Đạo thì tồn tại miên viễn.

Pháp là phương pháp, pháp môn, là phương tiện, là chiếc thuyền bát nhã đưa hành giả sang sông, từ bờ mê qua bến giác. Sang sông nhờ bè, lên bờ thì bỏ lại bè, mang theo chi cho nặng nhọc vô ích.

Vậy đạo pháp là phương tiện, pháp môn giúp cho hành giả tu giải thoát đắc Đạo, đắc Nhứt trở về hiệp nhứt cùng Thầy (Đạo, Hư Vô Chi Khí).

Đức Giáo Tông bảo Đạo pháp phải thuần chơn. Thế nào là thuần chơn? Thuần chơn là thuần toàn, hoàn hảo, chơn thật, tinh ròng, chuyên nhứt, không pha lẫn phàm ý, đúng theo chơn pháp, chánh pháp do CQPTGL truyền thọ. Chơn pháp này do nhị vị Tôn sư là Đông Phương Lão Tổ và Ngô Đại Tiên đã đồng thuận dung hợp hai pháp Cơ Quan và Chiêu Minh (đàn cơ ngày 27-01 Canh Thân, tức 13-3-1980, tại Minh Đức Tu Viện), gọi là Tân pháp Cao Đài, làm pháp môn Đại Ân Xá Kỳ Ba của Đức Thượng Đế để cứu độ nhân loại. Chính Đức Ngô Đại Tiên, vị môn đồ đầu tiên được Đức Cao Đài Thượng Đế truyền trao trực tiếp bí pháp đó. Nhờ đó mà Ngài Ngô Minh Chiêu tu đắc Đạo và đệ tử của Ngài tu theo cũng đắc quả vị nhiều cấp bậc rất đông (xem Đại Thừa Chơn Giáo, xb 1950, mục Ấn Chứng Thiêng Liêng).

Chính Thầy xác nhận trong một Thánh giáo (Thiên Lý Đàn, 15-2-1965): *“Thượng Đế vị nhân sanh mà khai Đạo pháp để con cái của Thầy học hỏi và hành theo đúng chánh pháp, đến ngày công quả viên mãn sẽ trở về hiệp nhứt cùng Thầy. Lúc bấy*

giờ các con là Thầy, là Phật Tiên Thánh Thần. Đó là đường lối tuyệt đích của Đạo.”

Tại Dương Đông, Phú Quốc, đàn 15-3 Đinh Mùi (25-4-1967), Thầy dạy: *“Thầy đã giao bí pháp chọn truyền và trách nhiệm cho Chiêu để điều dẫn các con nào có hoàn cảnh, có phương tiện, có thì giờ, có cơ duyên, thì sớm lo tu luyện để chờ ngày công đầy quả đủ trở về hiệp nhứt cùng Thầy.”*

Đàn cơ ngày 19-8 Tân Mùi, Đức Đông Phương Lão Tô dạy:

“Đức Chí Tôn và Tam Giáo Đạo Tổ cũng đã biết trước tâm tư chur đệ muội còn nhiều điên đảo, biệt phân; do đó, Ngô Đại Tiên cùng Bần Đạo đã thống nhứt pháp môn, nên chur đệ muội mới được học thêm cấp Sơ Thiên Tiến Đạo gồm pháp Nội Công Hấp Khí bậc I và bậc II. Đó là một ân sủng lớn lao của chur đệ muội đã được học cả hai pháp môn Chiếu Minh và Cơ Quan; thế mà chur đệ muội không chuyên nhứt quyết tâm tham cầu Đạo pháp, lại lẫn lộn trong vòng phân biệt, chấp ngã, chấp nhân, danh lợi cao thấp, tham vọng, thậm chí vọng cầu cả danh vị Bồ Tát, Đại Tiên nơi chốn Thiên đình. Cười... Cười...”

“Đức Chí Tôn và Tam Giáo Đạo Tổ đã chỉ dẫn cho chur đệ muội tắt cả con đường Đạo pháp từ thấp nhứt, cơ bản nhứt, cho đến cao nhứt, diệu dụng nhứt. Nay chur đệ muội một phần vì bận tâm thế sự, công việc đa đoan, nhưng một phần cũng do tâm không chuyên nhứt, không quyết tâm tham cầu Đạo pháp. Ngoài công phu Sơ Thiên, chur đệ muội còn được dạy Thập Nhị Cẩm Đoạn và Nội Công Hấp Khí bậc I, bậc II. Đó là tắt cả những nền tảng để tu luyện thân hình, thân thể cường tráng, huyết mạch lưu thông. Sau đó, nếu đạt được kết quả trên, việc luyện Ngũ Hành Âm Dương, Tam Muội Chánh Định, thậm chí

Bá Nhứt Trúc Cơ sẽ được vững vàng. Bản Đạo dạy như vậy để chư đệ muội lưu ý.

Này chư đệ muội! Nếu phẩm vị Phật Tiên chư đệ muội dễ dàng chứng quả, Đức Thượng Đế và Tam Giáo Đạo Tổ không cần phải lập Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý với những pháp môn từ thấp đến cao, đó là những nấc thang giúp cho chư đệ muội tu chứng. Bản Đạo phân như vậy để chư đệ muội lưu ý đừng bị cám dỗ. Bản Đạo bảo cho: Nếu tâm không chuyên nhứt, chư đệ muội sẽ không đạt được tâm đắc nhứt.”

Nói tóm lại, nếu hành giả muốn chứng đắc huyền vi Đạo pháp, tức là đắc Nhứt hay đắc Đạo, trở thành Phật Thánh Tiên thì phải tham cầu Đạo pháp thuần chơn, tức là chánh pháp của Đức Chí Tôn Thượng Đế đã truyền cho vị môn sanh đầu tiên của Thầy là Ngài Ngô Minh Chiêu, đã chứng đắc quả vị Ngô Đại Tiên và đệ tử của Ngài cũng nhờ thọ pháp này mà được đắc Đạo có ấn chứng ghi lại lịch sử.

Còn riêng đối với CQPTGL, Đức Chí Tôn và Tam Giáo Đạo Tổ đã đặc ân chỉ truyền đạo pháp từ thấp đến cao, từ nấc thang thấp của hàng Hạ Thừa đến nấc thang cao cấp Thượng Thừa, từ chay lạt có 10 ngày và chỉ giữ ngũ giới cấm đến trường trai tuyệt dục, chịu khảo thí muôn vàn khổ sở gian nan, trong đó có cả pháp môn Chiếu Minh từ Đức Ngô Đại Tiên và pháp môn Cơ Quan do Đức Đông Phương Lão Tổ trao truyền như Thánh giáo vừa giải bày rành rẽ. Đó là pháp môn Đại Ấn Xá, gọi là Tân pháp Cao Đài. (Thánh giáo Đức Đông Phương Lão Tổ, 29-10-1974)

Điểm cốt yếu hành giả cần lưu ý: Dầu pháp môn có thuần chơn, cao thâm vi diệu đến đâu mà hành giả không quyết tâm

chuyên nhứt tham cầu và kiên trì hành thâm Đạo pháp, lại chấp ngã, chấp nhân, biệt phân cao thấp, so đo, tham vọng cầu kỳ thì khó chứng đắc được huyền vi của Đạo pháp, khó tu chứng tại tiên hoặc đắc quả Phật Thánh Tiên sau khi liễu đạo, như lời dạy của Đức Lý Đại Tiên Trưởng Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và Đức Đông Phương Lão Tổ. ■

NỘI GIÁO TÂM TRUYỀN VÀ NGOẠI GIÁO CÔNG TRUYỀN

Một số tín hữu Cao Đài còn nặng óc kỳ thị biệt phân cao thấp giữa đồng đạo, phân biệt chi này phái nọ, nào tu vô vi cao, tu phổ độ thấp, nào chỉ có chú tâm thực hành công quả cũng được trở về cùng Thầy và không tôn trọng đồng đạo tu theo Chiếu Minh Vô Vi Tam Thanh và cho là tu độc thiện kỳ thân. Môn sanh Cao Đài Thượng Đế đều tin theo lời dạy của Thầy Chí Tôn Thượng Đế ghi trong quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển hồi Thầy mới Khai Đạo năm Bính Dần (1926) và trong quyển Đại Thừa Chơn Giáo xuất bản năm Bính Tý (1936) tức 10 năm sau khi cơ phổ độ hình thành với Hội Thánh Cao Đài đầu tiên và Tòa Thánh xây dựng ở Tây Ninh.

Nếu cho rằng người tu Cao Đài không cần tịnh luyện thì tại sao ngay khi mới mở Đạo năm Bính Dần Thầy đã dạy về luyện Đạo tạo nhị xác thân thiêng liêng (périsprit) để trở về hiệp nhất cùng Thầy bằng phương pháp luyện tinh khí thần (tam bửu) hiệp nhứt. Thầy cũng đã dạy Ngài Ngọc Đầu Sư Lê Văn Lịch vốn là Lão Sư của Phật Đạo Minh Sư luyện lại đạo pháp để truyền cho môn sanh Cao Đài nào thọ trai 10 ngày một tháng đổ lên và Thầy nói Tam Kỳ Phổ Độ phải phô bày bửu pháp trong thời mạt kiếp này (TNHT).

Nhưng trước ngày Khai minh Đại Đạo năm Bính Dần (1926), Thầy đã truyền đạo pháp cho Ngài Ngô Minh Chiêu năm Tân Dậu (1921) tại huyện Dương Đông, trên đảo Phú Quốc. Ngài được Thầy phong làm Giáo Tông (anh Cả) của Đại

Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và đã đắc quả vị Ngô Đại Tiên. Điều này toàn Đạo đều biết rõ.

Vì Đạo Thầy, như các tôn giáo lớn từ xưa, gồm hai phần: một là ngoại giáo công truyền, gọi là Cao Đài tôn giáo, để phổ thông đạo lý độ người mới bước đầu tiên vào tầm chơn lý; hai là nội giáo tâm truyền thuộc vô vi tâm pháp, khẩu truyền tâm thọ, là cơ tuyển độ để chọn lựa riêng những người có tính cách nguyên nhân chán đời tầm đạo gác vòng danh lợi, phé đẹp tình đời, không lưu luyến hồng trần, cầu bất sanh bất tử. Đó thuộc về khoa nội giáo tâm truyền khẩu thọ luyện Đạo tu đơn (ĐTCG, trang 264 bản in 1950), gọi là Cao Đài Đại Đạo.

Thầy cũng đã nhấn mạnh: Đạo là vô vi, vô hình, còn tôn giáo là cái cửa. Mỗi người muốn thành Phật Tiên phải chun qua cái cửa ấy rồi vô trong là Đạo.

Muốn thành đạo quả thần thông pháp nhiệm, Thầy đã dạy rõ, trước phải tu thân, chánh tâm cho chí thiện chí mỹ; phải diệt được phàm tâm thì Thánh tâm, Đạo tâm mới hiển lộ.

Đơn thơ có dạy: Muốn luyện đơn trước cần luyện kỹ, mà luyện đơn thì thậm dị (rất dễ dàng) còn luyện kỹ thì tối nan (rất khó khăn).

Thầy cũng có dạy: Nội giáo và Ngoại giáo công truyền, đức đều ngang nhau (không có phân cao thấp) tùy sứ mạng và nhiệm vụ của người Thiên ân thọ lãnh nơi Đức Chí Tôn Thượng Đế trước khi giáng trần. Ai có duyên tu theo phổ độ công truyền hoặc có duyên phước tu theo tuyển độ vô vi thì nên giữ phận mình lo tròn lời thệ nguyện, không nên chia cách, chê bai cao thấp mà tâm trung mát bình thường. Đức Chí Tôn Thượng Đế

có minh giải trong đàn cơ tại Phú Quốc rằm tháng 3 Đinh Mùi (1967).

"Sau đây, lời Thầy cũng muốn trần tình, dặn dò thêm các con đang tu luyện về CHIÊU MINH TAM THANH. Dầu không ai nói, các con cũng biết rằng mỗi một chơn linh hạ phàm, khi muốn trở về với Thầy, đều cũng phải đi qua con thuyền bát nhã mà các con đang chọn cây ghép ván. Ngày xưa, Thầy đã giao bí pháp chơn truyền và trách nhiệm cho CHIÊU để điều dẫn các con nào có hoàn cảnh, có phương tiện, có thì giờ, có cơ duyên, thì sớm lo tu luyện để chờ ngày công đầy quả đủ trở về hiệp nhứt cùng Thầy.

Trong khi đó, ngoài CHIÊU ra, còn có những con khác cũng lãnh sứ mạng trực tiếp của Thầy, đem PHƯƠNG PHÁP NGOẠI GIÁO CÔNG TRUYỀN để tỉnh ngộ và điều dẫn các con khác còn nặng nghiệp duyên hồng trần đeo đẳng.

Sứ mạng của các con trong lớp sau này là khai sơn phá thạch, dọn rừng, cày đất, lượm cỏ trên mảnh ruộng, để cho các con có trách nhiệm về NỘI GIÁO TÂM TRUYỀN đem hạt giống quý đến mảnh đất cày sẵn đó mà gieo giống. DẦU NỘI GIÁO, DẦU NGOẠI GIÁO, mỗi người mỗi việc, TRÁCH VỤ VÀ CÔNG ĐỨC NHƯ NHAU. NẾU MỘT TRONG HAI MÀ THIẾU THÌ DANH TỪ ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ, TAM GIÁO QUI NGUYÊN, NGŨ CHI HIỆP NHỨT KHÔNG CÒN Ý NGHĨA GÌ NỮA."

Đức Ngộ Đại Tiên cũng đã nhiều phen giảng cơ khuyên các đệ tử Chiêu Minh đừng độc thiện kỳ thân, tự cao tự đại mà Ngài phải mang tiếng “trăm dâu đổ đầu tằm” (Lời tâm sự của Ngài trong một đàn cơ ở Minh Đức Tu Viện)

Nếu lưu tâm nghiên cứu Thánh giáo của Ngài dạy nơi các đàn Chiêu Minh và ở Cơ Quan (Minh Đức Tu Viện) chúng ta sẽ được minh giải rõ ràng. Ngài nói:

"Ngày nay tuy lòng người còn phân cách công truyền, Tâm truyền, nhưng đến một lúc nào đó sẽ thấy phải có đủ Công truyền Tâm truyền mới tạo Tiên tác Phật được."

Người đời còn thiên về bản ngã, chỉ có những bực chơn tu, các hàng minh triết mới thực hiện câu: Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức. Pháp môn là phương tiện, mà tâm mới thật sự là cứu cánh. Mặc dầu bốn tâm của người đi trước không có ý lập Phái, lập Chi, nhưng người đi sau kết thành lỗi lầm độc tôn cho người đi trước. Thôi việc đã qua rồi, trăm đầu cũng đổ hết đầu tằm mà thôi! Chính mỗi người Thiên ân phải tự khắc kỷ, đừng để lệ thuộc vào phương tiện pháp môn mà theo sở dục tư hữu của mình. Đừng mê vọng non Tần núi Sở, cao thấp! Ôi tất cả đều là mộng huyền do sở dục tư hữu của con người mà chánh pháp tức là tâm pháp, thì đâu có điều chi để nói, để nêu lên, để tranh luận. Pháp thị bốn vô pháp². Chư hiền đệ muội phải thấy được chỗ huyền nhiệm ấy mới hoàn thành được sứ mạng." (Minh Đức Tu Viện, 1980)

Lúc sanh tiền, Đức Ngô Minh Chiêu thường ngâm bài thi của Ngài dịch bốn câu của Đức Lục Tổ Huệ Năng trong Pháp Bửu Đàn Kinh:

*“Chúng sanh vô biên, thệ nguyện độ,
Phiền não vô tận, thệ nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng, thệ nguyện học,
Phật Đạo vô thượng, thệ nguyện thành.*

² Câu này là khẩu quyết của Đức Thích Ca truyền cho Nhứt Tổ Ca Diếp.

Ngài dịch như sau để dễ đọc thuộc:

Ca:

*Một là sanh chúng hằng hà,
Đốc lòng cứu vớt, lòng ta thề nguyện.
Hai là phiền não nói chuyên,
Thề nguyện đoạn tuyệt như thuyền ra khơi.
Ba là chí học chiêu mời,
Phép mầu sâu nhiệm, thành thơ có ngày.
Bốn là Phật Đạo công dày,
Nguyện thành chánh quả kịp tay chí ta. ”*

Cũng như trong bài Thập Thanh Điều Ngài truyền cho đệ tử tu theo đó:

*Một khuyên giảm khẩu bớ con,
Hai khuyên chánh kỹ cho tròn hóa nhơn.
Ba khuyên giảm tánh giận hờn,
Bốn khuyên giữ lễ chớ lờn oai Tiên.
Năm khuyên kính mến người hiền,
Sáu khuyên đậy mắt lánh miền thị phi.
Bảy khuyên học chữ từ bi,
Tám khuyên hành đạo kịp thì Long Hoa.
Chín khuyên suy xét gần xa,
Mười khuyên lập nét ôn hòa độ dân.*

Nếu Đức Ngô Minh Chiêu chủ trương tu Chiêu Minh là độc thiện kỳ thân, chỉ biết lo tu riêng cho mình, thì Ngài không tâm đắc câu nguyện thứ nhứt của Đức Lục Tổ Huệ Năng:

*"Một là sanh chúng hằng hà,
Đốc lòng cứu vớt lòng ta thề nguyện".*

Và trong bài Thập Thanh điều, Ngài dạy đệ tử ở câu thứ hai: “Hai khuyên chánh kỹ cho tròn hóa nhơn.” Hóa nhơn tức là hóa độ, cứu vớt nhơn sanh.

Câu thứ 10: “Mười khuyên lập nét ôn hòa độ dân.” Độ dân tức là độ đời, độ dân chúng.

Đức Ngô Minh Chiêu cẩn thận khuyên môn đệ mình chánh kỹ tức là sửa mình, trước lo diệt phàm tâm tục tánh cho đúng theo chánh đạo, được thuần thành đạo đức mới hóa nhơn, độ người không bị khảo đảo đó thôi. Vì Ngài chủ trương trước phải lo tự giác rồi sau mới giác tha, mới vững vàng; và muốn đắc Đạo, hành giả phải song hành cho đủ tự giác và giác tha, không thiếu sót phần nào.

*"Tu thân đắc mới ra độ thế,
Muốn độ đời có dễ gì đâu,
Nêu gương chánh kỹ làm đầu,
Thuyết hành hai lẽ đạo mầu mới xong." ■*

SỰ TU CHỨNG

Thánh giáo Ôn Trên thường nhắc nhở môn sanh Cao Đài hãy cố gắng đạt được sự **tu chứng** ngay nơi kiếp hiện tiền, vì chúng ta được may mắn sanh nhằm thời kỳ Đại ân xá do Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ ân ban khi mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đó là cơ hội ngàn năm một thuở, Thượng Đế đặc ân cho nhơn loại nếu quyết tâm tu hành theo chánh Đạo thì Tu nhưt kiếp ngộ nhưt thời.

Chúng tôi cố gắng trình bày đại khái, còn phần kết luận để đem ra thực hành sẽ do quý vị đạo tâm suy nghiệm chọn lấy con đường tu tiến.

Có thể giải nghĩa đơn giản, **tu chứng** là tu đã được đắc Đạo, chứng minh bởi những tác phong đạo hạnh cốt cách Tiên gia Thánh Phật của các hàng tu hành chứng đắc mà chúng ta đã biết khi đọc qua Thánh kinh hiền truyện, những gương đạo đức thánh thiện như của Phật Thích Ca, Đức Lão Tử, Khổng Tử, Đức chúa Kitô (Jésus Christ), Đức Pythagore... Muốn biết vị nào đã tu chứng hiện tiền, chúng ta hãy áp dụng lời dạy xưa của Đức Phật: Muốn biết kiếp quá khứ hay kiếp tương lai của người nào chúng ta hãy xem xét kỹ đời sống hiện tại của vị đó. Như vậy chúng ta hãy quan sát thật kỹ với tâm chí thành vô tư, đời sống hiện tại của vị đó. Chúng ta cần biết vị đó tu chứng đắc quả hiện tiền chớ chúng ta người phạm mất thịt, làm sao nhận định được tương lai của vị đó sẽ thành Thánh Tiên hay Phật được, vì đó thuộc về quyền thẩm định ở cõi hư linh của các Đấng thiêng liêng.

Chúng ta có thể hiểu theo lời dạy này của Đức Lão Tử để nhận định: *"Dầu thấp cao, người tu hành phải cần lập chí tu học kiên trì, có học mới có thông, có tu mới có chứng."*

Khởi đầu chúng ta thử định nghĩa riêng hai chữ **"tu"** và **"chứng"**. Theo Thánh giáo Cao Đài, thuần thành đạo đức, đạt đến chỗ chí chơn, chí thiện, chí mỹ mới xứng đáng đứng vào hàng Phật Thánh Tiên.

Đức Lão Tử có dạy:

*"Học Đạo để nên người thánh thiện,
Tu hành cần rèn luyện THÂN TÂM;
Có THÂN, thân chớ đọa trầm,
Có TÂM, tâm chớ lạc lằm phàm phu."*³

Tu phải lo luyện trau cả THÂN lẫn TÂM, vì con người gồm có hai phần trọng yếu gắn liền với nhau: thân thuộc về thể xác hữu hình, tâm thuộc về linh hồn thì vô hình. Hai thể này liên hệ với nhau rất mật thiết vì linh hồn xuống thể gian để trải nghiệm và học hỏi mọi sự việc ở trần gian, phải mượn xác thân làm nơi tạm trú nên cần phải có một thể xác tráng kiện mới mong đứng vững hoạt động dễ dàng được.

Muốn tu chứng tức đắc Đạo người tu hành cần phải rèn luyện cả hai phần Thân và Tâm như lời của Đức Lão Tử đã dạy với đại ý rằng: Tu là sửa, là luyện, là rèn. Tu phải sửa đổi, sửa những gì đã trật, đã làm lỗi. Phải lo trừ cho hết những thói hư tật xấu, phải trừ cho xong những hủ lậu phàm phu, để thoát cho khỏi bốn vách trần tù là Tham, Sân, Si, Dục. Tu cũng phải trừ

³ CQPTGLĐĐ, 04-6 Tân Dậu, 05-7-1981.

cái tật chấp cứng vào hình danh, sắc tướng, ý kiến tư riêng ích kỷ độc tôn, độc đoán.

Chúng ta hãy lắng nghe lời dạy quý báu của Đức Lão Tử để noi theo mà tu luyện cho có kết quả:

*“Trừ cho được cái tên ảo vọng,
Trừ cho xong mầm móng lợi quyền,
Căn trần kết tập vô biên,
Thấy, làm, nghe, nói, đảo điên rần trờ.*

*Trừ ích kỷ riêng tư tính toán,
Trừ mưu đồ độc đoán, độc tôn,
Cái mầm vị kỷ bảo tồn,
Có nhân, có quả dập dòn nào sai.*

*Diệt bên trong, bên ngoài mới dứt,
Lập chơn tâm tình thức qui hàng,
Chủ nhân chánh tọa nghiêm trang,
Nội tâm, ngoại cảnh tinh toàn biết bao.*

*Chỗ yếu lý do người chứng đắc,
Chấp hình danh vướng mắc hình danh,
Tu là khử trước, lưu thanh,
Xét soi thực tướng tịnh thanh lâu lâu.”⁴*

Trong thân con người có cả trước lẫn thanh, người tu hành cần phải khử trừ những cái trước, mà chỉ lưu giữ lại những cái thanh khiết mà thôi. Trước nơi đây là những cái trước do Thân, Tâm, Khẩu, Ý gây nên. Người tu hành phải lo:

⁴ CQPTGLĐĐ, 04-6 Tân Dậu, 05-7-1981.

KHỬ những cái trược do Thân xác hành động xấu xa đê hèn tội lỗi, những hành động phạm phu tục tử.

Khử những cái trược do Tâm tư cấu tạo bởi lòng tham ái, đam mê sắc dục, giàu sang phú quý hưởng thụ, do tánh ích kỷ, tự tôn, chấp nhứt. . .

Khử những cái trược do những lời nói xấu dệt thêu bất chánh đối với tha nhân.

Khử những cái trược do những ý nghĩ xấu xa đê tiện, xúi người làm điều tội lỗi, thị phi, hơn thiệt, tranh quyền đoạt vị, đam mê tử sắc tài khí, tứ đồ tường vây hãm.

Cái trược của thể xác, theo lời Đức Ngô Đại Tiên dạy chư môn sanh của Ngài, còn có thể dùng nước sôi pha rượu trắng và dùng xà bông thơm để tẩy rửa sạch sẽ được, chớ cái trược do Thân, Tâm, Khẩu, Ý tạo nên, những hành vi trược, những lời nói trược, những tư tưởng trược không thể nào dùng nước nóng pha rượu tẩy đi được, hành giả phải nhứt tâm cương quyết dứt khoát khử trược bằng sự bền chí rắn gan khử trừ một khi niệam trược khởi mầm. Phải hằng giây hằng phút cẩn thận canh chừng dè dặt đón ngăn trước khi xảy ra sự việc.

Đến đây chúng ta tạm dừng sự định nghĩa hai chữ tu chứng và cách thức tu luyện Thân Tâm để đắc quả chứng đắc. Chúng ta sang qua định nghĩa chữ Chứng. Chứng là chứng minh, chứng thực một cách rõ ràng minh bạch, mắt phải thấy, tai phải được nghe rõ ràng chớ đừng nghe ai nói lại, thuật lại một cách mông lung tưởng tượng. Người đời tôn vinh Đức Thích Ca là Phật đã thành vì họ đã chứng minh được qua đời sống thánh thiện và giáo lý thâm diệu của Ngài truyền bá cụ thể giúp hành giả thoát được não phiền bằng những gương tốt đẹp thực tế.

Nên Ngài được THỂ TÔN, tức là thể gian tôn vinh chớ không phải Thiên tôn, sau khi Ngài bỏ xác.

Thật rất khó cho chúng ta mang nhục thể phàm phu nhận xét đích thực vị chơn tu nào đã tu chứng đắc Đạo, tuy nhiên Thánh giáo Cao Đài đã giúp chúng ta nhiều ý thức như đã trích lược ở đoạn trên.

Muốn được tu chứng đắc quả tại tiền, hành giả phải trải qua nhiều kiếp, ngay như Đức Thích Ca cũng vậy. Sự khắc kỷ tu tâm luyện tánh đòi hỏi hành giả phải chịu hy sinh, trải qua nhiều đời, nhiều kiếp chịu gian lao khổ thí, như chuyện Thất Chơn Nhơn Quả, nhắc lại cách tu khổ hạnh của người xưa thấy mà ngao ngán cho những hàng sơ cơ tu tập. Muốn được tu chứng đắc Đạo không phải dễ dàng gì, thật là thiên nan vạn nan. Ngoài đời muốn đồ đạt tạo nên sự nghiệp lớn lao còn phải trải qua bao nhiêu năm trường chịu đựng khổ cực gian lao, phải chịu hy sinh, học hỏi, kinh nghiệm thử thách, phải chịu vinh nhục thăng trầm. Muốn trở nên Thánh Tiên Phật còn khó khăn vô cùng. Đâu phải chỉ biết ăn chay trường, tụng kinh niệm Phật, in kinh bố thí giúp đỡ kẻ nghèo đói bệnh tật hay xây cất chùa tháp, nhà thương, trường học... mà được chứng quả Thánh Tiên Phật, như gương Lương Võ Đế có đắc thành quả vị chơn?

Cái khó khăn của người được tu chứng nhờ chỗ luyện nội tâm, làm chủ được Thân Tâm Khẩu Ý. Xin mời đọc và ngâm nghĩ một đoạn Thánh giáo của Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn giải thích về sự tu chứng:

“Thử kiểm điểm lại những vị chơn tu đắc Đạo, có phải dễ dàng như món đồ vật từ trong túi lấy ra đâu? Những vị ấy đã trải qua bao phen khắc kỷ để làm chủ bản tâm chơn tánh, điều

khiến mọi hoàn cảnh sự vật chung quanh, kiên tâm can đảm khắc phục mọi nỗi khó khăn, từ y phục, ẩm thực, cư trú, danh vị, sự nghiệp, tình cảm chật hẹp đến mọi nỗi lạc thú ở đời. Tuy thấy bên ngoài những vị ấy nét mặt trầm ngâm, thân hình đơn giản, một mảnh bô vải che thân, xem qua thiệt là giản dị. Sự thật ra nào ai có biết được bên trong nội tâm những vị đó hoạt động rất nhiều, tranh đấu rất gay go với mọi tư tưởng bên ngoài đưa đến, mọi sự khảo thí chung quanh rào đón. Khó có một điều là tâm vững trơ trơ như đá, như tròng, sự vật là sự vật, nội tâm là nội tâm, không vì sự vật mà làm cho lay chuyển nội tâm. Đó là một điều bí yếu thành công trong thời kỳ tạo Tiên tác Phật." ⁵

Làm sao chúng ta nhận xét được sự tu chứng đắc Đạo của một vị chơn tu? Nhờ đọc nhiều Thánh giáo Cao Đài, chúng ta có thể toát yếu những điểm sau:

1. Vị đó có cư trần mà bất nhiễm trần không, như sen mọc trong bùn nhơ mà không nhiễm hôi mùi bùn! Họ không để cho sự giàu sang phú quý, danh vọng địa vị, quyền cao chức lớn lung lạc xúi giục họ tham luyến vào. Thà họ an bản để vui với đạo, sống một đời sống đơn giản bình thường không khác ai, dầu ở trong chức trọng quyền cao, như Ngài tri phủ chủ quận Phú Quốc Ngô Văn Chiêu (xem lịch sử của Ngài): hằng ngày, vẫn lo tròn bổn phận làm quan lo lắng cho dân, vẫn lo tròn nhơn đạo bổn phận đối với gia đình vợ con đầy đủ, nhưng vẫn lo tu luyện hằng ngày không bỏ sót, không khoe khoang về đạo, kín ngoài rồi lại kín trong, không se sua chưng diện nên người ta không biết Ngài tu làm sao.

⁵ Ngọc Minh Đài, 01 tháng Chạp Bính Ngọ, 11-01-1967.

2. Tánh nét vị đó hiền hòa điềm đạm ung dung thư thái, lúc nào cũng trầm tĩnh, không hấp tấp bồn chồn vội vã. Cử chỉ tác phong đoan trang thuần hậu. Buồn giận ghét thương, phiền muộn không thấy phát lộ ra, gương mặt thân nhiên, tỏ ra họ đã hoàn toàn làm chủ và chế phục được nội tâm. Lời nói dịu dàng êm ái dễ thương, dễ cảm hóa tha nhân vào đường đạo đức. Lòng từ bi bác ái của vị đó phát hiện lên sắc diện, khi gặp người hoạn nạn đau khổ là mau mau tìm cách giúp đỡ cứu nguy ngay.

Đó là do kết quả của hành giả đã dày công tu luyện nhiều đời nhiều kiếp. Đức Phật Thích Ca xưa kia cũng phải trải qua con đường dày dạn kham khổ chịu đựng lắm nỗi gian nan khảo thí trui rèn.

Những vị nào đã hội đủ những hạnh đó kể như đã tu chứng đắc Đạo hiện tiền, có khác nào chư Thánh Tiên Phật đã thành, chớ không phải có nhiều phép lạ huyền bí đem phô diễn cho đời thấy mới gọi là tu chứng.

Chúng ta đem học tập đề tài “Tu Chứng” không phải để phán đoán hay phê bình những người tu hành, mà chỉ để nhìn thấy những gương hạnh sáng chói của những bậc chơn tu mà noi dấu bước theo và cũng để tự kiểm xét lấy như nhìn vào tấm gương soi hằng ngày hầu trau giồi tâm đức để được sớm trở về Cung Bạch Ngọc gần gũi cùng Thầy Mẹ và các Đấng Thiêng liêng.

Nói đến sự tu chứng trong lãnh vực công phu thiền định, nếu hành giả kiên trì hành pháp nhiều tháng, nhiều năm, thì sẽ nhận xét và thấy có những ấn chứng như sau:

1. Thân thể được khỏe mạnh, ít đau bệnh, sắc diện tươi nhuận, lâu già, da mặt hồng hào, tinh thần sáng khoái.

2. Tánh tình lần lần thay đổi, bốt nóng giận gây gỗ sân si, trí nhớ sáng suốt ít hay quên, có thể cho rằng nhờ thiền định siêng năng, kiên trì đầy đủ mà tâm được phát huệ.

Kiểm điểm một khóa tu thiền, Đức Thanh Hư Đạo Đức Chơn Quân có khuyên như sau:

"Lão mong ước trong số chư hiền đã thọ pháp cần tìm cho được sự ẩn chứng của sự thành công là bước đầu chỉ định tâm, định thân. Nhưng cái tâm định tức là Thần trụ. Mà Thần trụ sẽ có một ẩn chứng phát hiện, hoặc xua đuổi thất tình lục dục, hoặc tẩy trừ uế trước ở châu thân.(...)"

Nơi đây, Lão nhìn qua, đáng khen các hiền đệ cũng như thanh niên, nơi mình đường có vẻ rục rờ. Đó là ẩn chứng của các thời công phu đầy đủ và cũng khuyên những hiền đệ hiền muội nào chưa hành đúng, chưa tìm được ẩn chứng, rán bền công mà tìm sự kết quả, đừng nản lòng."⁶

Kết luận: Tu chứng làm sao nói được hết lời, hành giả phải tự chứng nghiệm lấy không khác nào cá lội nhờ trong nước mà vẫn không biết mình đang lội trong nước.■

⁶ Ngọc Minh Đài, 15-6 Mậu Thân, 10-7-1968.

TỌA THIÊN

Tọa thiên là gì? Là ngồi thiên, vì tọa là ngồi thuộc về thân. Ngồi lưng cho ngay thẳng, không cong cột xương sống, hai bàn chân tréo lên nhau như hoa sen (kiết dã) hay bán dã, đầu hơi nghiêng về phía trước, mắt nhắm lim dim hướng dưới rún, hai cánh tay ép hai bên hông, hai bàn tay gác lên nhau, miệng răng đóng khít lại, lưỡi cong lên đụng ổ gà (nóc đong). Còn thiên thuộc về tâm linh có nghĩa là đừng cho trí não lo nghĩ tính toán, suy tư gì hết, giữ tâm cho được yên lặng để trực nhận bản thể chơn tâm của chính mình, để tìm thấy cái Chân Ngã, cái Chơn như bản tánh, cái Bỏ lại diện mục mà nhà Phật gọi là Phật Tánh và Cao Đài gọi là Thiên Tánh.

Tọa thiên đã có trước Phật Thích Ca, nhưng bắt đầu phát triển từ khi Đức Thích Ca tọa thiên tại cội bồ đề và đã giác ngộ, đắc quả chánh đẳng chánh giác và được truyền đến Tổ thứ 28 là Bồ Đề Đạt Ma, sang Trung Hoa truyền cho đến đời Lục tổ Huệ Năng. Thiên được sang Tây Tạng, Nhật Bản, Việt Nam và ngày nay được người Âu Mỹ ngưỡng mộ và thực hành rất nhiều.

Tọa thiên không phải là ý niệm, là lý thuyết suông, phải có thực hành mới nhận thức được hiệu quả, mới thấy thân thể được khỏe mạnh, ít đau bệnh và tâm thần giải thoát được mọi bực bội, không hay giận dữ, phiền não, âu lo, tánh tình càng ngày càng bớt nóng nảy và trở nên hiền hòa, điềm đạm hơn trước. Tọa thiên là từ bỏ cái ta, cái bản ngã, là quên mình để hòa hợp tinh thần với vũ trụ, Thiên không Đại Ngã.

Nói tóm lại, tọa thiền là đổi mới tinh thần, là tái sinh, là khám phá ra được một đời sống giải thoát. Tọa thiền không phải là hành xác khổ hạnh, mà là cửa ngõ vào hạnh phúc, an lạc và tự do vĩnh viễn. Có hành thiền thâm sâu, mê thích như người ghiền, bỏ mất một thời là như thiếu ăn, thiếu thở, mất mát đi, nên thiền sinh cần bồi bổ trở lại. Sự hô hấp điều hòa, hơi thở ra vào, cần phải được người hướng dẫn chỉ dạy mới nhận thức được kết quả tốt đẹp vừa kể.

Thiền là ăn cái bánh thực chứ không ăn cái bánh vẽ trên giấy. Thiền sinh theo Cao Đài giáo phải thọ trai ít lắm là 10 ngày đổ lên mới được hướng dẫn phép luyện thân khí và phải trường trai tuyệt dục nếu muốn bước lên Thiên đạo Đại thừa cầu tu giải thoát, rất khổ hạnh, phải giữ gìn giới luật nghiêm khắc, phải chịu khảo thí thử thách mọi cách rất khổ sở gian lao. Muốn tránh bớt phần khảo đảo thiền sinh cần bồi công lập đức để xây nền móng vững vàng.

Đức Đông Phương Lão Tổ có dạy về đạo pháp như sau:

*“Biết hô hấp còn hơn dụng thuốc,
Vận khí công là nước ma ha;
Nhân thân ít bệnh lâu già,
Xác thân tươi nhuận tịnh da hồng hào.”*

Điều này chúng ta có thể nhận xét khi gặp và bắt tay các vị chức sắc đã trường trai, hy thân hành đạo nơi các chùa thất: bàn tay thì lạnh lẽo, da mặt xanh mét mặc dầu đôi mắt rất tinh anh, vì không được Hội Thánh cho phép tu thiền, mặc dầu theo Tân luật chương 11, điều 13 đã có nói về Tịnh thất, từ bực Hạ thừa.

Người năng tọa thiền, dương thần sưởi ấm nội thân luôn luôn. Khí Tiên thiên (khí hư vô) hô hấp vào sẽ tẩy trừ khí trực

ra khỏi cơ thể, nên ít bệnh hoạn ốm đau, và lúc nào cũng có mùa Xuân nơi mình.

Thiền là một triết lý sâu sắc mà chúng ta không thể thấu triệt tinh hoa bằng lý trí. Thiền không thể dùng ngôn ngữ diễn đạt được hết lý nghĩa. Thiền là vô niệm, chơn không, vô cầu, vô cầu. Muốn nhận thức triết lý này, cần phải chính mình thực nghiệm lấy, phải năng tọa thiền. Thân phải ngồi vững vàng, lưng thẳng, mắt nhìn vào tâm nội, giữ cho thân được an tĩnh, hô hấp khoan thai, điều hòa tự nhiên, tâm lặng lẽ trống không để hòa đồng với khí thiên nhiên của vũ trụ. Khi đó thiền trở thành một động lực hướng dẫn thân tâm, một lối dưỡng sinh khỏi tốn tiền mua thuốc và một nghệ thuật sống vui, sống khỏe, sống lành mạnh.

Tọa thiền không phải tự bắt buộc khổ thân hành xác mà phải tự do, thoải mái, giải thoát mọi phiền não ràng buộc vương vấn. Thiền cần thiết như cơm ăn, hơi thở, nước uống, thiền phải như ghiền, phải thích thú thì mới thấu triệt mùi vị của thiền đạo, mới thấu triệt chỗ nhiệm mầu của đạo pháp.

Người Nhật Bản coi trọng vấn đề tọa thiền gọi là “ZaZen” và phát triển rất sâu rộng trên toàn quốc, như một Đạo giáo (Thiền đạo).

Ở phòng thí nghiệm tâm thần của trường đại học Kyoto (Nhật Bản) tất cả các giáo sư đều nhứt trí về những điểm kết quả như sau:

- Tọa thiền làm tăng đà sống, và có thể trị bệnh, làm hết mệt mỏi suy nhược.

- Tọa thiền có thể làm dịu thần kinh trong những chứng suy nhược thần kinh và các bệnh thần kinh khác.

- Tọa thiền có thể cải đổi tâm linh và chữa chứng tâm thần bất ổn.

- Tọa thiền có thể phát triển và tăng cường ý chí, tạo năng lực và củng cố tinh thần.

- Tọa thiền có thể giúp người ta đạt được trí huệ tối thượng và có khả năng sáng tạo.

- Tọa thiền có thể điều hòa và hoàn thiện nhân cách mỗi người.

Ngoài ra, còn ba điểm quan trọng hơn là:

- Tọa thiền chứng ngộ sẽ có một thế giới quan siêu tuyệt và một triết lý sống cao cả.

- Tọa thiền tạo nền móng vững chắc nhất cho cuộc sống, đem lại sự yên tĩnh sâu xa, ổn định tâm trí và thanh thản hồn nhiên.

- Tọa thiền khơi dậy lòng “từ bi hỉ xả” đối với chúng sanh và mở lối đi vào cõi Phật.

(Trích Le Vrai Den của Taisen Dishimaru)

THƯỜNG XUÂN VỚI ĐẠO PHÁP

Đức Đông Phương Lão Tổ có dạy như dĩa Xuân sang:

"Sứ mạng cao cả được đặt định cho loài thượng đẳng chúng sinh ở cõi này là sứ mạng vì nhân được thay Trời mà quản cai muôn vật trong luật tắc sinh hóa, và có đủ quyền năng tự giải thoát để tiến hóa.

Quyền năng ấy con người phải biết thật dụng từ căn nguyên bốn giác của chính mình, vận hành được bộ máy tạo hóa của chính mình, thì dầu ở trong luật tắc sanh hóa mà không bị hóa sanh. (...)

Người giác ngộ, bậc Thiên ân hướng đạo đang trở bước trên đường Đại Đạo, muốn thường Xuân phải biết ý Xuân. Xuân là Đạo, là tâm, Xuân cũng là luật tắc vận hành từ chỗ xuất sanh (chỗ khởi nguyên) đến khi phản bốn (hườn nguyên)."⁷

Muốn hiểu rõ câu "thì dầu ở trong luật tắc sanh hóa mà không bị hóa sanh, tịnh viên nên ôn lại lời dạy của Đức Lão Tổ trong một khóa tịnh:

*"Con người có gốc Thiên chân,
Đủ quyền Tạo Hóa pháp luân vững cầm.
Dụng linh quang tựu vị dương thân,
Dương Thân sưởi ấm nội thân,
Lúc nào cũng có mùa xuân nơi mình.
Phép phản bốn nghịch hành là thế,*

⁷ CQPTGLĐĐ, 01-01 Quý Hợi, 13-01-1983

*Thoát ra ngoài công lệ tiết thời,
Thong dong tự tại thành thời,
Ở trong sanh tử vượt ngoài tử sanh.”*

Ngài bảo: “*Lúc nào con người cũng có mùa Xuân nơi mình*” và muốn thường thức được mùa Xuân, chúng ta phải công phu, pháp luân thường chuyển, tức là phải chuyển luân vận hành hô hấp thường xuyên, không nên chênh mảng thiếu sót trong bốn thời Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu giao điểm của bốn tiết Xuân Hạ Thu Đông của mỗi ngày như bốn mùa của mỗi năm.

Công phu siêng năng như pháp luân thường chuyển, dương khí châu lưu trong cơ thể để khử trực lưu thanh, có khả năng trừ được bá bệnh ngoài ra còn tự vị được dương thần để sưởi ấm nội thân, chế phục được âm tà trực khí.

Khi ta công phu với tâm thanh tịnh không còn một niệm trần, thì ta tiếp nhận được khí Hư Vô của Thầy Thượng Đế, là bài thuốc trường sanh. Công phu pháp luân thường chuyển cũng là phép nghịch hành phản bổn (qui căn phục mạng) là một phương pháp dưỡng sinh khoa học thực tiễn không dị đoan mê tín, không cho người tu ăn bánh vẽ không được no lòng, nếu thực hành cần mẫn siêng năng rốt ráo với chánh tín, chánh tâm, thì nhận được kết quả thực tế hiện tiền. Vì vậy, Đức Lão Tổ nói pháp phản bổn nghịch hành là thế. Đúng như vậy, chư tịnh viên không phủ nhận hiệu lực của đạo pháp, càng hành thâm chuyên nhất, càng thấy mình thoát được ra ngoài công lệ, quy luật của thời tiết phong vũ nắng mưa gió rét không ảnh hưởng đến sức khỏe con người tu luyện. Con người sẽ được thành thời thong dong tự tại, lúc nào cũng có mùa xuân nơi mình, hà tất phải chờ đợi mùa xuân của thời tiết.

Có phải chăng ta ở trong luật sanh tử mà ta vượt khỏi vòng tử sanh chăng? Và câu của Đức Lão Tử dạy ta: *"vận hành được bộ máy tạo hóa của chính mình, thì dầu ở trong luật tắc sanh hóa mà không bị hóa sanh"* không sai chạy chút nào. Điều cốt yếu là hành giả có đủ đức tin hay không? Có tin nơi chánh pháp của Thầy truyền, có tin nơi Đức Tôn Sư, nơi bạn lữ chân thành của mình hay không? Hỏi tức trả lời. ■

THỂ NÀO LÀ NỘI TU VÀ NGOẠI TU

Tham chiếu Thánh giáo của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ngày 10-3-1984 dạy về năm ví dụ tu thân và hành đạo, chúng tôi xin triển khai ví dụ thứ ba để chúng ta thực hành hầu không phụ lòng dạy dỗ dắt dìu của Đức Tôn Sư, ấy là vấn đề:

Nội tu và Ngoại tu

Giải nghĩa đơn giản: nội tu là tu bên trong tâm nội, thuộc vô vi còn ngoại tu là tu bề ngoài, thể hiện qua tác phong đạo hạnh, hình thức sắc diện cử chỉ bên ngoài. Kinh nghiệm cho thấy là những ai có kiên trì công phu rèn luyện nội tâm lâu năm thì ngoại thể sẽ phát lộ thuần thành đạo đức xuyên qua lời nói, sắc mặt cử chỉ và hành động. Thế nên Đức Lý Giáo Tông có dạy nội tâm tu tiến để ngoại thể thuần thành và Đức Tôn Sư Đông Phương Lão Tổ trong bài khẩu quyết ban ơn cho chư tịnh viên các cấp (Thánh giáo ngày 05-7-1981) cũng đã xác nhận:

*“Diệt bên trong, bên ngoài mới dít,
Lập chơn tâm tình thức qui hàng;
Chủ nhân chánh tọa nghiêm trang,
Nội tâm, ngoại thể tinh toàn biết bao.”⁸*

Nhị vị Tôn sư đều thiết tha khuyên dạy nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý cần phải nội tu, tức là cần thiết phải chăm lo không hề xao lãng việc tu tâm luyện tánh, luyện kỹ cho thuần thành đạo đức, diệt bên trong tức là chế ngự bảy tình sáu dục

⁸ Cũng là nội thánh ngoại vương.

đừng cho chúng nó xúi giục nội tâm ta làm những điều xằng bậy tội lỗi. Muốn được vậy chúng ta cần tâm niệm bốn câu này của Đức Lão Tử để trừng tâm:

*“Tâm đừng để giận hờn bực bội,
Tâm đừng lo gian dối riêng tây;
Tâm mình là điện thờ Thầy,
Giữ cho thanh bạch hằng ngày kính tin.”*

Nếu chúng ta tâm niệm luôn luôn tâm mình là điện thờ Thầy, thì chúng ta không dám để tâm suy nghĩ những điều vay tà của thế tục, đâu có dám vọng niệm điều tham dục, danh lợi tài sắc.

Khi mà chúng ta diệt được bên trong, vọng thức đã hàng phục được thì chúng ta cảm nhận ngay đã thoát trần một cách thanh thản.

*“Bảy tình sáu dục lặng yên,
Tâm hồn tươi sáng là Tiên siêu phàm.”*

Chúng ta sẽ là Tiên tại tiền ngay lúc đó, các Đấng Thiêng Liêng cũng đã từng xác nhận không khác: Tiên Phật cũng thế thôi!

Làm sao nhận diện được nội tâm đã tu tiến bộ, hay nói rõ hơn nội tâm đã tu chứng? Chúng ta hãy quan sát tác phong đạo hạnh của hành giả thể hiện bên ngoài qua cách đi đứng nằm ngồi, cử chỉ, điệu bộ thanh nhã, đoan trang, điềm đạm, không cười vui lộ lẳng, không buồn bã bực bội, lời nói dịu dàng, êm ái, dễ cảm, dễ thương. Khi tâm có bình định được rồi thì hạnh kiểm nét na của hành giả phát hiện, biểu lộ ra ngoài nét mặt, cử

chỉ thuần thành, đạo tâm chánh trực. Cho nên Ôn Trên bảo rằng tâm bình hạnh trực là vậy.

Đức Lục Tổ Huệ Năng dạy cao hơn:

“Tâm bình hà lao trì giới,
Hạnh trực hà dụng tu thiền.”

Hiểu đại khái: khi hành giả (thiền sinh) đã qui phục, chế ngự được tình thức rồi, chủ nhơn ông làm chủ được bảy tình sáu dục thì nội tâm sẽ được bình lặng, thanh tịnh như trở lại như tâm xưa của xích tử (đứa trẻ mới sanh), nhận thấy bản lai diện mục của mình, chừng đó hành giả hà tất phải lao tâm khổ trí để trì giới cho nhọc nhằn, loạn nội tâm đã được bình định rồi còn đâu mà trì mà bình nữa? Nên thiền định không cần thiết nữa. Tâm hạnh đã thuần thành chánh trực quang minh thanh tịnh sẽ dễ dàng huyền đồng cùng Hư Vô Chi Khí, tức là huờn hư để hiệp nhưt cùng Thầy Thượng Đế, vì Thầy có dạy trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển: “*Thầy là Hư Vô Chi Khí, không có Hư Vô Chi Khí thì không có Thầy*”.

Đức Lục Tổ Huệ Năng cũng thú nhận sự chứng ngộ của Ngài qua câu trong Kinh Kim Cang: “*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*”. Hiểu đại khái như vậy: Đừng trụ cái tâm vào sắc thanh hương vị xúc pháp (lục trần), đừng trụ cái tâm vào nơi nào khác hơn là tâm thanh tịnh vốn nhưt như, vô sai biệt, vô phân biệt.

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn cũng đã từng dạy chư tịnh viên: điều cốt yếu của sự thiền định là tịnh viên phải giữ cái tâm của mình cho được thanh tịnh vì thiền lấy sự thanh tịnh làm tông chỉ.

Là tịnh viên, chúng ta cần cẩn trọng tuân lời dạy trên để đạt được kết quả tốt đẹp cho sự tu thiền của mình.

Phương pháp luyện nội tâm, các Đấng từ ngàn xưa đã kinh nghiệm có kết quả tốt và truyền lại không ngoài việc phản tỉnh nội cầu, hồi quang phản chiếu tức là tọa thiền, hiệp ánh sáng của đôi mắt lại chiếu rọi thẳng vào nội tâm mà nhà Phật gọi là minh tâm kiến tánh (rọi sáng lòng để thấy tánh) sẽ thấy Như Lai tức là Chơn Tâm, Thiên Tánh theo Lão hay Cao Đài.

Trong lúc tọa thiền hồi quang phản chiếu hướng vào nội tâm, chúng ta hành chánh niệm bằng tâm niệm để noi theo đoạn Thánh huấn của Đức Đông Phương Lão Tổ:

“Trừ cho hết thói hư tật xấu,
 Trừ cho xong hủ lậu phạm phu;
 Thoát ra bốn vách trần tù,
 Tham, sân, si, dục, mị mù bốn bên.
 Trừ cho được cái tên ảo vọng,
 Trừ cho xong mằm móng lợi quyền;
 Căn trần kết tập vô biên,
 Thấy, làm, nghe, nói, đảo điên rần trừ.
 Trừ ích kỷ riêng tư tính toán,
 Trừ mưu đồ độc đoán độc tôn;
 Cái mâm vị kỷ bảo tồn,
 Có nhân có quả dập dồn nào sai.
 Diệt bên trong, bên ngoài mới dứt,
 Lập chơn tâm tình thức qui hàng;
 Chủ nhân chánh tọa nghiêm trang,
 Nội tâm ngoại thể tinh toàn biết bao.”⁹

⁹ CQPTGLĐĐ, 04-6 Tân Dậu, 05-7-1981.

Chúng ta để ý “diệt bên trong” tức là nội tu, “bên ngoài mới dứt” là ngoại tu, thể hiện bên ngoài do hệ quả của nội tu, chừng đó thì “nội tâm, ngoại thể” sẽ được tinh toàn tốt đẹp biết bao.

Để kết luận, việc tu luyện nội tâm đối với người Thiên ân sứ mạng ở Cơ Quan là rất cần thiết cho việc phổ truyền giáo lý Đại Đạo, nên hai năm liền 1981 và 1982, nhị vị Tôn Sư Lý Đại Tiên Trưởng và Đông Phương Lão Tổ mới ân cần dạy dỗ, nhắc nhở nhủ khuyên cần kẽ để cho chúng ta trở nên người hướng đạo thuần thành đạo đức làm gương mẫu cho toàn Đạo.

Đến năm nay 2001, hai mươi năm đã trôi qua, chúng ta cần vô tư tự kiểm soát kiểm điểm lại nội tâm để nhận định coi tập thể Cơ Quan của chúng ta có tiến bộ theo khoảng thời gian đi qua đó chăng? Có kính trên nhường dưới, khoan dung cởi mở tha thứ cho nhau chưa? Chúng ta nên xét nét nghiên ngẫm từ câu từ chữ để sửa mình hầu trở nên hàng thánh thiện, xứng đáng là bực Thiên ân, không phụ lòng nhị vị Tôn Sư, nhứt là lời khuyên cáo của Đức Lý Giáo Tông để kiểm điểm nội bộ Cơ Quan xem chúng ta có chia nhóm, chia phe, có phạm giới cấm, có bỏ qui điều- tức Ngũ Giới Cấm, Tứ Đại Điều Qui và Thánh Dự Qui Điều hay không; để không phụ công lao khổ chất chịu dạy dỗ dắt dìu trên ba mươi năm dài của nhị vị Tôn Sư và không lỗi đạo với Thầy, với sự hứa nguyện khi thành kính làm lễ bái mạng trước bửu điện trước khi lãnh nhiệm vụ.

Mong sao chúng ta cùng nhau nhip nhàng đồng tiến nội tu, ngoại tu, nâng đỡ nhau trong tình huynh đệ và tình thương Vô Cực của Thầy Mẹ cho đẹp lòng Ôn Trên và làm gương sáng cho Đạo nhà. ■

XUÂN TÂM, XUÂN ĐẠO PHÁP

Trong Thánh giáo Cao Đài, các Đấng Thiêng Liêng thường khuyên chư môn sanh nên tìm hưởng cái Xuân tâm hơn là cái Xuân cảnh vì Xuân cảnh thuộc về hữu hình, cái mát dịu của tiết Xuân, cái vẻ đẹp muôn màu thắm tươi của cây cỏ, lá hoa đua nhau khoe vẻ đẹp xinh, nhưng chỉ đem lại cho con người một mùa Xuân hữu hạn. Sau tiết Xuân thì những nét xinh tươi đẹp đẽ của hoa lá phải tàn rụi cũng như khí hậu mát dịu cũng bị chuyển sang mùa Hạ với nóng bức bực bội.

Thế nên, Ôn Trên khuyên chúng ta nên tìm hưởng cho được cái Xuân tâm, đó mới là mùa xuân trường tồn vĩnh cửu thiên niên bất hoại, bất tiêu bất tán.

Vậy làm sao có được cái Xuân tâm quý báu ấy?

Trước hết, người tu phải tự giác, phải nhận thức được cái chơn giả, hư thiệt của cuộc đời vật chất hữu hình phù phiếm mà mùa Xuân mát dịu xinh tươi phải bị thay đổi xóa bỏ bởi mùa hạ nắng chan khó chịu. Sự hưởng thụ của thể xác nào có được lâu bền, bị giới hạn nào ai có thể cưỡng lại được? Biết được cái phù phiếm hào nhoáng, tội gì ta phải vọng cầu đeo đuổi, bám víu vô ích cho cực thân nhọc trí! Hành giả phải giữ sao cho tâm mình được bình thản, an nhiên, không cầu mong, không dục vọng, không đắm mê để khỏi bị thất vọng nào nề chua xót khi ước nguyện không thành vì không đủ phương tiện để đua đòi mua sắm loè loẹt cái Tết đời như mọi người, để không tủi thân vì thua kém người. Người chơn tu không thích se súa đua đòi mua sắm, giành giật tranh chấp cao thấp, nghèo giàu sang hèn nên họ không bận tâm xao xuyên và giữ được bình thường tâm nên

tâm được thanh tịnh. Hành giả sẽ nhận được sự thoải mái của thân tâm trong thiên nhiên giữa mấy ngày Xuân rộn rịp của thế nhân. Hành giả vẫn cứ thưởng Xuân cảnh, nhìn xem cảnh thiên nhiên, ngắm hoa tươi đua sắc thắm muôn màu của cảnh vật mà Tạo Hóa đã sẵn dành khi tiết Xuân sang cho mọi người. Hưởng được cái Xuân tâm này, hành giả không tốn tiền mua sắm, không chạy vay mượn trả góp vốn lời sau mùa Xuân mệt mỏi. Ta hãy nhấp chén trà sen, dùng bánh mứt trái cây mua sắm tùy theo hoàn cảnh gia đình, vui vẻ cởi mở hàn huyên với thân quyến trong tình thân mật, đó là một hạnh phúc không tốn kém, không vất vả ngược xuôi. Đó là cái Xuân tâm hay Xuân Đạo đem lại cho tâm hồn một sự bình thản an nhiên thanh thoát không vướng mắc ràng buộc bởi ngoại cảnh chi phối tâm tư hành giả. Hành giả thấy lúc nào cũng có mùa Xuân nơi mình trong khi công phu hành pháp hô hấp dương khí vào người. Theo Cao Đài, dương khí đây là Tiên Thiên hạo nhiên chi khí hay Hư Vô Chi Khí, là khí tạo ra chúa tể càn khôn vạn loại. Đức Chí Tôn Thượng Đế đã bảo rằng Hư Vô Chi Khí là Thầy, không có Hư Vô Chi Khí là không có Thầy (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Thánh giáo Cơ Quan).

Muốn hòa hiệp cùng Thầy thì phải tu luyện cách nào cho thu liễm được Hư Vô Chi Khí, vừa bảo vệ được mạng sống khỏe mạnh, vừa tiếp xúc thường xuyên với Thầy Thượng Đế để thọ thiên điển soi sáng tâm linh mãi tuệ, lại có tác dụng đẩy lui tà khí. Đức Lão Tổ có dạy:

*“Khi Khí ấy trở thành chánh khí,
 Khiến cho loài tà mị lánh xa;
 Bây giờ Ta mới thật Ta,
 Cao Đài nội tại Ta là chủ ông...”*

Đây là chỗ mà Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn bảo là xây cất Ngôi Cao Đài nội tại huyền nhiệm vĩnh cửu để ở yên tu luyện và Ngài còn dạy thêm: “*Chư đệ muội muốn xây cất tòa Cao Đài huyền nhiệm vĩnh cửu thì phải triệt thoái những ý thức sai biệt, yêu ghét, thân thù, phiền não, kinh cụ để Thần được linh hoạt mà đem Khí thể tiên thiên, tinh hoa lưỡng cực xây đắp nên ngôi Cao Đài nội tại của chư đệ muội.*”¹⁰, tức là đầy đủ Tam bửu là Tinh, Khí, Thần.

Nếu tâm ta luyện được giải thoát như thế thì ta đạt được cái Xuân tâm vĩnh cửu để hưởng thụ miên viễn, hà tất phải đợi chờ tiết Xuân đến. Khi ta thu liễm được Tiên Thiên Khí (Hư Vô Chi Khí) ta tựu vị được Dương Thần thì theo lời dạy của Đức Đông Phương Lão Tổ: “*Lúc nào cũng có mùa Xuân nơi mình*”. Chính đó là Xuân tâm mà người chơn tu cầu được, thay vì Xuân cảnh. Lúc ngộ được chỗ bí yếu đó, ta mới thấy được đạo pháp huyền nhiệm quý giá vô cùng mà ham tu, mê luyện, không biếng lười giải đãi.

“*Đã biết rằng Xuân là âm áp đẹp đẽ hy vọng canh tân, nhưng nếu chỉ có Xuân thì Xuân cũng không thấy quý. Sở dĩ thấy quý vì có Hạ, có Thu, có Đông. Vì Hạ là diệu năng của Xuân, Xuân sanh thì Hạ trưởng. Thu là tiềm năng của Xuân. Có sanh, có trưởng phải có thâu kết. Đông là đức tiềm phục của Xuân để tiếp tục phát sanh. Như vậy có mùa nào mà không có Xuân.*”¹¹

¹⁰ CQPTGLĐĐ, 29-3 Mậu Ngọ, 05-5-1978.

¹¹ Đức Đông Phương Lão Tổ, 01-01 Quý Hợi, 13-01-1983.

THÀNH TIÊN TẠI TRẦN

Tiên ở cõi trần là hàng Chơn Nhơn theo Lão Trang, hay cũng là bực chí nhân quân tử theo Nho giáo.

Môn sanh Cao Đài có nhiều vị tu đắc quả Chơn Nhơn, chúng ta có thể tìm đọc quyển "Đại Thừa Chơn Giáo", bản in song ngữ Pháp Việt năm 1950, mục ấn chứng thiêng liêng để hiểu rõ hơn kết quả của công phu tu luyện của hàng chơn tu.

Tạm giải nghĩa hai chữ Chơn Nhơn. Chơn là chơn thật, chơn thiệt; nghịch nghĩa với giả là giả mạo, dối trá (không đúng chánh pháp chơn truyền). Chữ Chơn, được đức Linh Bửu Thiên Tôn giải rộng ra trong quyển Đại Thừa Chơn Giáo là chơn lý của Trời ban ra hay cũng có nghĩa là chơn truyền,¹² truyền cái cơ Đạo bằng cách chơn thật rõ ràng, không ẩn núp cao xa sâu kín. Nhưng ở đây Chơn Nhơn có nghĩa về con người, con người thiệt, con người có nguồn gốc Thiên chân sáng ngời xuất phát từ Đại Linh Quang của Thượng Đế, là nguyên nhơn chớ không phải hóa nhơn tiến hóa từ thảo mộc, thú cầm lên làm người. Chơn Nhơn theo Lão Trang là bực chí nhơn, chí thánh, bực xuất chúng hơn hẳn con người thường phạm tục (phàm nhơn).

Có thể gọi tóm tắt Chơn Nhơn là Tiên tử, còn phàm nhơn là tục tử.

¹² Đây cũng là nghĩa lý của đạo pháp thuần chơn, là chánh pháp chơn truyền của chính Đức Cao Đài Thượng Đế truyền lại cho vị môn đồ đầu tiên là Ngô Minh Chiêu.

Chơn Nhơn là danh từ mà Trang Tử dùng để cụ thể hóa người đã đắc Đạo, và sống theo Đạo, tức là con người đã giải thoát (Trang Tử tinh hoa, Nguyễn Duy Cần).

Thế nào là bực Chơn Nhơn? Là những hạng người đã thực hiện được hạnh tứ vô của Tiên gia, là bốn cái Vô (không): Vô kỹ, vô công, vô danh và vô vi.

Vô kỹ tức là vô ngã, là diệt được cái bản ngã, cái tư ngã, cái phạm ngã của mình, không còn thấy có ta có người, không còn phân biệt ngã nhơn nữa, vì họ đã huyền đồng cùng tạo vật, họ đã dứt được tư tâm, tư dục. Phạm tâm của họ đã chết nên Thánh tâm của họ phát hiện. Một ví dụ như khi họ đi chẵn tể cho nạn nhơn thiên tai bão lụt, người bệnh tật, họ không để lộ tông tích họ là ai hay địa vị xã hội của họ, cốt yếu giải khổ cho tha nhơn vì lòng trắc ẩn thương người.

Vô công nghĩa là không kể công, không kể ơn, khoa trương quảng cáo việc làm nhơn đạo của mình, họ không muốn ai khen thưởng, họ chỉ lo làm xong nhiệm vụ rồi rút êm trong âm thầm, không thụ hưởng, không nhận ân huệ nào.

Vô danh: Hễ đã vô kỹ, không còn nghĩ đến cái ta nữa thì đâu còn thích ham danh vọng, họ không muốn lưu lại tên tuổi dấu vết cho ai biết mình nữa.

Vô vi là không phải không làm, mà vẫn phải làm những điều ích lợi cho đời một cách âm thầm, không tiếng tăm, không lộ liễu, không phô trương âm ỉ, không để ai biết mình chủ sử hành động, như đoàn chim bay ngang qua mặt nước hồ thu gọn sóng rồi im lặng như tờ; như đoàn người đi qua một tấm kiếng to mà không để lại bóng dáng hình hài. Kìa xem mặt trời chiếu sáng

ban ngày, mặt trăng chói rọi ban đêm, bốn mùa tám tiết được điều hòa nào ai thấy được người chủ sử.

Đó là "vô vi nhi vô bất vi" là không làm, nhưng không phải không làm gì hết. Bậc Chơn Nhơn không để tâm vọng động xao xuyên trước những biến cố bất thường, những điều hưng vong thành bại, nên hư trong đời không làm họ lay chuyển tâm tư cho đến việc sống chết.

Thiên Đại Tôn Sư Nam Hoa Kinh, Trang Tử có viết: *"Vũ trụ cho ta cái hình hài, cho ta sống để ta đau khổ, cho ta già để ta an nhàn, cho ta chết để ta nghỉ ngơi. Vậy coi sống là cái phúc thì cũng phải coi cái chết là cái phúc."*

Cũng trong Thiên Đại Tôn Sư, Trang Tử viết: *"Bậc Chơn Nhơn ngày xưa, không ưa sống, không ghét chết, lúc ra đi không hăm hở, lúc trở về không do dự, thản nhiên mà đi, không quên lúc khởi đầu, không cầu lúc sau chót. Nhận lãnh thì vui với đó, mà quên đi khi phải trở về. Nhờ được thế mà lòng họ luôn luôn vững vàng, cử chỉ điềm đạm, gương mặt luôn luôn bình thản..."*

Sự điềm đạm của họ chí cực, mắt không tiếc, được không mừng, gặp nạn lớn mà không biết kinh sợ, đó là cái Dũng của bậc Thánh Nhơn vì biết cùng thông là mạng, là Thời.

Bậc Chơn Nhơn sống thanh thoi tự tại (Trang Tử Thiên Tiêu dao du). Muốn sống trọn tuổi đời thì phải biết phép dưỡng sinh mà phép dưỡng sinh là thuận lẽ Trời (thuận Thiên).

"Chơn Nhơn thời cổ có vẻ uy nghi mà không kiêu căng, khiêm tốn mà độc lập, nhân cách khác người mà không cố chấp, chí khí hơn người mà lòng thì hư tĩnh, không thích khoe khoang,

lâng lâng thanh thoát, hân hoan, cử chỉ, nét mặt hiền hòa nên ai cũng muốn được thân cận, khoan dung đại độ nên ai cũng muốn qui phục, thích sống tự do nên không ai áp chế được; trầm mặc như đứng sau một cửa đóng; vô tâm với thế sự như một người quên hết ngôn ngữ, chỉ hành động xử sự khi bất đắc dĩ, coi đạo đức là thuận Thiên tính nên dễ dàng đạt mục đích...."

Hạng Chơn Nhơn còn thích sống gần thiên nhiên, ăn những thức ăn thiên nhiên, không làm trái thiên nhiên, sống thuận theo thiên nhiên, không cách vật cầu kỳ, sống an nhàn tự tại, thung dung tiêu sái, không bận bả danh lợi thế sự nhơn tình, không để cho buồn rầu lo nghĩ, giận ghét xâm chiếm tâm hồn làm thương tổn tánh tình, như vậy mới thành thời tiêu điều được. Không riêng gì môn đồ Lão, Trang, ngay môn đồ Khổng Mạnh thời sau cũng tâm đắc.

Như thế hàng Chơn Nhơn này của Lão Trang không khác hàng quân tử hay Thánh Nhân của Khổng Giáo là bao. Đức Cao Đài Thượng Đế trong quyển Đại Thừa Chơn Giáo, cũng dạy môn sanh thực hành cái Đạo của người quân tử mà đừng theo đũa tiểu nhơn (đàn ngày 02-9 Bính Tý, 16-10-1936) một cách đầy đủ rõ ràng, người tu Đại Đạo nên thực hành nghiêm chỉnh thì không lo gì không đắc Đạo được về hội nhập cùng Thầy Thượng Đế. Đức Chí Tôn dạy:

"Trong đời, nhơn loại thường chia ra hai hạng: Quân tử với Tiểu nhơn. Vậy các con nên theo gương quân tử mà chẳng nên học thói tiểu nhơn.

Quân tử là gì? Tiểu nhơn là gì?

Quân tử là một người đức tài xuất chúng, phẩm hạnh nhân cách hoàn toàn, tánh tình cao thượng. Người quân tử bao giờ

cũng ung dung thư thái, ưa làm sự phải điều hay, thuận thiên lý lưu hành, đem chơn Đạo mà khuyên đời tòng lương cải ác. Tấm lòng bao giờ cũng quảng đại, vô vi thanh tịnh, không phóng túng bôn chôn mà để lòng dục khiến sai uốn bẻ đến phải bước lầm vào nẻo quấy. Mỗi việc đều xét suy đáo để, tính trước lo xa, thương người ích chúng, ham nghĩa ưa nhân, chuộng trung mền chánh. Bao giờ cũng vẫn tùy thời quyền biến mà giữ cho được hai chữ "trung dung" chớ không thái quá, không bất cập. Dầu gặp cảnh ngộ nào thì tâm chí cũng cứ an vui, không để thất tình loạn động, vì người quân tử là thực vô cầu báo, cư bất cầu an, kia mà !

Cái đức của người quân tử thường như nước vậy. Nghĩa là châu lưu khắp chảy tứ phương, gặp tròn, gặp méo, gặp dài, gặp vuông, nước cũng chiều theo được hết. Lại nước cứ từ cao chảy xuôi xuống thấp, nên người quân tử luống chịu hạ mình cho vừa lòng tất cả nhơn sanh. Tuy nước cứ tìm chỗ thấp, cứ chiều theo khuôn, cứ mềm với chúng, mà đến chừng ai muốn cho nó tiêu mòn sứt mẻ là chẳng làm sao hề hấn đến được lấy chút mây may gì nó bao giờ! Người quân tử theo đời mà chẳng nhiễm đời, chiều người mà chẳng bợ người, tùy tục mà không đắm tục, cứ giữ tánh tình thanh bạch, tâm chí cao siêu, dầu ai dâm cũng chẳng phai, ai giũa cũng chẳng mòn, nên bả lợi danh, mỗi chung đỉnh có bao giờ trêu nhử được !

Còn đưa tiểu nhơn lại bỏ nghĩa theo lợi, lấy vạy cầu danh, tâm tà tánh độc, nét kiêu chí hèn. Nói tắt một lời là mỗi mỗi đều trái hẳn với người quân tử như trắng với đen, như Trời với vực.

Tuy nhiên, người quân tử càng trốn cái danh mà danh càng rạng tỏ, càng chiều với thế mà thế vẫn tôn sùng, còn đưa tiểu

*nhơn lại càng chuộng cái danh mà danh càng nhơ nhớp, càng
kiêu với thế mà thế vẫn thị khinh."*

Nói tóm lại, người đắc Đạo thành Tiên tại cõi trần này là con người đã giác ngộ, đã giải thoát khỏi áp lực, ảnh hưởng của vật chất chi phối như danh, lợi, sắc, tài, địa vị quyền thế sự nghiệp dẫu cho danh đạo cũng vậy, như các Ngài Vạn Hạnh Thiền Sư, Phù Vân Quốc Sư ở Việt Nam. Khi làm xong nhiệm vụ cứu dân cứu nước họ trở lại với sẵn đã để sống một đời sống theo thiên nhiên với hài cỏ gậy tre, sống tiêu sái, thanh đạm ung dung, không còn bị ràng buộc gì cả. Đó là cái thú duy nhất của Tiên gia tại trần.

Trước khi các Ngài đắc Đạo, các Ngài cũng phải chịu khổ công trải qua một thời gian dài tu học, luyện kỹ vô vàn khó khăn, luyện cho được hạnh tứ vô để trở nên người đạo đức điềm đạm, không ưa sống, không ghét chết, lúc ra đi lia bến khởi nguyên không hăm hở; lúc trở về (phản bổn huồn nguyên) không do dự, vẫn thản nhiên thanh thoát.

Tiên ở cõi trần noi theo nếp sống Đạo tự nhiên thanh bạch, cư trần mà bất nhiễm trần, không để cho danh lợi, quyền chức, tài sắc chế ngự, sống tự do, an nhàn tự tại, ung dung tiêu sái, thoát vòng thị phi thế sự nhơn tình vì họ chế ngự được thất tình lục dục.

*“Sống mà được trong thanh chơn đạo,
Sống mà không điên đảo biến thiên;
Như như mặc mặc kiền thiên,
Thung dung chuyên nhứt là Tiên trên đời.*

*Tuy thân huyễn còn nơi trần tục,
Mà tâm thần chẳng chút nhiễm ô;*

*Bại thành đấng thất hữu vô,
Sang hèn thanh trọc tinh thô, dĩ lành.*

*Đó khử trọc lưu thanh là thế,
Tâm bình rồi tự thể tự do;
Non nhân nước trí tha hồ,
Tam thiên thế giới ra vô mặc tình.*

*Nói sao được huyền linh máy nhiệm,
Phải tự tu tự kiếm cho tinh;
Đó đường thoát hóa siêu sinh,
Có thân như chẳng, có hình như không.”¹³*

Thật quá đầy đủ tài liệu quý báu và điều kiện để người chơn tu thành Tiên tại trần không cần chờ đến thoát xác.

Vậy ai muốn thành Tiên, thành Chơn Nhơn ở cõi trần này hãy thực hành đúng theo những điều của Trang Tử kể trên. Người tu hành nào thực hành được đời sống Chơn Nhơn của Lão Trang tức là đã tu chứng tại tiền rồi. Phật Tiên cũng thế thôi, nào có khác.■

¹³ Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn, 26-11 Canh Thân, 01-01-1981.

KHỬ TRƯỚC LƯU THANH

Đức Đông Phương Lão Tổ có dạy trong một đàn pháp:

*"Tu là khử trước lưu thanh,
Xét soi thực tướng tịnh thanh lâu lâu." ¹⁴*

Thế nào là khử trước lưu thanh đối với người tu hành?

Khử là khử trừ, diệt bỏ đi một cách dứt khoát.

Trước là chất bợn nhờn, hôi thúi, nặng nề không trong sạch.

Lưu là giữ gìn, lưu trữ cất chứa, tồn lại.

Thanh là sạch sẽ, trong sáng, nhẹ nhàng, không tối tăm, bợn nhờn, hôi thúi nặng nề.

Khử trước lưu thanh là khử trừ, diệt bỏ đi hẳn những chất khí, vật thực nhờn bần làm hại cơ thể người tu hành, để chỉ giữ gìn, cất chứa lại trong người ròng chất khí thanh, máu huyết tinh sạch, tinh khiết.

Vì vậy, người tu hành phải ăn chay để cho thể xác được nhẹ nhàng. Đây là lời dạy của Đức Giáo Tông Lý Đại Tiên Trưởng (11-4-1970):

"Đã là mang thể xác phàm trần..., thế nên cần có sự chay lạt, trước tiên là để khử trước phân thanh, không ăn huyết nhục để khỏi chịu ảnh hưởng không tốt từ thú tánh còn lại. Thân thể

¹⁴ CQPTGLĐĐ, 04-6 Tân Dậu, 05-7-1981.

có được trong sạch, huyết nhục có được khinh thanh, thì tâm hồn tánh nét mới được dịu dàng, trí tuệ mới được minh mẫn, thì lời nói mới được dịu dàng, khả ái, hành động mới được phúc đức, chớ không phải ăn chay để thành Phật Thánh Tiên, mà nó cũng là điều kiện tối thiểu cho khởi thi của việc thành Phật Thánh Tiên".¹⁵

Chúng ta cũng nên lưu ý lời dạy của Đức Hiệp Thiên Đại Đế (25-02-1971): "*Nếu việc ăn chay không ý thức được về vệ sinh y học, không ý thức được lòng công bình, quý trọng mạng sống loài vật, không ý thức được lòng nhân từ, không ý thức được sự lóng trược phân thanh, thì ăn chay cũng như ăn kham khổ đối với những người nghèo khó, không tiền mua thịt cá, tôm tép, chỉ mua rau chাম tương hằm hút thế thôi.*"

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát cũng dạy ăn chay để diệt lòng trần, tánh xấu:

*"Ăn chay để làm chi vậy hử?
Tập ăn chay để khử lòng trần,
Bao nhiêu ái ó tham sân,
Bao nhiêu thói xấu rửa lần cho thanh."¹⁶*

Người ăn chay trường dùng dưa hấu, rau cải, tránh được nhiều chất độc do thịt cá, tôm phát sinh trong cơ thể gây bệnh hoạn, đó là để giữ vệ sinh và sức khỏe, vừa thanh lọc máu huyết cho thể xác, vừa tránh khỏi ảnh hưởng do thú tính của thú vật như nóng nảy, hung hăng, dâm dục, sân si... và rửa lần lần tánh tình được thuần hậu, lời nói dịu dàng, cử chỉ hiền hòa để cảm

¹⁵ Thiên Lý Đàn, 06-3 Canh Tuất, 11-4-1970.

¹⁶ Giáo Hội Tiên Thiên Minh Đức, 20-9 Đinh Mùi, 23-10-1967.

hóa tha nhân. Đó là ăn chay để khử trực thể xác và lưu thanh huyết nhục cho ít bệnh hoạn.

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế ban ơn truyền pháp cho những người ăn chay 10 ngày một tháng, tuy nhiên muốn luyện đạo phải trường trai. Thầy đã dạy rõ trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển từ buổi mới Khai Đạo vì nếu tu luyện được đắc Đạo mà còn ăn mặn thì linh hồn không thể xuất lên thượng giới đặng do trực chất còn mang và sẽ bị thiên lôi đánh tiêu hủy.

Đức Chí Tôn dạy trong Đại Thừa Chơn Giáo (đàn ngày 22-9 Bính Tý, 05-11-1936, bài "Điều cần yếu của người luyện Đạo") về việc ăn chay: *"Sự ăn chay là bỏ cho Tiên Thiên, còn ăn mặn lại bỏ cho hậu thiên. Các con nếu ăn mặn mà luyện Đạo thì Chơn Thần bị khí hậu thiên làm như bản, nặng nề mà khó thể xuất ra cho khỏi vùng trung giới được."*

Đối với người thọ pháp luyện Tinh Khí Thần (tam bửu) việc khử trực lưu thanh rất quan trọng ở Thần Khí. Thầy nói:

"Đạo Thầy không chi lạ, Âm với Dương, Thần với Khí (tánh mạng) không ngoài ra lẽ đó. Các con muốn rõ Đạo thì dùng âm dương là căn cơ vậy".(Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 01-9 Bính Tý, 15-10-1936, bài "Nền tảng Cao Đài Đại Đạo")

Đức Lão Tổ đã từng dạy rằng Đại Đạo chí giản chí dị, chỉ có âm dương, Thần Khí, tánh mạng. Cho nên luyện Thần Khí, khử trực lưu thanh thần khí là điều hết sức trọng hệ đối với người luyện Đạo. Công Phu hô hấp thường nhật phải hấp khí thanh vào cơ thể để khử trực khí trong người, tẩy khí trực ra ngoài (hô), chỉ giữ khí thanh lại trong người, theo pháp môn mình đã được thọ truyền, tùy theo cấp bậc. Nguyên tắc là chỉ

thu liễm khí thanh là khí Tiên Thiên Hư Vô của Thầy vào thân để lọc máu dơ trong người rồi tẩy khí trọc ra ngoài. Dụng Thần dẫn Khí không được lìa, Thần cũng phải khử trọc, thanh lọc, tức là phải giữ tâm không niệm tưởng. Còn niệm tưởng là Thần bị nhiễm trọc rồi thì khí cũng sẽ bị nhiễm trọc lây theo. Nên hành giả phải giữ tâm thần cho được hư vô thanh tịnh, mới khử trọc lưu thanh được, nếu không, thì khí hậu thiên còn đọng lại và âm chiếm thể xác.

Thánh giáo Chiếu Minh Vô vi Tam Thanh có dạy:

"Phép Đạo Thầy truyền là khử trọc lưu thanh, dụng Tiên Thiên chi khí mà luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa Thần, luyện Thần huồn hư. Nghĩa là hiệp Tam bửu qui ngũ hành tạo thành một xác thân thiêng liêng thuần dương chi khí, Nguơn Thần mới nương đó mà vĩnh kiếp trường tồn nơi cõi hư linh. Các con nên tường yếu lý ấy mà giữ cho đúng phép khử trọc lưu thanh.

"Các con nên hiểu rằng, các con tu là lược lấy tinh ba trong sạch, những trọc chất trong người đều đẩy ra ngoài. Vậy các con cần phải lưu tâm chú ý về điểm ấy. Những nơi trọc chớ khá gần (thây ma, nhà xác...) món ăn vật uống trọc chớ nên dùng, lời nói trọc chẳng nên thốt, ý nghĩ trọc phải đoạn trừ."

"Tóm lại, mỗi mỗi đều thanh thì luyện pháp trường sanh mới đắc thành công quả. Các con tu chẳng khác nào như hòn đá nam châm có sức mạnh thu hút một loại kim khác là sắt, tức là trọc khí. Vậy các con khá thận trọng trong sự tu hành, khử trọc lưu thanh cho đúng phép."

Đức Ngô Minh Chiêu thường dạy môn đệ của Ngài phải tu ỉn mới bớt đi được sự khảo đảo phàn nào.

*"Các con phải hiểu phải tàng,
Đạo Thầy u ẩn mình quang tâm điền."*

Cũng như phải giữ hai chữ Bản đạo:

*"Bản là tu ẩn tu thâm,
Tu nơi giữa chợ người làm mới hay.
Bản là trời trọi rảnh tay,
Chẳng mong phú quý, chẳng say sang giàu.
Bản là chẳng gọi mình cao,
Ngọn đèn của Phật làu làu mới tinh.
Bản là chó khá khoe mình,
Dở hay, thôi cũng mặc tình khen chê."*

"Người hàng thượng thừa không khoe khoang về đạo, chẳng trọng sắc tướng, chỉ dụng vô vi tâm pháp đúng với lý tự nhiên. Bởi tâm là chủ tể, tâm có giữ được chơn không mới thấu rõ máy Trời. Tâm còn vọng động buông ra muôn nghìn hình thức thì dù cho bực Đại giác Kim Tiên cũng bị trược trần ô nhiễm lấp mất điểm chơn như để quanh quẩn trong luân hồi nhân quả..."

Pháp tu khử trược lưu thanh thuộc về khẩu truyền tâm thọ, không được khoe khoang, khinh truyền cho người chưa hội đủ điều kiện của Ôn Trên, không đủ pháp tài lữ địa. Những ai quyết tâm chí thành cầu đạo, sẽ được Ôn Trên điểm nhuần.

Tuy người tu hành phải khử trược lưu thanh nhưng không vì thế mà chê chỗ này trược, cái kia trược, hay pháp môn cao thấp, tỏ ra mình tu cao hơn người. Vì như vậy là thiếu sự khiêm tốn hạ mình của hàng tu thượng thừa. Các Tiên bói Chiếu Minh có thuật câu chuyện này:

Ngài Ngô Minh Chiêu hồi sinh tiền nhận thấy một số môn sanh của Ngài còn có tánh tự kiêu, nên một hôm dẫn môn sanh vào chợ Bến Thành Saigon, xông pha các hàng bán thịt cá tanh hôi, xong một vòng, Ngài kêu các môn sanh đứng lại để nghe Ngài giải thích như sau: *"Cái trước mà chưa để muối vừa xông pha đó vẫn là cái trước ở bên ngoài, có thể tắm gội, tẩy rửa sạch được bằng savon (xà bông), nước nóng đổ rượu vào hay dầu thơm, chứ những cái trước của tư tưởng, của lời nói và của những hành động do chính mình tạo ra, xấu xa tội lỗi, không thể tắm gội tẩy sạch được, vì nó từ nội tâm xuất phát. Vậy ngoài việc xa lánh những nơi ô uế xông lên, trước khi một cách thân nhiên, không lộ vẻ khinh miệt, chê bai; chưa để muối cần phải thận trọng giữ gìn cho tư tưởng mình được hướng thượng, thanh cao, trong sáng; lời nói mình phải chơn chánh, dịu dàng, êm ái, dễ thương, cử chỉ và hành động phải chơn trực, quang minh, từ ái. Đó là tu tánh hiệp với công phu luyện mạng là đúng theo pháp của Tiên gia: 'Tánh Mạng song tu' đó".*

Người tu thượng thừa luyện đạo, ngoài việc lo khử trừ lưu thanh bằng cách chọn nơi nghỉ ngơi có thoáng khí trong sạch để công phu hô hấp, tránh nơi uế trước, ám khí của thầy ma, nhà xác..., không ngủ chung chạ với người còn ăn mặn chưa tu. Việc ăn uống phải giữ thanh đạm, trường trai, cử ngũ vị tân, thậm chí đến trâu, thuốc mà Thầy cũng dặn dò rất tỉ mỉ. Còn phải thận trọng việc khử trừ qua lục căn tức sáu cửa ngõ: nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý. Phải chận đứng thất tình: mừng, giận, thương, ghét, buồn, vui, sợ là bảy nguồn trước khí xâm nhập vào người làm cho tâm trung bị nhiễm trước đảo điên, không giữ được thanh tịnh cho thiên định, nhứt là tai, mắt là hai tên giặc rất lợi hại. Mắt thấy mà như không thấy, tai nghe mà không biết mình nghe (thị chi bất kiến, thính chi bất văn).

*"Bởi tai mắt từ từ niệm khởi,
 Bị trần căn bám víu ý căn,
 Thức Thần chủ sử đón ngăn,
 Càn Khôn thất vị khó khăn phục huân."*

Mắt không xem những hình ảnh thất lễ tồi bại khiêu dâm, tai không nghe những lời ngọt bùi, nỉ non hoặc thêu dệt nói xấu người khác, mũi không tìm ngửi mùi thơm, lưỡi không nếm món ăn vật lạ khoái khẩu chứa chất trược, ý không tưởng đến những việc tài sắc, danh lợi, quyền hành, thân không va chạm vào điều thất lễ hèn hạ. Người tu luyện phải chịu khổ cực vô ngần, chịu khảo đảo triền miên, nên Đức Ngô Minh Chiêu khuyên ai muốn tu thọ pháp Đạo của Ngài phải chịu ba điều khổ. Nếu cam kết chịu được, Ngài mới thân nhận làm đệ tử. Ngài nói:

"Đạo Thầy dạy các con tu đặng giải thoát từ khổ đời đời kiếp kiếp, vậy các con hãy rán chịu ba điều khổ trong kiếp này là:

- *Qui giới khổ*
- *Công phu khổ*
- *Ma khảo khổ*

Biết vậy cứ trì tâm, chi chi có Thầy, Thầy không bỏ. Đạo Thầy là lưu thanh khứ trược. Vậy con tùy tiện mà lánh trược tâm thanh nghe, ăn ở trược cũng nên lánh, nói cười trược cũng nên xa. Thầy cắt nghĩa sáng cho con rõ (Ngài dạy một môn đệ) vương vào trược khí mà tu thì chẳng khác nào trồng cây đất xấu khó mà phát cho đặng, còn gặp được thanh khí như tia hột đất phân, mau tán hóa. Con hiểu lời Thầy dạy nghe."

Để kết luận bài này, xin mượn lời của Đức Chí Tôn dạy trong Đại Thừa Chơn Giáo (đàn ngày 25-8 Bính Tý, 10-10-1936, bài "Tu phải luyện Đạo"):

"Đạo là phân thanh khí trước. Hễ nhẹ nhàng trong sạch thì được hiệp nhất cùng Thầy, còn nặng nề mê muội phải chìm xuống đáy. Vậy các con phải luyện cho đặc tánh thuần dương mới ở vào cảnh thiêng liêng đặng. Nơi cảnh thiêng liêng, không khí nhẹ nhàng hơn trăm ngàn lần không khí ở gần các con, nếu các con còn nhớ bợn một chút cũng không thể ở đặng.

Thầy nói sự di sơn đảo hải là chuyện thường của Tiên Thánh, nhưng dời non đổi biển thì dễ, chớ đem các con trở lại thì khó lắm. Non biển tuy nặng nề nhưng không có mang thất tình lục dục, chớ xác phàm con người, tuy nhỏ nhít, mà vì lẫn cả sự dục vọng tà tâm, nên nặng nề hơn muôn ngàn hòn núi. Thầy có thương các con cũng không thể ẵm bồng cho đặng. Vậy các con phải dùng phương pháp tu tánh luyện mạng, khí trước lưu thanh mà thoát khỏi luân hồi lục đạo." ■

ĐỨC LÝ GIÁO TÔNG THÁI BẠCH KIM TINH VỚI VIỆC CÔNG PHU TU LUYỆN

Theo Pháp Chánh Truyền của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ do chính Đức Chí Tôn Thượng Đế ban truyền, thì Đức Giáo Tông chưởng quản Cửu Trùng Đài, cầm quyền từ hàng chức sắc của Hội Thánh đến toàn thể tín đồ Cao Đài tức là Cửu phẩm.

Thầy đã dạy như sau: *“Giáo Tông, nghĩa là Anh Cả các con, có quyền thay mặt Thầy mà dìu dắt các con trên đường đạo và đường đời. Nó có quyền về phần xác chứ không có quyền về phần hồn. Nó được phép thông công cùng Tam thập lục thiên và Thất thập nhị địa, đặt câu nguyện cho các con nghe à ! Chư môn đệ tuân mạng!”*

Hơn nữa, Đức Giáo Tông có quyền ban hành luật pháp, tuy nhiên phải chuyển qua ba vị Chưởng Pháp thay mặt Tam Giáo để xem xét trong buổi thi hành, vì mỗi luật đạo phải có đủ ba ấn riêng của ba Chưởng Pháp mới đặt thi hành.

Còn về phần Hiệp Thiên Đài, Thầy đã dạy, do Đức Hộ Pháp chưởng quản với sự trợ tá của hai vị Thượng Sanh và Thượng Phẩm. Hộ Pháp chưởng quản chi Pháp, lo bảo hộ luật đời và luật đạo, chẳng ai qua luật mà Hiệp Thiên Đài chẳng biết. Thượng Phẩm thuộc chi Đạo thì quyền về phần Đạo, lo về phần Đạo noi tịnh thất¹⁷, Thánh thất. Thượng Phẩm lo chăm sóc về phần tu luyện cho tín đồ. Nên về phần đạo pháp thì Hiệp Thiên

¹⁷ Trong Tân luật có một chương riêng về Tịnh Thất.

Đài đảm trách và chịu trách nhiệm, chớ không phải của Cửu Trùng Đài gánh vác. Còn Thượng Sanh lo phụ trách về phần Thế đạo.

Chúng tôi dẫn chứng Pháp Chánh Truyền của Nhị Đài để thấy rõ có sự phân quyền giữa hai đài. Nói tóm lại, Cửu Trùng Đài chuyên về phần đời, còn Hiệp Thiên Đài chuyên về phần đạo pháp.

Đức Lý Đại Tiên Trưởng Thái Bạch Kim Tinh, Nhứt Trần Oai Nghiêm, hiện kiêm chức Giáo Tông Vô Vi của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, vì lòng từ bi thương xót nhơn sanh còn đang chìm đắm trong kiếp trầm luân tại dương thế nên Ngài tận lực cùng chư Phật Tiên giúp Thầy tận độ nhơn sanh qua khỏi thời Hạ nguon mặt kiếp lập lại đời Thượng nguon Thánh đức theo đúng Thiên cơ.

Chúng ta thấy được lòng từ bi của Đức Lý Giáo Tông qua bài thi tâm tình trong một đàn cơ sau khi đã dạy xong về đạo sự như sau:

*“Ta mến, ta thương mới chỉ truyền,
Giáo Tông tạm gác cái uy quyền;
Chỉ còn sư đê, lời hơn thiệt,
Tâm đó, lòng đây, bởi vạn duyên.”*¹⁸

Mặc dầu trách nhiệm chánh yếu truyền dạy đạo pháp cho tín đồ Cao Đài do Đức Đông Phương Lão Tổ Chương Quản Vô Vi Hiệp Thiên Đài thừa sắc lệnh của Ngọc Hư Cung dưới sự chứng chiếu của Tam Giáo Đạo Tổ (Thánh giáo 15-9 Giáp Dần, 29-10-1974), Đức Lý Giáo Tông, chương quản Cửu Trùng Đài,

¹⁸ CQPTGLĐĐ, 22-4 Nhâm Tý, 03-6-1972.

cũng thường như khuyến nhắc nhở về công phu tu luyện, chất chiu dạy dỗ từng chi tiết nhỏ nhặt, mong sao môn đệ mình nên người đạo đức thuần thành, ngộ nhập được đạo pháp huyền vi, đủ khả năng làm tròn sứ mạng dẫn độ nhơn sanh tìm bờ giải thoát. Đức Chí Tôn Thượng Đế đã ban trọn quyền hành thưởng phạt toàn thể tín đồ cho Ngài rồi (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đinh Mão, 1926) nhưng Ngài không sử dụng quyền hành để trừng phạt mà chỉ thương yêu dìu dắt đàn em còn đọa lạc. Có lần Ngài có ý muốn trừng phạt những người phá rối cơ đạo nhưng Ngài không nỡ đành và vì lòng thương xót sanh linh nên Ngài không sử dụng quyền năng của Ngài.

Nhân ngày kỷ niệm 18-8 Quý Mùi, chúng tôi xin được ôn lại một số lời dạy quý báu của Đức Lý Giáo Tông về việc công phu tu luyện. Về công phu tu tánh luyện mạng, Ngài có dạy như sau:

“Trên phương diện chơn tu, muốn được hoàn toàn đầy đủ năng lực thể chất để giúp tinh thần hành đạo hăng say thì cũng đều do tự chơn tu hiện đệ hiện muội tạo lấy cả. Công phu tu tánh luyện mạng nếu chưa viên dung thì bảo sao còn những phiền ma nào chướng ở thể xác.”¹⁹

Tu luyện để có bửu bối giúp cho trí tuệ minh mẫn, tâm thần sáng suốt để giải quyết mọi vấn đề hành đạo cho đúng Thiên lý. Tu luyện còn có cái lợi ích thiết thực thay đổi diện mạo được khôi ngô, tác phong đạo hạnh thuần hòa, từ ái nghiêm trang khiêm tốn để gây thiện cảm lòng tin với mọi người. Đó là điều kiện để trợ duyên cho công cuộc thể Thiên hành đạo, phổ truyền

¹⁹ Ngọc Minh Đài, 15-10 Canh Tuất, 13-11-1970.

giáo lý cứu độ nhơn sanh, chớ không phải tu luyện chỉ mong có việc thành Tiên Phật rồi quên trách nhiệm của mình đang thọ lãnh với Thầy.

Đức Lý Giáo Tông giải thích rất rõ ràng về Tánh Mạng song tu cho hàng thượng thừa thực hành Thiên đạo cốt để tự giác giác tha, là cứu cánh của người chơn tu giải thoát. Ngài định nghĩa:

“Tánh là Thiên tánh, Mạng là Thiên mạng, hai tú khí âm dương tạo thành bản thể của thiên địa vạn vật. Nếu biết tu tánh, đừng để tánh mê muội bởi tham dục che lấp vì danh lợi, tình tiền, là những thứ vật vô thường đã gây cho con người biết bao thảm họa triền miên từ kiếp này sang kiếp khác. Biết tu tánh thời không tham vẫn có mà ăn, mà mặc, không tranh đấu mà vẫn có chỗ ở, không lẩn thân vào đau khổ mà vẫn có địa vị con người. Do đó, tu tánh là ánh linh sáng chói trong muôn ngàn nẻo Thánh.

“Còn biết luyện mạng là Thiên mạng hằng tại, không thiên, không lệch, không ô nhiễm tham dục, trên thuận cùng Trời, dưới an vui bốn cõi, hòa mình khắp chốn, lòng dân là lòng ta, lòng ta là lòng Trời, sống thì thánh, thác thì thiêng. Ôi nội thánh, ngoại vương, sống hằng sống trong cõi thiên đàng cực lạc, thì còn gì mơ ước nữa? Phật Tiên cũng chỉ thế thôi.”²⁰

Đức Lý Giáo Tông còn nhấn mạnh:

“Hàng Đại thừa thực hành sứ mạng thiêng liêng, thì luôn luôn phải tu Tánh luyện Mạng cho thuần thực chơn chất, phải giữ lòng thanh tịnh như như. Dầu đứng trước muôn ngàn ngoại

²⁰ CQPTGLĐĐ, 01-01 Đinh Ty, 17-02-1977.

cảnh đổi thay, cũng đừng để lòng xao động, luôn luôn diệt trừ phiền não, chấp trước để không vui, không buồn, không nhơn, không ngã, không bạn, không thù, không tà, không chánh, không thị phi ân oán.”

Tóm lại: “Niệm lự giai vong, vạn duyên đốn tuyệt”.

Những lời dạy thân thiết chí tình của một vị sư phụ kính yêu, một người anh tận tâm tận lực lo lắng săn sóc rất chu đáo vẹn toàn, không biệt phân tiên tục thánh phàm.

Điểm cốt yếu của Thiền là vô niệm, Đức Đông Phương Lão Tổ dạy phải diệt trừ vọng niệm, Đức Lý Giáo Tông dạy thêm “*niệm lự giai vong*”, Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn cũng đã dạy: “*Thiền là tâm vô niệm, Định là dừng lại tất cả...*”

“Còn niệm là còn luân hồi sanh tử”, nên hành giả phải từng sát na dè chừng luyện kỹ, thậm trọng không dám để duôi hơi hột.

Trong một đàn cơ khác, Ngài dạy cả Tam công cho nhân viên Cơ Quan:

“Xét về phần công quả, điều hành nội bộ, Bản Đạo chấp nhận ở nội tâm của chư đạo muội chức vụ nhơn viên, chẳng quản công lao cực nhọc, phương tiện thiếu kém khó khăn, vẫn kiên tâm tu hành, dầu khảo đảo cũng vượt qua, tuy chưa đạt đến thành công, nhưng cũng giữ mức độ bình thường trong các Vụ, các ban, về phổ thông, phổ truyền giáo lý.

Về công phu tu luyện, chư hiền đệ hiền muội chưa khắc phục được bản thân, nên phải chịu nhiều khảo đảo, chưa am hiểu

thấm thía được lý của đạo pháp, nên chưa phá chấp trừ mê, diệt trừ vọng ngã.

Về công trình trong công cuộc phổ thông giáo lý hay trên bước Đại thừa Thiên đạo, chư hiền đệ muội chưa phát huy được tiềm lực sâu thẳm của hàng hướng đạo chơn tu thành một thực thể đạo cứu thế bằng cách này hay cách khác. Do đó chưa thể đúc kết lại thành công trình khả dĩ thành tựu theo Thánh ý Thiên cơ.”²¹

Với mục đích tối thượng giúp đời độ chúng, Đức Lý Giáo Tông luôn luôn gắn bó với sứ mạng tận độ, nên trong một đàn cơ sau khi dạy đạo sự, lưu ý nhơn viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý về việc công phu tu luyện trong các khóa tịnh như sau:

“Bảo chư hiền nhập vào các khóa tịnh, tu luyện thân tâm, trong thời hạn vắng hay dài là vì chư hiền đã giác ngộ và tự nhận vào Thiên đạo để thực hiện sứ mạng đại thừa để tự giải thoát và giải thoát vạn khổ của thế nhân, thì chư hiền phải có một công phu luyện kỹ cho thuần thành, từ nội tâm đến ngoại thể. Có như vậy thì sự tu chứng mới thể hiện bên ngoài và thần lực được hiển lộ bên trong. Thần lực là chủ yếu của con người, bị suy vong do bởi tâm niệm lự phóng tán.”²²

Thế nên, dù trong thời hạn tịnh dưỡng, tuy chưa được kết quả bao nhiêu, nhưng đó cũng có một mục đích, một ý nghĩa. Nếu chư hiền không nhắm vào mục đích, thì công phu khó đạt thành, chư ma chủ sử dụng hành phóng tâm rồi uế oải bực dọc,

²¹ CQPTGLĐĐ, 14-01 Canh Thân, 29-02-1980.

²² Kinh Ngọc Hoàng Tâm Ấn có viết về thần lực: Thần năng nhập thạch, thần năng phi hình, nhập thủy bất nịch, nhập hỏa bất phân....

*không được an ổn trong lúc công phu. Nên thời hạn ngắn hay dài cũng coi như bị giam lỏng nào có ích chi đâu.”*²³

Trong năm điểm trọng yếu Đức Lý Giáo Tông dạy Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý phải thực hành, đạo pháp ưu tiên đứng hàng số 1:

*Đạo pháp thuần chơn
Huyền vi chứng đắc*

Nói rõ cho dễ hiểu, là muốn chứng đắc, đạt được huyền vi mầu nhiệm của đạo pháp, tức đắc Đạo, đắc quả vị Phật Tiên thì hành giả phải thực hành đạo pháp thuần chơn. Thuần chơn là phải hoàn toàn chơn thiết, chơn chánh với một tâm rất rỗng chuyên nhứt thanh tịnh:

THI 1

*“Thành đạo là nhờ một cái tâm,
Tâm không vọng động, chẳng mê lầm;
Tâm thiết tịnh rồi là Phật Thánh,
Tâm còn điên đảo họa càng thâm.”*²⁴

THI 2

*“Đạt Đạo nhờ tâm chẳng vọng tâm,
Muôn đường nghìn nẻo cũng do tâm;
Hỡi ai giữ được tâm chuyên nhứt,
Sẽ dứt phàm tâm, lộ thánh tâm.”*²⁵

THI 3

²³ CQPTGLĐĐ, 15-02 Nhâm Tuất, 10-3-1982.

²⁴ Đức Thiện Phước Ca Văn Thiệu, VNT, 01-9 Giáp Dần, 15-10-1974.

²⁵ Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn, 13-5 Tân Dậu, 14-6-1981.

*“Chứng đạo cùng không bởi một tâm,
Tâm thành bất tức khỏi mê lầm;
Trầm luân do có tâm sanh diệt,
Đứt được trầm mê rõ điều thâm.”*²⁶

THI 4

*“Tâm có định rồi thân mới an,
Tâm còn điên đảo ắt nguy nàn;
Công phu là để tâm an định,
Nên đạo, nên người chốn thế gian.”*²⁷

Tóm lại, bốn bài thi nêu trên đều khẳng định là chứng Đạo hay đắc Đạo được không đều do một chữ Tâm. Hành giả phải giữ tâm chuyên nhứt thanh tịnh, không vọng động đảo điên, thì phàm tâm mới diệt được để hiển lộ thánh tâm, chừng đó ta sẽ là Phật, Thánh, Tiên nên Đức Lý Giáo Tông mới trích dẫn để chúng ta vững đức tin mà công phu tịnh luyện cho được viên mãn, đắc thành quả vị. ■

²⁶ Đức Đông Phương Chương Quán, 24-02 Tân Dậu, 29-3-1981.

²⁷ Đức Đông Phương Lão Tô, 04-6 Tân Dậu, 05-7-1981.

PHẢN TỈNH NỘI CẦU

Người giác ngộ tu hành vào đạo tìm phương tu học là cốt để hàng ngày trau tâm luyện tánh, gột rửa những thói hư tật xấu còn ẩn áo trong tâm nội để trở nên những người chí thiện chí mỹ, hầu giúp ích cho đời và cho đạo. Người chiến sĩ anh hùng có thể điều binh khiển tướng dễ dàng chiến thắng trăm trận, xây thành đắp lũy, kiến quốc tạo nghiệp cũng chưa hẳn làm được anh hùng chiến thắng những trận giặc bất chính ở nội tâm cá nhân. Vì những trận giặc nội tâm không chiến tuyến, không có binh hùng, vũ lực trước mắt để có thể nhìn thấy ma đánh đuổi được. Vì chúng là những kẻ thù vô hình, vô ảnh nên khó khăn vô cùng, đòi hỏi hành giả phải có một ý chí kiên trì, một tâm chuyên nhứt bất thối chuyên, để không bị khuất phục trên con đường thánh thiện hóa bản thân.

Các Giáo Tổ, Đạo gia xưa kia sở dĩ thành công đạt Đạo là nhờ phương pháp phản tỉnh nội cầu. Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh dạy: *“Phương pháp phản tỉnh nội cầu rất cần thiết cho hàng chính nhân quân tử lãnh đạo thời xưa và cũng rất cần thiết cho hàng Thiên ân sứ mạng ngày nay.”*²⁸

Như thế, phản tỉnh nội cầu là phương pháp rất cần thiết cho tất cả mọi người muốn tiến hóa lên hàng hiền nhân thánh triết xưa cũng như nay. Những bậc tu hành chơn chánh cầu tiến cần phải học hỏi, nghiên cứu tận tường để áp dụng thực hành vào đời sống hàng ngày của mình.

²⁸ CQPTGLĐĐ, 15-7 Kỷ Mùi, 06-9-1979.

I. ĐỊNH NGHĨA PHẢN TỈNH NỘI CẦU

Phản: quay lại. Tỉnh: xét kỹ. Nội: bên trong. Cầu: tìm. Phản tỉnh nội cầu: quay vào xem xét bên trong cái tâm của mình để tìm thấy cái Thiên tánh, cái Chơn tâm hằng ngự trong lòng mỗi chúng ta; nhà Phật gọi là minh tâm kiến tánh hay sáng lòng để thấy tánh. Quán xét một cách tinh tường để phát hiện được cái bản linh chơn tánh của mình, vốn minh linh sáng suốt, giúp ta hiểu rõ được cái chơn giả, hư thiệt, chánh tà hay lành dữ để biết đường ngay mà đi, đường tà vạy mà tránh, cho khỏi vương mang những điều lầm lạc tội lỗi.

Đức Đông Lâm Tiên Trưởng dạy: *“Phương pháp thành công của các bậc Giáo Tổ, đạo gia khi xưa, trước tiên là phản tỉnh nội cầu, hồi quang phản chiếu. Có nhìn vào trong, xem xét bên trong mới giảm bớt được sự thâm nạp vô tiết độ, khoát vén, tảo trừ lớp vô minh che lấp, bịnh hoạn chấp trước, phân biệt, ích kỷ, độc tôn, phiền não, v.v... Tóm lại là những thứ vật tác hại tâm linh mà ta nhận lầm là con, là quyến thuộc!”*²⁹

Đức Tiên Trưởng có thêm cụm từ hồi quang phản chiếu sau cụm từ phản tỉnh nội cầu, hai cụm từ này bổ túc cho nhau. Nhưng nói rõ hơn, hồi quang phản chiếu là đem ánh sáng của đôi mắt chiếu ngược trở vào trong tâm nội, để nhìn vào trong mà xem xét bên trong hầu khoát vén tấm màn vô minh đang che lấp để nhận ra những thói hư tật xấu còn tồn tại, những tánh ích kỷ độc tôn, chấp trước... hầu tảo trừ tiêu diệt những tai hại đó cho thân tâm được trong sạch, trợn lành cũng ví như một căn phòng bị che phủ bởi tấm màn đen tối, hồi quang phản chiếu là để vén tấm màn đen che phủ cho ánh sáng bên ngoài ủa vào căn

²⁹ CQPTGLĐĐ, 15-10 Đinh Ty, 25-11-1977.

phòng tối om đang làm nơi ẩn náu của những loài rắn rít, chuột bọ, muỗi mòng, nhện giăng tứ phía... là những thói hư tật xấu, tham dục lợi quyền... Đại khái hồi quang phản chiếu, phản tỉnh nội cầu là như vậy.

II. CÁC BẬC THÁNH NHÂN XƯA KIA PHẢN TỈNH NỘI CẦU NHƯ THẾ NÀO?

Giờ nay hãy giờ chong sách cũ, xem các bậc Thánh nhân quân tử xưa kia phản tỉnh nội cầu như thế nào để chúng ta cố gắng noi theo gương tốt của người xưa. Thánh nhân nói: “Nhứt nhật tam tỉnh ngô thân” nghĩa là mỗi ngày xét mình đến ba lần. Thế mới biết các hàng quân tử thánh nhân xem việc phản tỉnh nội cầu là quan trọng, cần thiết cho việc tu thân xử thế là đường nào.

Sách Trung Dung, chương đầu, chép lại lời của Đức Khổng Tử về khoa xét nghiệm nội tâm, mục đích là để thấu triệt được tiếng nói của lương tâm và định rõ phương hướng của thiên tính. Lời ấy như sau: *“Đạo bất khả tu du lý dã, khả lý phi Đạo dã, thị cố quân tử giới thận hồ kỳ sở bất đồ, khủng cụ hồ kỳ sở bất văn, mạc hiện hồ ẩn, mạc hiện hồ vi, cố quân tử thận kỳ độc dã”*. Đại ý nói rằng: *Đạo là cái mà người ta không thể xa rời trong một giây phút nào. Nếu người ta có thể xa rời được, thì đó lại không phải là Đạo nữa. Vậy cho nên người quân tử càng phải tự răn mình và cẩn thận đối với những cái mà mình không thấy và phải lo sợ từ những chỗ mà mình chưa nghe thấy. Bởi vì tất cả các sự vật càng kín đáo lại càng tỏ rõ, càng nhỏ nhít lại càng sáng tỏ hiện bày ra hết. Cho nên người quân tử luôn luôn phải thận trọng, giữ gìn cẩn thận mỗi khi ở một mình (nhà vắng).*

Các môn đồ nổi tiếng của Đức Khổng Tử như Mạnh Tử và sau này là Trình Hạo, Lục Tượng Sơn chỉ đến Vương Dương Minh đều áp dụng phương pháp phản tỉnh nội cầu. Sách Mạnh Tử, chương Tận Tâm, có câu: *“Tận kỳ tâm dã, tri kỳ tánh dã, tri kỳ tánh dã tri thiên hĩ”*. Đại ý nói rằng: *Phát huy đến cùng cực tâm của mình, vận dụng hết cơ năng của tâm, thì biết được cái tánh của mình, tức nhiên biết được trời rồi đó! Đó là phương pháp trực giác, chú trọng dùng tâm làm cơ năng để suy nghĩ, chớ không dùng cảm quan hay lý trí, mới mong đạt được cái chân tri, là sự hiểu biết chơn chánh thấu suốt cùng lý tánh của sự sự vật vật.*

Đức Mạnh Tử cho rằng suy nghĩ tức là nội cầu, nội cầu là đường lối chủ yếu đưa ta đến chân lý. Câu nói này của Ngài trong chương Cáo Tử đại ý như sau: *Tai mắt là những cơ quan không suy nghĩ được vì bị sự vật ở ngoài che lấp, vật tiếp xúc với sự vật thì dễ bị sự vật đưa đi lạc hướng. Tâm là cơ quan có suy nghĩ thì hiểu được lẽ phải, không suy nghĩ thì không hiểu được.*

Đến Vương Dương Minh cũng tán đồng việc phải dùng tâm cầu lý qua câu nói: *“Vật lý bất ngoại vu ngô tâm, ngoại ngô tâm nhi cầu vật lý, vô vật lý hĩ”*. Nghĩa là: *Lý ở sự vật không ngoài tâm ta, ngoài tâm ta mà cầu lý ở sự vật thì không có lý ở sự vật.*

Đức Jésus cũng phải nhờ thời gian tĩnh tâm 40 ngày trên núi mà giảng được bài giảng chứa đựng giáo lý bất hủ làm căn bản cho Thiên Chúa Giáo tồn tại trên 2000 năm.

Xưa kia, Thái Tử Sĩ Đạt Ta muốn tìm được đạo mâu để giải thoát cho nhơn loại khỏi bốn đường sanh, lão, bệnh, tử của kiếp luân hồi, dám can đảm lìa bỏ ngai vàng điện ngọc, khước từ cả

vinh hoa phú quý, vào rừng sâu để tìm cầu cái đạo bằng phương pháp khổ hạnh đầu đà cùng với các thầy trò Kiều Trần Như, mà không thấy kết quả. Nên cuối cùng Ngài quyết định từ bỏ hạnh đầu đà, mà tọa thiền nhập định; dùng phép phản tỉnh nội cầu nhìn vào nội tâm để quán xét cho cùng lý tận tánh sự vật với lời thề nếu không đạt đạo thì chịu chết dưới cội cây bồ đề chớ không chịu đi đâu nữa. Nhờ lời thề cương quyết, với sức kiên trì nhẫn nại bất thối chuyển mà Ngài đã giác ngộ tìm thấy được chân lý, thấu suốt được nguồn gốc sự đau khổ của Nhơn loại với Tứ Diệu Đế, Thập Nhị Nhân Duyên và tìm được con đường giải thoát là Bát Chính Đạo.

Còn ngày nay, các hàng lãnh đạo quốc gia hay tôn giáo và các nhà tu hành, muốn chánh kỹ hóa Nhơn, muốn phục vụ Nhơn loại cũng cần phải áp dụng phương pháp mà các Đấng Giáo Tổ hay các bậc hiền nhân thánh triết đã sử dụng có kết quả để tìm những giải pháp quốc kế dân sinh hữu hiệu đem lại hạnh phúc cho Nhơn loại; đó chính là phương pháp phản tỉnh nội cầu. Các nhà tu hành muốn hoàn thiện hóa bản tâm, bản tánh; các bậc tu chơn đại thừa, tu tánh luyện mạng để tự giác, giác tha cũng cần thực hành pháp môn phản tỉnh nội cầu này để chóng đạt được kết quả mỹ mãn, chớ không cần phải lên non cao rừng thẳm cầu sư học Đạo. Cái Đạo vốn thường hằng hữu có sẵn nơi tâm mình gọi là Thiên tánh hay Phật tánh, nếu ta tìm thấy thì sẽ sáng suốt mà thấu đáo hết mọi lẽ hư thật, chơn giả của cuộc đời. Điều cần nhất của phương pháp này là phải giữ cho cái tâm được thanh tịnh, không được vọng động lo lắng nghĩ ngợi mông lung; phải kèm nó lại không cho bay nhảy như con khi, chuyện cây này qua cây kia; như con ngựa mất dây cương phóng đại; dứt bỏ những tư tưởng nhớ lại những chuyện đã qua; suy nghĩ những việc hiện tại hay sẽ đến, mà Phật Tiên gọi là giữ lòng vô niệm. Có giữ được vô niệm, tâm sẽ được thanh tịnh thì ánh sáng nội

tâm mới phát hiện cho lẽ huyền vi hiển lộ, ví như nước khi lắng lắng đọng thì cặn cẩu sẽ chìm xuống đáy để nước trong vắt.

Bạch Tẩn lão nhân có đưa ra một phương pháp dễ dàng thực hiện. Đương lúc vọng niệm dấy lên lăng xăng, chẳng cần phải dứt tuyệt. Cứ đem trở ngược vào tâm hay coi nó tưởng là tưởng cái chi, rồi hồi quang mà chiếu vào cho nhằm chỗ, thì nó liền lắng lẽ. Học đạo không có phép nào khác, tâm vừa phóng thì tưởng rằng: *“Cái tâm này là tâm của ta, nó phải do theo mạng lệnh ta, ta chẳng đặng tin mà cho nó đi đông dài ra ngoài, tuy nó bị che lấp đã lâu ta rán sức cũng kêu tỉnh nó được. Hét lớn một tiếng, trắm tà đều lui, rồi kể xem vào tâm.”*

III. NHỮNG CHƯỚNG NGẠI CHO VIỆC PHẢN TỈNH NỘI CẦU

1. Điều ngăn ngại thứ nhất là bệnh hay chấp trước

Đức Đông Lâm Tiên Trưởng đã lưu ý chúng ta, một trong những trở ngại lớn nhất là bệnh hay chấp trước, chấp nhân, chấp ngã, chấp danh, chấp tướng do tánh ích kỷ, tự phụ độc tôn, trọng mình khinh người mà ra. Tuân tử cho rằng sở dĩ người ta không tới được chân tri, sở dĩ có lầm lẫn là vì nó bị che lấp không cho mình thấy rõ. Nếu muốn tới được cái chân tri thì chỉ có cách là trừ khử cái chướng vật ấy, là cái bệnh chấp trước đi. Ông lại giải bày trong chương Giải Tế: *“Thánh nhân biết mối lo của tâm thuật, thấy mối họa của những cái làm che lấp, cho nên để thiên về một phía, mới không có ưa ghét, không chấp trước, chấp sau, không chấp trước rộng hẹp, nông cạn, không chấp trước xưa nay. Coi muôn vật đồng đều, cảm thẳng cân cân mà cân nhắc sự vật, cho nên những sự vật khác nhau không che*

lấp lẩn nhau mà làm rối lý.” Cán cân đó là cái gì? Là Đạo. Muốn thấy rõ Đạo, nghĩa là tới được chân tri thì điều kiện tối yếu là giữ cho tâm không bị che lấp, không thiên lệch. Muốn như vậy phải giữ cho tâm có được ba trạng thái: trống không, tinh thần chuyên nhứt và định tĩnh.

a. Điểm thứ nhứt là tâm trống không (tâm vô hay tâm hư)

Là đừng để cho cái ý đến trước, cái ý sẵn có trong tâm lấn lướt cái ý đến sau hay ngăn cản cái ý sắp tới, nghĩa là đừng cố chấp, đừng định kiến, phải hết sức khai thông cõi mở. Cái ý tới sau dầu cho có trái ngược với cái ý tới trước sẵn có thì vẫn phải hư tâm mà tiếp nhận nó.

*“Lặng lẽ tìm ra chỗ trống không,
Cơ vi Tạo Hóa đủ huyền công,
Ngồi như xá lợi, trong như ngọc,
Vốn chỗ nguyên nhân thiên địa đồng.”*

b. Điều thứ hai là tinh thuần (tinh ròng) chuyên nhứt

Nghĩa là chú ý tập trung tư tưởng, tuy cùng một lúc biết được hai hay nhiều việc, mà vẫn không để cho việc nọ phương hại đến việc kia, dầu cho là những việc tương phản. Khi nghiên cứu một việc gì, phải tập trung chú ý vào việc đó, không để cho việc thứ hai ảnh hưởng đến công việc đang nghĩ ngợi đó. Chuyên ròng thuần nhứt chỉ nghĩ một việc mà thôi là tinh thần chuyên nhứt:

*“Đạt Đạo nhờ tâm chẳng vọng tâm,
Muôn đường ngàn nẻo cũng do tâm,
Hỡi ai giữ được tâm chuyên nhứt,*

Sẽ dứt phàm tâm lộ thánh tâm.”³⁰

*“Thông suốt hành tàng đạo lý thâm,
Đều do chuyên nhứt của linh tâm,
Tâm linh thì tánh linh quang hiện,
Một khiếu linh rồi sống vạn năm.”* ³¹

c. Điều thứ ba là định tĩnh

Tức là ngừng lại tất cả mọi ý nghĩ, mà Đạo gia gọi là định thần, tức là không để cho những tư tưởng viển vông lo nghĩ buồn phiền xâm nhập vào tâm mình, làm cho tâm phải xáo trộn đảo điên. Cũng không để cho tiếng động bên ngoài lọt vào tai làm rối loạn tâm trí mình, phân tán tri thức mình.

*“Tâm có định rồi thân mới an,
Tâm còn điên đảo ắt nguy nàn,
Công phu là để tâm an định,
Nên Đạo nên người chốn thế gian.”* ³²

Tâm có ổn định rồi thì huệ phát sanh, thần linh hoạt, trước bao nhiêu sự việc hồng trần rất dễ dàng điều hành giải quyết. Kinh nghiệm công phu chứng minh là khi cái tâm đã định rồi thì tâm hỏa hạ giáng, thận thủy thượng thăng, miệng nếm cam tân (nước miếng ngọt) huyền diệu khó mà tả cùng tận, ta sẽ nuốt từ từ để nó nhuận tỏa mà tắm bổ khắp châu thân.

Khi chúng ta giữ được ba trạng thái trống không, thuần nhứt và định tĩnh đó rồi, như vừa kể trên thì con người vượt được lên trên những mối tương quan mâu thuẫn của sự vật, thoát ra ngoài

³⁰ Đức Bảo Pháp Chơn Quân, CQPTGLĐĐ, 13-5 Tân Dậu, 14-6-1981.

³¹ Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, VNT, 10-6 Bính Thìn, 06-7-1976.

³² Đức Đông Phương Lão Tổ, CQPTGLĐĐ, 04-6 Tân dậu, 05-7-1981.

vòng lẩn quẩn của những đối lập mà không còn bị che lấp, không còn thiên kiến nữa, không còn chỉ thấy biết phía này mà bỏ sót phía kia nữa. Cái biết lúc đó là cái biết phổ biến toàn diện, là cái sáng suốt của tâm đó. Muôn vật không có vật nào có hình mà không thấy, không có vật nào thấy mà không biện luận được, không có lời biện luận nào mà không đúng lý. Ngồi ở nhà mà biết khắp bốn biển, ở đời nay mà luận được việc lâu dài, mà thấy biết việc quá khứ vị lai của các hàng Thánh nhân như Vạn Hạnh Thiền Sư và Trọng Trình Nguyễn Bình Khiêm của nước Việt Nam cũng đã thực hiện được những điều đó.

2. Điều ngăn ngại thứ hai là tính tự ái, tự cao, tự tôn, tự đại

Tánh tự cao tự đại, kiêu căng kiêu hãnh khiến cho hành giả lúc nào cũng tự nghĩ cho mình là cao, là giỏi, là phải, là đúng hơn hết và hoàn toàn có lý hơn ai hết, không chịu hòa mình với tập thể nên bị cô đơn lẻ loi không có người hợp tác, không có được cộng sự chân thành và sẽ tối tăm ám muội mà nhận những lời nịnh hót tăng bốc dễ dàng dẫn dắt mình đến chỗ thất bại. Cho nên Thánh nhân dạy chúng ta phải tạo thế nhân hòa để làm nên việc cả là vậy.

On Trơn dạy: *“Ngày nay muốn tạo được thế nhân hòa, đoàn kết thì người lớn phải tỏ ra có đức độ, phải chịu hy sinh cái ý kiến tư hữu của mình cũng là điều quan trọng không kém sự hy sinh tánh mạng.”*³³ Đó chính là lời dạy của Đức Thánh Trần Hưng Đạo, người đã thực hiện được tinh thần đoàn kết toàn dân mà đã hai phen thắng được quân Nguyên trong thế mạnh như nước tràn đê vỡ. Hội nghị Diên Hồng đời nhà Trần cũng nói lên

³³ Đức Tổng Lý Hưng Đạo, Thiên Lý Đàn, 10-4 Ất Ty, 10-5-1965.

thể nhân hòa và sự đoàn kết của toàn dân mới cứu nguy được dân tộc ta khỏi ách đô hộ của ngoại bang. Người tu lại càng nên từ tốn hạ mình lấy tánh của nước làm gương. Biết khiêm nhượng nghe lời khuyên giải của người trên kẻ dưới, không nặng óc kỳ thị, dẹp lòng tự ái mà lắng nghe và suy tư. Chính những giây phút hồi quang phản chiếu đó chân tri sẽ đến với ta, minh triết sẽ đến với ta, giúp ta giải quyết những bài toán khó khăn. Đức Hiệp Thiên Đại Đế đã nhắc nhở: *“Nếu không sửa đổi cải thiện, khiếm tốn học hỏi điều lành, phục thiện để nhận những chỗ sai hầu chữa cải, thì dầu tu trọn đời mãi kiếp, phạm nhân vẫn là phạm nhân, luân hồi chuyển kiếp vẫn trong vòng chuyển kiếp luân hồi.”*³⁴

3. Những trở ngại khác

Phản tỉnh nội cầu còn gặp những trở ngại khác là những thể phụ thuộc con người như lục căn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý) vì chúng nó hoạt động thì sanh ra lục thức khiến xui con người bị nhiễm lục trần. Nếu chúng ta không biết tự chủ kiểm chế thì chúng nó sẽ dẫn dắt ta vào con đường tội lỗi. Cho nên trong lúc phản tỉnh nội cầu chúng ta cần phải bẻ ngũ quan lại.

Mắt không mở để không thấy những ngoại cảnh làm xúc động tâm tư. Tai không nghe ngóng làm sao biết được tiếng nói dữ lành, giọng đờn uyển chuyển để làm say đắm lòng người. Mũi không hít mùi hương thơm ngào ngạt kích thích. Lưỡi không nếm mùi ngon vị lạ làm sao mà thèm thường. Ý bị nhốt

³⁴ CQPTGLĐĐ, 01-02 Tân Hợi, 25-02-1971.

trong chuồng làm sao buông lung phóng túng mà sanh sự, sự sanh được.

Cho nên người quân tử hay bậc chơn tu phải làm chủ cho được lục căn. Mình phải là chủ nhân ông của chúng, phải sai khiến, điều khiển chúng làm những điều lễ nghĩa đạo đức chớ không để chúng xúi giục sa vào con đường đọa lạc tội lỗi, phải làm sao biến lục thức trở thành lục thông như các tiên gia đã luyện được.

*“Chủ tình thức tâm linh chiếu diệu,
Thấu suốt điều thọ yếu cùng thông,
Tự do, tự tại, thông dong,
Vào ra thấy tánh chơn không hiện bày.”*³⁵

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

*Biết tự chủ là người giác ngộ,
Sống tinh tường thấu chỗ huyền vi,
Vững vàng một ánh linh tri,
Vô vi cùng với hữu vi nơi mình.*

*Chính mình luyện cường binh chiến thắng,
Chính mình làm cho đặng chủ nhân,
Trong tay nắm giữ thời thân,
Sáu căn chớ để sáu trần nhiễm ô.*

*Sáu căn ấy ra vô đứng tiết,
Là tướng hùng oanh liệt sáu phương,
Dưới trên ngăn lũ ma vương,
Đông tây nam bắc biên cương giữ gìn.*

Không dấy động vì tình vì cảnh,

³⁵ Đức Me, CQPTGLĐĐ, 13-8 Kỳ Mùi, 03-10-1979.

*Không đảo điên bốn tánh chơn tâm,
Vọng duyên vừa mới khởi mầm,
Cường binh quét sạch khỏi lâm nghiệp trần.”³⁶*

Đại ý Ngài dạy chúng ta phải biết tự chủ, nếu là người đã giác ngộ làm chủ được sáu căn thì không nhiễm sáu trần. Hễ vọng duyên vừa mới khởi mầm, trong tay đã nắm sẵn thời thân hãy dụng cường binh mà chiến thắng lũ lục tặc ma vương quấy nhiễu bốn linh chơn tánh của mình, thì mình khỏi lâm vào nghiệp lực của trần la mà phải chịu trong vòng luân hồi đọa lạc nữa. Cái tai hại là ta thường làm chúng là những người thân thích mà nghe theo lời dụ dỗ của chúng, nên phản tỉnh nội cầu là phải lắng nhìn vào trong để nghe tiếng nói của chơn tâm mà đời thường gọi là lương tâm, mới khoát vén được màn vô minh che lấp những bịnh hoạn chấp trước, những lòng tự ái độc tôn, những bất mãn phiền não, những biếng lười dãi dãi, những dục vọng thấp hèn, v.v... tóm lại là những thứ tác hại tâm linh của ta. Có nhìn vào trong để theo dõi phán xét phân tách từ những tư tưởng phát động, những ý nghĩ, lời nói việc làm để phân biệt phần nào thuộc về chơn ngã, chơn tâm hay thiên tánh và phần nào thuộc về giả ngã, phàm tâm tục tánh mà ngăn ngừa chặn đứng kịp thời trước khi chúng phát động. Những giờ thuận lợi cho hành giả để hồi quang phản chiếu là những giờ tịnh tọa tham thiền và những giờ trước khi ngủ hoặc sáng sớm mới thức dậy.

Xưa vua Thang khắc nơi bồn tắm hàng chữ: “*Cầu nhựt tân, nhựt nhựt tân, hựu nhựt tân*” để lúc nào vào tắm gội sạch sẽ thân thể không quên tự cảnh tỉnh ông mỗi ngày phải gội rửa

³⁶ CQPTGLĐĐ, 29-3 Mậu Ngọ, 05-5-1978.

tâm hồn cho sạch sẽ như thân thể vậy, ngày ngày phải tự canh tân đời mới luôn luôn không lúc nào ngừng nghỉ.

Còn Tăng Tử “*Nhứt nhứt tam tỉnh ngô thân*”, mỗi ngày xét mình ít nhất ba lần. Đời nay vật chất xa hoa tiến bộ và lũ quý ma vô thường do cái nghe cái thấy vô thường mà chúng dần cảnh lúc nào cũng chực chờ chúng ta có kẽ hở là tấn công liền để chúng ta trở tay không kịp. Cho nên lúc nào chúng ta cũng phải thận trọng đặt dè, quán xét nội tâm lúc nào cũng thấy cần, không cần phải đợi tới giờ tham thiền.

Phương pháp vô tư tự kiểm sau khi hồi quang phản chiếu để ghi vào một cuốn sổ nhật ký những tư tưởng, lời nói hay việc làm phải quấy hàng ngày giúp cho hành giả sửa lần lần những thói hư tật xấu mà đi đến chỗ hoàn thiện bản thân, bản tánh gọi là tở vô ngã kiểm cũng là một phương pháp rất tích cực cho việc tu thân khắc kỷ.

Để kết thúc, chúng tôi xin tóm lược đề tài “Phản tỉnh nội cầu” với những điểm đại cương sau đây:

1. Hồi quang phản chiếu phản tỉnh nội cầu có nghĩa là nhìn vào tâm nội để quán xét tình huống mà khoát vén màn vô minh che lấp những mê lầm, thói hư tật xấu còn tồn tại, hầu sửa chữa và tránh khỏi phải gây thêm nghiệp quả để khỏi mắc trong bánh xe luân hồi chuyển kiếp mà tiến hóa lên hàng thánh thiện chí nhân chí mỹ.

2. Những chướng ngại của việc phản tỉnh nội cầu là những bệnh hoạn chấp trước do lòng tự ái, ích kỷ độc tôn, chấp ngã, chấp nhơn, chấp danh, chấp tướng, chấp đạo, chấp pháp. Phải dùng phương pháp trừ tuyệt mà Thánh nhơn đã áp dụng. Muốn đạt kết quả tốt đẹp phải giữ cái tâm cho được ba điều là: trống

không (tâm hư), tinh thuần (ròng) chuyên nhứt và định tĩnh như đã trình bày ở trên.

3. Phải biết làm chủ bản thân, bản tánh của mình mà điều khiển ngũ tạng, lục căn để chế ngự thất tình lục dục là mười ba con ma nó chực chờ để ám hại ta, đừng để sơ hở để duôi. Phải điều khiển cường binh để chiến thắng lũ quàn ma rất nguy hiểm vì chúng vô hình vô ảnh và không có chiến tuyến. Thế mới biết anh hùng chiến thắng giặc dễ dàng trên mặt trận mà không dễ gì làm anh hùng chiến thắng được trận giặc ở nội tâm mình.

Trong bài Khẩu khuyết dự bị sơ thiên, Đức Hà Tiên Cô dạy:

*“Luôn luôn phản tỉnh nội cầu,
Chánh tâm diệt dục nhiệm mâu thấy ngay.”*

Đức Diêu Trì Kim Mẫu dạy:

“Những chướng ngại dậm trường là những cánh sen vàng đang chớm nở trong kim thân của hành giả. (...)

Muốn được như ý, con phải có một tâm đạo chí thành, một tinh thần bất biến, một ý chí kiên trì chuyên nhứt, siêng tu siêng học, dẫu đời hay đạo, trong mọi hoàn cảnh nào con cũng không bị bối rối.”³⁷

IV. KẾT LUẬN

Người tu hành chung quy chỉ có một cái tâm mà thôi, phương pháp phản tỉnh nội cầu là đề cầu tâm, tìm tâm. Vì tâm

³⁷ CQPTGLĐĐ, 15- 4 Kỷ Mùi, 10-5-1979.

làm chủ sử muôn việc, tâm là quân điều hành các tướng. Nếu tâm định thì quân minh, quân minh thì thần định, quân ám thì thần loạn. Từ vạn cổ, Phật Tiên Thánh thần cũng do tâm mà thành đạo.

Ngày xưa Đức Thích Ca ngồi dưới cội bồ đề cũng minh được tâm mới kiến được tánh, dụng hỏa thần tiêu diệt âm khí, dứt đoạn nhân duyên, tuyệt trừ ngũ lậu mới chứng quả Chánh Đẳng Chánh Giác Như Lai.

Đức Khổng Tử cũng quán tâm, tồn tâm dưỡng tánh, đắc nhứt bảo trung mà thành Đạo. Ngày nay, người học đạo tu hành chúng ta cũng phải noi gương theo con đường đó mà tiến bước mới có thể thành công đắc quả như các Đấng ấy.

Đức Diêu Trì Kim Mẫu dạy:

*“Con hỏi đường nào đạt đạo cơ?
Chỉ đường trung nhứt phục nguyên sơ;
Ngàn xưa Giáo Tổ đều do đó,
Chứng quả độ đời tỉnh giấc mơ.”*³⁸

Và Ngài cũng đã khẳng định rằng: *“Lẽ tất yếu thành công tu chứng của các con là phản tỉnh nội cầu khắc phục cho đến khi nào con thấy được thuần chơn vô ngã thì kết quả sẽ đến với các con.”*³⁹ ■

³⁸ CQPTGLĐĐ, 15-4 Kỷ Mùi, 10-5-1979.

³⁹ CQPTGLĐĐ, 01-01 Giáp Tý, 02-02-1984.

CƠ TẠI MỤC



Giáo chủ của đạo Cao Đài là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, là Đấng vô hình, vô tướng, không mang xác phàm, mở Đạo kỳ Ba bằng huyền diệu cơ bút để truyền bá giáo lý của Ngài cho nhơn

sinh giác ngộ mà lo tu hành giải thoát hầu trở lại cố hương là thiên đường cực lạc hay Bạch Ngọc Kinh (hay niết bàn). Vì là Đấng Tạo Hóa Chúa Tể càn khôn vạn loại, không lý lấy hình tượng xác phàm của một dân tộc nào trên thế giới thì mất ý nghĩa của Đại Đạo. Thượng Đế là chơn thần, vô thể, vô danh, là Đại Linh Quang, là ánh sáng chiếu diệu khắp cả càn khôn vũ trụ thế giới muôn loài vạn vật, đức háo sanh vô cùng vô tận, không thể dùng hình tướng, lời nói của thế gian để mô tả được.

Thượng Đế là Thần, mà Thần cư tại nhơn, nên thờ Thiên Nhãn tức là thờ Thượng Đế; con mắt cũng chỉ là biểu tượng của Thần, của Thượng Đế mà thôi.

Lúc mới khai Đạo tại Việt Nam, năm Bính Dần (1926), Thầy có dạy trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (bản in 1972, tr. 11) như sau:

Chưa phải hỏi các con biết đặng tại sao vẽ Thánh Tượng con mắt mà thờ Thầy, song Thầy nói sơ lược cho hiểu chút đỉnh:

*Nhãn thị chủ tâm
Lưỡng quang chủ tế
Quang thị Thần*

*Thần thị Thiên
Thiên giả Ngã dã.*

Tạm dịch là:

*Con mắt là chủ của tâm
Ánh sáng hai con mắt là chủ tế
Ánh sáng là Thần
Thần là Trời
Trời là Ta đó.*

Thầy dạy các vị Tiền Bối lúc mới khai Đạo: “*Con hiểu Thần cư tại nhãn, bố trí cho chư đạo hữu con hiểu rõ. Nguồn cội Tiên Phật do yếu nhiệm là tại đó.*”

Thầy dạy bố trí tức là giải thích rõ ràng cho chư đạo hữu hiểu được thế nào là Thần cư tại nhãn hay tại mục và tại sao thờ Thầy là thờ Thiên Nhãn.

Cơ tại mục, là cái máy nhiệm màu của trời đất để tạo Tiên tác Phật do ở tại đôi mắt (song mâu) của con người. Đạo thơ có câu: “*Chơn âm chơn dương kết nên Đạo chỉ ở song mâu chớ viễn tâm.*” Nghĩa là hai khí âm dương hiệp nhứt thành Đạo chỉ tại nơi hai con mắt, chớ tìm kiếm đâu xa. Con mắt trái thuộc dương, con mắt mắt thuộc âm. Trong Đại Thừa Chơn Giáo (tr. 66, bài “Thiên Nhãn”), Thầy có dạy:

*“Luyện thuốc kim đơn rõ nhiệm màu,
Thành Tiên tác Phật tại song mâu;
Âm dương toàn ẩn cơ tại mục,
Thần khí thông linh tại thượng đầu.”*

“Hai con mắt của các con là nhục nhãn, tức là âm với dương, thì cũng như Thái Cực là Thiên Nhãn, còn lưỡng quang là nhật nguyệt hằng soi sáng khắp càn khôn, cứ tuần hoàn mãi, hết ngày đến đêm, hết đêm kể ngày, không bao giờ dứt sự hành tàng của Tạo Hóa.”

Trong pháp môn sơ thiên cửu cửu (81 ngày) đến cửu thứ 5 được dạy luyện định thần bằng cách nhìn Thiên Nhãn cho không còn lảo liên, để hai mắt không đảo điên khi tọa thiền nhập định, vì thần có vững, có đình trụ được khả dĩ mới dẫn khí nương theo thần mà hô hấp điều tức đúng pháp môn.

*“Lưỡng tình thâm nhập phá cung trung,
Nhứt khiếu huyền quang định tánh thông,
Kiến giả thị chi nhi bất kiến,
Nhơn gian thiên thượng hạo tao phùng.”* (Chú hiệp thân)

Thần là chủ nhơn ông rất linh diệu nên mới điều khiển được nhơn thân hài hòa, đúng theo tiết điệu thiên nhiên Tạo Hóa.

Trong Ngọc Hoàng Tâm Ấn Kinh có dạy về khả năng của thần lực như sau:

*“Thần năng nhập thạch (Thần chun qua đá được).
Thần năng phi hình (Thần tàng hình được).
Nhập thủy bất nịch (Xuống nước không chìm).
Nhập hỏa bất phân (Vào lửa không cháy).”*

Thế nên, Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn có dạy luyện đạo là luyện tâm, luyện tâm tức là luyện thần, luyện sao không còn tâm mà chỉ còn có thần mà thôi. Luyện đạo không chỉ ngoài luyện âm dương thần khí cho hiệp nhứt là đắc Đạo. Đó là bí quyết Thần Tiên, cần có minh sư truyền trao chơn pháp, khi

hành giả cầu Đạo với tâm chí thành cương quyết cầu tu giải thoát.

Lấy chữ **mục** để giải sơ về cơ tại mục. Chữ mục 目 có hai ngang = ở trong gọi là *âm dương tương hội*, một khuôn □ ở ngoài gọi là *hỗn độn thành hình*. Từ khi hỗn độn thành hình thì chia khí âm dương phân ra hai, thanh thăng, trược giáng. Ngang trên gọi là thanh thăng, ngang dưới gọi là trược giáng, mới mở mang vạn vật. Chữ mục mà bớt một ngang dưới là bớt âm thì nên ngôi mặt nhật 日, có ẩn lửa hỏa thái dương gọi là thuận dương, kêu là *hống*, bằng bỏ cái ngang gạch đứt ở dưới thì nên ngôi mặt nguyệt 月, có ẩn nước (thủy), thái âm, gọi là thuận âm kêu là *diên*. Nhật nguyệt là âm dương kết nên trước mắt, cho nên Đạo thơ gọi là cơ tại mục đó.

*“Thủy hỏa tương giao vô thượng hạ,
Nhứt đoàn sanh ý tại song mâu.”*

Thủy hỏa là âm dương, là nước lửa, song mâu là hai con mắt, cho nên Thầy đã dạy:

*“Âm dương toàn ẩn cơ tại mục,
Thần Khí thông linh tại thượng đầu.”*

Phật Giáo cũng có chánh pháp nhãn tạng, niết bàn diệu tâm như Cao Đài Giáo dạy thờ Thiên Nhân cùng một ý nghĩa huyền nhiệm cao siêu. Pháp môn này được Đức Phật Thích Ca tâm truyền cho Nhứt Tổ Ma Ha Ca Diếp và được lưu truyền mãi mãi trong thiền học. Pháp môn này là chánh pháp không hai (pháp môn bất nhị) dạy thiền gia sử dụng tạng con mắt, hiệp ánh sáng lưỡng quang đem về mi gian, giữa hai chơn mày, rồi hồi quang phản chiếu tức là đem ánh sáng của đôi mắt đó chiếu

ngược vào trong tâm nội để quán sát tâm mình, Phật Giáo gọi là minh tâm kiến tánh là soi sáng tâm trung để tìm thấy Chơn Tánh hay Phật Tánh, hay Thiên Tâm, Chơn Tâm của Đạo Gia. Cao Đài hay Phật Giáo đều dạy dùng tạng con mắt để soi rọi vào tâm nên Cao Đài dạy nhãn thị chủ tâm là vậy.

Cơ tại mục hiểu vẫn tất là máy nhiệm màu để tạo Tiên tác Phật đều ở nơi con mắt. ■

THẾ NÀO LÀ BỰC CHƠN NHƠN?

I. Thế nào là bực Chơn Nhơn?

Hàng Chơn Nhơn theo Lão Trang cũng là bực chí nhân quân tử theo Nho giáo.

Môn sanh Cao Đài (phái Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi) có nhiều vị tu đắc quả Chơn Nhơn, chúng ta có thể tìm đọc quyển “Đại Thừa Chơn Giáo”, bản in song ngữ Pháp Việt năm 1950, mục ấn chứng thiêng liêng để hiểu rõ hơn kết quả của công phu tu luyện của hàng chơn tu.

Tạm giải nghĩa hai chữ Chơn Nhơn. Chơn là thật, chơn thiệt; nghịch nghĩa với giả là giả mạo, dối trá (không đúng chánh pháp chơn truyền). Chữ Chơn được Đức Linh Bửu Thiên Tôn giải rộng ra trong quyển Đại Thừa Chơn Giáo là chơn lý của Trời ban ra hay cũng có nghĩa là chơn truyền⁴⁰, truyền cái cơ Đạo bằng cách chơn thật rõ ràng, không ẩn núp cao xa sâu kín. Nhưng ở đây Chơn Nhơn có nghĩa về con người, con người thiệt, con người có nguồn gốc Thiên chân sáng ngời xuất phát từ Đại Linh Quang của Thượng Đế, là nguyên nhơn chớ không phải hóa nhơn tiến hóa từ thảo mộc, thú cầm lên làm người. Chơn Nhơn theo Lão Trang là bực chí chơn, chí thánh, bực xuất chúng hơn hẳn con người thường phạm tục (phàm nhơn).

⁴⁰ Đây cũng là nghĩa lý của đạo pháp thuần chơn, là chánh pháp chơn truyền của chính Đức Cao Đài Thượng Đế truyền lại cho vị môn đồ đầu tiên là Ngô Minh Chiếu.

Có thể gọi tóm tắt Chơn Nhơn là Tiên tử, còn phàm nhơn là tục tử.

Chơn Nhơn là danh từ mà Trang Tử dùng để cụ thể hóa người đã đạt được Đạo và sống theo Đạo tức là người đã giải thoát (Trang Tử tinh hoa, Nguyễn Duy Cần).

Thế nào là bực Chơn Nhơn?

Là những hạng người đã thực hiện được hạnh tứ vô của Tiên gia, là bốn cái Vô (không): Vô kỹ, vô công, vô danh và vô vi.

Vô kỹ là vô ngã, là diệt được cái bản ngã, cái tư ngã, cái phàm ngã của mình, không còn thấy có ta có người, không còn phân biệt ngã nhơn nữa, vì họ đã huyền đồng cùng tạo vật, họ đã dứt được tư tâm, tư dục. Phàm tâm của họ đã chết nên Thánh tâm của họ phát hiện. Ví dụ như khi họ đi chẩn tế cho người nạn nhơn thiên tai bão lụt, người bệnh tật, họ không để lộ tông tích họ là ai hay địa vị xã hội của họ, cốt yếu giải khổ cho tha nhơn vì lòng trắc ẩn thương người. Bực Chơn Nhơn giúp đời không cho ai biết tông tích, danh tánh mình.

Vô công nghĩa là không kể công, không kể ơn, không khoa trương quảng cáo việc làm nhơn đạo của mình, không muốn ai khen thưởng, chỉ lo làm xong nhiệm vụ rồi rút êm trong âm thầm, không thụ hưởng, không nhận ân huệ nào.

Vô danh: Hễ đã vô kỹ, không còn nghĩ đến cái ta nữa thì đâu còn thích ham danh vọng, không muốn lưu lại tên tuổi dấu vết cho ai biết mình nữa.

Vô vi: là không phải không làm, mà làm những điều ích lợi cho đời một cách âm thầm, không tiếng tăm, không lộ liễu,

không phô trương âm ỉ, không để ai biết mình chủ sử hành động, như đoàn chim bay ngang qua mặt nước hồ thu gọn sóng rồi im lặng như tờ; như đoàn người đi qua một tấm kiếng to mà không để lại bóng dáng hình hài. Kia xem mặt trời chiếu sáng ban ngày, mặt trăng soi rọi ban đêm, bốn mùa tám tiết đều được điều hòa, nào ai thấy được người chủ sử.

Đó là “vô vi nhi vô bất vi”, tức là không làm, nhưng không phải không làm gì hết. Bực Chơn Nhơn không để tâm vọng động xao xuyên trước những biến cố bất thường. Những điều hung vong thành bại, nên hư trong đời không làm họ lay chuyển tâm tư, kể cả việc sống chết.

Thiên Đại Tôn Sư Nam Hoa Kinh, Trang Tử có viết: *Vũ trụ cho ta cái hình hài, cho ta sống để ta đau khổ, cho ta già để ta an nhàn, cho ta chết để ta nghỉ ngơi. Vậy coi sống là cái phúc thì cũng phải coi chết là cái phúc.*

II. Bực Chơn Nhơn điềm đạm, thần nhiên, chí nhơn vô kỹ, thần nhơn vô công, thánh nhơn vô danh là ba cái hạnh kiểm cốt yếu nhất của hàng Chơn Nhơn.

Sự điềm đạm của họ chí cực, mắt không tiếc, được không mừng, gặp nạn lớn mà không biết kinh sợ, đó là cái Dũng của bực Thánh nhơn vì biết cùng thông là mạng, là thời.

Những biến cố bất thường, nên hư đặc thất trong đời không bao giờ làm động đến tâm họ được. Cho đến vấn đề sống chết cũng không động lòng họ được nữa. Trong Thiên Đại Tôn Sư, Trang Tử viết: *“Bực Chơn Nhơn ngày xưa không ưa sống, không ghét chết, lúc ra không hăm hở, lúc vào không do dự, thần nhiên mà đi, không quên lúc bắt đầu, không cầu lúc sau*

chót. Nhận lãnh thì vui với đó, mà quên đi khi phải trở về. Nhờ được thế mà lòng họ luôn luôn vững vàng, cử chỉ điềm đạm, gương mặt luôn luôn bình thản.”

Bực Chơn Nhơn ngày xưa mắt không tiếc, được không mừng, lên cao không biết sợ, xuống nước không sợ chìm, vào lửa không sợ cháy; đó là vì cái biết của họ đã đạt được Đạo rồi. Sự điềm đạm của họ đến chí cực rồi không còn để cho bất cứ ngoại vật nào động đến lòng mình được.

III. Bực Chơn Nhơn sống thành thoi tự tại (Trang Tử Thiên Tiêu dao du) muốn sống trọn đời phải biết phép dưỡng sinh mà phép dưỡng sinh là thuận lẽ Trời (thuận Thiên).

“Chơn Nhơn thời cổ có vẻ uy nghi mà không kiêu căng, khiêm tốn mà độc lập, nhân cách khác người mà không cố chấp, chí khí hơn người mà lòng thì hư tính, không thích khoe khoang, lảng lảng thanh thoát, hân hoan; cử chỉ, nét mặt hiền hòa nên ai cũng muốn được thân cận, khoan dung đại độ nên ai cũng muốn qui phục, thích sống tự do nên không ai áp chế được; trầm mặc như đứng sau một cửa đóng; vô tâm với thế sự như một người quên hết ngôn ngữ, chỉ hành động xử sự khi bắt đắc dĩ, coi đạo đức là thuận Thiên tính nên dễ dàng đạt mục đích...”

Hạng Chơn Nhơn còn thích sống gần thiên nhiên, ăn những thức ăn thiên nhiên, không làm trái thiên nhiên, sống thuận theo thiên nhiên, không cách vật cầu kỳ, sống an nhàn tự tại, thung dung tiêu sái, không bận bả danh lợi thế sự nhơn tình, không để cho buồn rầu lo nghĩ, giận ghét xâm chiếm tâm hồn làm thương tổn tánh tình, như vậy mới thành thoi tiêu diêu được. Họ sống rất tự nhiên, hành động hết sức thành thật, không chút gì giả

dối. Không cầu danh nên cũng không cầu thân bất cứ dưới hình thức nào. Bởi vậy họ không bao giờ tìm cách mua chuộc thiện cảm của ai cả. Họ cũng không thích khen sợ chê, cho nên rất xem thường dư luận người đời. Không có một quyền uy nào bắt họ phải sống không được thành thật với lòng mình. Và vì vậy, họ không có mặc cảm gì hết. Người Chơn Nhơn giải thoát là người đã nhận chân được cái sống thật của mình, cái sống đồng với Trời đất vô thủy vô chung, tự sinh, tự hóa... cho nên không có cái dạ đèo bòng tham muốn những gì ngoài số phận của mình nữa. Và nhờ vậy mà tuyệt được lòng tham dục. Bởi vậy không tự tôn mà cũng chẳng tự ti, cũng không bao giờ có mặc cảm tội lỗi gì cả, vì tâm hồn họ đã thoát khỏi những gọng kìm của luân lý, xã hội, tôn giáo, học thuyết, một cách sáng suốt.⁴¹ Không riêng gì môn đồ Lão Trang, ngay cả môn đồ Khổng Mạnh thời sau cũng tâm đắc.

Trong Cao Đài giáo, các Đấng thường giảng cơ dạy thế nào là bực chơn tu cũng tựa như Lão Trang vì chơn lý là sự thật của muôn đời, phi thời gian và phi không gian, sau trước đều không đời đời cãi nhau vì đó là sự chân thật vĩnh cửu siêu nhiên.

Như thế hàng Chơn Nhơn này của Lão Trang không khác hàng Quân tử hay Thánh nhân của Khổng giáo. Đức Cao Đài Thượng Đế trong quyển Đại Thừa Chơn Giáo cũng dạy môn sanh thực hành cái Đạo của người quân tử mà đừng theo đũa tiêu nhờn (trang 150 – bản in 1936, đàn ngày 2 tháng 9 Bính Tý, 16-10-1936) một cách đầy đủ rõ ràng, người tu Đại Đạo nếu thực hành nghiêm chỉnh thì không lo gì không đắc Đạo, được về hội nhập cùng Thầy Thượng Đế. Đức Chí Tôn dạy:

⁴¹ Theo “Trang Tử” của Nguyễn Duy Cần

“Trong đời, nhơn loại thường chia ra hai hạng: quân tử với tiểu nhơn. Vậy các con nên theo gương quân tử mà chẳng nên học thói tiểu nhơn. Quân tử là gì? Tiểu nhơn là gì?”

Quân tử là một người đức tài xuất chúng, phẩm hạnh nhân cách hoàn toàn, tánh tình cao thượng. Người quân tử bao giờ cũng ung dung thư thái, ưa làm sự phải điều hay, thuận thiên lý lưu hành, đem chơn đạo mà khuyên đời từng lương cải ác. Tấm lòng bao giờ cũng quảng đại, vô vi thanh tịnh, không phóng túng bôn chôn, mà để lòng dục khiến sai uốn bẻ, đến phải bước làm vào nẻo quấy. Mỗi việc đều xét suy đáo để, tính trước lo xa, thương người ích chúng, ham nghĩa ưa nhân, chuộng trung mền chánh. Bao giờ cũng vẫn tùy thời quyền biến mà giữ cho được hai chữ “Trung dung” chớ không thái quá, không bất cập. Dầu gặp cảnh ngộ nào thì tâm chí cũng cứ an vui, không để thất tình loạn động, vì người quân tử là thực vô cầu bão, cư bất cầu an, kia mà!

Cái đức của người quân tử thường như nước vậy. Nghĩa là châu lưu khắp chảy tứ phương, gặp tròn, gặp méo, gặp dài, gặp vuông, nước cũng chiều theo được hết. Lại nước cứ từ cao chảy xuôi xuống thấp, nên người quân tử luống chịu hạ mình cho vừa lòng tất cả nhơn sanh. Tuy nước cứ tìm chỗ thấp, cứ chiều theo khuôn, cứ mềm với chúng, mà đến chừng ai muốn cho nó tiêu mòn sứt mẻ là chẳng làm sao hề hấn đến được lấy chút mây may gì nó bao giờ! Người quân tử theo đời mà chẳng nhiễm đời, chiều người mà chẳng bợ người, tùy tục mà không đắm tục, cứ giữ tánh tình thanh bạch, tâm chí cao siêu, dầu ai dâm cũng chẳng phai, ai giũa cũng chẳng mòn, nên bả lợi danh, mỗi chung đỉnh có bao giờ trêu như được!

Còn đưa tiểu nhơn lại bỏ nghĩa theo lợi, lấy vay cầu danh, tâm tà tánh độc, nét kiêu chí hèn. Nói tắt một lời là mỗi mỗi đều trái hẳn với người quân tử như trắng với đen, như Trời với vực.

Tuy nhiên, người quân tử càng trốn cái danh mà danh càng rạng tỏ, càng chiều với thế, mà thế vẫn tôn sùng, còn đưa tiểu nhơn lại càng chuộng cái danh mà danh càng nhờ nhờ, càng kiêu với thế mà thế vẫn thị khinh.”

Kết luận

Người đắc Đạo tại cõi trần này là con người đã giác ngộ, đã giải thoát khỏi áp lực, ảnh hưởng của vật chất chi phối như danh, lợi, sắc, tài, địa vị quyền thế, sự nghiệp, dầu cho danh đạo cũng vậy. Như các Ngài Vạn Hạnh Thiên Sư, Phù Vân Quốc Sư ở Việt Nam, khi làm xong nhiệm vụ cứu dân cứu nước, họ trở lại với sẵn dĩ để sống một đời sống theo thiên nhiên với hài cỏ gậy tre, sống tiêu sái, thanh đạm ung dung, không gì ràng buộc cả. Đó là cái thú duy nhứt của Tiên gia tại trần.

Trước khi các Ngài đắc Đạo, các Ngài cũng phải chịu khổ công trải qua một thời gian dài tu học, luyện kỹ vô vàn khó khăn, luyện cho được hạnh tứ vô⁴² để trở nên người đạo đức điềm đạm, không ưa sống, không ghét chết, lúc ra đi lia bên khởi nguyên không hăm hờ, lúc trở về (phản bản hườn nguyên) không do dự, vẫn thản nhiên thanh thoát.

Bực Chơn Nhơn noi theo nếp sống Đạo tự nhiên thanh bạch, cư trần mà bất nhiễm trần, không để cho danh lợi, quyền chức, tài sắc chế ngự, sống tự do, an nhàn tự toại, ung dung tiêu sái,

⁴² Hạnh tứ vô là bốn cái không : vô kỹ, vô công, vô danh và vô vi.

thoát vòng thị phi thế sự nhơn tình vì họ chế ngự được thất tình lục dục.

*“Sống mà được trong thanh chơn đạo,
Sống mà không điên đảo biến thiên;
Như như mặc mặc kiên thiền,
Thung dung chuyên nhứt là Tiên trên đời.*

*Tuy thân huyền còn nơi trần tục,
Mà tâm thần chẳng chút nhiễm ô;
Bại thành đắc thất hữu vô,
Sang hèn thanh trọc tinh, thô, dữ, lành.*

*Đó khử trọc lưu thanh là thế,
Tâm bình rồi tự thể tự do;
Non nhân nước trí tha hồ,
Tam thiên thế giới ra vô mặc tình.*

*Nói sao được huyền linh máy nhiệm,
Phải tự tu tự kiếm cho tinh;
Đó đường thoát hóa siêu sinh,
Có thân như chẳng, có hình như không.”⁴³*

Vậy ai muốn thành Tiên, thành Chơn Nhơn ở cõi trần này hãy thực hành đúng theo những điều kiện của Trang Tử kể trên. Người tu hành nào thực hành được đời sống Chơn Nhơn của Lão Trang tức là đã tu chứng tại tiền rồi. Phật Tiên cũng thế thôi, nào có khác, không phải đợi đến lúc về miền Bồng Lai Tiên Cảnh. ■

⁴³ Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn, 26-11 Canh Thân, 01-01-1981.

ĐỜI NGƯỜI MỘT KIẾP SỐNG VÀ TÁC DỤNG ĐẠO PHÁP

Sanh được làm người không phải dễ dẫu gì đâu, nên Thánh nhân bảo: “Vi nhân nan đắc”. Phải trải qua vô lượng kiếp luân hồi để tiến hóa từ vật chất, thảo mộc, thú cầm đến loài người, chịu biết bao nhiêu gian nan khổ ải. Rồi con người phải biết giác ngộ tu hành tiến lên thành chí chơn, chí thiện, chí mỹ là Thần, Thánh, Tiên, Phật để về hiệp nhứt cùng Đức Chí Tôn Thượng Đế nơi Bạch Ngọc Kinh hay Niết Bàn.

Đó là định luật của Tạo Hóa. Có chuyên kiếp luân hồi mới có tiến hóa được, không một ai ở trên thế gian này thoát khỏi cả, dẫu cho một bực Đại La Thiên Đế giáng phàm mà không tu cũng không trở lại vị cũ được.

Khi con người bắt đầu có trí khôn thì hay tự hỏi mình là ai, từ đâu tới đây, đến cõi trần ai này để làm gì, sống chi để phải chịu muôn ngàn khổ đau, sanh lão bệnh tử- tứ khổ- như Phật đã dạy.

Sống để làm gì? Chết rồi còn sống hay tiêu tan theo gió bụi? hoặc đi về đâu? có còn tái sanh lại cõi trần này nữa hay không? Biết bao nhiêu thắc mắc giày vò trí não con người biết suy nghĩ. Khoa học dẫu có tiến bộ vô ngần, trên thông thiên văn, dưới đạt địa lý, sử dụng được nguyên tử năng, làm cho đời sống vật chất con người được thoải mái không khác nào Thần Tiên, giao thông mau lẹ với máy bay phản lực, thông tin nháy mắt bằng vô tuyến điện, internet, điện thoại di động cầm tay, muốn nói chuyện với ai dẫu xa xuôi khắp năm châu thế giới bất cứ lúc

nào cũng được, thế mà chưa giải đáp thỏa mãn cho chúng ta những thắc mắc vừa kể trên. Có lẽ vì con người chưa tiến bộ về tâm linh đạt đến mức cao thượng thuần khiết nên Thượng Đế chưa cho phép sử dụng được tất cả quyền năng của Tạo Hóa đã sẵn dành cho con người vì Trời có gì con người đều có cả – Thầy đã xác nhận như vậy.

Lịch sử nhân loại đã chứng minh, như dân tộc Atlantide thời cổ, vì sử dụng văn minh tiến bộ của mình vào vòng truy lạc vật chất, gây tội lỗi cho nhân loại khổ đau nên phải bị luật Trời trừng phạt nhận sống cả một châu xuống đáy Đại Dương (Océan Atlantique). Trong đó, có một số người thoát chết lên xứ Ai Cập, nên xứ Ai Cập có một nền văn minh cổ rất cao, đã xây cất Kim Tự Tháp, một kỳ quan thế giới giữa sa mạc hoang vu mà nào có sử dụng cơ khí, xây dựng tối tân với kỹ thuật văn minh hiện đại như bây giờ chẳng hạn. Các nhà khảo cổ càng tìm tòi càng thấy nhiều huyền bí ẩn chứa trong Kim Tự Tháp.

Giác quan con người bị giới hạn trong hữu hình vật chất nên lục căn (nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý) chưa đạt được lục thông (nhãn thông, nhĩ thông, tha tâm thông...).

Các bậc Chơn Sư Ai Cập, Tây Tạng, Ấn Độ, Trung Hoa đã đắc Đạo tại thế và họ đã đạt được những bí quyết đó nhưng không được truyền bá cho đại chúng, vì chúng ta còn phàm phu tục tử, còn thất tình lục dục chận đê chi phối, còn nhiều dục vọng thấp hèn sẽ lạm dụng khoa bí truyền để mà hại đời đời chúng như chúng ta từng biết.

Nhờ các tôn giáo, các vị Thánh sư đã hé lộ lần lần chút ít như ngày nay. Riêng giáo lý Cao Đài đã giải đáp hầu hết các câu hỏi kể trên cho người tín hữu Cao Đài được thấu đáo nếu

biết tin tưởng nơi các Đấng Thiêng Liêng giảng cơ trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Giáo lý Cao Đài cho biết con người chơn thật không phải chỉ có xác thân hữu hình này do tứ đại (đất, nước, lửa, gió) kết hợp tạo thành, mà là điểm Linh Quang do Thượng Đế chiết ra từ khối Đại Linh Quang của Ngài cho xuống thế gian để tạm mượn xác thân hữu chất này làm nơi tạm trú cho linh hồn một thời gian hữu hạn vào khoảng 100 năm để học hỏi những kinh nghiệm, trui rèn bản tánh cho được sáng suốt, trở nên chí chơn, chí thiện, chí mỹ để trở nên hàng Thần, Thánh, Tiên, Phật và phản bốn huần nguyên trở về hiệp nhứt cùng Khối Đại Linh Quang của Thượng Đế.

Giáo lý Cao Đài cho là **Nhứt bốn tán vạn thù** (từ một nguồn gốc của Đại Linh Quang Thượng Đế tán ra vạn thù, tức là phân tán, phóng phát ra muôn phương hằng vạn triệu Linh Quang để tiến hóa), và cuối cùng **vạn thù cũng phải qui về nhứt bốn**, trở về cội nguồn là Đại Linh Quang của Thượng Đế.

Con người xuống cõi thế gian này như đã nói: chỉ tạm mượn một thời gian hữu hạn xác thân vật chất này để học hỏi, rèn luyện, trau giồi để tiến lên hàng Thần, Thánh, Tiên, Phật, vì thế chúng ta đừng coi xác thân hữu hình hữu hoại này là bền bỉ trường tồn vĩnh viễn để cầu trường sanh, đừng nên ôm chầm bám víu và làm nô lệ cho nhục dục thúc đẩy để tạo nên tội lỗi oan nghiệt, mà phải chịu lôi cuốn mãi trong vòng luân hồi vay trả, trả vay không bao giờ dứt.

Sứ mạng con người đến cõi dinh hoàn này, theo lời dạy của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Lý Thái Bạch Tiên Trưởng “*là để làm công việc tiến hóa trong đức háo sanh*”

của Thượng Đế. Trong một chuỗi tiến hóa đó mỗi hồn hay tiểu linh quang, có mang mỗi hình thể khác nhau, mỗi giai đoạn, mỗi một tiến trình đều mượn để mà tiến.”

“Không nơi nào là trụ tướng bất di bất dịch. Trải qua một giai đoạn dài trên đường tiến hóa, những hồn ấy ví như một hoặch những khách lữ hành, từ Đông sang Tây, từ Nam qua Bắc, đã thay đổi biết bao nhiêu phương tiện để di chuyển. Linh hồn đối với những phương tiện là thể xác của mỗi giai đoạn nó đã mang, vì vậy Thiêng Liêng thường nói cõi đời là chốn phù du, là sóng mê, là giả tạm, đừng ai quá chấp mà ôm chầm lấy nó để rồi hủy hoại bước đường tiến hóa.”

Con người có một tính thiêng liêng hơn vạn vật, biết đâu là phải, đâu là trái, đâu là thiện ác, đâu là tội phước, đâu là liêm sỉ, đâu là không liêm sỉ... Con người phải biết tự mình làm cho mình tiến hóa, đó là bổn phận vi nhân tại thế do Thiên cơ định đoạt. Tiến hóa cách nào?

Theo lời dạy của Đức Vạn Hạnh Thiêng Sư, *tiến hóa bằng cách tu học, tu hành khêu tỏ ngọn đèn thiên lương và giữ ánh sáng thiêng liêng ấy mãi mãi trong nội tâm (tức là tự giác) kể đến là đem Đạo vào đời (tức là giác tha) để cảnh tỉnh, giác ngộ người đời hiểu biết để cùng khêu tỏ ngọn đèn thiên lương ấy mà danh từ Đạo học gọi là tâm đăng.”*⁴⁴

Cao Đài gọi đây là sứ mạng Đại Thừa Thiên Đạo, hay tự giác, giác tha như Đại Thừa Phật Giáo.

Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

⁴⁴ Minh Lý Thánh Hội, 01-11 Tân Hợi, 18-12-1971.

“Sứ mạng của mỗi nguyên căn mang vào mình là ngoài phần vụ tự tu, tự tiến, lại còn phải đem Đạo độ đời để giác ngộ quần linh sớm thức tỉnh hồi đầu cải ác tùng lương, cải tà qui chánh, để lần hồi cải tiến từ bản thân đến xã hội loài người đến tận thiện, tận mỹ. Khi đến thế gian một khoảng thời gian nào đó, hoặc một kiếp hoặc trăm ngàn muôn kiếp, cuối cùng rồi cũng trở lại nguồn xưa là nơi xuất phát từ khối Đại Linh Quang.”⁴⁵

Đạo gọi đó là phản bản hườn nguyên. Nhưng muốn phản bản hườn nguyên, hành giả phải làm sao thoát khỏi cảnh trầm luân đọa lạc nơi cõi trần ai đau khổ này!

Đại Tiên Ngọc Lịch Nguyệt dạy rằng con người muốn giải thoát **cảnh trầm luân đọa lạc, điều trước hết là hành giả phải nhận xét chân giả của cuộc đời.**

“Những gì vật chất hữu hình ảo ảnh phù vân, có tạm mượn cũng chỉ một trăm năm là nhiều rồi hoại diệt, mà có mấy ai đến hàng trăm tuổi! Dầu có chắt nữa thì cũng chỉ là một cụ già lụm cùm, tóc bạc da môi, chân run tay yếu, sống thừa với thể xác cần cỗi già nua, trọng nghiệp đeo đẳng dày vò, dầu đông con cháu cũng chỉ một mình mình chịu, một mình mình mang, ngán ngơ sớm tối. Đó là chưa kể đến những người mang trọng nghiệp bệnh tật hiểm nghèo, dầu đang ở trong mỏ bạc hầm vàng, họ hàng đông đảo, nhưng so với người có độ xác xơ, xó chợ găm cầu, thì nỗi khổ đau về thể xác nào có khác chi đâu?”

Đó chỉ luận về nhơn thân, Bản Đạo chưa bàn đến đen trắng, vinh nhục, ấm lạnh đổi thay của tình đời thế sự. (...) Nếu kiếp con người chỉ có như vậy, hưởng thụ bao nhiêu mà phải bị khổ

⁴⁵ CQPTGLĐĐ, 30-12 Tân Hợi, 14-02-1972.

đau cho đến giờ phút cuối, thì câu “vi nhân nan đắc” (được làm người rất khó) có nghĩa gì đâu. (...) Quả thật vi nhân nan đắc, từ muôn ức kiếp tiến hóa làm người, trong thể xác hữu hạn này còn có một cái sống bất hoại trường tồn, từ muôn ức kiếp đã phải trải qua bao nhiêu đoạn đường ô trược, thay đổi bao nhiêu tánh danh thể xác mà cũng vẫn còn. Chính cái bất hoại đó hiện có ở trong con người “Thiên hạ tối linh.” (...) Chư đệ muội hẳn đã biết cái bất hoại này là cái gì rồi. Đó là Thần Khí, là sự sống, là Tánh Mạng của chư đệ muội đó. ”⁴⁶

Nếu Thần Khí chủ sử rời ra thì cái thân tứ đại do đất nước gió lửa hợp thành này lại trả về cho tứ đại. Nếu hiểu biết như vậy, thì con người phải sớm giác ngộ, để không còn chú trọng bám víu vào thể xác hữu hạn này nữa mà lo chú trọng vào Tánh Mạng, Thần Khí của mình, phải biết tá giả luyện chơn để trở thành Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Ngài hỏi chúng ta:

“Tại sao người không làm được như vậy? Người không làm được vì người còn mê danh lợi phù phiếm bên ngoài mà quên cái tánh mạng bên trong, ôm chầm lấy cái giả, suốt đời nô lệ nó mà không biết trọng dụng nó, trau chuốt nó mà có biết đâu chính ta đã dày dạn ta phải khổ đau trong tám sơn mài danh vị lợi quyền, miếng ăn chỗ ở cũng vì nó. Có nhận biết rõ như thế, hành giả mới không mê mờ làm lẫn trọng giả khinh chơn.”⁴⁷

⁴⁶ Vĩnh Nguyên Tự, 10-5 Đinh Ty, 25-6-1977.

⁴⁷ Vĩnh Nguyên Tự, 10-5 Đinh Ty, 25-6-1977.

Giả là cái gì hữu hạn sẽ phải bị hủy diệt, chơn là cái gì không bị hoại diệt, nên cần phải gìn giữ trau luyện nó để diệu dụng trường tồn.

Đó mới thấy là diệu dụng của Đạo Pháp để tham cầu tu luyện, quả thật Tiên Phật chứng ngộ, Hiền Thánh không lầm vì từ vô lượng kiếp đã có biết bao nhiêu người ngộ Đạo, chứng đắc Phật Tiên mà chúng ta đang chiêm ngưỡng tôn thờ.

Vậy Đạo Pháp là gì?

Là những phương tiện pháp môn giúp hành giả tu luyện để có được một thể xác tráng kiện ít đau bệnh nhờ luyện Thân Khí, Âm Dương điều hòa và có được một tâm linh mẫn tuệ, thanh thản, thư thái, an nhàn, không vương mang phiền não bệnh tật, còn việc tạo Tiên tác Phật thuộc cõi hư linh.

On Trơn có dạy:

*“Đạo là sức sống thiên nhiên,
Pháp là chiếc Bát Nhã thuyền sang sông.”*

Đạo là sức sống thiên nhiên, là cứu cánh giải thoát luân hồi sanh tử cho con người, còn Pháp là chiếc thuyền Bát Nhã, là phương tiện đưa hành giả sang sông, từ bến mê lên bờ giác, qua sông phải bỏ lại bè. Hành giả không nên chấp pháp, vì chúng sanh căn trí vô lượng, tùy theo căn trí mà dẫn độ, cốt yếu là đạt được Đạo, là đắc nhứt, là giải thoát để cuối cùng được về hiệp nhứt với Đại Linh Quang Thượng Đế nơi Bạch Ngọc Kinh hay Niết Bàn.

Bồi công lập đức (làm công quả âm chất)

Việc thứ đến là hành giả phải bồi công lập đức cho dứt khoát nghiệp chướng tiền khiên của mình đã gây ra, để tạo nền móng khả dĩ xây cất được ngôi nhà Đạo Pháp vững vàng để hỗ trợ cho việc công phu tu luyện bớt phần khảo đảo khắc khổ. Đạo như chiếc thuyền, Đức như nước, nước có thì thuyền mới trôi sang. Phải hội đủ Đạo với Đức hành giả mới tu chứng được. **Cái vốn của công đức là tâm từ huệ, lòng bác ái vị tha dầu lớn dầu nhỏ cũng là công đức.** Hành giả đừng ngần ngại giàu nghèo, tùy khả năng mình mà thực hiện đừng từ nan, giúp người một viên thuốc, một chén cơm hay một chiếc áo cũng là làm công đức.

a. Đại Thừa Phật Giáo (lục độ ba la mật) dạy người làm phước:

1. Không nghĩ mình là người ban ân.
2. Không nghĩ người là người thọ ân mình.
3. Không nghĩ vật ban cho là của bố thí.

b. Giáo lý Cao Đài cũng có dạy làm công quả phải với tinh thần vô ngã, vô danh, vô công, không vụ lợi, làm vì lòng thương người đau khổ, coi đó là cần thiết như cơm ăn thuốc uống, như hơi thở.

Giúp người không kể công, không nêu danh và không nêu lại dấu vết, không cầu báo ân mới thiệt là công đức vô lượng. Điều quan trọng là hành giả phải có tâm Đạo chí thành, có đủ đức tin nơi Đạo Pháp, chấp nhận sự khảo thí vì vô ma khảo bắt thành Đại Đạo.

Chính Thầy đã cho biết trước lúc mới Khai Đạo năm Bính Dần 1926 (TNHT, tr. 75): Mở Đạo kỳ Ba này Thầy mở cuộc khảo thí để tuyển chọn những con xứng đáng đưa về Bạch Ngọc

Kinh cùng Thầy. Thầy lại tiên tri là Thầy thả một lũ hổ lang ở lộn cùng các con, lại hằng ngày xúi biếu nó cắn xé các con; song Thầy cho các con mặc một bộ thiết giáp, chúng nó chẳng hề thấy đặng, là đạo đức các con.

Nếu không có tâm Đạo chí thành, kiên nhẫn thì sớm muộn gì cũng bán đồ nhi phế (bỏ dở dang, bỏ cuộc giữa đường) thì phải chịu đọa lạc trầm luân nơi cõi trần ai khổ lụy này.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ra đời, Trời mở rộng ân xá kỳ ba, hễ biết giác ngộ, tu nhứt kiếp ngộ nhứt thời, Đức Chí Tôn Thượng Đế đã tuyên bố như vậy.

Tác dụng của Đạo pháp

Nhơn đây chúng tôi cũng xin nhắc lại lời dạy của On Trên mà chính những thiên sinh đã từng chứng nghiệm về tác dụng của Đạo pháp, vì nó không phải là trừu tượng mông lung, dị đoan mê tín, cho người đời ăn bánh vẽ.

Đạo pháp đem lại ba điều lợi ích như sau:

1. Trước nhứt là thần khí được điều hòa, thân tâm được an định. Thần khí, thân tâm được an định thì con người mới được tươi nhuận khỏe mạnh, khỏi bận lo đau ốm mỗi khi thời tiết đổi thay và khỏi tốn kém tiền thuốc men.

Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

*“Biết hô hấp còn hơn dụng thuốc,
Vận khí công là nước ma ha,
Nhơn thân ít bệnh lâu già,
Xác thân tươi nhuận, thịt da hồng hào.”*

2. Thứ hai là tâm thần được an định, lòng không vọng động tính toán giận hờn chất chứa, nên thấy nhẹ nhàng thanh thản và dễ nhận xét lỗi lầm sai trái mà chừa cải, trí não được miễn tuệ sáng suốt để dễ dàng giải quyết mọi việc xảy.

3. Thứ ba là có gần gũi thường với Thiêng Liêng bằng phương pháp tịnh tâm, thiền định hành giả sẽ tiếp được điển lành khiến cho lòng từ huệ sẽ khai mở, tánh tình sẽ dịu dàng, tánh sân si bớt dần, khiến lời nói dễ thương, dịu dàng, cảm hóa tha nhân.

Đó là ba điểm chánh yếu thực tiễn mà Đạo Pháp sẽ đem lại cho hành giả khi còn ở thế gian, còn việc thành Tiên tác Phật, khi công đức viên mãn đương nhiên sẽ kết thành quả vị. Xưa nay Phật Tiên, Hiền Thánh chứng quả cũng không ngoài việc đó.

Sau cùng chúng ta hãy đọc lại Thánh giáo của Đức Đông Phương Lão Tổ dạy về tác phong đạo hạnh của người tu thiền:

“Đã giác ngộ, biết cõi đời là trường tiến hóa của vạn sinh, thì hãy quay về sống Đạo tự hữu, tìm đến huyền môn, bước lên nấc thang đại thừa để học tu giải thoát. Giải thoát những phiền não vây hãm tâm hồn, che lấp chơn tánh, làm con người không trọn phận, không xứng đáng một con người mà nguồn gốc Thiên chân cũng đánh mất.

*Đã chấp nhận quày chơn trở lại, thời đầu là nấc thang đầu tiên (bậc sơ thiền) hành giả cũng phải thận trọng từ sự sống, ăn, mặc, ở, đủ thiếu giàu nghèo đều phải giữ **tiết độ tri túc, an phận tùy duyên**, để nội tâm được bình thản. Từ tư tưởng, hành động, ngôn ngữ đều phải khiêm tốn, từ hòa, mà không mất vẻ đoan trang nghiêm chỉnh. Nói tóm lại, đó là tác phong đạo hạnh*

của hành giả trong đời sống nội tâm và ngoại cảnh để tu tập Tam Công.

Hỡi chư hiền đệ hiền muội! Trước cuộc đời nhiều lẽ thạnh suy bĩ thối trong thời mạt kiếp này, chư hiền đệ muội cũng phải chịu nhiều thử thách đau khổ, nhưng trong đó cũng chính là đáp số cho mỗi người Thiên ân sứ mạng. (...)

***Tu** là phép chữa bệnh trần,
Thiền là đoạn diệt tham sân dục tình.”⁴⁸ ■*

Ngày 25-9 Giáp Tý (19-10-1984)

⁴⁸ Đức Đông Phương Chương Quán, 15-6 Canh Thân, 26-7-1980.

TÁNH MẠNG SONG TU

Đức Lý Đại Tiên Trưởng Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ dạy như sau: “*Trách nhiệm của Cơ Quan có hai điểm chính là tự độ và độ tha. Tự hoàn thiện mình và hoàn thiện tha nhân trên hai phương diện:*

1. *Phổ thông phổ truyền giáo lý về mặt ngoại giáo công truyền.*

2. *Đạt Đạo giải thoát bằng phương pháp **Tánh Mạng song tu** về mặt nội giáo tâm truyền, đó là cứu cánh.”*⁴⁹

Đơn kinh tuy có giải nhưng phần nhiều nói úp mở, dùng nhiều danh từ bí nhiệm ẩn giấu, không phô bày rõ ràng minh bạch, làm người tầm đạo khó hiểu nên nản chí. Vào thời kỳ Đại Ân Xá Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn Thượng Đế ban ơn cho phép phô bày đạo pháp đề tận độ quần linh, nên chư Tổ, chư Phật Tiên giảng cơ giải thích đạo pháp rất dễ hiểu, dễ hành; nếu quyết tâm cầu tu giải thoát, chỉ cần hành giả có một đức tin vững mạnh, một ý chí kiên cường bất thoái chuyển, siêng tu siêng luyện và hành thâm chuyên nhứt chánh pháp Cao Đài Đại Đạo, đương nhiên đạt Đạo quả.

Những Thánh giáo dạy về “**Tánh mạng song tu**” do các Đấng Tôn sư như Đức Lý Đại Tiên Trưởng Giáo Tông Vô Vi, Đức Đông Phương Lão Tổ, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, v.v...

⁴⁹ CQPTGLĐĐ, 22-01 Bính Dần, 02-3-1986.

đã ban cho chúng ta, quả thật là một ân huệ vô cùng trọng đại mà chúng ta được hạnh hưởng.

Đức Lý Giáo Tông dạy: *“Con người có Tánh Mạng. Tánh là Thiên Tánh, Mạng là Thiên Mạng, hai tú khí âm dương tạo thành là bản thể của Thiên Địa vạn vật.”*⁵⁰

Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

*Tánh (tính) Mạng là gì?*⁵¹

Là âm dương, thần khí đã xuất phát từ thuở hồng mông. Thuở hồng mông gọi là Vô Cực chưa phân, trong trạng thái lặng lẽ trống không, có hàm chứa cái huyền nhiệm là cơ, tức là **khí Tiên Thiên**. Tịnh cực mạnh động. Khí mạnh động là khắc cơ vẫn xây vô tận, sanh hóa vô cùng. Do chỗ không tên mà có tên là **Đạo**, là **Thái Cực**, là **Tánh**, là **Thần**.⁵²

Bổn Tánh và Nguơn Thần là một tịnh cực rồi động, động mà sanh, một là **Nguơn khí**, khí lại mạnh động, sanh ra Nguơn tinh, Nguơn khí, Nguơn thần. Kỳ thật là cơ, là mạng, là Khí vậy.

*“Khi sanh một khí bõng chia ba,⁵³
Vào cõi trần ai chịu võng la;
Lục đục thất tình trùm tánh mạng,*

⁵⁰ CQPTGLĐĐ, mùng 01 tháng Giêng Đinh Ty, 17-02-1977.

⁵¹ Sách Tính Mệnh khuê chỉ gọi tính là nguyên thủy chơn như, một điểm minh linh của Tiên Thiên và Mệnh là một khí chí tinh, chí thuần của Tiên Thiên.

⁵² Lão gọi là Thần; Nho, Phật gọi là Tánh (Tính).

⁵³ Một Khí Tiên Thiên chia ra ba là Tinh, Khí, Thần.

Nguyên nhân ý thức phải lần ra.”

Nói tóm lại Tánh Mạng là hai tú khí âm dương, là Thần Khí; Tánh là Thần thuộc Dương, Mạng là Khí thuộc Âm.

Thế nào là tu Tánh?

Tánh là Thiên Tánh vốn hồn nhiên thanh tịnh. Tu Tánh là không để cho tánh bị ô nhiễm trần cấu, không tham lam, tự ái, ích kỷ, độc tôn, không để nhiễm những thói hư tật xấu trần tục, đoạn trừ cho được thất tình lục dục, như lời dạy của Đức Đông Phương Lão Tổ dưới đây:

*“Trừ hết những thói hư tật xấu,
Trừ cho xong hủ lậu phạm phu;
Thoát ra bốn vách trần tù,
Tham sân si dục mị mù bốn bên.*

*Trừ cho được cái tên ảo vọng,
Trừ cho xong mằm mống lợi quyền;
Căn trần kết tập vô biên,
Thấy, làm, nghe, nói đảo điên rán trừ.*

*Trừ ích kỷ riêng tư tính toán,
Trừ mưu đồ độc đoán, độc tôn;
Cái mê vị kỷ bảo tôn,
Có nhân có quả dập dồn nào sai.*

*Diệt bên trong bên ngoài mới dứt,
Lập chơn tâm tình thức qui hàng;
Chủ nhân chánh toạ nghiêm trang,
Nội tâm ngoại cảnh tinh toàn biết bao.”⁵⁴*

⁵⁴ CQPTGLĐĐ, 04-6 Tân Dậu, 05-7-1981.

Nói tóm lại **tu Tánh** tức là **luyện kỹ** cho trở nên người thuần thành đạo đức, thuần chơn vô ngã để bước sang phần luyện Mạng, tức là tu kim đơn,

Thế nào là luyện Mạng?

Luyện Mạng là luyện âm dương, thần khí hỗn hiệp thành hình vóc kim thân xá lợi mà Đức Chí Tôn Cao Đài Thượng Đế gọi là nhị xác thân thiêng liêng để khi hồn lìa khỏi xác, nương theo đó mà trở về hội hiệp cùng Thầy. Thầy nói: *“Nếu không có nhị xác thân này thì các con không thể về gần Thầy được.”*

Luyện Mạng thuộc tâm truyền khẩu thọ, bằng pháp môn công phu của tân pháp Cao Đài. Nguyên tắc luyện Mạng, tức là luyện đơn là luyện tam bửu, là luyện Tinh Khí Thần có sẵn trong thân con người. Theo Đức Đông Phương Lão Tổ, thì khi con người được sanh ra, trước tiên có một khí là khí Hư Vô giáng trần nhập vào xác phàm và phải chia ba là Tinh, Khí, Thần để bảo tồn tánh mạng của con người. Muốn được trở về cõi Hư Vô nguyên thì phải lo tu luyện thế nào cho Tinh, Khí, Thần hiệp nhứt trở lại thành một mới hội nhập huyền đồng cùng với Hư Vô chi khí. Theo Đại Thừa Chơn giáo phải luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hóa Thần, luyện Thần hườn hư, luyện hư hườn vô... mới đắc Đạo. Đó là khẩu quyết sư trao thầy dạy cho những hàng thượng thừa theo lệnh dạy Thiêng Liêng chớ không được khinh truyền.

Theo Đạo Học Chí Nam: Tinh hóa Khí thì mạng bửu được sung mãn. Tinh không hóa khí thì tinh lậu, khí tiết, thần hồn hôn mê, mạng căn suy hoại. Tinh đã tiết lậu thì tinh động, dục

sanh, gây họa khổ cho con người, chẳng những kiếp sống hiện tiền, mà còn kéo mãi trong ba nẻo sáu đường, vô lượng kiếp trải qua biết bao giờ dừng nghỉ.

Nên phương pháp tu đơn để giữ mạng sống cho người không chỉ hơn là ngăn tình chế dục, đoạn niệm, để Tinh không lậu, Khí không hao, thì Thần được sáng, Tánh Mạng bền chặt, hưởng phước trường sanh.

Hành giả phải chí thành cầu đạo, phải gõ cửa Cao Đài, cửa Cao Đài sẽ mở cho những ai có căn cơ.

Tại sao phải song tu Tánh Mạng?

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát giải thích cho chúng ta rõ:

*“Tánh Mạng phải song tu. Nếu tu Tánh không tu Mạng cũng không được, nhược bằng tu Mạng thiếu tu Tánh cũng chẳng xong. Hãy cố gắng vươn lên để làm chủ bản tâm, tập rèn bản tánh, kèm chế lục dục, rào đón thất tình, học đòi theo gương các hàng Phật Tiên Thánh Thần. Có được những đức tánh các bậc đó, mới có thể trở thành Thần Thánh Tiên Phật.”*⁵⁵

Tu Tánh là phải sửa cái tánh thường tình đang có: vui buồn hờn giận ghét thương xáo trộn. Hễ còn thương ắt còn ghét, còn vui ắt có buồn, còn mừng rồi có lúc giận dữ lo âu. Nên người tu tánh phải chấp nhận từ từ diệt bỏ, trơ trơ như đá, vững vàng như đồng, cái công dụng nhiệm mầu ở bên trong.

Ngoài ra đến việc uống ăn, ngủ nghỉ, người tu Tánh luyện Mạng cũng phải điều hòa mực thước, giữ gìn cho điềm đạm

⁵⁵ Thánh tịnh An Tiên, 02-02 Đinh Mùi, 11-3-1967.

thanh khiết, không tạp nhiễm bởi những món ngon vật lạ có thể làm hại đến tạng phủ, năng nhiệt năng hàn, vô cố vô độ.⁵⁶

Đức Lý Đại Tiên Trưởng dạy: *“Hàng Đại thừa thực hành sứ mạng thiêng liêng, thì luôn luôn phải tu Tánh luyện Mạng cho thuần thực chơn chất, phải giữ lòng thanh tịnh như như. Dầu đứng trước muôn ngàn ngoại cảnh đổi thay, cũng đừng để lòng xao động, luôn luôn diệt trừ phiền não chấp trước để không vui, không buồn, không nhọn, không ngã, không bận, không thù, không tà, không chánh, không thị phi ân oán.”*

Tóm lại: “Niệm lự giai vong, vạn duyên đốn tuyệt”.

Tại sao lại phải song tu Tánh Mạng đủ cả hai phương diện?

Đừng tưởng chỉ làm công quả bồi công lập đức là đủ điều kiện để về hưởng thú an nhàn vĩnh viễn nơi Tiên cảnh mà không lo bỏ tấc thêm phần luyện Mạng hay công phu hồi hột non kém, vì chính Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ có minh xác trong Đại Thừa Chơn Giáo: *“Muốn thành Tiên Phật phải luyện Mạng, tu có nhiều công đức thì còn luân hồi để hưởng giàu sang, vì không có kim thân khó trở về.”*⁵⁷

Đức Ngô Đại Tiên cảnh giác như sau: *“Tiên Huynh cũng khuyên chư đệ đừng ai nghĩ rằng được Thầy chấp nhận vào hàng Đại thừa, được trao quyền đạo pháp, mà tâm hạnh, tâm đức hiện tiền còn đơn bạc, đến khi thoát xác là được đắc Tiên thân. Đó là việc làm hết sức lầm lẫn. Hoặc về cõi trên sẽ tu tiến, đây là việc rất khó khăn, vì trước kia Đức Chí Tôn cho tam thập*

⁵⁶ Thầy có dạy: Cao lương mỹ vị hại thân phạm.

⁵⁷ Đức Lữ Tổ cũng nói: *“Chỉ tu Tính mà không tu Mạng, đó là hành đệ nhưt bệnh. Chỉ tu tổ tính chẳng tu đơn, vạn kiếp âm hồn khó nhập Thánh”.*

lục động khảo thí nguyên nhân, phải có đủ pháp lực thần thông, công cao hạnh tốt mới được ngồi trên hàng Tiên Phật cho chúng nó từng phục.” (10-10 Nhâm Tuất). ■

Phần 2

Bài viết về giáo lý tổng quát

- TU LÀ LÀM CÁCH MẠNG
- ƯỚC VỌNG THỐNG NHẤT TINH THẦN TRÊN PHƯƠNG DIỆN GIÁO LÝ
- "THƯỢNG BẤT ĐỨC, THỊ DĨ HỮU ĐỨC, HẠ ĐỨC BẤT THẤT ĐỨC, THỊ DĨ VÔ ĐỨC"
- TAM GIÁO ĐẠO TỎ ĐỀU ĐỒNG QUYỀN DƯỚI ĐỨC CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ
- NHÂN BẢN TRONG GIÁO LÝ CAO ĐÀI
- THỬ NÊU NHỮNG YẾU ĐIỂM CỦA GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
- THUẦN CHƠN VÔ NGÃ
- LÝ HUYỀN NHIỆM CỦA NGŨ GIỚI CẨM CAO ĐÀI
- VẤN ĐỀ XUẤT GIA
- NGƯỜI TU HÀNH CẦN PHẢI BỒI CÔNG LẬP ĐỨC
- CHƠN DUNG NGƯỜI CHƠN TU
- XUÂN ĐẠO, XUÂN TÂM
- HỌC HẠNH TỨ VÔ CỦA TAM GIÁO

- THƯƠNG THƯƠNG, GHÉT GHÉT AI THẤU ĐÁO VẬY ÔI!
- MUỐN HƯỞNG ĐỜI THƯỢNG NGUỒN THÁNH ĐỨC
- TRIẾT LÝ CAO ĐÀI ĐỐI VỚI TRIẾT LÝ NHÂN SINH
- NGƯỜI HƯỚNG ĐẠO HẪY LẤY NƯỚC LÀM GƯƠNG
- THỬ TÌM HIỂU THẾ NÀO LÀ ĐỜI NGHIÊU THUẬN
- SỐNG ĐẠO
- THIÊN ĐỊA CHI TÂM
- CAO ĐÀI TUYÊN NGÔN VẠN GIÁO NHỨT LÝ
- ĐẠI NGUYỆN CỦA THẦY
- TÌM HIỂU THẾ NÀO LÀ SỨ MẠNG THIÊN ĐẠO ĐẠI THỪA
- HÃY NHÌN NHỮNG PHO TƯỢNG LỘ THIÊN CỦA ĐỨC QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT
- LÀM THẾ NÀO ĐỂ XỨNG ĐÁNG LÀ DÂN TỘC ĐƯỢC CHỌN
- TÂM HẠNH ĐẠI THỪA
- CÔNG QUẢ THẾ NÀO LÀ CHÁNH DANH VÀ ĐÚNG NGHĨA?
- ĐẮC NHỨT
- ÔN LẠI NHỮNG LỜI DẠY CỐT YẾU CỦA ĐỨC ĐIỀU TRÌ KIM MẪU

TU LÀ LÀM CÁCH MẠNG

Để bổ túc ý kiến cho buổi học tập Thánh giáo của Đức Ngô Đại Tiên đêm mừng 2 tháng 11 vừa rồi, đàn cơ 14 tháng 3 Tân Hợi (10-3-1971), chúng tôi xin khai triển câu: Tu là cách mạng bản thân, bản tâm và bản tánh để thực hành cho đúng đạo lý.

Ngoài đời, nói đến làm cách mạng, là làm thế nào để có thể thay đổi một chế độ của một quốc gia, ví dụ như lật đổ một chế độ quân chủ, phong kiến, độc tài hà khắc, bóc lột dân chúng làm cho dân tình thán oán vì lầm than cơ cực khốn cùng, làm cách mạng là lật đổ chế độ thối nát lỗi thời độc ác bất công đó để thay đổi một chế độ dân chủ đem lại tự do bình đẳng, công bình hạnh phúc cho toàn dân. Còn vào đạo là để tu thân hành đạo, là để tự cải tạo lối sống hủ lậu phàm phu xấu xa ích kỷ của mình trước khi tu để sửa đổi lại tánh tình con người cũ trở thành con người mới thiện lương đạo đức thánh thiện.

Nên Đức Đại Tiên Ngô Minh Chiêu dạy chúng ta phải luôn luôn nhớ điều này: Tu là cách mạng bản thân, bản tâm và bản tánh. Chúng ta thử khai triển cho sâu thế nào là cách mạng bản thân rồi đến cách mạng bản tâm và bản tánh. Thế nào là cách mạng bản thân? Trước khi chúng ta giác ngộ biết lo tu, chúng ta làm nô lệ cho bản thân thể xác của chúng ta, chiều chuộng phục vụ thỏa mãn dục vọng ham muốn của xác thân như tham ăn món ngon vật lạ, cao lương mỹ vị, tham mặc đẹp trang sức sang trọng, ở nhà cao cửa rộng, tham sắc, tham tiền, tham địa vị quyền thế danh vọng...

Nay giác ngộ biết tu rồi thì làm cách mạng là triệt hạ diệt bỏ hết những thứ ăn uống mặc ở địa vị xa hoa phù phiếm để phục

vụ thỏa mãn xác thân, ta lật đổ địa vị làm chủ của nó, sai khiến điều khiển nó làm những việc nghĩa nhân đạo đức, phục vụ hạnh phúc của tha nhân, không còn vị kỷ độc tôn, nay cách mạng phải đổi tính ích kỷ thành vong kỷ vị tha, quên cá nhân bản ngã mình mà nghĩ đến lợi ích hạnh phúc cho tha nhân, tức là thực hiện lòng từ bi của Phật, bác ái của Tiên và công bình của Thánh.

Khi chưa biết tu, thì ta chiều theo thân ta lười biếng không chịu khó nhọc làm điều thiện, ích lợi mà chỉ biết có hưởng thụ, rong chơi ham mê đàn hát, thả theo đàng điếm. Tu rồi phải cách mạng, làm trái ngược lại, đổi biếng nhác ra siêng năng, đổi uơnon hèn nhu nhược ra dũng cảm đại hùng đại lực vượt mọi gian lao khổ cực để hoàn thành nhiệm vụ vì nhân, xứng đáng là con người nhân bản có nguồn gốc Thiên chân, là đứa con ngoan hiếu hạnh của Đại Từ Phụ Cao Đài Thượng Đế, xứng đáng là con của Thầy (Thầy là các con, các con là Thầy).

Đức Đông Phương Lão Tổ nhắc nhở chúng ta:

“Mình biết mình bẩm sinh Thiên Địa,
Sao làm sao đúng nghĩa vì nhân,
Vào trần thôi chớ lụy trần,
Nhớ bao nhiêu kiếp kim thân lạc loài.”⁵⁸

Và khuyên chúng ta phải lo phần bổn huần nguyên trở về nguồn gốc Thiên chân của mình qua con đường Đại Đạo để giải thoát kiếp luân hồi đọa lạc trần ai của mình. Đức Tôn Sư khuyên:

“Tâm trần vương mắc rộn ràng,

⁵⁸ CQPTGLĐĐ, 04-6 Tân Dậu, 05-7-1981.

Rút gương thân huệ đoạn phăng cho rồi.”⁵⁹

Làm cách mạng bản thân là phải dùng gương thân huệ chặt đứt diệt trừ:

*“Trừ hết những thói hư tật xấu,
Trừ cho xong hủ lậu phạm phu;
Thoát ra bốn vách trần tù,
Tham, sân, si, dục, mị mù bốn bên.”⁶⁰*

Cách mạng bản thân cũng là giải thoát bản thân khỏi bốn vách ngục tù giam hãm là Tù, Khí, Sắc, Tài: nó nhốt, nó mê hoặc con người tối tăm ngu muội, quên hẳn đường đi lối về của bản nguyên.

Thế nào là cách mạng bản tâm, bản tánh?

Sách Dưỡng Chơn Tập có giải thích chữ Tâm như sau:

“Người ta chỉ có một chữ Tâm: ra ngoài là tình, vào trong là tánh, đi xuôi là thức, trở ngược là Trí. Người tu làm cách mạng bản tâm là làm cho cái tình, thất tình mừng, giận, thương, ghét, buồn, vui, sợ phát hiện ra ngoài, đem chúng trở lại vào trong tâm trung thành ra tánh”. Đúng theo lời dạy: “Đem tình hợp tánh chơn tâm sáng ngời” của Đức Lão Tử Đông Phương.

Cách mạng bản tâm cũng là “*chuyển thức thành huệ trí*” bằng cách phản quán vào nội tâm hay hồi quang phản chiếu của các thiền gia khi thiền định. Phản quán hay ngó ngược trở vào tâm hay Hồi quang phản chiếu là đem ánh sáng của đôi mắt

⁵⁹ CQPTGLĐĐ, 04-6 Tân Dậu, 05-7-1981.

⁶⁰ CQPTGLĐĐ, 04-6 Tân Dậu, 05-7-1981.

chiếu ngược vào trong tâm nội. Để chi? Để giữ tâm thanh tịnh mà quán xét, chiếu soi rọi trong khắp tâm mình, để nhận định mà bỏ, diệt trừ những ý nghĩ tư tưởng quấy quá xằng bậy không cho chúng biến thành tình thức để chúng không gây ảnh hưởng làm xáo động tâm tư trở thành vọng tâm. Phương pháp quán tâm phải dùng hai mắt ngó vào tâm vì hai mắt có luồng quang tức hai luồng ánh sáng như ánh đèn pin ta rọi nơi tối tăm để thấy cho rõ vật gì ở trước mắt ta. Còn tâm thì vô vi, muốn nhận được tình thức phát hiện ta phải giữ tâm thật yên lặng, thanh tịnh nó có phóng ra phải thu về, định chúng lại vào tâm, chừng đó tình thức, mừng vui phiền não giận hờn.v.v... nổi lên ta nhận thấy lũ quỷ ma thất tình đó phát hiện, tức thì ta cương quyết diệt trừ thủ tiêu không cho chúng nổi dậy, đó là chuyển thức thành huệ trí tu công.

Tu công tức là cách mạng bản tâm bản tánh. Nhà Phật gọi Minh tâm kiến tánh, dịch tắt là sáng lòng thấy tánh, thấy được Như Lai, được Phật thì chứng quả đắc Đạo theo Tiên gia.

Đức Lão Tử có dạy các thiên sinh:
 “Muốn bỏ dữ theo lành không khó,
Thánh với phàm nào có xa đâu;
Do tâm biết chỗ sở cầu,
Câu tâm phóng ngoại mà thu trở về.

Pháp thu tâm không hề rắc rối,
Quay về tâm là lối tâm về;
Ra vào hô hấp tĩnh mê,
Âm dương đóng mở đều về bốn căn.

Đạo là một cơ năng giản dị,
Người chỉ cần đại chí, đại tâm;
Giữ lòng chuyên nhứt hành thâm,

Dem tình hợp tánh chơn tâm sáng ngời.”⁶¹

Để kết luận, xin tiếp nhận lời dạy của Đức Ngô Đại Tiên trong bài Thánh giáo: *Nếu vào Đạo rồi mà không sửa đổi được tánh ác ra thiện, tánh ngu thành hiền, phàm tâm ra thánh tâm, những ngôn ngữ thất đức thất nhân tâm ra thành lời khuyên thánh thiện, thì không thể nào gọi rằng tu, rằng cách mạng bản thân được....*

Hai chữ cách mạng là sửa đổi, Đức Ngô Đại Tiên lại nhấn mạnh thêm hai chữ nghịch hành là đi ngược trở lại chớ không đi suốt theo thế tục thường hành để phản bổn huồn nguyên tức là để trở về nguồn gốc thiên chân của mình là từ khối Đại linh quang của Thầy Thượng Đế, hằng ngày phải chuyên cần tu sửa tánh tình của mình cho trở nên mới, càng mới thêm mãi mãi (do câu nhựt nhựt tân, hựu nhựt tân của Nho giáo).■

⁶¹ CQPTGLĐĐ, 04-6 Tân Dậu, 05-7-1981.

ƯỚC VỌNG THỐNG NHẤT TINH THẦN TRÊN PHƯƠNG DIỆN GIÁO LÝ

Mọi tín hữu Cao Đài đều ở Chi phái nào, cũng ước mơ và cầu nguyện cho toàn Đạo được thống nhất trên phương diện giáo lý thuần nhất Cao Đài để có một niềm tin vững chắc suốt cuộc đời hy thân hành đạo để tự độ và độ tha thoát khỏi trầm luân đọa lạc nơi cõi trần ai hệ lụy này trong thời kỳ đại ân xá lần ba của Đức Chí Tôn Cao Đài Thượng Đế với Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tức đạo Cao Đài. Thế nhưng trên 70 năm vì phạm tâm dục vọng cá nhân, nên Đạo của Thầy bị chia năm xẻ bảy làm cho nhơn tâm ly tán, chánh pháp không được hoằng dương khắp toàn sanh chúng đúng theo Thánh Ý cơ Trời, làm cho nhơn sanh tín hữu thất vọng không ít và con đường tu học hành đạo lắm khi giải đãi chôn chum chậm tiến.

Hiện tại việc thống nhất tổ chức Đạo là việc vô vàn khó khăn vì nhơn tâm ly tán, hoàn cảnh chưa thuận tiện, người có tâm chí thành vì Thầy, vì Đạo không lẽ khoan tay ngồi than thở không làm gì chuẩn bị cho tương lai Đạo. Điều cần nhất hiện nay chúng ta nên hiệp tư tưởng để thống nhất tinh thần trên phương diện giáo lý cho thuần nhất Cao Đài, cho tín hữu Cao Đài từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau trên khắp lãnh thổ Việt Nam đều hiểu thông một giáo lý đồng nhất và cho ngoại nhơn không còn thắc mắc về sự chia rẽ của tôn giáo Cao Đài.

Chúng ta hãy dựa vào những điểm tương đồng của toàn Đạo.

1. Điểm thuận lợi nhất là tôn giáo Cao Đài là một tôn giáo của dân tộc quốc gia, xuất phát từ lòng dân tộc Việt Nam có truyền thống hiền hòa đạo đức trên 4000 năm văn hiến từ thôn quê đến thành thị, từ các tầng lớp xã hội, công nông trí thức, giáo lý được gieo truyền bằng tiếng mẹ đẻ nước nhà dễ hiểu, dễ truyền cảm vào tâm thức người Việt Nam hơn các tôn giáo khác du nhập với ngoại ngữ, phong tục tập quán khác chúng ta phải xuyên qua thông dịch.

2. Đó là một hãnh diện và hạnh phúc lớn lao của dân tộc Việt Nam được chính mình Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế chọn để khai Đạo và từ đây sẽ phóng phát ra năm châu thế giới. Ngài long trọng phán:

*" Chính mình Thầy đến chốn Nam Bang,
Mượn đất đem gieo mối Đạo vàng,
Trời nước vun phân Nho, Thích, Lão,
Nâng cày sửa lá Pháp, Hòa, Tăng.
Muôn dân cộng hưởng trăm màu sắc,
Một nước âu ca vạn nẻo đàng.
Biết phận thì con lo vẹn phận,
Chờ khi tái tạo cõi dinh hoàn. "* ⁶²

3. Điểm đồng nhất thông cảm nhau giữa tín đồ các chi phái Cao Đài là đồng nhìn nhận chính mình Đức Thượng Đế đến khai Đạo tại xứ Việt Nam vào năm Bính Dần 1926, tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát với danh hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay đạo Cao Đài.

Chỉ có Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế là Giáo chủ của đạo cao Đài vì chính mình Ngài đứng ra sáng lập Đạo với tuyên

⁶² Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, 14-01 Bính Ngọ, 03-02-1966.

ngôn vừa kể trên, còn các vị tiền bối khác như Ông Ngô Minh Chiêu, Ông Hộ Pháp Phạm Công Tác chỉ là những môn đồ đầu tiên của Đức Chí Tôn Cao Đài Giáo Chủ.

Toàn thể môn sanh của Đức Cao Đài Thượng Đế phải dứt khoát khẳng định như vậy, đừng để cho ngoại nhơn thác mắc hoang mang là một lỗi lầm rất lớn đắc tội với Thầy. Tất cả đều cùng một Đạo, một Cha, một Thầy. Chỉ gọi Đức Cao Đài Thượng Đế là Thầy mà thôi vì Thầy luôn tự xưng Thầy các con.

4. Tất cả môn sanh Cao Đài không phân biệt Chi Phái, đều đồng nhưt thờ Thiên Nhân. Nếu không thờ Thiên Nhân là không phải tín đồ Cao Đài chánh thức.

5. Cách thờ phượng trên Thiên Bàn đều không khác, miễn là trên cao nhưt thờ tượng Thiên Nhân, còn ở dưới thờ tượng Ngũ Chi hay riêng Phái Chiếu Minh thờ thêm thập tự tam thanh và tượng đức Ngô Minh Chiêu là vị sáng lập riêng của Phái Chiếu Minh mà thôi. Đó là thiếu sót đối với đại toàn thể.

6. Cách thờ phượng trên Thiên Bàn không khác nhau, chỉ có chỗ đặt lư hương cắm 5 cây nhang. Các Chi Phái Phổ Độ thì để ở hàng đầu phía trước giữa hai chân đèn. Còn Chiếu Minh Vô Vi thì để chính giữa cũng không ngại gì. (5 cây nhang tượng trưng Ngũ khí triều ngươn).

Ngoài ra, tất cả đều chong một ngọn đèn Thái Cực đặt dưới tượng Thiên Nhân. Bên Đông chung bình bông, bên Tây chung đĩa quả tử (nhìn từ ngoài ngó vô Thiên Nhân) đều có hai chén trà (âm), nước lã (dương) và ba ly rượu. Hai ngọn đèn chung tả hữu tượng trưng cho âm dương. Cách thờ phượng trên Thiên Bàn là mượn hữu hình bày tỏ đạo vô vi để nhắc nhở người tu Cao Đài phải mượn hữu hình qua cửa của tôn giáo, mà tiến vào

Đại Đạo vốn là vô vi, không hình, không tướng, không tiếng, không hơi.

7. Về kinh tụng: Riêng Phái Chiếu Minh tụng có một bài Đại La Thiên Đế giống như các Chi phái khác. Có Chi phái như Tiên Thiên còn đọc thêm các bài xung tụng Tam giáo Đạo Tổ của Thích Giáo, Lão Giáo và Nho Giáo, các bài xung tụng Tam Trấn Oai Nghiêm, Đức Ngô Minh Chiêu, Đức Chúa Jêsus khi đến ngày Vía của quý vị này. Trong các bồi lễ cầu bệnh, tang tế, cầu siêu.... đều theo Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo của Hội Thánh đầu tiên xuất bản.

Đặc biệt bài Kinh nôm "Lạy Mẹ đại từ đại bi" bị Tòa Thánh Tây Ninh tuyệt đối phủ nhận cùng với các bài kinh xung tụng các Đấng vì không phải do cơ bút của Tòa Thánh Tây Ninh xuất phát. Tưởng việc kinh kệ dị đồng hiện nay không quan hệ lắm, không nên vì lý do quá tôn trọng tinh âm sắc tướng mà làm trở ngại sự thống nhất tinh thần trên phương diện giáo lý Cao Đài cho đồng nhứt. Đó là một bước tiến cần thiết phải đạt cho được bước đầu rồi dần dần tiến từ bước đi đến chỗ dung hợp sau qua các đại hội như sanh. Nếu còn cố chấp ắt sẽ giẫm chân tại chỗ hoài như trước kia. Xe trước đỗ, xe sau cần phải tránh là điều nên lưu tâm cẩn trọng.

8. Về luật lệ Đạo: Điểm tương đồng giữa các Chi Phái Phổ độ đáng khích lệ là tất cả đều công khai nhìn nhận bộ "Tân Luật và Pháp Chánh Truyền" đã được Ôn Trên ân ban từ buổi Khai Đạo.

Quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyền mà Ngài Phạm Hộ Pháp gọi là bộ Thiên Thơ, cũng được các Hội Thánh dùng làm bộ

kinh tổ của toàn Đạo. Đó là một điều hết sức quan trọng khích lệ cho sự thống nhất trong tương lai.

Tóm lại: Những điểm tương đồng như cùng thờ Thiên Nhân, Thiên Bàn thờ phượng giống nhau, sử dụng bộ Tân Luật và Pháp Chánh Truyền cùng áp dụng Thánh Ngôn Hiệp Tuyển để tu học hành đạo là nền tảng căn bản tiến lên đến sự thống nhất tinh thần, không nên đá động đến sự thống nhất tổ chức hành chánh.

Còn phần nhìn nhận một giáo lý thuần nhất Cao Đài là điểm rất khó khăn nan giải hiện nay. Các Chi Phái chưa được hiệp nhất tư tưởng vì chưa có Hội Thánh nào đến nay ra được một quyển Sử Đạo chính xác trung thực, khách quan, không thiên vị và một bộ giáo lý đại toàn có thể được toàn đạo chấp nhận. Sự hợp tác chân thành đoàn kết giữa nhơn vật chức sắc lãnh đạo các Chi Phái rất cần thiết. Vì thế nhiệm vụ làm gạch nối liền, làm bay hồ gắn bó tình huynh đệ đạo đồng giữa các Hội Thánh, Thánh Thất, Thánh Tịnh là điều cần thiết mà Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý phải đảm nhiệm vì là bộ máy sau cùng của cơ phân hóa nền Đạo, nặng mang sứ mạng trọng đại và gian khổ đó. Việc làm đòi hỏi sự hy sinh tự ý cá nhân và phải dụng tinh thần thuần chơn vô ngã mới mong gặt hái được kết quả.

Còn một điểm sau cùng gợi ý cho bước đầu dẫn đến việc thống nhất tương lai là khoản Tinh thất ghi trong Bộ Tân Luật Chương II - điều 13 như sau: Trong hạng Ha Thừa ai giữ trai kỳ từ 10 ngày sắp lên được thọ truyền bửu pháp vào Tịnh thất có người chỉ tu luyện".

Và ở phần Thế luật cũng có nói đến sự tổ chức các Tịnh thất với 8 điều luật rất chi tiết cho các tịnh viên".

Nhìn chung, rất ít Hội Thánh tuân hành trọn vẹn Tân Luật của Đại Đạo. Đó là một khuyết điểm rất lớn đối với Đức Chí Tôn Thượng Đế vì từ khi mới Khai Đạo, Đức Chí Tôn đã ban ơn cho môn sanh thọ truyền bửu pháp dễ dàng hơn xưa là trai kỳ 10 ngày trở lên thì được thọ pháp chớ chưa bắt buộc trường trai, trừ khi bước sang hàng Thượng thừa luyện đạo, hiệp Tam Bửu Tinh Khí Thần để tạo nhị xác thân thiêng liêng hầu khi hồn lìa khỏi xác nương theo đó mà trở về hiệp nhứt cùng Thầy Thượng Đế.

Các Hội Thánh, các tịnh trường liên hữu nên hội hiệp nhau lại thống nhứt thực hành chung một pháp môn tu tịnh duy nhứt Cao Đài mà thôi. Duy các tịnh trường vẫn tổ chức theo thể lệ của mình không ai có quyền xen vào nội bộ để chờ đợi một Hội Thánh duy nhứt tương lai quyết định.

Bước đầu chúng ta thí nghiệm trước về phương pháp tu luyện đồng nhứt để hướng dẫn tín đồ Cao Đài thật hành chánh pháp không để cho bàng môn tả đạo mê hoặc dụ dỗ dẫn dắt theo tà quái, vì dục vọng mong thành Tiên Phật dễ dàng mau chóng. Các vị lãnh đạo hãy ngồi lại với nhau thảo luận trong tình đồng đạo thương yêu để tìm một giải pháp chung trong giai đoạn hiện tại.

Đó là niềm ước vọng thiết tha của một số đồng đạo hữu muốn cầu tu giải thoát theo tân pháp ân xá Cao Đài. ■

"THƯỢNG ĐỨC BẤT ĐỨC, THỊ DĨ HỮU ĐỨC, HẠ ĐỨC BẤT THẤT ĐỨC, THỊ DĨ VÔ ĐỨC"

Trong một đàn cơ trước đây, Ôn Trên dạy Đạo trưởng Huệ Lương giải nghĩa hai câu trên trích trong Đạo Đức Kinh (chương 38). Đạo trưởng trình bày thông suốt nhưng chúng tôi lúc đó không lãnh hội kịp ý nghĩa phải về nhà tìm đọc và suy gẫm mới thấu lý cao diệu của câu kinh.

"Thượng đức bất đức, thị dĩ hữu đức. Hạ đức bất thất đức, thị dĩ vô đức."

Xin tạm dịch:

"Người có đức cao, không cố ý cầu đức cho nên có đức. Người có đức thấp, cố ý cầu đức nên không có đức."

Tiếp theo câu trên, Đạo Đức Kinh viết:

"Thượng đức vô vi nhi vô dĩ vi. Hạ đức vi chi nhi hữu dĩ vi."

Tạm dịch:

Người có đức cao không làm nên không có gì để làm. Người có đức thấp làm nên mới có cái để làm.

Giải rộng cho dễ hiểu hơn: Người có đức cao dày, không cố ý cầu có đức cho mình, không tạo phước đức quả công cho riêng mình để được danh vọng, tiếng khen. Họ chỉ làm một cách tự nhiên đương nhiên với tinh thần vô kỷ, vô danh, vô công với

Thiên Địa chi tâm; giống như Trời Đất sinh muôn vật, đức lớn rất mực mà Trời Đất chưa từng nhận lấy làm có đức, muôn vật cũng không hề biết đến Đức của Trời Đất, ấy chính là không cần Đức, không nhận, không biết Đức, mới là có Đức siêu việt hoàn toàn.

Trái lại, người hạ đức thì chấp đức, muốn cho có đức để được tiếng có đức, tức là không có đức. Như ông Đế, ông Hoàng cai trị thiên hạ lo ban ơn bố đức trong dân chúng, khiến trăm họ gọi nhuần ơn mưa móc mà kính yêu ca ngợi, ấy chỉ là thuật lợi dụng trong khoảng dưới trên giao dịch. Chứ không phải Đức thực.

Ban ơn bố đức để mua chuộc lòng yêu mến của người đời, tuy có vẻ vì người nhưng vốn thực vì mình, vả lại, làm đức làm ơn không lan đều khắp mọi nơi, luôn luôn có chỗ, có cái phải làm.

Tóm lại, bậc Đức cao không làm, cũng không có cái để làm vì sánh với Đạo đã cùng một thể như nhau; trái lại, bậc Đức thấp chưa đạt tới Đạo thể hoàn toàn nếu càng làm, càng cố ý gắng công, càng nảy ra nhiều cái phải làm hơn nữa.

Ngài Huỳnh Nguơn Kiệt có giải thích đoạn này cho đệ tử như sau: "Đức Thái Thượng muốn con người phản bản hoàn nguyên, mới vì họ than rằng: Người bậc thượng đức vô vi chỉ suất tánh (nói theo tánh) mà thôi chẳng biết có đức thể nên đức đó thường còn. Người bậc hạ đức hữu vi, biết cái hay đẹp của đức, nhân ưa cái danh đó, ham hành cái đức đó, chỉ lo sợ mất đức đó thì mất luôn danh đó. Hai thứ quan niệm này tranh nhau âm thầm, đốn phá chẳng còn, giống như một lòng thành bất nhị

của bực thượng đức, một mảy niệm tướng chẳng còn, do hữu đức mà trở thành vô đức vậy. "

Để hiểu rõ hơn, ta nghe câu chuyện Lương Võ Đế hỏi Đức Đạt Ma Tổ Sư: “Suốt đời trăm làm những việc lập chùa, cúng tăng, bố thí trai diên; như vậy có công đức chi không?”

Đức Đạt Ma Tổ Sư trả lời “Thật không có công đức”.

Đức Lục Tổ Huệ Năng giải thích trong “Pháp Bửu Đàn Kinh” như sau:

“Thật không có công đức. Đừng nghi lời nói của Tiên Thánh, bởi vì vua Võ Đế còn tâm vọng, chưa rõ pháp chơn. Việc lập chùa cúng tăng, bố thí trai diên là tu phước, chẳng nên nhận phước là làm công đức, vì công đức ở trong pháp thân chớ không phải ở chỗ tu phước”.

Ngài dạy tiếp:

“Kiến tánh là công, bình đẳng là đức, niệm niệm không ngăn ngại, hằng thấy diệu dụng chơn thật của bốn tánh gọi là công đức. Trong tâm khiêm tốn là công; ngoài, làm đúng theo lẽ là đức. Tự tánh xây dựng muôn pháp là công, tâm thể là vọng là đức.

Không ly tự tánh là công, ứng dụng không nhiễm là đức, nếu tìm công đức trong pháp thân thì y theo đó mà làm, mới phải chơn công đức. Muốn tu chơn công đức thì giữ tâm chẳng khinh thị, lại còn biết khiêm tốn kính nhường. Như tâm hay khinh thị người, thì tất chấp ngã chẳng dứt, tức là không có công; như tánh xảo trá chẳng ngay thẳng tức là không có đức.

Vì tạt chấp ngã, tự tôn, tự đại thường chê bai, giả dối mà tổn công đức.

Niệm niệm không gián đoạn là công, tâm giữ bình trực là đức.”

Ngài luận về công đức như sau: *“Công đức tu hành phải thấu triệt trong tự tánh, chẳng phải do sự bố thí cúng dường mà cầu được. Bởi nên, phước đức với công đức khác nhau. Đó là vua Võ Đế chưa đạt chơn lý, chớ không phải Tổ Bồ Đề Đạt Ma nói sai”.*

Theo giáo lý Cao Đài, công đức là công quả âm chất làm một cách lặng lẽ âm thầm, kín đáo không cho biết, đúng theo câu *“Thiên hành vô triệt tích, thiện ngôn vô hà tích”* (ĐĐK chương 27) nghĩa là làm việc lành không để lộ dấu vết, khéo nói không để bị chê trích bắt bẻ.

Đức An Hòa Thánh Nương dạy: *“Công quả muốn được chánh danh và đúng nghĩa của nó, đúng giá trị của nó và đáng được ghi phần âm chất phải là công quả xuất phát từ lòng tự giác, tự nguyện và thiết tha với nó, xem nó là nguồn sống của đời người như cơm ăn, nước uống, hơi thở, áo mặc, nhà ở và như lương dược trị bệnh.”*⁶³ ■

⁶³ VPPTGL, 14-5 Mậu Thân, 09-6-1968.

TAM GIÁO ĐẠO TỔ ĐỀU ĐỒNG QUYỀN DƯỚI ĐỨC CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ

Người tín đồ Cao Đài vào Tòa Thánh hay tại tư gia đều thấy có thờ y như sau:

Trên cao thờ Thiên Nhân, tượng trưng cho Đức Cao Đài Thượng Đế.

Dưới có 3 bức tượng của Tam Giáo Đạo Tổ là Đức Lão Tử, Thích Ca và Khổng Tử.

Dưới có 3 tượng của Tam Trấn Oai Nghiêm là Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, Đức Lý Thái Bạch và Đức Quan Thánh Đế Quân.

Dưới nữa là tượng của Đức Chúa Jésus Christ và Đức Khương Thái Công.

Thiên ý đã đặt đẽ Tam Giáo Đạo Tổ ngang hàng đồng vị đồng quyền trước Tòa Tam Giáo. Như vậy chúng ta không thể thắc mắc là vị này thấp hơn vị kia, vì quyền năng của các Ngài đồng nhau cả.

Nếu chúng ta đi sâu vào giáo lý do Tam Giáo Đạo Tổ truyền lại thế gian thì chúng ta nhận thấy rõ giáo lý của các Ngài gồm có hai phần:

Ngoại giáo Công truyền cho đại chúng Tiểu thừa và Trung thừa để dẫn dắt tuyền chọn các hàng nguyên căn tiến lên hàng Thánh, Tiên, Phật qua Nội Giáo Tâm Truyền với khoa Đại

Thừa Tâm Pháp như Phật giáo và Khổng Giáo mà kinh sách truyền lại đã chứng minh rất rõ ràng minh bạch.

Riêng về Khổng Giáo có nhiều tín hữu Cao Đài thắc mắc cho rằng Đức Khổng Tử chỉ truyền Nhơn Đạo dạy tu thân trở nên hiền nhân quân tử, biết tề gia và bình thiên hạ mà thôi, chớ không có truyền phần Thiên Đạo để giải thoát luân hồi sanh tử như Phật và Lão giáo.

Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ cũng đã nhận định trong "Lời nói đầu" của quyển "Khổng Học Tinh Hoa" như sau: "Nhiều người nghĩ rằng Khổng giáo chỉ dạy con người trở nên hiền nhân quân tử, chứ không làm cho con người siêu phàm thoát tục như Phật giáo, Lão giáo. Đó là một sự ngộ nhận đáng tiếc. Thực ra Khổng Giáo có mục đích thâm viển là thánh hóa con người tiến đến cực điểm tinh hoa, sống cuộc đời hoàn thiện, phối hợp cùng Thượng Đế...."

Chúng ta hãy trở về với giáo lý Cao Đài. Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 09-8 Bính Tý, 24-9-1936, bài "Trung tâm Đạo Đại Thừa", Đức Chí Tôn dạy:

"Người muốn làm Tiên Phật hay là các vị Tiên Phật đã đại giác, đại ngộ, thành đạo đều phải tu từ bậc Tiểu Thừa rồi mới đến Đại Thừa.

Tiểu thừa là nhơn đạo. Người tu theo bậc tiểu thừa phải chịu dần thân vào khuôn khổ tôn giáo. Tiểu thừa thì chỉ dạy về hữu hình. Con người giữ cho trọn theo giới luật đó tất cũng như mượn con đường hẹp ấy mà nương chân đi lần đến con đường rộng lớn mênh mông là Đại Thừa vậy. Người mới tu, đạo hạnh phải giữ cho hoàn toàn, trước nhân đạo cho xong, rồi sau bèn học đến Thiên Đạo là tâm cơ siêu thoát ra khỏi thế giới vật chất mà đến cõi thế giới tinh thần.

Bực Đại Thừa dạy về vô hình, nên cần tu tánh luyện mạng, muôn việc có như không có. Xưa kia Khổng Thánh cũng đã rõ thông chí lý về Đại Thừa trong lúc Hạng Thác truyền trao, nên sau mới thành đến bực "Đại thành chí thánh". Nhưng phần nhiều truyền dạy cho đời là chỉ về đường nhơn đạo, cứ lo rộng mở cho con người biết luân thường đạo lý. Còn về tâm pháp thì dạy cho có một phần rất ít trong đệ tử thôi.

Cho nên đời sau tưởng lầm rằng Khổng Thánh không hề tu luyện đến Thiên Đạo, chớ kỳ trung sao sao cũng phải rõ thông cơ Tạo Hóa, hòa hiệp máy âm dương mà luyện thành kim đơn thì mới thành Đạo đặng. Vậy Đại Thừa tức là "Đại Học Chi Đạo, tại Minh minh đức, tại Tân dân, tại chỉ u chí thiện.

Thiên Đạo này Nho giáo gọi là: Chấp trung quán nhất.

Thích Giáo gọi là: Bảo trung qui nhất.

Đạo giáo gọi là: Thủ trung đắc nhất. "

Đọc tiếp Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 28-8 Bính Tý, 13-10-1936 :

"Trời có ba báu là Nhật, Nguyệt, Tinh, hay là Tam Nguơn: thượng, trung, hạ.

Đất có ba báu là Thủy, Hỏa, Phong.

Người có ba báu là Tinh, Khí, Thần.

Trời nhờ ba báu ấy mà dưỡng dục muôn loài, hóa sanh vạn vật, luân chuyển Càn Khôn, mới chia ra ngày đêm, sáng tối.

Đất nhờ ba báu đó mà phong vũ điều hòa, cỏ cây tươi nhuận, phân ra thời tiết: Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Người nhờ ba báu đó mà tạo Tiên tác Phật.

Theo Tam Giáo (Nho, Thích, Đạo) thì ba báu ấy như vậy:

1. Nho thì có tam cương: Quân thần cương là Nguơn Thần. Phụ tử cương là Nguơn Khí. Phu Thê cương là Nguơn Tinh.

Tại sao Quân thần cương là Nguơn Thần? Thần ở trong mình con người như vị Đế Vương cai quản một quốc gia, Khí cũng như Lục Hầu Tể tướng; Tinh như con dân.

Hễ vị Đế Vương hôn muội, thì quốc dân bất minh, chư hầu bất phục làm sao mà bình trị quốc gia.

2. Thích thì Tam qui: Qui y Phật là tịnh dưỡng Nguơn Thần, Qui y Pháp là gìn giữ Nguơn Khí, Qui y Tăng là bảo tồn Nguơn Tinh.

3. Đạo thì Tam Thanh: Chơn Thanh là Nguơn Khí, Thượng Thanh là Nguơn Thần, Ngọc Thanh là Nguơn Tinh.

Đó là Đạo các con phải biết. "

Thầy Thượng Đế đã dạy: "Đại Thừa tức là Đại học chi Đạo, tại Minh minh đức, tại Tân dân, tại chỉ ư chí thiện" là của Nho giáo.

Chúng ta hãy lật cuốn "Đại Học" của Tăng Tử, môn đồ của Đức Khổng Tử thì hiểu ý Thầy phân, cũng như chúng ta đọc quyển "Trung Dung" của Khổng Cấp, thì rõ Đại Học chi Đạo, học được cách Phối Thiên của Nho Giáo, Đắc Nhứt của Lão giáo và Tịch Diệt của Phật giáo không chi khác.

Xin kết luận với đoạn thi của Đức Mẹ Diêu Trì Kim Mẫu trong một lễ Trung thu Hội Yến Bàn Đào để người tu hành suy gẫm thâm thía Đạo Pháp:

“Tu cho đạt huyền đồng đại thể,
Tu cho thành từ huệ Phối Thiên ⁶⁴
Tu cho Đắc Nhứt ⁶⁵ *tân huyền,*
Tu cho Tịch Diệt thiên niên niết bàn.” ⁶⁶

Và Đức Mẹ dạy tiếp phương pháp đắc Đạo là:

“Muôn Tịch Diệt Liên đài Phật giáo,
Muôn Phối Thiên Nho, Lão huyền đồng;
Trước con giữ dạ sạch trong,
Phối đời, tịch Đạo, huyền cùng chúng dân.
Tâm mà được chí chơn, chí chánh,
Tâm hòa quang mọi cảnh sẽ vui;
Ớt chanh nghe cũng ngọt bùi,
Tâm tư, đường mật cũng mùi đắng cay.” ⁶⁷

Người biết tu luyện cước đặng cơ mâu nhiệm của Tạo Công thì là đắc nhứt.

Nhơn đắc nhứt, chữ nhọn thêm chữ nhứt là chữ đại, thì vĩnh viễn kiếp trường tồn, diên niên bất hoại. ■

⁶⁴ Phối Thiên, tức là hiệp nhứt cùng Thượng Đế, cùng với Thầy, vì Thầy với các con là Một.

⁶⁵ Đắc Nhứt là được một, đắc Đạo, tịch diệt Niết bàn. Lời xưa có nói: Được một là được tất cả. Thiên đắc nhứt thanh, Địa đắc nhứt ninh, Nhơn đắc nhứt thành. Trời đặng một ấy mà khinh thanh. Đất đặng một ấy mà bền vững, người đặng một ấy mà trường tồn.

⁶⁶ CQPTGLĐĐ, 13-8 Mậu Ngọ, 14-9-1978.

⁶⁷ CQPTGLĐĐ, 13-8 Mậu Ngọ, 14-9-1978.

NHÂN BẢN TRONG GIÁO LÝ CAO ĐÀI

Trước hết, thử định nghĩa hai chữ NHÂN BẢN.

Nhân là người, sinh vật khôn nhưt trong các loài động vật, là hàng tối linh trong vũ trụ, được đứng vào địa vị Tam tài: Thiên – Địa - Nhân ngang hàng cùng Trời Đất.

Nhân cũng có nghĩa là đạo lý làm người: nhân đạo; lòng yêu thương người: nhân ái.

Bản là cội rễ, nguồn gốc.

Nhân Bản tức là cội rễ, nguồn gốc con người. Nguồn gốc của con người là gì? Con người từ đâu đến? Đến để làm gì? Rồi sẽ đi về đâu?

Theo giáo lý Cao Đài, con người là điểm tiêu linh quang của Thượng Đế-Đại Linh Quang-Chúa tể càn khôn vũ trụ sanh hóa và dưỡng nuôi vạn vật. Điểm Tiêu linh quang con người được Thượng Đế cho xuống trần gian tạm mượn xác thân tứ đại một thời gian để học hỏi, trau dồi, trui rèn hầu trở nên hàng chí thiện, chí mỹ siêu xuất thế gian, trở lại ngôi Thánh Thần Tiên Phật, làm tiền đề quay về với khối Đại Linh Quang mà Đạo gia gọi là bản bôn huần nguyên, chớ không phải mãi mãi triền miên ở trong vòng cõi tạm vô thường hệ lụy này.

Lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế đến trần gian bằng huyền linh diệu điện, để kêu gọi, đánh thức con người

nhớ lại nguồn cội Thiên chân của mình. Ngài đã chính thức xác nhận con người cùng một bản thể với Ngài:

**“Con là một thiêng liêng tại thể,
Cùng với Thầy đồng thể linh quang.”**⁶⁸

Ngài cũng long trọng nhìn nhận: “Thầy là các con, các con tức là Thầy. Có Thầy mới có các con, mà có các con rồi mới có chư Tiên Phật Thánh Thần.” (Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 05-8 Bính Tý, 20-9-1936, bài “Luận về Đại Đạo tâm truyền”)

Với Cao Đài giáo, tất cả nhân sanh đều là con cái của Đức Đại Từ Phụ Chí Tôn, đều là anh em cùng một cha chung Thượng Đế. Và diễm phúc cho đất nước Việt Nam được chọn làm nơi khai mở mỗi đạo Trời.

Nhân Bản là chơn như bốn thể, là bản linh chơn tánh, là Thiên tánh, Phật tánh, cũng là chơn tâm hay chơn ngã nơi con người. Do bởi nhục thể bị lục căn chủ sử, bảy dục sáu tình chi phối nên bản linh chơn tánh (nhân bản) bị tối tăm mờ mịt gây nên bao điều tội lỗi, nên đành phải chịu đọa lạc, trầm luân nơi cõi trần ai oan trái.

Động lòng thương xót đàn con bị đọa đày không phương thoát khỏi, Đức Thượng Đế không quản ô trược của chốn phàm trần, giáng trần khai Đạo, mở cơ cứu rỗi, dẫn đưa nhân loại tìm đường phục hồi cựu vị. Hiểu được như thế, con người phải lánh xa điều tội lỗi, quay về với nhân bản, tu thân hành đạo để tự cứu mình.

⁶⁸ Thiên Lý Đàn, 14-01 Bính Ngũ, 04-02-1966.

Con người phải ý thức mình có cùng điểm linh quang với Thượng Đế, được ban trao quyền năng siêu việt từ buổi tách rời bản khởi nguyên để chọn lựa con đường đi cho chính mình hầu thoát khỏi biển trần đầy phong ba khổ lụy như lời dạy của Đức Lê Đại Tiên:

"Tu là học để làm Trời,
Phải đâu kiếp kiếp làm người thế gian." ⁶⁹ ■

⁶⁹ Minh Lý Thánh Hội, 29-01 Tân Hợi, 24-02-1971.

THỬ NÊU NHỮNG YẾU ĐIỂM CỦA GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

Trong Đoàn cơ ngày 19-2 Bính Dần (28-3-1986), Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Lý Đại Tiên Trưởng có dạy Cơ Quan PTGL:

"Điều thiết yếu của chư hiền là lấy trí tuệ tập thể và công năng đại định cùng lòng nhiệt thành hăng say tích cực để xây dựng và xác lập những yếu điểm giáo lý thật cơ bản, thật phổ quát và trường cửu để làm nền tảng cho toàn bộ giáo lý. Phổ thông giáo lý mà chính giáo lý chưa được xác lập đầy đủ thì phổ thông giáo lý sao được".

Để chúng ta sử dụng trí tuệ tập thể, công năng đại định và lòng nhiệt thành tích cực là ba yếu tố cần thiết để xây dựng và xác lập những yếu điểm giáo lý Đại Đạo, chúng tôi thử nêu ra đây những yếu điểm giáo lý Đại Đạo để chúng ta cùng nghiên cứu, thảo luận cho rõ ràng, cho thông suốt hầu xây dựng và xác lập một nền tảng cho toàn bộ **Giáo Lý Đại Đạo** thật cơ bản, thật phổ quát và trường cửu.

Thử định nghĩa thế nào là **Yếu điểm giáo lý**? Là những điểm giáo lý then chốt, thiết yếu, quan trọng nhưt, nổi bật nhưt.

Thế nào là giáo lý?

Giáo ở đây không có nghĩa là tôn giáo, mà giáo là dạy, Lý là lý đạo, đạo lý là chơn lý đạo, qua những lời dạy của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế và chư Phật Tiên Thánh Thần

giảng cơ dạy trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đặc trưng mang tính chất Đại Đạo. Dưới đây là những yếu điểm:

I. Yếu điểm thứ nhất

Đấng Giáo Chủ của **Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ** là chính Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đấng Chúa Tể càn khôn vạn loại, đến thế gian mở Đạo Kỳ Ba để tận độ nhơn loại buổi cuối cùng của thời Hạ Nguơn mạt kiếp.

1.a. Đặc biệt hơn các vì Giáo chủ khác mang xác phạm đề mở đạo như Đức Thích Ca với đạo Phật, Đức Lão Tử với đạo Tiên, Đức Khổng Tử và Đức Chúa Jêsus với đạo Thánh, **Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế** vốn vô hình, vô tình, vô danh, không dùng xác phạm lại sử dụng Thánh Linh của Ngài (Saint Esprit), mượn linh điển bút cơ để lập Đạo, truyền bá giáo lý phổ độ nhơn sanh qua trung gian những hàng đồng tử (phò loan) tiền định.

1.b. Danh xưng của Ngài cũng đặc biệt, trước tiên Ngài ẩn danh để dễ bề dạy dỗ huấn luyện các vị môn đồ đầu tiên làm phò loan (đồng tử) với ba nguyên âm A, Ẫ, Ằ và mãi đến đêm giáng sinh Noël năm 1925 mới thổ lộ danh xưng **Ngọc Hoàng Thượng Đế** với tá danh **Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát** (lại mượn danh của trần thế) để khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ở xứ sở Việt Nam.

Hai chữ Cao Đài có ý nghĩa rất phóng khoáng, không bị hạn hẹp gò bó trong một tên đời như: Mít, Xoài, Ổi, mà chỉ mang một tánh cách giản dị để tượng trưng:

“Cao Đài là cái đài cao,
Vượt lên tất cả đôn rào ngăn che.”⁷⁰

Chỉ là một cái đài hay cái ngôi ở trên trời cao vút, trên chốn không trung vô tận để tượng trưng cho Đấng vô hình, Đấng tối cao, là Đấng Chí Tôn Thượng Đế, Thái Cực Thánh Hoàng, Chúa tể càn khôn vạn loại.

II. Yếu điểm thứ hai

Đại Đạo chủ trương **Thiên Nhân Hiệp Nhứt**. Có nghĩa là lập Đạo Kỳ Ba, Đức Chí Tôn chủ trương: Trời và Người phải hiệp nhứt với nhau để hành đạo độ đời cho tích cực, cụ thể là đạo mở ra để cứu đời, đem hạnh phúc thiết thực và giải thoát toàn diện cho nhơn loại trên hai phương diện nhân sinh và tâm linh.

Lời xưa có nói: “**Nhơn năng hoằng Đạo, phi Đạo hoằng nhơn**”, con người có khả năng hoằng hóa Đạo, chứ Đạo không thể dẫn độ người được, vì hữu hình mới phục vụ nhơn sanh hữu hiệu, chứ Đạo vô vi trừu tượng khó có thể độ đời một cách tích cực dễ dàng, thế nên:

“Đấng Giáo Chủ Cao Đài cứu thế,
 Là vô hình vô thể vô danh;
 Nên cần hướng đạo môn sanh,
 Vô nhơn vô ngã mới đành ban trao.”⁷¹

⁷⁰ Đức Quảng Đức Chơn Tiên, Minh Lý Thánh Hội, 07-6 Tân Dậu, 08-7-1981.

⁷¹ Đức Thái Thượng Đạo Tổ, Minh Lý Thánh Hội, 04-01 Ất Mão, 14-02-1975.

Vì vậy, Đức Chí Tôn mới lập ra một Hội Thánh (theo Pháp Chánh Truyền của Đại Đạo) mà vị đứng đầu là Giáo Tông, một người Anh Cả để thay mặt Ngài dẫn dắt đàn em sớm trở về nơi Bồng lai Tiên cảnh.

1.c. Đức Chí Tôn Thượng Đế không cho môn sanh tạc hình tượng để thờ Ngài mà chỉ thờ **Một Con Mắt (Thiên Nhân)** tượng trưng cho Chơn Thần của Thượng Đế lập Đạo Kỳ Ba, Thầy đặt nặng về tâm linh hơn là hữu hình hữu tướng, đã được ghi trong lời giải thích của Ngài trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển:

“Nhân thị chủ tâm
 Lưỡng quang chủ tế
 Quang thị thân
 Thần thị Thiên
 Thiên giả ngã dã.”

Tạm dịch là:

“Con mắt là chủ cái tâm,
 Hai ánh sáng con mắt là chủ tế,
 Ánh sáng là Thân,
 Thần là Trời (Thượng Đế).”

Về sự kiện Đại Đạo Kỳ Ba chủ trương Thiên Nhân Hiệp Nhứt, tức vô hình hợp tác với hữu hình, Ngài tiên bói Cao Triều Phát có giáng cơ minh giải như sau:

“Một sứ mạng chia hai đoàn người u hiển sắc không, hữu hình mới phục vụ cho hữu hình, vô vi là tác năng của tiềm lực trí tuệ. Có hữu không vô vi như có hình vật mà không có cơ

năng linh hoạt, có vô mà không hữu khác nào bốc gió chôn hư không, xây lâu đài trong mộng ảo.”⁷²

Vì cơ tận độ trong thời kỳ Hạ Nguồn mặt kiếp, chính mình Đức Chí Tôn phải giáng trần để giục còi linh, giống trống Lôi Âm thức tỉnh nhơn loại còn đang say đắm chơi vui nơi bề tục và cả chư Phật Tiên Thánh Thần cũng đều giáng lâm giúp Thầy giác ngộ độ rỗi nhơn sanh không nệ gian khổ ngày đêm với phương tiện cơ bút, vì hai thời kỳ trước các vì Giáo Tổ chỉ độ được có 4 ức, còn lại tới 92 ức nguyên nhơn còn đang bị đọa lạc trầm luân, nên Thầy Thượng Đế rất xót xa, đau đớn mở Đạo để cứu vớt.

Chúng ta có thể nhận định được chủ trương **Thiên Nhân Hiệp Nhất** của Đại Đạo qua việc thiết lập Thánh Thể của Đức Chí Tôn tại Tòa Thánh Tây Ninh với ba đài **Bát Quái đài, Cửu Trùng đài và Hiệp Thiên đài**.

Bát Quái đài là nơi thờ Đức Chí Tôn Thượng Đế và chư Phật Tiên Thánh Thần, thuộc về vô vi, tượng trưng cho Thần, tức là Thiên (Trời).

Cửu Trùng đài gồm 9 phẩm bậc nhơn sanh từ Giáo Tông đến tín đồ, thuộc phần hữu hình, tượng trưng cho phần Nhơn (Người).

Hiệp Thiên đài gồm có bộ phận thông công tiếp linh điển và chức sắc, thuộc phần bán hữu hình, làm trung gian để cho chức sắc **Cửu Trùng đài** đến cầu Thầy và các Đấng Thiêng

⁷² CQPTGLĐĐ, 11-02 nhuận Át Sửu, 31-3-1985.

Liên giảng cơ dạy Đạo và ban bố Thánh lệnh để thi hành đạo sự ở thế gian.

Thiên Nhân Hiệp Nhất còn có một ý nghĩa siêu việt hơn là Người có thể hiệp nhất với Trời bằng phương pháp công phu thiền định, để tâm trống không, thanh tịnh sẽ huyền đồng, hiển lộ Chơn như thể tánh, thì sẽ được Thầy ban ơn vì Thầy có dạy:

“Mỗi con đều có một đài hiệp thiên. Nếu con mở được cửa thì thông công được với Thầy, khỏi phải qua trung gian của đồng tử, vì trước kia Thầy đã dạy, đã trao chìa khóa cho các con từ buổi sơ khai Đại Đạo. Nhưng mấy ai giữ được thanh tịnh vô trần, trực nhận chơn tâm đại ngã.”⁷³

Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt có dạy:

“Chư Thiên ân cần phải đắc ‘Thiên Nhân hiệp nhất’ bằng cách tu tịnh, huyền đồng hiển lộ chơn như. Nghĩa là khi xóa bỏ hết những sự nê chấp hình tướng, thấy được nhất lý là nhờ mỗi vị có được Chơn tâm bản thể hiện ra. Chư Thiên ân nên tìm hiểu sát nghĩa những câu này mới đắc nhất lý:

*“Thiên đắc nhất dĩ thanh
Địa đắc nhất dĩ ninh
Nhơn đắc nhất dĩ minh.”*

III. Yếu điểm kế là Vạn giáo đồng nhất lý

Thánh giáo Thầy Chí Tôn minh giải nơi Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, đàn ngày 24-4-1926 như sau: *“Vốn từ trước*

⁷³ CQPTGL, 18-02 nhuận Át Sửu, 07-4-1985.

Thầy lập ngũ chi Đại Đạo là Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo tùy theo phong hóa của nhơn loại mà gây chánh giáo là vì khi trước Càn vô đức khán, Khôn vô đức duyệt, thì nhơn loại duy có hành đạo nội tư phương mình mà thôi. Còn nay thì nhơn loại đã hiệp đồng, Càn Khôn dĩ tận thức, thì lại bị phân nhiều đạo ấy mà nhơn loại nghịch lẫn nhau, nên Thầy mới nhứt định Qui Nguyên Phục Nhứt. Lại nữa, trước Thầy lại giao chánh giáo cho tay phàm, càng ngày lại càng xa Thánh giáo mà làm ra cuộc phàm giáo, Thầy lấy làm đau đớn hàng thầy gần trót 10.000 năm, nhơn loại phải sa vào nơi tội lỗi, mặt kiếp chón A Tỳ. Thầy nhứt định đến chính mình Thầy độ rồi các con, chẳng chịu giao chánh giáo cho tay phàm nữa.”

Do đó chúng ta nhận thấy Đức Thượng Đế quá thương xót nhơn loại, trót 10.000 năm vẫn còn sa đắm vào nơi tội lỗi chịu trăm luân khổ lụy, nên nhứt định chính mình Thầy, không nài khổ cực và nơi uế trước, giáng trần kỳ ba để cứu vớt nhơn loại thoát tục trần và quyết định qui nguyên ngũ chi Đại Đạo mà Tam Giáo Nho, Thích, Lão là ba tôn giáo cơ bản nằm trong ngũ chi Đại Đạo. Đó là vạn giáo đồng nhất lý vì muôn ngàn tôn giáo chung qui cũng hướng dân vi thiện, dạy con người tu thân, trau dồi tâm đức để tiến hóa từ phàm con người cho xứng danh con người (Nhơn đạo) lên hàng Thánh nhân quân tử (Thần đạo và Thánh đạo), tới hàng tối cao trọn lành trọn tốt là Tiên, Phật (Tiên đạo và Phật đạo). Tất cả vạn giáo đều xuất phát nơi một lý duy nhất là Đạo, là Thượng Đế, tất cả các tôn giáo là những nhánh nhóc nảy sinh từ một gốc cội to lớn là Đại Đạo, hưởng thụ cùng một chất nhựa để tồn tại. Đó là nhứt bản tán vạn thù và cuối cùng theo Thiên cơ, vạn thù sẽ qui về nhứt bản. Cụ thể việc qui Tam Giáo, chúng ta nhận rõ nơi cách thức thờ phượng tại Thiên Bàn với ba ngôi vị của Tam Trấn Oai Nghiêm. Đại diện cho đạo Phật là Quan Thế Âm Bồ Tát, đại diện cho đạo

Tiên là Lý Thái Bạch Đại Tiên Trưởng, đại diện cho đạo Thánh là Quan Thánh Đế Quân. Nhiệm vụ và địa vị của ba vị đại diện Tam Giáo đều bình đẳng, đồng quyền hành và ngồi ngang nhau. Giáo lý căn bản của Tam Giáo đều “**Qui tâm, huân tánh**”.

Phật dạy minh tâm kiến tánh.

Tiên dạy tu tâm luyện tánh.

Thánh dạy tồn tâm dưỡng tánh.

Trong Kinh Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 05-8 Bính Tý, 20-9-1936, Thầy có phán rằng:

*“Trong pháp Đạo tu tâm đệ nhất,
Tu tâm là đứng bực Tiên Thiên.”*

Siêu đọa đều do tâm, Phật tại tâm, Thượng Đế cũng tại tâm. Pháp môn chỉ là phương tiện để đi vào tâm nội, tâm mới là cứu cánh giải thoát cho con người.

IV. Yếu điểm thứ tư

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ra đời tại Việt Nam với Thánh Ý phục hưng phong trào Tam giáo đồng nguyên của hai đời Lý, Trần, một thời đại xưa đã từng làm cho nước Việt Nam được thái bình thịnh vượng vẻ vang, tinh thần truyền thống của một dân tộc đạo đức thuần phong mỹ tục cũng được phục hồi. Đó là điểm yếu lý của Cao Đài Đại Đạo xuất phát từ lòng một dân tộc hiếu hòa đạo đức gương mẫu để từ đó phóng phát ra năm châu bốn biển với hai phương châm:

1. **Thế Đạo** đưa nhơn loại đến thế giới huynh đệ đại đồng, năm châu chung chợ, lập lại đời thánh đức thượng ngươn.

2. Thiên Đạo dẫn dắt hàng tu chơn đạt Đạo giải thoát với tâm pháp “Tánh mạng song tu” gọi là Tân pháp Cao Đài.

V. Yếu điểm thứ năm

Một yếu điểm giáo lý Đại Đạo nữa là: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ra đời, chính Đức Thượng Đế đến thế gian để xác nhận chánh thức con người là con của Trời, cùng một điểm linh quang với Thượng Đế, vì Thầy có dạy:

“Con là một Thiêng Liêng tại thế,
Cùng với Thầy đồng thể Linh Quang.”⁷⁴

Con người được phục hồi nhân bản, nguồn gốc Thiên chân của chính mình và từ đây được quyền xưng mình là Thiên Tử (con Trời), không kém các vị vua chúa trước kia, vì trước Đức Chí Tôn tất cả đều là con cái của Ngài. Nguồn gốc con người xuất phát từ thượng giới Thiên đình, nào có phải là hạng hạ đẳng. Con người là hàng thượng đẳng chúng sanh được Chí Tôn Thượng Đế cho xuống trần gian học hỏi kinh nghiệm và trui rèn bản thân để trở thành bậc chí nhơn, chí thiện, chí mỹ là Thần Thánh Tiên Phật. Thế nên con người được hãnh diện biết mình là ai như Thầy đã dạy: Thầy là các con, các con là Thầy, có Thầy mới có các con, các con tu hành mới trở thành Thần Thánh Tiên Phật.

⁷⁴ Thiên Lý Đàn, 14-01 Bính Ngũ, 04-02-1966.

VI. Yếu điểm thứ sáu

Đại Đạo chủ trương không yếm thế ẩn dật trốn đời, độc thiện kỳ thân mà phải mạnh dạn vào đời để làm tròn bổn phận vi nhân tại thế gian trước khi tiến tu vào hàng Thiên Đạo Đại Thừa.

VII. Yếu điểm thứ bảy

Đại Đạo chấp hành Đạo thời Trung, không quá thiên về duy vật hay duy tâm mà bình hành tâm vật để tùy duyên và tùy hoàn cảnh của nhơn sanh để đem lại an vui hạnh phúc cho nhơn loại, giúp đời độ thế.

VIII. Yếu điểm thứ tám

Về Thiên Đàng Địa ngục: Cao Đài Đại Đạo quan niệm Thiên đàng và Địa ngục khác với Thiên Chúa Giáo và Phật Giáo. Đức Di Lạc Thiên Tôn có giải sơ:

"Thiên Đàng, Cực lạc không phải chỉ ở trong tưởng tượng mông lung chín tầng mây bạc và A tỳ Địa ngục cũng không phải ở tận lòng đất âm u trung tâm điểm quả địa cầu, mà chính ở tại tâm trung của mỗi người." ⁷⁵

Đó là khi con người còn đang sống ở thế gian, còn khi lìa bỏ xác phàm, nếu sanh tiền biết lánh dữ làm lành, tu tâm dưỡng tánh, hằng lo giúp đời để bồi công lập đức, linh hồn sẽ được đưa về cõi Thượng giới an hưởng thanh nhàn tùy theo trình độ tu tiến. Chỗ tội bực trường tồn bất diệt là Niết bàn Cực lạc mà

⁷⁵ Trúc Lâm Thiên điện, 02-01 Bính Ngọ, 22-01-1966.

Cao Đài gọi là Bạch Ngọc Kinh, nơi ngự của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. Nếu sanh tiền, con người gây tội lỗi sẽ bị đọa vào âm cảnh ngục môn xa ánh thái dương của Thượng Đế, tôi tâm buồn thảm, chớ không bị đọa vào âm ty địa ngục với Thập điện diêm vương cửa xẻ nấu dầu thảm thiết như thế gian lắm tưởng xưa nay.

IX. Yếu điểm thứ chín

Thượng Đế mở cuộc đại ân xá kỳ ba, ban ơn cho nhơn loại tu nhứt kiếp ngộ nhứt thời nếu quyết tâm chuyên nhứt tu hành theo Tân pháp Cao Đài và hứa sẽ lập đời Thượng Nguơn Thánh Đức cho nhơn loại sau hội Long Hoa.

X. Yếu điểm thứ mười

Thượng Đế mở Đạo Kỳ Ba cốt lập một trường thi công quả, một trường khảo thí để tuyển chọn những bực nguyên nhân thánh thiện hầu lập đời Thượng Nguơn Thánh Đức cho nhân loại an hưởng hạnh phúc thái bình hoặc đưa lên phẩm vị cao trọng thoát khỏi luân hồi sanh tử để trở về hiệp nhứt cùng Thượng Đế. Cuộc khảo thí do Thánh Ý của Thầy:

"Thầy đã thả một lũ hổ lang ở lộn với các con. Thầy hằng xúi chúng nó thừa dịp mà cấu xé các con, song trước Thầy đã cho các con mặc một bộ thiết giáp, chúng nó chẳng hề thấy đặng, là đạo đức của các con." (TNHT 1, đàn 13-3-1926)

XI. Yếu điểm thứ mười một

Thượng Đế thiết tha kêu gọi con người hãy thương yêu nhơn loại trong tình huynh đệ một Cha chung, hãy lấy tình Tạo hóa

yêu tất cả chúng sanh như Ngài vì Ngài là Cha của sự thương yêu, Ngài đã xác nhận:

“Sự thương yêu là chìa khóa mở Tam Thập Lục Thiên, cực lạc thế giới và Bạch Ngọc Kinh. Kẻ nào ghét sự thương yêu thì chẳng hề qua khỏi cửa luân hồi.” ⁷⁶

XII. Yếu điểm thứ 12

Thầy Thượng Đế chọn dân tộc Việt Nam hiền hòa, đạo đức, giàu tâm đạo để làm thí điểm mở Đạo và truyền bá giáo lý Đại Đạo ra năm châu bốn biển. Đó là một đại hạnh cho dân tộc Việt Nam được ân ban quyền pháp:

*“Hào Nam Bang! Hào Nam Bang!
Tiểu quốc tảo khai Hội Niết Bàn;
Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo,
Hào phùng Ngọc Đế ngự trần gian.”* ⁷⁷

Kết luận

Trên đây chỉ là những ý kiến của một cá nhân khái quát những yếu điểm giáo lý Đại Đạo vì giáo lý Đại Đạo vô cùng bao quát rộng lớn, phải cần có tập thể hợp lực lại phối hợp ba yếu tố căn bản của Đức Lý Giáo Tông đã dạy: trí tuệ, tịnh định và lòng hăng say nhiệt thành mới đạt được kết quả khả quan. ■

⁷⁶ TNHT 2, đàn ngày 27-10-1927

⁷⁷ Thi văn dạy Đạo, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1.

THUẦN CHƠN VÔ NGÃ

Nhơn dịp đi hành đạo ở Trung Hưng Bửu Tòa tại Hội Thánh Truyền Giáo ở Đà Nẵng, chúng tôi có thấy ghi bốn chữ dưới bửu điện:

Thuần chơn vô ngã

Chúng tôi rất tâm đắc, cũng như ở Thánh thất Trung Minh thuộc Hội Thánh Truyền Giáo ở Thành phố Hồ Chí Minh, Quận 11 cũng có ghi bốn chữ đó, mục đích Hội Thánh muốn lúc nào người môn sanh của Đức Cao Đài Thượng Đế cũng phải đề cao cảnh giác và diệt trừ cái phàm ngã; cái tư tâm trên đường tu thân hành đạo độ đời.

On Trên cũng có khuyến cáo:

“Chi chi cũng cái ta này,
Ta làm ma quỷ, ta tà Phật Tiên.”⁷⁸

Hay:

“Cái ta để lại phía sau,
Phải vì đại cuộc, cùng nhau liệu lường.
Đó là mối thật tình thương,
Của người tín hữu trên đường hoằng dương.”

Chúng ta hãy đi sâu vào lý nghĩa của bốn chữ ấy:

⁷⁸ Đức Giáo Tông Đại Đạo, CQPTGLĐĐ, 29-12 Mậu Ngọ, 27-01-1979.

Thuần chơn là gì? Là hoàn toàn chơn thiệt thuần túy, chơn chánh, không giả dối gạt gẫm điều ngoa, màu mè xảo trá, miệng nói lời lành mà lòng chứa độc ác, trước mặt giả bộ kính vì, sau lưng ganh ghét khinh khi nói hành, nói xấu. Đó là trong việc đối xử với nhau trong đạo cũng như ngoài đời. Hai là giáo lý truyền rao và đạo pháp thực hành cũng phải hoàn toàn chơn chánh, trung thực với chơn truyền chánh pháp của Thầy Thượng Đế và chư Tiên Phật đã chỉ truyền, không được canh cải thêm bớt làm thất chơn truyền.

Vô ngã là không có cái ta phạm tục, ích kỷ độc tôn, kỳ thị phân chia nhân ngã, ta người, phân biệt giai cấp sang hèn, lúc nào cũng tự cho mình hay mình giỏi, mình đúng còn người khác thì sai, thì trật, cống cao ngã mạn không phục thiện nghe theo lời dạy của bạn hiền hay tuân theo Thánh giáo. Vô ngã là không phục vụ cái phạm ngã, để không bị luyến ái tửu sắc tài khí, diệt được tam độc tham sân si. Luôn luôn phải phân biệt cái chơn ngã với cái phạm ngã, đừng để nó nhiễm ô trần tục, phải giữ nó luôn như đũa hài nhi xích tử vô nhiễm vô cấu. Phải diệt phạm tâm thì Thánh tâm mới hiển lộ, chơn như bản thể của mình do Thiên phú mới giữ được hồn nhiên thanh tịnh mà giải quyết việc đạo, việc đời một cách sáng suốt không làm lạc. Có thể bảo rằng "Đạo bất khả tu du ly dã", lúc nào cũng không xa lìa cái đạo tự hữu hằng hữu.

Muốn được thuần chơn vô ngã, người tu hành cần phải tu thân khắc kỷ, luyện tánh trước khi xuất sử để hành đạo, phổ độ nhơn sanh cũng như người tu đại thừa Thiên đạo trước khi sang phần luyện đon, trước phải chịu khó khắc kỷ cho cái tánh được thuần thành đạo đức mới chịu nổi những cuộc khảo đảo thử thách, khổ hạnh gian lao vô vàn xảy đến.

Ta hãy chiêm nghiệm lời dạy của Bát Nhã Thiền Sư để soi mình luyện kỹ trong bài thi:

“Bước đầu luyện kỹ lắm công trình,
 Mài dũa, trui rèn, gạn lọc tinh;
 Tật xấu, thói hư đều tẩy sạch,
 Kiêu căng, tự ái cũng tan tành.
 Bảy tình⁷⁹, tám thức⁸⁰ đồng siêu hóa,
 Ba độc⁸¹, bốn tường⁸² được vãn sanh;
 Sàng sảy, giã xay, dề trấu bụi,
 Khuôn Thiên đạo đức đã nên hình”.

Trong một khóa tu thiền, Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn có dạy:

“*Luyện kỹ là luyện thân tâm cho thuần thành đạo đức, cương nhu trí dũng, khắc được cái thân không cho nó biếng lười giải đãi*”, vì có một số thiền sinh hay giải đãi trễ nải giờ giấc công phu. Đức Lý Giáo Tông cũng có khuyên chư tịnh viên: “*Niệm lự giai vong, vạn duyên đốn tuyệt*”. Vậy ta cần tâm niệm hai lời dạy quý báu trên.

Phật giáo cho Vô ngã là Niết Bàn

Niết bàn theo từ ngữ Pali là Nibbhana, theo Sanscrit là Nirvana tức là không còn nhiễm ái (Nir = không, Vana = diệt ái). Chính cái ái này là sợi dây làm cho đời sống chúng sanh

⁷⁹ Bảy tình là thất tình: mừng, giận, thương, ghét, buồn, vui, sợ.

⁸⁰ Tám thức là bát thức: sáu thức của lục căn cộng với a lại da thức và mạn na thức.

⁸¹ Ba độc là tham, sân, si

⁸² Bốn tường là bốn vách tứ đồ tường: từ sắc tài khí.

luân hồi nối tiếp mãi mãi, cắt nó đi, dứt nó đi nên gọi là Nirvana. Nibbhana cũng có ý nghĩa tương tự là vứt tắt lửa tham, sân, si. Nói tóm lại Niết bàn có nghĩa là giải thoát, tịch diệt theo giáo lý nhà Phật.

Người tu thân hành đạo theo Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà còn ôm chầm chấp cái ngã, phân biệt so đo hơn thiệt ta, người, còn chấp danh, chấp tướng, chấp đạo, chấp pháp thì khó dứt tuyệt tham sân si, khó mà trở nên thuần chơn vô ngã để hiệp nhứt cùng Thầy Thượng Đế nơi Bạch Ngọc Kinh mà đạo Phật gọi là tịch diệt Niết Bàn. ■

LÝ HUYỀN NHIỆM CỦA NGŨ GIỚI CẤM CAO ĐÀI

Là Phật Tử, trước khi nhập môn vào đạo Cao Đài, chúng tôi không quan tâm thực hành nghiêm chỉnh cho lắm ngũ giới cấm của Phật giáo dạy. Sau khi vào đạo Cao Đài và đọc được bài Thánh giáo do Đức Cao Đài Thượng Đế ban ơn đăng trong quyển Kinh Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, tôi mới thấy sự quan trọng của việc giữ gìn ngũ giới cấm. Nếu Ngũ giới cấm không quan trọng thiết yếu đối với người tu hành thì Đức Chí Tôn đã không giữ lại và duy trì để đem vào Tân luật của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, một nền tôn giáo do chính Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế đứng ra sáng lập để tận độ Nhơn loại kỳ ba trong cơn mạt kiếp sây sàng để chọn lọc nguyên căn tái lập đời Thượng Ngươn Thánh Đức, đem lại thái bình an cư lạc nghiệp và hạnh phúc cho Nhơn loại.

Đức Chí Tôn có phán trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, đàn ngày 24-12-1926, để minh xác việc môn sanh cần phải giữ gìn luật lệ: *"Các con ôi! Các con đã chịu khổ não nơi biển trần này... Từ 10.000 năm rồi, đã ở dưới quyền tà quái áp chế, vì vậy mà Thầy phải phé hết Bạch Ngọc Kinh, Huỳnh Kim Khuyết, giảng trần độ rồi các con, chớ chi Thầy đến mà cho giảm sự khổ não các con chẳng đặng nữa thì thôi, lẽ nào còn lập Tân Luật ràng buộc các con thêm nữa! Vì có mà Thầy buồn... Thầy tỏ thật, cái luật lệ Thầy khiến các con hiệp chung trí mà lập thành đây, nó có ảnh hưởng về đạo đức Tiên phong Phật sắc của các con, nên Thầy buộc mình cam chịu vậy. Chẳng luật lệ thì trái phép, mà trái phép thì thế nào vào Bạch Ngọc Kinh cho đặng!"*

Quả thật là lời lẽ đầy nhân từ chứa đựng một tình thương yêu vô bờ bến của một Đấng Chí Tôn Đại Từ Phụ, làm chúng ta rất xúc động mà phải vâng lời khuyên dạy.

Chúng ta hãy đi vào từ giới cấm.

Nhứt Bất sát sanh

Điều thứ nhứt là không được sát sanh, tức là giết hại, tiêu diệt sự sống còn của muôn loài vạn vật trên thế gian. Tại sao lại cấm như vậy, vì Đức Chí Tôn đã dạy rằng (TNHT 2, Mậu Thìn 1928):

“Chi chi hữu sanh cũng do bởi chơn linh Thầy mà ra, hễ có sống ắt có Thầy, Thầy là Cha của sự sống, vì vậy mà lòng háo sanh của Thầy không cùng tận.

Cái sống của chúng sanh Thầy phân phát khắp Càn Khôn thế giới, chẳng khác như một cành hoa trong cội, nó phải đủ ngày giờ Thầy nhứt định mới trở bông và sanh trái đặng trồng nữa, biến hóa ra thêm; nếu như ai bẻ hoa ấy nửa chừng, thì sát hại một kiếp sanh không cho biến hóa.

Mỗi mạng sống đều hữu căn hữu kiếp, dầu nguyên sanh hay hóa sanh cũng vậy, đến thế này lâu hay mau đều định trước. Nếu ai giết mạng sống đều chịu quả báo không sai; biết đâu là cái kiếp sanh ấy chẳng phải là Tiên, Phật bị đọa luân hồi mà ra đến đời ấy!”

Thầy còn nhấn mạnh: *“Cái mạng sống là Thầy, mà giết Thầy thì không phải dễ, các con gắng dạy nhơn sanh điều ấy.”*

Chúng ta đừng xem thường lời cảnh cáo quan trọng này của một Đấng Chí Tôn Tạo Hóa toàn năng toàn quyền sanh sát cả vạn vật chúng sanh.

Riêng chúng ta cũng nên suy gẫm, để xử sự với sanh vật như thảo mộc, thú cầm, vì chúng cũng đồng một điểm linh quang với chúng ta là từ nơi Đức Thượng Đế phát ban. Trước khi được làm con người, chúng ta cũng đã từng trải qua muôn vạn kiếp hóa thân làm thảo mộc, thú cầm, phải chịu vô ngàn gian khổ hy sinh thân xác phục vụ mới được tiến hóa lên kiếp con người tối linh hơn vạn vật, nên Thánh Nhân bảo là “Vi nhân nan đắc”. (Xem mục “Nhơn vật tấn hóa” trong ĐTCG)

Biết được như vậy, chúng ta nỡ lòng nào sát hại thảo mộc, thú cầm là những đàn em còn chậm tiến hóa. Giết hại chúng là chúng ta làm trễ nải con đường tiến hóa của chúng, chúng ta hãy rủ lòng thương đừng làm chúng rên siết, đau đớn, khổ sở.

Nhờ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ra đời, nhờ chính mình Thầy là Đấng Tạo Hóa soi sáng cho chúng ta được biết chơn lý thì tại sao chúng ta không tin? Chúng ta làm chậm trễ sự tiến hóa của chúng sanh đàn em, là chúng ta phạm Thiên điều, thì phải chịu quả báo không sai, theo luật công bình thiêng liêng.

Nhì bất du đạo

Theo Tân Luật, bất du đạo là cầm gian tham, trộm cướp, lấy ngang lòng gạt của người, hoặc mượn vay không trả, hoặc chứa đồ gian, hoặc lượm lấy của rơi, hoặc sanh lòng tham của quấy, để ý hại người mà lợi cho mình, cờ bạc gian lận.

Qua sự giải thích về Du Đạo, Đức Chí Tôn đã giải thích, ân huệ Thầy đã ban cho con người khi đến thế giới này với một Thánh Thể thiêng liêng, y như hình ảnh của Thầy, không ăn mà sống, không mặc mà lành, nhưng chúng ta lại không chịu, nghe điều cấm dỗ mê luyện hồng trần, ăn cho phải bị đọa, dâm cho phải bị đày, nên chịu nạn áo com, đục quyền cầu lợi (ám chỉ ông Adam và bà Eva trong Thánh Kinh Thiên Chúa Giáo ăn trái cấm ở vườn địa đàng) (TNHT).

Thầy đã ban sẵn thức ăn, thực vật để chung hưởng cùng nhau, nhưng nhờn loại vì tham lam giành giật dùng sức mạnh đoạt phần kẻ thế cô để phải chịu đói.

Thầy đã ban cho nhờn loại đủ quyền năng như Thầy đã ban cho chư Thần Thánh Tiên Phật, nhưng nhờn loại dùng quyền ấy để không chế, trói buộc, đê hộ nhờn sanh trong vòng lợi quyền, cam chịu trong vòng nô lệ khổ đau, cũng vì lòng gian tham không đáy.

Vì com áo, lợi lộc, quyền hành, vì muốn nhiều sanh chúng chịu phục quyền thế lợi lộc đó, nên đời trở nên trường hỗn loạn, tranh đấu, giành giật, giết hại lẫn nhau, trường thảm khổ của thế gian cũng do nơi đó mà ra mất phép công bình thiêng liêng Tạo Hóa.

Nên Thầy dạy: *“Tham gian đã lộng toàn thế giới, thì thế giới hết Thánh Thần, Thầy không cần nói sự gian tham có thể giục các con lỗi đạo cùng Thầy mà bị lăm điều tội lỗi. Ấy vậy gian tham là trọng tội.”* (TNHT 2, Mậu Thìn 1928)

Tam bất tà dâm

Đức Chí Tôn Thượng Đế có giải thích về tội Tà Dâm rất tường tận trong TNHT, quyển 2. Nếu chúng ta xét kỹ, nhứt là những người có luyện Đạo, sẽ thấy sự hệ trọng vô cùng để bảo tồn tinh khí của mình cho đầy đủ Tam Bửu là Tinh Khí Thần, để tạo Nhị xác thân thiêng liêng hầu linh hồn sau khi lìa xác phàm, nương theo đó mà về hội hiệp cùng Thầy Thượng Đế.

Ngoài ra chúng ta còn phạm tội sát sanh nữa vì xác phàm con người chất chứa muôn vàn vàn sanh vật đều có tánh linh và sự sống cả. Các vật thực chúng ta ăn vào tỳ vị biến ra khí, khí mới biến ra huyết có thể biến hườn ra nhơn hình mới có sanh sanh tử tử của kiếp nhơn loại.

Thầy dạy: *“... một giọt máu là một khối chơn linh, như các con dâm quá độ thì sát mạng chơn linh ấy. Khi các con thoát xác thì nó đến tại Nguyệt Cảnh Đài mà kiện các con, các con chẳng hề chối tội đặng. Phải giữ gìn giới cấm ấy cho lắm.”* (TNHT 2, Mậu Thìn 1928)

Phép luyện Đạo theo Tiên gia cũng đã được các vị Thiên sư Việt Nam cũng như vị Tổ Đông Y Việt Nam Hải Thượng Lãn Ông chủ trương là phải bảo tinh, dưỡng khí, tôn thần mới luyện kim đơn được.

Trong Đại Thừa Chơn Giáo, Thầy cũng đã hé lộ một phần bí truyền luyện Đạo là luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hóa Thần, luyện Thần hoàn Hư....

Và Thầy cũng có dạy ngay trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, đàn ngày 3 Janvier 1926:

“Cái Chơn Thần ấy của các Thánh Tiên Phật là huyền diệu vô cùng, bất tiêu, bất diệt. Bậc chơn tu khi còn xác phàm nơi mình, như đấng Đạo, có thể xuất ra trước buổi chết mà vân du thiên ngoại. Cái Chơn Thần ấy mới đặng phép đến trước mặt Thầy.”

Như vậy, nếu không luyện Đạo thì làm sao có được cái Chơn Thần để hiệp với Thầy đặng? Vì vậy Tinh là món bửu bối vô giá cần thiết để luyện Đạo, vì đơn kinh có dạy luyện đơn tức luyện Tinh. Các vị tiên bối quá vãng có về cơ tỏ vẻ than tiếc vì lúc còn tại thế thiếu công phu, khi về cõi vô hình, tam bửu hao hụt, nên việc luyện Đạo rất khó khăn, và khuyên chúng ta khi còn xác phàm hãy sớm lo công phu luyện Đạo trước (đừng để quá 64 tuổi, dương suy).

Người tu hành có 2 con đường được tự do chọn lựa:

Một là thuận hành thì tiếp tục bận bịu gia đình, ái ân, sanh con cái, thì phải chịu trong vòng luân hồi sanh tử không bao giờ dứt.

Hai là cương quyết nghịch hành để luyện Đạo, buộc phải trường trai tuyệt dục, mới bảo tồn đầy đủ nguyên tinh để luyện Đạo.

Nói tóm lại, giữ giới tà dâm là bảo Tinh có hai tác dụng:

Một là tránh sát sanh phạm tội. Hai là luyện tinh để tạo nhị xác thân thiêng liêng.

Tứ bất tử nhục

Thầy có giải thích trong TNHT, đàn 18-01-1927, yếu chỉ của việc cũ uống rượu là dưỡng khí trong việc luyện Đạo. Thầy có dạy:

“Thầy nói cái Chơn Thần là nhị xác thân các con, là khí chất, nó bao bọc thân thể các con như khuôn bọc vậy, nơi trung tâm của nó là óc, nơi cửa xuất nhập của nó là lỗ óc, gọi tiếng chữ là Vi Hộ. Nơi ấy Hộ Pháp hằng đứng mà gìn giữ Chơn Linh các con. Khi luyện thành Đạo đặng hiệp một với Khí, rồi mới đưa thấu đến Chơn Thần, hiệp Một mà siêu phàm nhập Thánh.

Vậy thì óc là nguồn cội của Khí, mà óc cũng bị huyết vận động vô chừng, làm cho đến đổi loạn tán đi, thì chơn thần thế nào đặng an tịnh điều khiển, thân thể phải ra ngây dại. Trở lại chất thú hình, mất phẩm nhơn loại rồi, còn mong chi đặng phẩm Thần Thánh Tiên Phật. Lại nữa buổi loạn thần ấy để cửa trống cho tà mị xung đột vào, giục các con làm việc tội tình mà phải chịu phạt luân hồi muôn kiếp. Vậy Thầy cấm các con uống rượu, nghe à !”

Nếu chúng ta uống rượu nhiều, rượu vốn là một khí chất có độ cao, chạy vào máu làm cho huyết vận động bất thường tán loạn đi, làm cho Chơn Thần không điều khiển được, thân thể phải ra ngây dại, không làm chủ được lời nói và hành động trở lại thú tánh mất phẩm nhơn phẩm làm sao đoạt phẩm vị Thần Thánh Tiên Phật được.

Người tham thiền luyện đạo cốt phải **an thần** đừng cho nó vọng động đảo điên, mà ảnh hưởng của rượu rất tai hại, nó thâm nhập vào trái tim, đập mạnh trái tim làm cho thần không an, não động bất thường, không ổn định điều hòa được, thần không

an thì không định được, mà nguyên tắc luyện Đạo là để cho **“thần an khí định”** vận chuyển điều hòa khí tức (hơi thở), thần có an mới làm chủ được hơi thở mà thần dẫn dắt nó nhịp nhàng theo tiết điệu thiên nhiên. Uống rượu nhiều vào cũng không khác nào ta nổi nóng lên làm cho chơn thần mất bình tĩnh, không làm chủ được Khí thì luyện Đạo sao thành công được.

Ngũ bất vọng ngữ

Tại sao cầm “Vọng Ngữ”? Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 2, đàn năm Mậu Thìn 1928, Thầy có dạy:

“Thầy đã nói rằng nơi thân phàm các con, mỗi đứa Thầy đều cho một Chơn Linh gìn giữ cái Chơn mạng sanh tồn. Thầy tưởng chẳng cần nói, các con cũng hiểu rõ rằng Đấng Chơn Linh ấy vốn vô tư, mà lại đặng phép giao thông cùng cả chư Thần Thánh Tiên Phật và các Đấng trọn lành nơi Ngọc Hu Cung. Nhứt nhứt điều lành và việc dữ đều ghi chép không sai, đặng dâng vào Tòa Phán Xét, bởi vậy nên một mảy không qua, dữ lành đều có trả. Lại nữa, các Chơn linh ấy, tánh Thánh nơi mình đã chẳng phải gìn giữ các con mà thôi, mà còn dạy dỗ các con, thường nghe đời gọi lộn “Luơng Tâm” là đó.

Bởi vậy chư Hiền, chư Thánh Nho nói rằng: Khi Nhơn tức khi Thiên; Hoạch tội ư Thiên, vô sở đảo dã.

Như các con nói dối, trước khi chưa dối với người, thì các con đã nói dối với lương tâm, tức là Chơn linh. Thầy đã nói Chơn linh ấy đem nạp vào Tòa Phán Xét từ lời nói của các con; dầu những lời nói ấy không thiệt hành mặc dầu, chớ tội tình cũng đồng một thể.

Nơi Tòa Phán Xét, chẳng một lời nói vô ích mà bỏ, nên Thầy dạy các con phải cẩn ngôn, cẩn hạnh, thà là các con làm tội mà chịu tội cho đành, hơn là các con nói tội mà phải mang trọng hình đồng thể. Các con khá nhớ!”

Kết luận

Có suy nghiệm mới thấy Ôn Trên buộc người luyện Đạo phải giữ Ngũ Giới Cấm là điều rất cần thiết, nhưt là hai giới cấm tà dâm làm hoang phí chơn tinh và giới cấm tử nhục làm cho thần kinh tán loạn.

Nếu chúng ta tiếp tục nghiên cứu kinh Đại Thừa Chơn Giáo do Đức Chí Tôn Thượng Đế giảng cơ dạy về Đạo Pháp tiếp theo quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyên, mà ngay buổi đầu mới khai Đạo năm Bính Dần (1926), Thầy cũng đã ban ơn truyền bửu pháp cho những ai thọ trai được 10 ngày đồ lên, còn muốn luyện Đạo, Thầy buộc phải trường trai tuyệt dục giữ giới cho nghiêm túc, Thầy thố lộ bí pháp luyện Đạo của Tiên gia là hiệp Tinh Khí Thần (Tam bửu) đã có sẵn trong nhơn thân, để tạo Nhị xác thân thiêng liêng mới về hiệp nhưt được với Thầy nơi cõi Hư Vô tinh khiết.

Thầy dạy trong Đại Thừa Chơn Giáo, đàn 5 Novembre 1936, ngày 22 tháng 9 Bính Tý:

“Mà tại sao Thầy lại buộc các con luyện Đạo đều phải giữ tròn Ngũ Giới Cấm? Tại phép luyện đơn là không phải dễ. Nếu các con phạm qui điều, không giữ giới, thì không bao giờ các con tu đắc quả đặng.

Sự ăn chay là bỏ Tiên Thiên, còn ăn mặn lại bỏ Hậu Thiên. Các con nếu ăn mặn mà luyện Đạo thì chơn Thần bị khí Hậu Thiên làm như bần nặng nề mà khó thể xuất ra khỏi vùng trung giới được.

Còn sự dâm dục là một điều quan hệ nhất cho người tu, Thầy đã nói một nhểu tinh dịch của các con tức là một khối tinh thần. Nên nếu các con để nó chảy lọt ra ngoài chừng trong một nhểu, thì cũng đủ cho các con hư hại đến hình hài thể phách rồi ! Huống chi mấy nhểu tinh rớt lọt ra đó là mấy điểm “Tiểu linh quang”. Sau các con chết, chúng nó sẽ kéo đến Nguyệt Đài mà bắt thường Thiên mạng ! Cười...Các con phải biết Thiên mạng chớ không phải là nhơn mạng đâu nghe.”

Theo đó chúng ta bình tâm nhận xét thấy rõ vì thương nhơn sanh còn đọa lạc, Thầy phải tiếp tục dạy luyện Đạo là cứu cánh giải thoát con người trong cơ tận độ ân xá kỳ ba của Thầy. Nên quyển kinh Đại Thừa Chơn Giáo ra đời sau 10 năm cơ Phổ Độ đã hoàn thành (1926-1936) từ năm Bính Dần đến năm Bính Tý), để Thầy *"Minh truyền chơn giáo phục linh căn"*. ■

VẤN ĐỀ XUẤT GIA

Theo lệ thường trong các tôn giáo, **xuất gia** có nghĩa là xa gia đình, là bỏ nhà cửa sự nghiệp, vợ con, dứt đường ái ân, không còn thiết tha lưu luyến mùi đời thế tục, để vào ở hẳn trong chùa thất hay am tự, chịu thí phát qui y thọ giới, hằng ngày lo tụng niệm kinh sám, siêng học kinh, đọc sách, lo tẩy xú khai thanh để từ tư tưởng, lời nói, hành động đều phải theo giới luật đạo, để tự giác hầu có ngày đạt Đạo để giác tha, thức tỉnh người thế tục và được trở nên hàng cao tăng, Thượng Tọa hay Hòa Thượng... trong tương lai.

Đoàn Trung Còn trong quyển Phật Học Từ Điển, có phân ra ba hạng xuất gia như dưới đây:

“Thân xuất gia mà Tâm không xuất gia, ấy là hạng người đầu là đầu tròn áo vuông, mà tâm còn luyện tục.

Thân Tâm đều xuất gia, ấy là hạng người mộ Tam Bảo, giữ giới thanh tịnh, quyết dứt các phiền não, quyết đắc quả Bồ Đề.

Thân tại gia mà Tâm xuất gia, ấy là hạng người đầu còn ở thế mà tinh tấn tu học, không say đắm nhiễm trước, ấy cảm bằng xuất gia.”

Hiện nay việc xuất gia gặp nhiều khó khăn nên người tu hành quyết tâm cầu tu giải thoát có thể chọn hàng thứ ba kể trên để tu tiên lên hàng thượng thừa như trong Cao Đài Đại Đạo Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi.

Riêng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, được Ôn Trên đặc ân cho phép thọ giới xuất gia theo Đạo Thời Trung, tùy thời độ thế.

Nhơn trước lễ xuất gia của một hiền tử Nữ Chung Hòa đã nhiều năm trường trai thọ giới, thâm niên công quả hành đạo và dự nhiều khóa tu thiền định, công phu, Đức An Hòa Thánh Nương có mấy lời khuyên giải:

“Con quyết tâm xuất gia cầu tu giải thoát, trước hết con phải hiểu rõ nghĩa hai chữ Xuất Gia để không lầm lẫn cái nghĩa chung chung là xa gia đình, lìa quyến thuộc vào chùa thất mà ở. Đó chỉ đúng có một phần hình thức bên ngoài để cho hạng sơ học và kẻ chán đời vì cảnh ngộ, chớ như những hàng Thiên ân sứ mạng thì nghĩa xuất gia phải sâu xa thâm diệu hơn.

*“Vả lại trong Tân Pháp Đại Đạo thì không gọi là xuất gia, chỉ có hàng giáo hữu phải lập nguyện hiến thân cho Đạo, tách rời gia đình vào Hội Thánh để lãnh trách nhiệm hành đạo mà thôi. Nay Đức Thượng Đế Chí Tôn ban ân cho hàng Thiên ân hướng đạo trong Cơ Quan xuất gia là dụng từ để **thánh thiện hóa con người** có tâm chí giác ngộ đạo đức, tất yếu hội đủ điều kiện, ngộ hầu chấp trì quyền pháp với sứ mạng hiện tại và xứng đáng với Thiên chức, Thiên phong trong Tam Kỳ Phổ Độ ở tương lai...*

“Thế nên, xuất gia có nghĩa là hành giả phải thoát ly ra khỏi nhà phàm tục của Nhơn tâm mà vào ở trong ngôi nhà Thánh thiện của Đạo Tâm. Trong ngôi nhà Thánh thiện không có sự chia lìa hay tụ họp, mà chỉ có một Tâm Vô: vô phân biệt, vô nhân, vô ngã, vô chấp trước, vô cảm nhiễm. Các thứ này xưa nay nó ở trong ngôi nhà phàm tục của Nhơn tâm, nó đeo đẳng,

nó bám víu làm cho nhơn tâm phải nghiêng ngả, vì nó hay phân tách, chia ly, thân sơ, yêu ghét, thân thù; chỉ biết có ta hay, ta phải, ta đúng, ta giỏi, mà không biết cái hay, cái phải, cái đúng, cái giỏi của kẻ khác. Lại sanh lòng chấp trước, chấp sau, chấp còn, chấp mất, chấp hơn thua, phải trái, khôn dại, sang hèn, liền trước ý vào đó để nuôi lớn cái dục vọng, phân tách lựa chọn, tự ái ích kỷ độc tôn. Nhơn cơ hội đó vật chất mới áp đảo, tiền bạc, lợi danh, mọi quyến rũ tình cảm, mọi ràng buộc vào vòng sắc tướng, sự nghiệp tiếng tăm, thích ưa mùi vị cảm xúc, vị kỷ vị thân, do đó liền sanh sân, si, hỉ, nộ, ái, ó, lạc, cụ bất thường, làm cho nhơn tâm loạn động. Càng loạn động càng bị vô minh che lấp. Khi ấy dầu cho đứng trước cửa Lôi Âm Tự cũng không thấy cửa mà vô chớ còn mong gì hòa hiệp với khối Đại Linh Quang.

Bởi thế, nên hành giả khi được vào hàng Thiên ân hướng đạo phải xuất gia, phải ra khỏi ngôi nhà phạm tục đó. Dùng gươm thần huệ đoạn lìa các đám giặc con tai hại ấy để vào ngôi nhà Thánh thiện của Thánh tâm, hành công cho đến khi nào nguyện lực vững vàng lớn mạnh, thì dùng Đạo tâm để hàng phục chúng nó, hàng ngũ hóa chúng nó, để trở thành những kiện tướng giúp vào việc xây dựng những khối Công Bình, Bác Ái, Từ Bi, hòa Đồi hợp Đạo, tận độ nhơn sanh mãi mãi cho đến khi nào không còn tướng, còn tâm, không còn có, còn không, mà chỉ bình đẳng như như. Vậy mới đúng nghĩa xuất gia giải thoát.

Đối với nội tâm thì như vậy, còn ngoại thể thì sao?

Nói một cách khác dễ hiểu hơn, người xuất gia phải sống hòa mình với tập thể, tổ chức, với mọi người, không câu nệ ăn ở cách biệt của người, của ta, dầu thiếu thốn hay đầy đủ vẫn cùng có nhau, vui cùng vui, buồn cùng buồn, quên tiểu tiết mà

vì đạo sự lớn lao. Nội tâm Ngoại thể đồng nhất mới có thể sáng suốt để hài hòa nội bộ và tạo thế nhân hòa mà tận độ chúng sanh, giúp cho Đạo pháp, cho dân tộc, cho nơn loại.”⁸³

Hai chữ Xuất Gia được Đức An Hòa Thánh Nương giải nghĩa thật đầy đủ và rành rẽ kỹ càng mọi khía cạnh nội ngoại, hành giả nào muốn thọ giới xuất gia, trước phải xem xét kỹ lưỡng, liệu sức mình có thể thi hành đúng theo như vậy được hay chưa mới quyết định xuất gia để lãnh sứ mạng Thiên Đạo Đại Thừa trước Thiên Liêng. Còn đối với hàng tu theo Đại Thừa Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, Đức Cao Đài Thượng Đế đã có dạy trong Kinh Đại Thừa Chơn Giáo trước kia như sau:

*“Đại Thừa cắt ái ly gia,
Ly gia chẳng phải bỏ nhà đi đâu.
(...)
Đạo đâu? Đạo ở nơi Tâm,
Thì đâu có phải kiếm tâm nơi xa.
Có nhà mà chẳng tưởng nhà,
Gần thương tâm chí chẳng mà thương ai.”*

Một đoạn khác, cũng có dạy thêm:

*“Vinh hoa phú quý vầy vùng,
Những đồ sản vật cộng chung quá nhiều.
Bà con thì biết bao nhiêu,
Vợ xinh, hầu đẹp, con nhiều, cháu đông.
Tuy là mình ở vào trong,
Mà tâm chí vẫn không không có cần.
Ái ân trước mắt chẳng gần,*

⁸³ CQPTGLĐĐ, 06-3 Giáp Tý, 06-4-1984.

*Gia tài chẳng mền, không cần lợi danh.
 Gàn bòn mà chẳng hôi tanh,
 Ở trần mà chẳng nhiễm danh lợi trần.
 Có thân chẳng biết vì thân,
 Đủ điều trước mắt, tâm thần chẳng xao.
 Đạo đời đi cặp tu chơn,
 Bên nào cũng gắng, chớ sòn chí nhân.
 Đời lo vẹn, Đạo ân cần,
 Trả xong nợ đạo, thì thân cũng thành.”⁸⁴*

Chủ trương của đạo Cao Đài là vừa lo Nhơn Đạo cho tròn, vừa lo tu Thiên Đạo để trau dồi thân tâm và cần chuyên công phu tịnh luyện. Hễ trả xong nợ đời thì đường Thiên Đạo được ung dung, đó là Đời Đạo song tu. Thánh xưa có bảo: **“Nhơn Đạo bất tu, Tiên Đạo viễn hĩ”**, nếu Nhơn Đạo mà không chịu tu thì đường Tiên Đạo còn xa vời lắm!

Theo lời dạy của Đức Giáo Tông Đại Đạo, người tu hàng Đại Thừa thọ giới xuất gia là phải vong kỷ vị tha, quên mình mà độ người; phải nhớ ra khỏi ngôi nhà của phàm tâm mà vào ở hẳn ngôi nhà của Thánh tâm, không còn tâm phân biệt ta người, chia cách sang hèn, kỳ thị rẽ chia, thân thù, thị phi phải trái, hơn thua tranh chấp ta người nữa mà lo hòa mình độ chúng; xem hạnh phúc của người như hạnh phúc của mình, xem sự đau khổ của tha nhân như sự đau khổ của chính mình, để mưu cầu hạnh phúc chung cho nhơn loại; phải giữ tâm bình đẳng nhưt như thanh tịnh, đừng để lòng xao động, luôn luôn diệt trừ phiền não, chấp trước, để không vui, không buồn, không bận, không thù, không thị phi, không ân oán. Nói tóm lại, giữ sao cho niệm lự giai vong, vạn duyên đốn tuyệt. Muốn được như vậy, hành

⁸⁴ Đản ngày 17-8 Bính Tý, 02-10-1936, bài “Cử chi tánh hạnh người tu”

giả phải Tánh Mạng song tu, tu tánh luyện mạng cho thuần thực mới có đủ thần lực đương kham trách nhiệm Thiên Đạo Đại Thừa, hồng Đạo độ đời.

Đức Đông Phương Lão Tổ có dạy:

“Người tu học vào hàng Thiên Đạo đại thừa là đã lập tâm giải thoát, mà chỉ những con người biết giải thoát mới thấu hiểu Thiên Đạo để chấp nhận sứ mạng đại thừa. (...)

Tôn giáo có nhiều mà chỗ chứng quả vô thượng của con người giải thoát là phật, thánh, tiên, tuy Tam Tông cũng do chọn tông Vô Cực mà có.

*Xét biết như vậy để người tu hành thoát khỏi nhân duyên, dẹp bỏ tam tâm tứ tướng, đồng đi vào chỗ nhứt nguyên trung đạo. Có như vậy Đạo mới thể hiện được sự cứu cánh thực sự cho chúng sanh.”*⁸⁵

Trong Tứ Thập Nhị Chơn Kinh, Phật có nói:

“Bậc Xuất Gia làm Sa Môn thì cắt đứt tình dục, lìa bỏ tình ái, thấu hiểu nguồn tự tâm (Tâm vốn không tịch vắng lặng) đạt đến lý thâm diệu của Phật, ngộ được cái pháp vô vi, ở trong thì không thấy đắc cái gì, ở ngoài thì không mong cầu cái gì, lòng chẳng buộc ràng vì Đạo, cũng chẳng kết thành nghiệp, không vọng niệm, không tạo tác, tu như không tu, chứng như không chứng, không trải qua các quả, mà tự nhiên cao tốt bậc. Như vậy mới đáng là bậc xuất gia hành đạo”.

⁸⁵ Đức Đông Phương Lão Tổ, 15-6 Bính Thìn, 11-7-1976.

Đó là lời của Phật Tổ đã minh định hàng xuất gia thuộc hàng **Thân Tâm đều xuất gia**.

Riêng đối với hàng Thiên ân Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, thọ giới xuất gia được Ôn Trên dạy đọc bài nguyện sau đây trước Thiên Bàn có sự chứng kiến của chư đạo hữu.

*“Trên chín bệ Chí Tôn Từ Phụ,
Giữa Tam Tòa ban phú ân Thiên;
Con xin quỳ trước điện tiền,
Cúi đầu thọ mạng khấn nguyện xuất gia.*

*Nguyện thoát khỏi ngôi nhà phạm tục,
Nguyện quay về cõi phúc tâm linh;
Đoạn lìa nghiệp chướng vô minh,
Nguyện thấu sáu đục bảy tình về tâm.*

*Nguyện sám hối mê lầm từ thuở,
Nguyện giải trừ tháo gỡ tiền khiên;
Bấy lâu nghiệp thức di truyền,
Dấu cho vạ pháp cũng tuyền vô minh.*

*Nguyện hành đúng công trình luyện kỹ,
Chuyển thức thành huệ trí tu công;
Ma Ha rửa sạch ba lòng,
Diệt trừ tứ tướng dị đồng khác sai.*

*Vào nhà Thánh, Tâm này tịnh lạc,
Chốn huyền môn, ý phát vô trần;
Vẹn gìn một mảnh Thiên Chân,
Thung dung tự tại hang Thần vào ra.*

*Tung khỏi lưới trần la vây hãm,
Còn dặt dè tình cảm vắn vương;
Rõ ràng là thứ vô thường,*

Trong ngoài đều có lối đường diệt sanh.

Thọ Thiên ân chí thành báo đáp,

Lãnh mạng Trời quyền pháp kính tin;

Nguyện lòng tu chứng viên minh,

Hành tròn sứ mạng nhân sinh tại trần.”⁸⁶ ■

⁸⁶ Đức Ngọc Lịch Nguyệt, CQPTGLĐĐ, 09-6 Ất Sửu, 28-4-1985.

NGƯỜI TU HÀNH CẦN PHẢI BỒI CÔNG LẬP ĐỨC

Tại sao người tu hành nhưt là người tịnh luyện cần phải bồi công lập đức? Công viên quả mẫn đầy đủ mới dễ dàng tu chứng đạt đạo giải thoát được cõi trần ai hệ lụy này để về an hưởng nơi thế giới cực lạc trường tồn vĩnh cửu.

Bởi vì Thánh Nhơn có dạy: “Đạo như thuyền, nước như thủy” nghĩa là đạo ví như nước, nếu không có nước, thì thuyền không thể trôi chảy được dễ dàng suôn sẻ. Mặc dầu đã dày công gian lao khổ nhọc nhiều năm công phu tu tập, nếu có đắc quả về cõi thượng giới chỉ được hưởng thụ một thời gian tương xứng rồi cũng phải trở lại cõi trần gian mà tiếp tục bồi công lập đức cho viên mãn mới được vĩnh viễn giải thoát luân hồi sanh tử về cõi thiêng liêng hằng sống, Thánh giáo Cao Đài thường nhắc nhở như vậy, tức là công phu - công quả - công trình phải trọn vẹn.

Thật ra đúng theo lý đạo, bồi phước lập công, tạo âm đức chỉ là để giải nghiệp tiền khiên mà ta đã vì vô minh, tạo nên nghiệp lực từ vô lượng kiếp trước nên kiếp này bị chúng đeo đẳng đòi nợ khó bề giải thoát. Đó là những món nợ tiền khiên mà chúng ta đã tạo gây nên vương mang nặng nề. Bồi công lập đức là một phương tiện để trả nợ, giải nghiệp lực kéo trì, để chúng không còn đeo đẳng, đòi nợ mà tu luyện cho dễ dàng bớt phần khảo đảo đó thôi! Ở Trên thường bảo làm âm chất là tạo nên móng vững vàng cho việc công phu luyện đạo nên ví đạo như thuyền, đức như nước.

Trong một đàn dạy pháp, Đức Ngọc Lịch Đại Tiên sau khi giảng xong về đạo pháp, có khuyên chư tịnh viên như sau:

*“Thứ đến là chư hành giả phải bồi công lập đức. Đạo như cái thuyền, đức như nước, nước có thì thuyền mới trảy sang. Nên việc thứ đến là hành giả phải bồi công lập đức để tạo được móng nền khả dĩ xây cất được ngôi nhà đạo pháp vững vàng. Công đức rất dễ làm nếu chư hành giả quyết tâm tu chứng. Cái vốn của công đức là tâm từ huệ, bác ái vị tha, giúp người quên mình trong lúc người hoạn nạn khổ đau. Những việc làm do tâm từ huệ, bác ái, vị tha dầu lớn dầu nhỏ cũng đều là công đức.”*⁸⁷

Theo Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh, khi môn sanh muốn thọ pháp phải xin keo đốt hồng thệ quyết tâm cầu tu giải thoát, dứt nợ trần ai không còn trở lại thế gian nữa. Đốt hồng thệ để Thiêng Liêng chứng minh và thông tri cho tất cả chủ nợ của đương sự ở cả hai cõi vô hình và hữu hình biết để đến đòi nợ mà không khiêu nại với Ôn Trên sau này. Thế nên hành giả phải cam chịu chúng áp nhau dồn dập khảo đảo, kéo níu đủ mọi khía cạnh, nên nói tu Đại Thừa là phải chịu để cho ma khảo là vậy, vì vô ma khảo bất thành Đại Đạo.

Ngay như buổi mới Khai Đạo năm Bính Dần 1926, Đức Chí Tôn đã dạy trước: Mở Đạo Kỳ Ba này Thầy mở cuộc khảo thí để tuyển chọn những con xứng đáng đưa về Bạch Ngọc Kinh cùng Thầy.

“Thầy đã thả một lũ hổ lang ở lộn với các con, Thầy hằng xúi chúng nó thừa dịp mà cắn xé các con, song trước Thầy đã

⁸⁷ Vĩnh Nguyên Tự, 10-5 Đinh Ty, 25-6-1977.

cho các con mặc một bộ thiết giáp, chúng nó chẳng hề thấy nặng, là đạo đức của các con.”⁸⁸

Lập đức, ngoài việc để giải trừ nghiệp lực trần ai, người tu chơn mở lòng bác ái vị tha giúp đời độ chúng không vì danh, lợi, không chịu lưu lại dấu vết, coi đó là bổn phận cần thiết như hơi thở, cơm ăn nước uống của mình. Người đạo cao đức trọng không chấp đức, còn người hạ lưu lại chấp đức. Đức Lão Tử (Đạo Đức Kinh, chương 38 - Thượng đức) có viết như sau:

“Người đức cao không tự thị về đức của mình, do đó là người có thật đức.

Người đức thấp chấp chặt vào đức nên không có thật đức.

Người đức cao thì tịch lặng, cho nên không còn gì để hành động.

Người có lòng nhân cao hành động mà không có điều gì để hành động.

Người có đạo nghĩa cao hành động nên còn có điều để hành động.”

Vua Lương Võ Đế có hỏi đức Bồ Đề Đạt Ma vậy chớ cả đời ông cất chùa chiền, nuôi tăng, in kinh, bố thí người nghèo khổ có công đức chăng? Tổ Bồ Đề Đạt Ma đáp: “Không có công đức”. Là vì sao? Theo chúng tôi nghĩ vì Vua Lương Võ Đế quá chấp đức, tự suy tôn bản ngã, khoe khoang việc làm của mình nên không có chơn công đức mà chỉ có tu phước, bố thí trụ tướng mà thôi. Theo kinh Kim Cang, bố thí trụ tướng chẳng khác chi vào chỗ tối, không trông thấy chi cả. Trái lại bố thí ly

⁸⁸ Đản ngày 13-3-1926.

tướng ví như có được mắt sáng lại còn nhờ thêm ánh sáng mặt trời chiếu soi tỏ rạng, trông thấy rõ rệt mọi vật.

Theo Phật pháp đúng nghĩa bố thí hay bố thí trong Lục độ Ba La Mật, phải có ba điều dưới đây:

Không nghĩ mình là người nãi thí (thi ân)

Không nghĩ người nhận là kẻ thọ thí (thọ ân)

Không nghĩ vật ban cho là vật sở thí.

Vua Lương Võ Đế thi hành bố thí như vậy là tạo nhân phước để hưởng quả phước tuyệt nhiên còn dụng lợi không phải là chơn công đức vô lậu giải thoát. ■

CHƠN DUNG NGƯỜI CHƠN TU

Thế nào là người Chơn Tu?

Người Chơn Tu là người **Tu Thiệt** chớ không tu giả dối màu mè, tu cho có tiếng tăm, để được người đời khen tặng, chỉ tu cho mình. Đúng theo ý nghĩa thuần túy của chữ Tu là sửa đổi, là trau dồi, sửa xấu ra tốt, hư ra nên, sửa dữ ra hiền, dứt bỏ những thói hư tật xấu mà mình đã làm lỗi trước, phải biết ăn năn sám hối phục thiện để sửa mình, không còn biếng lười tham lam bòn xén, ích kỷ hại nhơn, biết mở rộng lòng thương người mến vật. Chúng ta hãy xem định nghĩa chữ tu của Đức Hiệp Thiên Đại Đế:

“TU là sửa đổi từ dữ ra hiền, từ hư được nên, sửa đổi từ xấu thành tốt, từ phạm nhân ra Thánh nhân. TU cũng là tu bỏ những chỗ hư hỏng thiếu sót để được hoàn mỹ chí thiện, chí nhân vậy. Nếu không sửa đổi cải thiện, khiêm tốn học hỏi điều lành, phục thiện để nhận những chỗ sai hầu chữa cải, thì dầu tu trọn đời mãi kiếp, phạm nhân vẫn là phạm nhân, luân hồi chuyển kiếp vẫn trong vòng chuyển kiếp luân hồi.”⁸⁹

Người Chơn Tu là người đã biết giác ngộ trước cuộc đời giả tạm phù hoa nay đổi mai dời, không có chi là bền bỉ, để nhận ra chỉ có linh hồn là điểm linh quang của Thượng Đế ban cho xuống trần gian, tạm mượn thân xác này một thời gian hữu hạn để học hỏi trui rèn hầu trở nên hàng Hiền nhân, Thánh triết mà giúp đời, giúp Thượng Đế ổn định càn khôn vũ trụ, vì mỗi

⁸⁹ CQPTGLĐĐ, 01-02 Tân Hợi, 25-02-1971.

người là một đơn vị đáng kể đứng trong hàng Tam tài, có nhiệm vụ đóng góp chung với cơ tiến hóa của Tạo Hóa.

Người Chơn Tu không nhứt thiết lìa bỏ gia đình, bỏ bê việc làm ăn chánh đáng, lương thiện đang có. Bỏn phận gia đình phải lo cho tròn Nhơn đạo, vì Nhơn đạo tròn mới mong bước lên hàng Tiên đạo. Cũng không ly gia cắt ái vào chùa thất để ẩn tu, cũng không bắt buộc phải cạo râu cắt tóc, ăn mặc nâu sòng, trừ những hàng đã quyết tâm xuất gia tu hạnh Bồ Tát để giác tha hay hàng Đại Thừa hiển thân hành đạo. Trong Đại Thừa Chơn Giáo Đức Chí Tôn có dạy:

“Ở ăn như thể thường tình,
Lo tu luyện đạo sửa mình tinh ba.
Tu không biểu mặc đồ dà,
Cạo râu thí phát, bỏ nhà lìa con!
Ông bà cha mẹ đưng còn,
Phải lo báo đáp cho tròn hiếu trung.
Vợ chồng trọn nghĩa thỉ chung,
Giữ như sen mọc dưới bùn không dơ...”⁹⁰

Người Chơn Tu, ai tu như vậy cũng được, không tự bắt buộc mình, không tự gò bó thể xác mình, tu sao cho được phóng khoáng tinh thần tự lòng giác ngộ, tự nguyện cải tạo từ bản thân, bản tánh mình, từ tư tưởng lời nói và hành động hàng ngày cho được càng ngày càng thanh cao, thánh thiện để xứng đáng là hàng tối linh hơn vạn vật, sẽ bước lên hàng Thần Thánh Tiên Phật, vì chính đức Phật Thích Ca đã dạy: “*Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành*”, chỉ vì trước hay sau, chậm hay mau, con người cũng tiến hóa lên mức siêu xuất thế gian.

⁹⁰ Đoàn ngày 10-9 Bính Tý, 24-10-1936, bài “Luận hai chữ Hữu và Vô”

Người Chơn Tu một khi đã giác ngộ rồi, xem vật chất nhẹ tựa lông hồng, coi đó là những phương tiện để đưa đến cứu cánh, đem lại hạnh phúc chơn thật và thanh cao cho con người, chớ không bám víu ôm chầm giữ lấy mà thụ hưởng riêng tư. Người Chơn Tu không để cho tử, sắc, tài, khí điều khiển mình để bị sa vào tội lỗi mà phải chịu đọa lạc trầm luân.

Người Chơn Tu hằng lo canh chừng, đừng để cho giác quan ngũ tạng và thất tình lừa dối và xúi giục mình làm cho linh tâm phải bị mờ ám, và phải lo giữ lòng chơn thật, thanh cao, mở rộng lòng bác ái, vị tha, khoan dung tha thứ giúp đỡ mọi người.

Nói tóm lại, người chơn tu là người đã giác ngộ trước giả cảnh của cuộc đời, biết nhận chân sứ mạng con người đến thế gian là để trau giồi rèn luyện bản linh chơn tánh của mình trở nên hàng thánh triết siêu nhân trong cơ tiến hóa của tạo đốn. Hằng lo trau giồi, tác phong đạo hạnh của mình cho nên con người đạo đức thuần thành, lời nói, cử chỉ, hành động phải thể hiện con người khả ái, điềm đạm thanh cao. Đi đứng nằm ngồi phải đốn trang thuần hậu, vui cười buồn giận không để bộc lộ quá mức, Thánh giáo Đức Chí Tôn có dạy:

*“Nên trò đạo đức dễ gì đâu,
Vui chẳng dám vui, sầu chẳng dám sầu.
Cái khổ của đời mình ước vọng,
Cái chê của chúng lại nài cầu.”⁹¹*

Tại sao người chân tu đạo đức không dám vui? Vì chung quanh mình còn biết bao nhiêu cảnh đời đau khổ với vô vàn những con người đói rét, bệnh tật, lâm cảnh thiên tai chiến họa,

⁹¹ Thi văn dạy Đạo, Thánh ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1.

hạn hán, bão lụt, hỏa hoạn, nhà cửa sự nghiệp tiêu tan, không nơi nương tựa, thân thể xác xơ tan tác, thiếu thốn lương thực, quần áo, thuốc men.

Tại sao người đạo đức không dám sầu? Vì cái sầu lộ diện phát tiết ra ngoài những tiếng thở than phiền não, sẽ làm cho những người chung quanh phải bị cảm lây mà buồn thảm, rầu rĩ như mình, tạo nên không khí buồn thảm gây ảnh hưởng bi quan chán nản không tốt làm mất hạnh phúc của xã hội quanh mình.

Tại sao người chơn tu lại ước vọng cái khổ của đời?

Vì người chơn tu lòng từ huệ đã mở, hay động lòng trắc ẩn thương xót trước cái đau khổ của đời, xem cái khổ của tha nhân như là cái khổ của chính mình, biết thấm thía mà chia sẻ và tìm cách giúp đỡ an ủi, chở che đùm bọc.

Cũng vì thế mà Đức Quan Thế Âm Bồ Tát từ vô lượng kiếp hóa thân để độ đời, không chịu an hưởng chốn Bồng Lai Cực Lạc, để giáng trần tầm thính, tìm kiếm tiếng thở than của người đời, mà ra tay dìu dắt, cứu vớt nhơn loại trong bể khổ trần gian.

Tại sao cái chê của chúng lại nài cầu? Thường thì người đời ham thụ hưởng vinh hoa phú quý cho sung sướng và không thích cực khổ, chê ăn uống không ngon, ngủ nghỉ không đủ tiện nghi, êm ấm, mà người chơn tu đạo đức lại nài cầu, thế mới nghịch đời làm sao! Đó là vì họ xem thường những tiện nghi vật chất, có cũng được không có cũng chẳng sao, không kén nệm bông hay chiếu cỏ, miễn vừa đủ no, vừa đủ ấm, không đòi hỏi, thèm muốn để khỏi dần thân chạy đua buông bắt, để khỏi khổ tâm tiêu tụy, lo lắng mất ngày giờ, hao tán sức khỏe, tất cả chỉ dành để lo công ích cho xã hội. Cầu những cái mà người đời chê để

trui rèn, thử thách coi mình dễ bị cám dỗ không, có đủ sức kiên trì chiến thắng được nhục dục đòi hỏi níu trì mình không! Thánh xưa thực bát cầu bảo, cư bát cầu an (ăn không cần no, ở không cần yên ổn). Người quân tử thà cam chịu cực chớ không để phải lụy thân vì danh lợi sắc tài cám dỗ mê hoặc.

Thực ra người chơn tu phải tự khắc khổ bản thân rất nhiều, muốn thành bực chơn tu đạo đức không phải dễ dàng, hướng hồ là muốn thành Thánh Tiên Phật. Con đường còn xa xăm diệu vợi, thiên nan vạn nan, người đời đừng dục vọng tưởng lầm với chút công quả, công phu mà đắc Đạo một sớm một chiều. Chơn dung người chơn tu đã được Đức Như Ý Đạo Toàn mô tả như sau:

“Hồi chư hiền đệ hiền muội! Việc thành Đạo trong giới tu hành cũng như việc thành công trên trường đời, cũng tương tự như nhau.

Thử kiểm điểm lại những vị chơn tu đắc Đạo, có phải dễ dàng như món đồ vật từ trong túi lấy ra đâu? Những vị ấy đã trải qua bao phen khắc kỷ để làm chủ bản tâm chơn tánh, điều khiển mọi hoàn cảnh sự vật chung quanh, kiên tâm, can đảm, khắc phục mọi nỗi khó khăn, từ y phục, ẩm thực, cư trụ, danh vị, sự nghiệp, tình cảm chật hẹp đến mọi nỗi lạc thú ở đời. Tuy thấy bên ngoài những vị đó nét mặt trầm ngâm, thân hình đơn giản, một mảnh bô vải che đậy, xem qua thiệt là giản dị, sự thật ra nào ai biết được bên trong nội tâm những vị đó hoạt động rất nhiều, tranh đấu rất gay go với mọi tư tưởng bên ngoài đưa đến mọi sự khảo thí chung quanh rào đón, khó có một điều là tâm vững trợ trợ như đá như tròng, sự vật là sự vật, nội tâm là nội tâm, không vì sự vật mà làm cho lay chuyển nội tâm, đó là một điều bí yếu thành công trong thời kỳ tạo Tiên tác Phật.

Còn như ở trường đời khi được thành công một phương diện nào đó cũng không phải là dễ.

Ngày nay, trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đã có nhiều phương tiện cho người tín hữu tu hành để đắc quả, nhiều lối quanh đường tắt, nhiều kinh điển Thánh giáo Thánh ngôn, ít ai chịu khó tìm hiểu lý nghĩa sâu sắc và những khía cạnh siêu thoát của nó, mà chỉ vừa tìm hiểu những gì thích hợp với thành kiến sẵn có, thỏa mãn những dục vọng tâm thường, rồi tự cho là đủ. Bởi vậy cho nên, đã hơn bốn mươi năm trời giáo đạo, mà chưa được mấy người tìm hiểu và làm đúng sự mẫu nhiệm của lý Đạo. Do đó mới có cảnh trống đánh xuôi kèn thổi ngược trong huynh đệ đồng đạo. Chỉ đến ngày nay, trước cảnh tang thương bi đát của đời, Thượng Đế không thể kéo dài thời gian, dễ dãi nuông chiều với những đứa con còn lười biếng, chậm chạp, tự ái, ích kỷ, nên đã truyền lệnh các bậc Chơn Tiên đem pháp môn thiết thực đến để dạy những ai chịu khó gia công học hỏi và hành để tu nhứt kiếp ngộ nhứt thời. Còn ai chẳng được làm theo thì cũng tùy theo duyên phước mà thọ hưởng ít nhiều, hoặc bị rơi ra ngoài vòng tiến hóa của vũ trụ trong buổi Hạ Nguyên Mạt Kiếp điêu tàn, để lập lại đời Thượng Nguyên Thánh Đức.”⁹²

Thế nhân làm sao nhận định được sự tu chứng hay đắc Đạo của các hàng chơn tu?

Chúng ta có thể nhận định được qua chơn dung của người chơn tu mà chúng tôi vừa mô tả ở trên.

Ta nhìn thấy tác phong đạo hạnh thuần thành của họ thể hiện ra bên ngoài với việc đi đứng nằm ngồi, cử chỉ đoan trang,

⁹² Ngọc Minh Đài, mừng 01 tháng Chạp Bính Ngọ, 11-01-1967.

khoan thai, đằm thắm, không tỏ vẻ bôn chôn hấp tấp, bực bội phiền muộn áo não, lúc nào cũng thấy họ mặt mày vui tươi cởi mở mà không lố lăng, cợt nhả hời hợt, lời nói dịu dàng êm ái dễ cảm. Họ không vào tửu điểm trà đình, không vào nơi hí trường ca nhạc như thường tình thế sự... Lúc nào cũng tỏ ra ung dung tiêu sái, khoan dung tha thứ, không phiền trách, không trước ý chấp nê, không bươi móc việc người, không khoe khoang tỏ vẻ thách đời, dạy đời, không tỏ vẻ khinh bạc người nghèo khó, không đua nịnh, bưng bọ kẻ giàu sang, quyền thế, vì họ có cần gì đâu, họ có ham muốn gì đâu! Cơm chỉ đủ no, áo vừa che thân, nhà cũng là nơi tạm nghỉ, không cần nhà sang cửa rộng đẹp đẽ. Không hân hoan sung sướng khi được nằm nệm ấm gối êm, không buồn bực, cau có khi phải nằm trên chiếc chiếu rơm đạm bạc vì họ không chịu nô lệ, chiều chuộng xác thân, đòi hỏi thụ hưởng mọi sự sung sướng vật chất thường tình.

Ngân chi tiết ấy cũng tạm đủ cho người thế gian nhận định được hàng chơn tu đắc Đạo tại tiền, còn về phẩm vị thiêng liêng Thần Thánh Tiên của người đó là ngoài phạm vi của người đời, chỉ có Trời Phật điểm hóa ân phong cho họ sau khi linh hồn họ lìa bỏ xác phàm mà thôi. ■

XUÂN ĐẠO, XUÂN TÂM

*"Vạn vật nhờ Xuân để nở sanh,
Xuân do Lý Đạo mới lưu hành;
Vui nguồn Xuân Đạo, Xuân vô tận,
Dưới bóng Huyền Khung hưởng trọn lành."* ⁹³

Thiên Lương thường khuyên người chơn tu thánh thiện, mỗi độ xuân về cần tìm hiểu lý đạo của mùa xuân để thưởng xuân với tâm hồn nhiên an lạc tự tại trong lẽ Đạo của Trời, để được vui nguồn xuân Đạo hay xuân tâm là xuân vĩnh cửu trường lưu bất tận.

Chúng ta hãy thử luận về hai chữ xuân Đạo hay xuân tâm.

Hàng chơn tu, khi mùa xuân đến đều cảm nhận được hai cái xuân: Một là cái xuân tâm hay xuân Đạo thuộc về tâm linh, vô vi; hai là cái xuân cảnh hay xuân đời thuộc về vật chất hữu vi, cũng gọi là xuân thời tiết vì khí hậu mát mẻ ấm áp hòa nhịp với cảnh trí thiên nhiên, cỏ cây hoa lá đua nhau phô bày vẻ đẹp với màu sắc tươi thắm làm cho thân tâm con người được khỏe khoắn, an lạc. Đức Đông Phương Lão Tổ có dạy về ý nghĩa chơn thật của hai tiếng thường xuân phải ngấm ngấm bộc lộ từ nội tâm mới thật là đúng nghĩa. Còn thưởng xuân trên phương diện hình thức vật chất chỉ tạm cho người thế gian mà thôi, vì thưởng xuân về vật chất có nhiều khía cạnh, nhưng sau đó thì mệt mỏi, uể oải từ thể chất đến tinh thần. Còn thưởng xuân trong vòng đạo lý là kiểm điểm ôn cố phần đạo đức hành thiện của mình trong một năm qua. Khi thấy được phần tiến triển với

⁹³ Đức Đông Phương Lão Tổ, Minh Lý Thánh Hội, 04-01 Ất Mão, 14-02-1975.

lòng bác ái vị tha trên phương diện tam công, lòng hân hoan cởi mở, bát ngát tình thương, động lòng trắc ẩn đối với kẻ bạc phước gổ đất nằm sương. Với tình hân hoan ngấm ngấm và bộc phát từ nội tâm, rồi ngồi lại với chén trà đậm bạc bánh mứt, nhưng cõi lòng được nhẹ nhàng và chứa chan niềm hy vọng tràn đầy đức tin ở phần hộ trì của các Đấng.

Trong phạm vi con người chơn tu thánh thiện, tức nhiên khi hiểu được lý đạo của mùa xuân, thì chọn cách thưởng thức cái xuân tâm hay xuân Đạo hầu thăng tiến lên hàng Thần Thánh Tiên Phật.

Còn trong phạm vi của Thiên địa, mùa xuân là một sự chuyển mình của vũ trụ tạo đoan, một chu kỳ giáp mối ngăn ngủi trong khoảng khoắc của cuộc tuần hoàn, lập lại sự sinh tồn cho muôn loài vạn vật trên cõi tạm trần gian này. Người học Đạo hiểu được lý Đạo của mùa xuân ứng vào quẻ Kiên, và ôm trọn Đức Nguyên là đức của Đạo Trời, luân lưu bàng bạc khắp mọi nơi, mọi thời, vận hành không một phút giây nào ngừng nghỉ. Đức Nguyên vốn là độc nhưt, cương kiện sinh tồn, ở Trời là Tạo Hóa, ở người là chủ nhơn ông, quyền năng vô lượng, không bao giờ hư hoại, trường tồn vĩnh cửu. Tinh Tạo Hóa bao trùm vạn vật, dưỡng nuôi che chở đùm bọc, không vì kẻ hung ác bạo tàn mà không ban bố ánh thái dương chiếu sáng, không ban ơn cho mùa xuân mát dịu thấm tươi ẩm áp, cũng không vì người hiền lương đạo đức mà không có nắng hạn mưa chan của mùa hạ, hay mùa đông rét lạnh se da, vẫn thân nhiên chuyển luân điều hòa bốn mùa tám tiết, trong sự lặng lẽ âm thầm, không khoe khoang và không cần ai biết ơn, cũng không than thở trách phỉn ai, với Thiên địa chi tâm, đó là xuân tâm, xuân Đạo của Trời.

Người chơn tu, thọ Thiên ân quyền pháp, lãnh mạng Trời hoằng giáo độ tha phải lấy cái tâm Thiên địa đó mà trải khắp bốn phương, lấy tình Tạo Hóa mà hòa mình độ chúng, không chấp trước, không thị phi nhân ngã, mở lượng Tứ Vô (từ bi hỉ xả) để hoàn thành sứ mạng vi nhân, và trọn giữ gìn lời thệ nguyện năm xưa từ bến khởi nguyên.

Sang niên trình mới của thế kỷ 21, người tín đồ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nói chung, chư phận sự Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo nói riêng, hãy ý thức lý Đạo của mùa xuân mà xét mình, xét người, xét trách vụ, nhứt là các hàng đã lập nguyện hiến dâng cho Đạo gần nhứt để phục vụ chánh nghĩa của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo hãy nghiêm chỉnh thực hành sứ mạng nhận lãnh trên cương vị của mỗi ban, mỗi vụ để không hổ thẹn mình chỉ hiến dâng trên giấy trắng, với lời hứa suông, trước sự chứng kiến của thiêng liêng và nhơn sanh, để xứng đáng là những đứa con ngoan ngoãn trung kiên của Đức Cao Đài Thượng Đế.

Chúng ta hãy nhơn dịp xuân về đọc kỹ và suy gẫm lời khuyên dạy của Đức Vạn Hạnh Thiển Sư để làm phương hướng hành đạo cho thế kỷ 21. Ngài dạy: *"Sứ mạng này (sứ mạng của người môn đệ Cao Đài trong Tam kỳ Phổ độ) không phải đem ra tranh tài với những người bạn tôn giáo khác, để mong cho tập thể mình, danh nghĩa mình được đề cao, được rạng rỡ trên trường thế giới, rồi sanh ra những nghi ngờ, những ty hiềm lẫn nhau. Nhưng sứ mạng này phải vượt lên tất cả những thói thường ấy."*⁹⁴

Nhiệm vụ của chúng ta, không vì tôn giáo phân tranh, phái chi chia rẽ, củng cố địa vị gây ảnh hưởng riêng tư, không được bi quan, thoái chí ngã lòng, mất đức tin trước mức độ xuống

⁹⁴ Trúc Lâm Thiển Điện, 07-01 Nhâm Tý, 22-02-1972.

cấp trầm trọng đó, mà phải bình tĩnh sáng suốt, kiên gan trì chí làm sứ mạng bay hồ hàn gắn mọi sứt mẻ làm nhịp cầu thông cảm giữa các Chi Phái để mang tư tưởng thuần chơn, mang tình thương duy nhất từ Thượng Đế, chan hòa trong những tập thể khác, những màu sắc khác, để nhằm khiến họ ý thức được sứ mạng của chính mình, của chính mỗi tôn giáo, của mỗi chi phái Cao Đài, vì tất cả đều có một mục đích chung mang lại cho con người trần tục một nhân tố sinh tồn theo lẽ Đạo thuần lương. Mỗi tôn giáo, Phái chi đều có mỗi phương cách để hướng dân vi thiện, tránh điều ác, dữ; khuyến khích cứu khổ, xóa đói giảm nghèo cho dân chúng, thì có điều gì mà tranh chấp hơn thua, vì tất cả đều tiến đến mục đích chung là đem lại hạnh phúc cho nhơn sanh trên hai phương diện nhân sinh-thể đạo đại đồng và tâm linh- thiên đạo giải thoát.

Câu "Đồng qui nhi thù đồ, nhất tri bách lự" là tư tưởng muôn đời không phai với Đạo vậy. Bước sang năm mới, thiên niên kỷ mới lời dạy dưới đây của Đức Đông Phương Lão Tổ cần thiết cho chúng ta khắc cốt ghi tâm:

*“Thiên đàng biết nẻo khá lần lên,
Sứ mạng Thiên ân một chí bền;
Xuân đạo, xuân tâm, xuân vĩnh cửu,
Đối thù vượt khỏi mới làm nên.”⁹⁵ ■*

⁹⁵ CQPTGLĐĐ, 01-01 Quý Hợi, 13-01-1983.

HỌC HẠNH TỨ VÔ CỦA TAM GIÁO

Thánh Giáo Thiêng Liêng thường nhắc nhở người Thiên ân hướng Đạo, chức sắc, chức việc trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cần phải học hạnh Tứ Vô của Tam Giáo Đạo Tổ truyền dạy.

Chúng ta cố gắng học hỏi cho thấu suốt lý Đạo, hầu thực hành cho đúng Thánh Ý để xứng đáng trở nên hàng môn sanh của Đức Chí Tôn Thượng Đế, phục vụ trọn vẹn cho cơ phổ độ kỳ ba.

Hai chữ Tứ Vô dịch sát nghĩa là bốn cái KHÔNG. Thử xét qua Tam Giáo Đạo Tổ dạy như thế nào qua tài liệu chúng ta học hỏi được ở kinh điển Thánh Ngôn, Thánh Giáo.

Phật giáo dạy bốn cái Vô, theo thiên kiến của chúng tôi là: vô sắc, vô tướng, vô pháp và vô ngã.

Lão Giáo dạy bốn cái Vô là: vô vi, vô công, vô kỹ, vô danh.

Nho giáo dạy bốn cái Vô là: vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã.

Dưới đây chúng tôi xin dẫn chứng từng đoạn:

1. Phật giáo sở dĩ dạy vô sắc là không nên chấp ở hình danh âm thanh sắc tướng, vì Phật cho rằng thế gian la cõi tạm vô thường không có chi là thật, là bền bỉ cả, vì sắc tức thị không, mà không tức thị sắc (kinh Kim Cang). Hữu hình hữu hoại là lẽ hằng thường xưa nay.

Phật cũng đã dạy: Nhược dĩ dụng sắc tướng kiến Ngã, dụng âm thanh cầu Ngã, thị nhơn hành tà Đạo, bất năng kiến Như Lai.

Tạm dịch: Nếu dùng âm thanh sắc tướng cầu thấy Ta, đó là tà Đạo, không thấy được Phật Như Lai.

Nói đến Vô Tướng, Phật dạy phải trừ tứ tướng (Kinh Kim Cang) là Ngã tướng, Nhơn tướng, Chúng sanh tướng và Thọ giả tướng. Người tu vào hàng Thượng thừa, cũng như hàng chức sắc đã xuất gia hiện thân hành đạo được khuyên hãy diệt Tam Tâm (Tâm quá khứ, Tâm hiện tại và tâm tương lai) và trừ tứ tướng nói trên.

Nói đến Vô Pháp, ta nhớ lại tâm ấn của Phật Tổ truyền cho đệ Nhứt Tổ Ma Ha Ca Diếp. Trong hội Linh Sơn, khi Ngài cầm cánh hoa sen đưa lên, cả tăng chúng đều ngẩn ngơ, chỉ có Ngài Ca Diếp chúm chím cười (niêm hoa vi tiếu). Phật bảo:

“Ta có Chánh pháp nhãn tạng. Niết Bàn diệu tâm, Pháp môn mâu nhiệm, chẳng lập văn tự, ngoài giáo lý truyền riêng, nay Ta giao phó cho người. Người khéo gìn giữ chánh pháp này truyền trao mãi đừng cho dứt, đến sau sẽ truyền cho A Nan” và Ngài ban cho bài kệ pháp này:

*“Pháp bốn pháp vô pháp
Vô pháp pháp diệt pháp
Kim phó vô pháp thời
Pháp pháp hà tăng pháp.”*

Tạm dịch:

Pháp gốc pháp không pháp
Pháp không pháp cũng pháp
Nay khi trao không pháp
Mỗi pháp đâu từng pháp.

Cái Vô thứ tư của Phật dạy là Vô Ngã. Vô Ngã tức là không chấp cái bản ngã, cái phàm ngã, cái ta giả chớ không phải cái Chơn Ngã, hoặc Phật Tánh hay Thiên Tánh của Trời phó ban cho con người khi vào cõi tục, mượn xác phàm làm nơi tạm trú để học hỏi, tu luyện nơi cõi phàm trần này, Phật dạy diệt bỏ cái phàm ngã của con người, chớ không phải cái Chơn Ngã là cái “*duy Ngã độc tôn*”, chỉ có cái Chơn Ngã đó mới thật là đáng tôn vinh cao thượng.

Vào cõi tục, cái Chơn Ngã Thiên phú đó, bị lục căn của phàm thể sanh ra lục dục, lục trần để cho thất tình sai khiến nên Chơn Ngã bị muội mê, phàm ngã chế ngự làm cho con người trở nên độc tôn, độc tài, độc đoán, chỉ còn biết có mình là hay, là giỏi, là đúng, không còn biết có người hay hơn, giỏi hơn mình, nên dễ bị sai lầm, lạc lối gây điều tội lỗi. Nên Phật thường dạy phải hồi quang phản chiếu, hướng về nội tâm để quán xét tâm mình, mới thấy được cái Chơn Tâm, Chơn tánh, Chơn ngã (kiến tánh) của mình.

2. Sang qua Tứ Vô của Đạo Lão là: Vô vi, vô công, vô kỹ, vô danh.

Đức Lão Tử là ông Tổ của Đạo Vô Vi “*Đạo thường vô vi nhi vô bất vi*”. Đạo của Trời đất thường không làm, mà không có cái gì không làm, nhưng làm một cách tự nhiên, làm một cách vô danh không nêu danh tánh, không cho ai biết mình làm; làm một cách vô công, không kể công ơn, không cần cho ai biết mình làm; làm một cách Vô kỹ, không chịu để lại dấu vết, tiếng tăm, làm một cách âm thầm, không khoe khoang, biểu diễn rình rang. Vi vô vi, sự vô sự, vị vô vị, là hành cái Đạo Vô vi, sự việc gì xảy đến cũng vô tâm, để tâm trống không, an nhiên bất động,

nếm cái mùi vị chơn không thanh thoát mà người thường không thể thưởng thức được.

3. Đến Tứ Vô của Nho giáo thì Đức Khổng Tử có dạy: Tử tuyệt tứ là Vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã. Đời của Đức Khổng Tử không bao giờ lầm lỗi 4 điều này:

Một là vô ý, nghĩa là không có đặt sẵn trước cái ý riêng của mình vào việc sắp làm.

Hai là vô tất, là không quyết chắc hẳn hoàn tất việc của mình làm là chắc chắn được, bởi vì cái ý chí bất định đó thường hay trái với thời thế và đạo lý tự nhiên.

Ba là vô cố, cái bịnh câu nệ, cố chấp bằng một phương pháp chết cứng, bởi vì cái nét cố chấp ấy thường hay trái với lẽ biến thông viên hoạt.

Bốn là Vô ngã là đừng chấp cái ta của mình. Chỉ biết có một mình ta là tốt là đúng là hay, không chịu cho ai hơn ta, hoặc vì lợi ích riêng ta, thuận theo ý kiến ta thì ta mới chấp thuận, tất nhiên trái với nhơn tình, không thuận nhơn tâm, nghịch thiên lý. Đó là một cái bịnh tai hại nhứt trong 4 cái bịnh mà Đức Khổng Tử triệt đầu, triệt vĩ, quán thì quán chung.

Trên đây là sơ lược bốn hạnh tứ vô của Tam Giáo Đạo Tổ, đến Cao Đài Giáo Đức Đại Tiên Lý Thái Bạch, kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có dạy:

“Cao Đài không là Cao Đài, đó chính thị là Cao Đài. Cao Đài không tự nó sinh phát riêng cho Việt Nam hay bất cứ nước nào, không là của người này hay kẻ kia, không là Tây Ninh hay Bến Tre, không là Truyền Giáo hay Tiên Thiên.

Cao Đài là Cao Đài thể thôi. Chân lý tự nó phủ nhận chân lý.”⁹⁶

Tôn chỉ Cao Đài là Tam giáo qui nguyên, (Gia Tô giáo đã nằm trong Thánh Đạo) Ngũ Chi Phục Nhứt, tức chủ trương vạn giáo nhứt lý.

Những ai còn kỳ thị, rẽ chia là chưa thấu triệt giáo lý Cao Đài, chưa thấm nhuần tôn chỉ cao thượng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là cứu rỗi tất cả toàn thể Nhơn loại chí đến đũa hài nhi còn nằm trong bụng mẹ (*“Chiêu Kỳ Trung độ dẫn hoài sanh”* - TNHT).

Trong bốn cái Vô của Tam Giáo truyền dạy cho môn sanh, cái hiểm rớt ráo giống nhau của Tam Giáo là Vô Ngã. Cái phạm ngã của con người nặng tựa núi Thái Sơn. Núi Thái Sơn còn dời được, còn cái phạm ngã, cái ta lại còn nặng gấp hàng muôn vạn lần, muốn diệt trừ nó, thật khó khăn vô cùng. Mà hễ diệt được phạm tâm thì Thánh tâm, Đạo tâm mới phát triển, Thiên lý mới lưu hành được.

Đối với Đạo gia, trên đường luyện Đạo tu đơn, tánh mạng song tu, cái khó khăn nhứt là luyện kỹ, nên thường tâm niệm để dẫn lòng câu: *“Luyện kỹ tối nan, hườn đan thậm dị”*. Tạm dịch: luyện cái Ta cho được thuần thành đạo đức, chơn như thật khó khăn vô cùng, chớ luyện đơn thật quá dễ dàng. Mà luyện kỹ cốt là luyện đơn, luyện đặng kim đơn mà hành giả còn sân si, dục vọng bực phá thì đơn được phải tiêu tan theo mây khói, công phu mấy mươi năm đều thành công dã tràng.

“Thái Sơn tuy nặng, nặng còn dời,

⁹⁶ CQPTGLĐĐ, 15-01 Giáp Dần, 06-02-1974.

*Chỉ có xác phàm khổ lắm ôi;
Đến được không tìm ra lối thoát,
Muôn năm linh tánh chịu luân hồi.”⁹⁷*

Và đến thời kỳ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ này, Đức Lý Giáo Tông cũng vẫn khuyên hãy luyện sao cho được cái bửu bối “Vong Ngã” mới thực hiện được cơ tận độ kỳ ba của Đức Chí Tôn Thượng Đế.

Ngài dạy: *“Muốn thế Thiên hoằng Đạo, phương pháp duy nhất là phải vong ngã. Có vong ngã mới có vị tha, có vị tha mới hết lòng tận độ. Người sứ mạng Thiên ân chiến thắng được khi nào làm cho kẻ thù trở nên thân, người ghét trở nên bạn. Có như thế thì xuân mới vĩnh cửu trường tồn trong lòng người Thiên ân sứ mạng, phàm nhân trở nên Thánh nhân trên con đường tận độ.”⁹⁸■*

⁹⁷ Đức Đông Phương Chương Quân, Thiên Lý Đàn, 01-02 Mậu Thân, 27-02-1968.

⁹⁸ CQPTGLĐĐ, 14 -01 Canh Thân, 29-02-1980.

THƯƠNG THƯƠNG, GHÉT GHÉT AI THẤU ĐÁO VẬY ÔI!

Đó là lời phân bua của Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ với những đứa con thân yêu của Người. Khi con cái của Người than trách mỗi lúc gặp gian khổ và bị khảo đảo trên đường tu thân hành đạo cho là Thầy không thương tưởng đến mình.

Thầy đã dạy trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1:

“Thương thương ghét ghét, ai thấu đảo vậy ôi! (...)

*Thầy chẳng vì ghét mà không lời khuyên dụ, cũng chẳng vì thương mà không sai quĩ đồ dành. (...) Thầy đã thả một lũ hổ lang ở lộn với các con, Thầy hằng xúi chúng nó thừa dịp mà cắn xé các con, song trước Thầy đã cho các con mặc một bộ thiết giáp, chúng nó chẳng hề thấy đặng, là đạo đức của các con.”*⁹⁹

*“Áy vậy đạo đức các con là phương pháp khử trừ quĩ mị, lại cũng là phương điều dắt các con trở lại cùng Thầy. Các con không đảo thì là tôi tớ quĩ mị. Thầy đã nói đạo đức cũng như một cái thang vô ngăn bậc cho các con leo đến phẩm vị tối cao tối trọng là ngang bậc cùng Thầy hay là Thầy còn hạ mình cho các con cao hơn nữa.”*¹⁰⁰

Và cũng ở đoạn khác trong TNHT, Đức Chí Tôn đã nhắc nhở: *“Như Thầy đã cho biết trước, do lệnh của Thầy, tà mị yêu*

⁹⁹ Đản ngày 13-3-1926.

¹⁰⁰ Đản ngày 19-12-1926.

quái được trọn quyền bày mưu chước để thử thách môn đệ của Thầy và được quyền mạo danh Thầy và lấy tên Thần Thánh Tiên Phật để cám dỗ, duy ngại của Thầy nó chẳng dám ngồi mà thôi.”

Thầy lại khuyên và an ủi chúng ta: “*Các con chớ buồn vì Thiên cơ phải vậy, thi nhiều đâu ít là lẽ hằng*”. Thế gian muốn dạy dỗ con cái trở nên người có phẩm hạnh đạo đức, cha mẹ theo phương châm giáo dục: “*Thương con cho roi cho vọt, ghét con cho ngọt cho bùi*”. Chính vì thương con, muốn cho con nên người, cha mẹ phải dùng roi vọt để giúp con cải chữa thói hư tật xấu. Còn nếu đối với con cái, cha mẹ chỉ cho ngọt cho bùi nuông chiều quá đáng chẳng khác nào cha mẹ dung dưỡng lỗi lầm tách xấu của con, khiến con mình càng dần sâu vào chỗ tội lỗi, bị người đời khinh khi, xa lánh, nguyên rủa. Đó là cha mẹ ghét con vậy. Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ cũng vì muốn cho con cái của Người thăng tiến lên hàng siêu nhân Thánh Tiên Phật nên mới bày ra trường thi để tuyển chọn thí sinh bằng cách cho lũ quỷ ma cám dỗ với mọi hình thức vật chất lung lạc tinh thần con người, thậm chí chúng được phép mạo danh Thượng Đế và chư Phật Tiên Thánh Thần để gạt gẫm người tu không chánh tâm, không gìn chánh tín, mê tín dị đoan, ham mê danh quyền lợi tước, dẫu vẫn còn tham quyền cố vị, chức sắc trong Đạo. Có vào các trường dự thi, khứng chịu khảo dượt tùy theo cấp bậc, người tu mới đạt quả vị thanh cao được. Lời xưa có nói: “*Vô ma khảo bất thành Đại Đạo*” cũng như có chịu vào lửa đỏ mới biết vàng mười là vậy đó.

Đó là công bình của Thiên cơ, đó là luật tiến hóa của Đấng Tạo Hóa Chí Tôn đã định. Chính Thầy đã xúi giục lũ quỷ ma nó chực chờ cắn xé mình, vì chúng vưng lịnh Thầy nên không sợ bị tội lỗi, chúng tha hồ tự do dùng mọi pháp thuật để chiến

thắng cho được chúng ta. Thánh xưa cũng thường bảo: Đạo cao nhứt xích ma cao nhứt trượng. Đạo cao nhứt trượng ma cao đầu trượng.

Đạo trưởng Huệ Lương, đã đắc vị Quảng Đức Chơn Tiên, hồi sanh tiền có thuật lại câu chuyện Đạo trưởng bạch với Đức Lý Đại Tiên Trưởng Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trong một đàn cơ: “*Đệ tử chịu thị phi khảo đảo quá chừng, kính xin Đức Giáo Tông từ bi hộ trì đệ tử vượt qua cơn thử thách*”. Đức Lý trả lời đại khái: “*Hiền đệ nên cảm ơn các vị khảo đảo hiền đệ đó, hơn là hờn trách, vì chính họ rửa ráy giùm cho hiền đệ được sạch sẽ oan nghiệt đó*”.

Người tu hành vào hàng Thiên Đạo Đại thừa cần phải có đủ chí khí đại hùng đại lực, kiên gan trì thủ chống chỏi mới mong chiến thắng được lũ quỷ ma, mới thu phục được chúng dưới quyền sai khiến của mình. Đức háo sanh, tình thương Tạo Hóa bao trùm vạn vật, mở lượng hải hà, dang tay từ ái đón rước tất cả sanh linh, đũa đại đũa khôn cũng như đũa phải đũa trái cũng là con cái của Thầy, chỉ có một tình Tạo Hóa ban rải đồng đều khắp vũ trụ càn khôn, không thương riêng, không ghét riêng. Không vì ghét mà không ban phát mùa xuân vui tươi ấm áp, không vì thương mà không cho nắng hạ mưa chan cháy da phỏng trán. Nên Thầy đã dạy:

*“Thương thương ghét ghét ai thấu đáo vậy ôi! (...) Thầy chẳng vì ghét mà không lời khuyên dụ, cũng chẳng vì thương mà không sai qui dễ dành.”*¹⁰¹

Hiểu được tình thương yêu con cái của Đức Chí Tôn Thượng Đế, chúng ta không còn lòng dạ nào dám trách hờn Đại

¹⁰¹ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển 1, đàn ngày 13-3-1926.

Từ Phụ không thương mình, để mình phải chịu những cảnh trái lòng. Ngược lại, phải tỉnh tâm, định tánh để vượt qua thử thách, trở lại cùng Thầy.

“Biết đạo đức chịu lý với đạo,
Để quỷ ma nó khảo mới cao;
Phơi gan trải mật anh hào,
Đại hùng, đại lực mới vào cảnh Tiên.”¹⁰²

“Cúi lòng khỏi lúc gian nguy,
Gặp cơ khảo đảo chịu lý cho qua;
Núi nương trên dưới thuận hòa,
Nhịn nhường tránh khỏi rầy rà nghịch nhau.”¹⁰³ ■

¹⁰² Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 04-9 Bính Tý, 18-10-1936, bài “Kiên nhẫn”

¹⁰³ Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 17-8 Bính Tý, 02-10-1936, bài “Cử chỉ tánh hạnh người tu”

MUỐN HƯỞNG ĐỜI THƯỢNG NGUƠN THÁNH ĐỨC

Thượng Nguơn Thánh Đức là gì?

Là cõi đời Thượng cô do các bực nguyên căn từ thượng giới giáng trần sanh sống để học hỏi tiến hóa theo Thiên cơ Tạo Hóa. Họ còn giữ bản linh chơn tánh, do Thượng Đế phú ban nên tánh tình hồn nhiên, hiền lương thuần hậu đạo đức như các hàng hiền nhân thánh triết. Thượng Nguơn Thánh Đức cũng là nguơn tái tạo cõi dinh hoàn này sau một cuộc sẩy sàng lọc lừa loại trừ những phần tử tội lỗi ác đức, không chịu phục thiện hoàn lương qua chơn lý của các vị Giáo Tổ truyền lại mà không giác ngộ họ được, để chọn các bực hiền nhơn đạo đức cho hưởng một cõi đời thái bình an lạc hạnh phúc, không phiền trực, bịnh tật khổ đau triền miên. Đó là qui luật “phản phục”, hễ vật cùng tác biến, hết bã cực thì thối lai theo định luật của Thiên cơ để cho con người tiếp tục tu tiến thăng hoa. Sẽ có chư vị Phật Tiên từ các cõi cao tinh nguyền giáng xuống để giáo hóa nhơn loại được tiến bộ.

Thời kỳ chuyển nguơn hội như thế này đã từng xảy ra nhiều lần làm thay đổi hình dạng trái đất này khủng khiếp, như khoa học đã xác nhận (theo các nhà địa chất học đã chuyển đến chín lần), để trừng phạt nhơn loại quá ác độc và tái lập trật tự trên thế gian, như đã xảy ra cho nền cổ văn minh Lemuria và Atlantis.

Nhơn loại đang ở trong thời kỳ Hạ nguơn Mạt kiếp sẽ có sự biến động đổi thay lớn lao từ biển hóa thành núi, từ núi hóa

thành biển, từ ruộng dâu hóa bể...để tái tạo trái đất chuyển lại đời Thượng Nguơn Thánh Đức. Đây là cuộc đại ân xá kỳ ba của Thượng Đế đến thế gian mở đạo lành, thả thuyền Bát Nhã để cứu vớt chúng sanh thoát tai ương khổ nạn trong buổi tái tạo dinh hoàn. Đây là chuyến đò chót cuối cùng hơn loại hãy gấp lo ăn năn cải hối, lo tu tâm luyện tánh, trau dồi hạnh kiểm lập đức bồi công để được tuyển chọn sang đời Thượng Nguơn Thánh Đức chớ đừng chần chừ giải đãi với lý do tại bị này nọ sẽ mất cơ hội quý báu phần bổn hoàn nguơn.

Theo giáo lý Cao Đài (Đại Thừa Chơn Giáo), Đạo có ba nguơn:

Thượng nguơn hay Nguơn Thượng đức.

Trung nguơn hay Nguơn Thượng lực hay Nguơn Tranh đấu.

Hạ nguơn hay Nguơn Mạt kiếp hay Nguơn Điều tàn.

Theo bài giảng của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc thì một chuyến kiếp có 36.000 năm. Mỗi chuyến kiếp có 3 nguơn: thượng nguơn, trung nguơn và hạ nguơn. Một nguơn có 12.000 năm.

Hiện nay thế giới hơn loại đang sống vào những năm cuối cùng của hạ nguơn, nên gọi là thời kỳ Hạ nguơn Mạt kiếp sẽ có những cuộc chuyển động khủng khiếp thay đổi hẳn hình dạng của quả địa cầu chúng ta đang ở, để chuyển sang thời kỳ Thượng Nguơn Thánh Đức mà Đức Chí Tôn Thượng Đế hứa lập cho hơn loại sau cuộc Long Hoa Đại Hội lọc thánh phân phàm để hưởng đời thanh bình hạnh phúc thái hòa an lạc.

Cũng theo giáo lý Cao Đài, nguồn gốc con người là một điểm Tiêu Linh Quang (yếu sáng linh diệu) của Đức Chí Tôn Thượng Đế chiết ra từ khối Đại Linh Quang¹⁰⁴ của Ngài cho xuống cõi trần gian để học hỏi, trui rèn nắn đúc hầu trở nên hàng chí chơn, chí thiện, chí mỹ là Thần, Thánh, Tiên, Phật. Xong nhiệm vụ rồi phải huân nguyên trở về với Đại Linh Quang để phục vụ cho cơ tiến hóa theo Thiên cơ của Đấng Tạo Hóa.

Khi mới giáng trần sanh vào đời Thượng Nguơn Thánh Đức con người còn tánh hồn nhiên thiên phú, sanh sống rất thanh thoi nhàn hạ, hòa mình cùng với thiên nhiên vạn vật một cách thung dung thơ thới, được giao cảm liên lạc thường xuyên với các Đấng Thiêng Liêng trên thượng giới vì còn giữ bản tánh thiên nhiên hòa hợp dễ dàng với các đấng trọn lành thanh khiết. Lúc đó, con người còn giữ được quyền năng của Thượng Đế cho, có thể dùng tư tưởng để chuyên đạt thông điệp cho nhau dù cách xa trăm ngàn dặm với Thánh thể thiêng liêng y như hình ảnh của Thượng Đế. Con người không ăn mà sống, không mặc mà lành, không xây cất mà có nơi trú ngụ an lành. Nhưng con người vì dục vọng xui khiến nên không chịu thỏa mãn, nghe điều cám dỗ, mê luyện hồng trần, ăn cho phải bị đọa, dâm cho phải bị đày, nên chịu nạn áo cơm dục quyền cầu lợi (TNHT). Con người tham quyền trục lợi nên dùng hết mưu chước qui quyết thâm đoạt cho đặng lợi lộc quyền thế thiệt nhiều, vì vậy mà đời trở nên trường hôn độn, tranh tranh đấu đấu, giựt giựt giành giành gây nên chiến tranh loạn lạc làm cho sanh linh khổ

¹⁰⁴ Đại Linh Quang là một khối linh cầu vĩ đại vô cùng tận hào quang chói sáng rực rỡ chiếu khắp vũ trụ, linh diệu, mẫu nhiệm vô cùng. Đó là ngôi Thái Cực, nơi ngự của Đức Thượng Đế, Chúa tể càn khôn thế giới, hóa sanh, trường dưỡng muôn loài vạn vật trong đức hạo sanh của Ngài.

đốn thảm khổ vô cùng, làm mất phép công bình thiêng liêng Tạo hóa.

Đó là Nguơn Tranh đấu, cũng là Nguơn Thượng lực nên con người không còn tôn trọng tình nghĩa, quên hẳn lòng nhơn ái, đồng chủng đồng loại, chỉ biết dùng bạo lực, sử dụng khí giới từ thô sơ đến tối tân khoa học để tàn sát tiêu diệt lẫn nhau, để chiếm cho được thiệt nhiều đất đai, mở rộng bờ cõi, thâu đoạt cho thiệt nhiều tài sản, của cải vật chất để nắm quyền bá chủ nhơn loại.

Thế là phải đến thời kỳ Hạ nguơn Mạt kiếp vì nhơn loại dữ tợn tàn ác vô cùng mãnh liệt, tàn sát nhau không còn chút lương tâm, sử dụng khí giới nguyên tử giết chết hằng vạn sanh linh một cách gớm ghiết, thảm thiết vô cùng. Đây là Nguơn Điều tàn, Thượng Đế vì đức háo sanh không nở để chúng sanh một phen bị nạn tiêu diệt nên mở lượng từ bi, tái tạo dinh hoàn để bảo tồn nhơn loại, nên gọi là Nguơn Bảo tồn, phục hưng đạo đức như đời thượng cổ, nên cũng gọi là Nguơn Tái tạo.

Vậy muốn được hưởng đời Thượng nguơn Thánh đức, con người phải làm sao?

Chúng ta hãy nghiệm xét huấn từ của Đức Chí Tôn Thượng Đế để xác định lập trường tu thân hành đạo của chính mình:

“Các con ôi! Nơi cõi tạm này là lò trui rèn nắn đức các bực nguyên căn hạ trần trở nên hàng thánh thiện, mà nơi này cũng là lò hỏa ngục để đốt thiêu những tội lỗi trái đạo. Những gì Thầy đã dạy các con, cũng như những gì Thầy cùng chư Phật Tiên Thánh Thần đã tiên tri cho các con kể từ khi khai Đạo đến giờ, nó đã thể hiện lần lần với các con trong mọi biến chuyển nơi cõi đời này rồi và còn những gì chưa thể hiện rồi đây nó sẽ

xây đến với các con. Các con nhớ ghi lấy để nằm lòng và rán lo tu công lập đức để nhờ sự hộ trì của các Đấng cho được tồn sinh hầu hưởng cuộc đời thánh đức trong hạnh phúc thái hòa. Thầy đã nói với các con rằng: chỉ có đạo đức mới được tồn sinh mà xem Thầy lập đời Thượng Nguơn Thánh Đức. Hiện nay là trong thời kỳ các con đang chịu sự rèn luyện giữa mài để trở nên hàng thánh đức."

Ở đoạn Thánh giáo khác, Thầy có dạy: "*Thầy mượn sử dụng thánh đức ngày xưa mà nhắc nhở ngày nay. Các con muốn có một cõi đời thánh đức thì phải có thánh tâm. Chỉ có thánh tâm mới biết yêu thương nhơn loại... Biết thế các con hãy thương yêu dìu dắt nâng đỡ lẫn nhau trên đường Đại Đạo. Cõi đời an lạc lâu hay mau đều tùy lòng giác ngộ của vạn linh..."*(CQPTGLĐĐ)

Muốn được sống chung với các hàng Thánh nhân hiền triết đạo đức ở cõi đời Thượng Nguơn Thánh Đức thì chúng ta phải dọn mình tu tâm dưỡng tánh để hoàn thiện thân tâm trở nên hàng thuần thành đạo đức mới xứng đáng làm công dân của đời Thượng nguơn, như đời Nghiêu Thuấn thuở xưa, ra đường thấy cửa rơi không ai lượm, nhà ở không cần lo cửa đóng then gài, vì không có kẻ tham lam trộm cướp. Đi đường không bị chen lấn giành giật, không sợ tai nạn lưu thông, thiên hạ biết nhường bước nhau, người già nua trẻ nít được dắt dìu nâng đỡ qua đường, người thân cận lối xóm biết tương thân tương trợ khi hữu sự trong tình thương yêu đồng bào, đồng chủng. Nên đời sống ở đời thánh đức, con người sẽ thấy khỏe khoắn, an nhàn, vui tươi thung dung thơ thới, không lo lắng phiền não, ganh ghét, hận thù. Đó là Tiên Phật tại tiền, là cảnh Niết Bàn hay Bồng Lai tại thế không khác.

Những lời tiên tri từ ngày khai Đạo của Thầy và chư Phật Tiên đã thể hiện lần lần theo thời gian, nào chiến tranh giữa các nước, từ Đệ Nhị Thế Chiến, giao tranh làm cho đồng bào cốt nhục tương sát tương tàn vô cùng thảm khốc, nào thiên tai bão lụt lan tràn các nơi trên thế giới, nạn hỏa hoạn động đất xảy ra liên tiếp, không kể tai nạn đụng tàu chìm dưới biển, tai nạn tàu hỏa lật đổ đường rầy, máy bay nổ tung thiêu rụi người. Và hiện nay thiên tai vẫn tiếp tục không biết bao giờ chấm dứt, cộng với khí nóng của trái đất tăng lên làm cho thời tiết khí hậu đổi thay vô chừng và những bệnh tật nan y như ma túy, HIV, bệnh bò điên... lan tràn khắp thế giới. Ngàn ấy thiên tai thảm khốc như vậy cũng chưa thức tỉnh được con người vốn tự cho là văn minh tiến bộ về khoa học kỹ thuật, vẫn khư khư chế tạo phi đạn chống phi đạn nguyên tử để tranh quyền bá chủ hoàn cầu, làm cho nhơn loại chúng sanh phải chịu cộng nghiệp trả quả... Cơ tận diệt đã khởi diễn và chung cuộc đời điều tàn mạt kiếp sẽ không tránh khỏi. Các tôn giáo, chế độ xã hội vô phương cứu nguy nhơn loại, văn hóa đạo đức bất lực, chỉ còn con người phải biết tự cảnh giác, tự tìm phương tự cứu lấy mình và cố gắng thuyết phục đồng bào, đồng chủng hãy mau mau thức tỉnh ăn năn sám hối lỗi lầm, sửa mình trau tâm luyện tánh, siêng năng bồi công lập đức, giúp nghèo trợ khó, mở rộng lòng từ thiện giúp đỡ bệnh nhân tật nguyên, già nua, cô quả, trẻ thơ côicứ để an ủi phần nào số người bạc phước.

Đó là cõi mở thánh tâm để yêu thương giúp đỡ nhơn loại trong tình đồng loại vì Thầy đã nói chỉ có thánh tâm mới biết yêu thương nhơn loại, hãy xem cái khổ của tha nhơn như chính mình khổ, cái vui của thiên hạ như cái vui mà mình có, hãy bớt dư để làm âm chất, bồi bổ chỗ thiếu hụt của công phu để phước huệ song tu thì chắc chắn sẽ sang được qua đời Thượng Nguồn

Thánh Đức sống cùng các hàng Thánh nhân hiền triết hưởng an lạc thái bình hạnh phúc.■

TRIẾT LÝ CAO ĐÀI ĐỐI VỚI TRIẾT LÝ NHÂN SINH

Triết lý nhân sinh nhìn nhận con người là một hiện hữu, chấp nhận đời sống của con người là một thực tại sinh tồn. Triết lý nhân sinh tự vấn con người sống để làm gì? Đời sống con người có giá trị và có ý nghĩa gì không? Đời sống có đáng sống hay không? Tự giải thoát ra khỏi cuộc đời hay dấn thân vào cuộc đời, đó là hai thái độ căn bản của con người trước đời sống. Dầu muốn dầu không con người phải sống trong xã hội nhân quần, không thể sống tách biệt khỏi cộng đồng vốn dĩ có liên hệ mật thiết nhau. Mặc dầu trong xã hội có nhiều điều xấu, bất công và vô lý nhưng đã là một thành viên phải chấp nhận sự sống giữa các cá nhân trong cộng đồng xã hội liên hệ mật thiết nhau từ những lời ăn, mặc, ở, giao tế, di chuyển... Đã trót nhập cuộc vào đời, không thể sống riêng rẽ cô lập, thì tốt hơn hết ta mưu cầu hạnh phúc chung cho tập thể xã hội cộng đồng. Đó là triết lý nhân sinh. Người Âu Châu cho rằng triết lý Cao Đài đượm nhuần triết lý nhân sinh (humanisme).

Triết lý nhân sinh không đặt câu hỏi về nguồn gốc con người và cũng không thắc mắc về số phận con người sau khi chết sẽ ra sao như triết lý của các tôn giáo nói chung, của Cao Đài Giáo nói riêng.

1. Triết lý Cao Đài nhìn nhận nhơn loại là huynh đệ với nhau, con của một Đấng Cha chung Thượng Đế, là Đấng Tạo Hóa chúa tể càn khôn vạn loại. Triết lý Cao Đài không kỳ thị chủng tộc, màu da sắc tóc, tôn trọng mọi tín ngưỡng dị đồng tùy theo tập quán phong tục của các dân tộc. Nếu cởi áo lột trần

ra, không kể màu sắc da vàng, da đen, da trắng thì tất cả con người đều giống nhau, dầu người Phi, người Âu, Mỹ, Úc, Á, cũng đều mình tay chân, xương cốt huyết mạch y nhau. Khoa y học ngày nay đều nhìn nhận sức khỏe và bệnh tật các dân tộc đều không khác biệt, phương thức trị liệu cũng không khác nhau. Đó là chủ trương đại đồng huynh đê của triết lý Cao Đài và tự do tín ngưỡng.

2. Triết lý Cao Đài nhìn nhận con người là điểm Linh quang của Thượng Đế, là Đại linh quang chiếu xuống thế gian, tạm mượn thân xác con người một thời gian hữu hạn để học hỏi trui rèn hầu trở nên hàng siêu nhân thánh triết. Vì thế con người có hai phần thể xác và tâm linh liên hệ mật thiết với nhau không thể phẻ phần này, bỏ phần kia vì hai phần đều quan trọng cả. Nên triết lý Cao Đài không trọng hữu khinh vô hay trọng vô khinh hữu. Hữu vô đều tương trợ cho nhau Đạo mới thành.

3. Triết lý Cao Đài chủ trương bình hành tâm vật, tức con đường trung đạo không thiên về duy vật và cũng không nghiêng về duy tâm. Linh hồn và thể xác đều tương trợ nương náu lẫn nhau. Một thể xác bệnh hoạn yếu đuối sẽ làm cho linh hồn hay tinh thần con người suy nhược, không được minh mẫn sáng suốt để quyết định cuộc đời.

4. Người tu hành theo Cao Đài Giáo không bị bắt buộc ăn uống kham khổ, ép xác mà phải dưỡng nuôi thể xác bằng những vật thực nhẹ nhàng, thanh khiết dễ tiêu hóa nhưng không thiếu chất bổ dưỡng nơi rau cải, hoa quả, đậu khoai, không có huyết nhục của thú vật, thập trai lần lần đến trường trai. Luật đạo cấm tín đồ sát sanh vì lòng nhơn thương xót loài thú vật cũng biết rên siết đau đớn mỗi khi bị hành hạ, giết hại.

5. Triết lý Cao Đài dạy môn sanh học pháp dưỡng sinh thể dục để giữ cho thân thể được tráng kiện hầu tinh thần được mãn huệ và cũng dạy môn sinh pháp môn công phu thiền định cũng là một phương pháp dưỡng sinh có hai tác dụng ích lợi cụ thể cho người tu hành trước tiên là con người được luôn luôn tươi nhuận khỏe mạnh ít bệnh hoạn nhờ luyện gân cốt huyết mạch điều hòa, thân tâm được an định, hai là tâm linh được mãn huệ, sáng suốt, tánh tình được dịu dàng khả ái dễ cảm dễ thương đối với tha nhân.

6. Triết lý Cao Đài dạy môn sanh thực hành hạnh công bình đối với mọi người, mọi giới không phân biệt chủng tộc giàu nghèo, giai cấp và dạy mở lòng bác ái vị tha thương người. Triết lý Cao Đài vị nhân sanh, chớ không ích kỷ độc thiện chỉ biết lo riêng cho mình, cho gia đình hay dân tộc mình và chủ trương thành lập một thế giới đại đồng, một thiên đường tại thế cho nhân loại, với tôn chỉ bảo sanh, nhơn nghĩa, đại đồng, chớ không mơ ước một thế giới mộng lung, tưởng tượng xa xăm. Đó là một triết lý nhân sinh có thể thực hiện được nếu con người phục hồi được nhân bản.

7. Triết lý Cao Đài dạy người tín đồ phải làm tròn bổn phận vi nhân, nhơn đạo thực hành xong mới sang phần Thiên đạo. Bổn phận vi nhân không phải chỉ biết có riêng mình được ấm no vui sướng với bao nhiêu khí lực cạnh tranh giành giật của tha nhân, mà phải biết sống một đời sống nhơn quần xã hội, có nghĩa có nhân, xây dựng điểm tô nên trật tự, có lễ, có trí, có tín, thì quyền pháp mới được sáng tỏ. Giúp đỡ người thua kém nghèo hèn, dìu dắt người sa cơ thất thế, tuy là việc nhỏ không bì với người xưa đã bỏ ngai vàng lìa cung ngọc, nhưng đó cũng là công đức ích lợi vị tha. Lúc no bụng nhớ kẻ đói ở quanh mình, khi lạnh lặn ấm áp nên nhìn người đói rách lang thang

chia cơm sẻ áo, đó là hạnh bồ tát tại thế. Tuy việc nhỏ mà nên đạo, đừng chê nhỏ mà không làm. Nó nằm ở tâm tay và khả năng của mọi hàng tín hữu Cao Đài không phân biệt giàu nghèo giai cấp. Còn lợi danh lớn mà mang tiếng ác hơn thất đức thì nên tránh xa.

Như thế triết lý Cao Đài không đi xa thực tế, đúng là một triết lý vị nhơn sanh mà thế giới tiến bộ ngày nay đang hướng về và thực hiện để nhơn loại tránh khỏi nạn chiến tranh thảm khốc, đem lại hòa bình hạnh phúc cho nhơn loại với các tổ chức nhơn đạo của Liên Hiệp Quốc và các nhà từ thiện tư nhân. Phải chăng đó là cơ tiến hóa của Thiên công, của nhơn tâm. Nhân loại sẽ chuyển lần đến một thế giới đại đồng huynh đệ để thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau cùng sống chung trong hòa bình hạnh phúc. ■

NGƯỜI HƯƠNG ĐẠO HÃY LẤY NƯỚC LÀM GƯƠNG

Đức Ngô Minh Chiêu, vị cao đồ của Đức Cao Đài Thượng Đế, thường hay nhắc nhở môn đồ của Ngài lời dạy của Thánh Xưa: hãy noi gương của người quân tử, giữ tánh như nước, nghĩa là phải chịu nhịn nhục, hạ mình xuống thấp như nước để chiều chuộng, độ đời.

Trong Đại Thừa Chơn Giáo, Đức Cao Đài Thượng Đế có dạy rất rõ ràng:

"Cái đức của người quân tử thường như nước vậy. Nghĩa là châu lưu khắp cả tứ phương, gặp tròn, gặp méo, gặp dài, gặp vuông, nước cũng chiều theo được hết. Lại nước cứ từ cao chảy xuôi xuống thấp, nên người quân tử lòng chịu hạ mình cho vừa lòng tất cả nhơn sanh. Tuy nước cứ tìm chỗ thấp, cứ chiều theo khuôn, cứ mềm với chúng, mà đến chừng ai muốn cho nó tiêu mòn sút mẻ là chẳng làm sao hề hấn đến được lấy chút mây may gì nó bao giờ! Người quân tử theo đời mà chẳng nhiễm đời, chiều người mà chẳng sợ người, tùy tục mà không đắm tục, cứ giữ tánh tình thanh bạch, tâm chí cao siêu, dầu ai dâm cũng chẳng phai, ai giũa cũng chẳng mòn, nên bả lợi danh, môi chung đỉnh có bao giờ trêu nhử được!"¹⁰⁵

Vậy chúng ta hãy kiểm điểm những đức tánh của NƯỚC. Nước là một chất lỏng, thể hiện cho sự mềm mỏng, dịu dàng êm ái. Nước chiều theo dòng mãi mãi luân lưu, trôi chảy, chịu

¹⁰⁵ Đản 02-9 Bính Tý, 16-10-1936, bài “Quân tử và tiểu nhơn”.

hòa mình uốn theo hình thể của kênh rạch, sông ngòi mà ra biển cả đại dương. Người tu hành ví Đạo pháp trường lưu như nước chảy không bao giờ dứt, tánh chất của nước nào có thay đổi hoặc có hình tướng chi đâu.

Nước hòa mình chịu thâm vào những vật đựng chứa nó dầu cho lớn nhỏ, tròn dài, vuông ngắn hay cong queo. Vì nước không có tướng riêng, nó bị biến ra nhiều hình tướng khác nhau bởi những vật đựng chứa nó ví như Đạo, nào có tướng đâu. Đạo vốn vô vi vô tướng, người đời đem tròn cái vỏ vào cái Đạo thì Đạo lại biến sanh nhiều hình, nhiều tướng. Nhân thế vì chấp tướng chấp hình danh, nên lần hồi đi đến chỗ sai thất chơn truyền bại hoại căn bản của nó.

Thôi thì như nước nào có tướng đâu để tự nó luân lưu trôi chảy theo dòng, khắp sông rạch ra đại dương biển cả, để được giữ vẹn cái tánh vô tướng của nó.

Nước thể hiện đạo trung dung, cương nhu năng chế, cường nhược năng hành của hàng quân tử, những bậc lãnh đạo quốc gia và tôn giáo.

Lúc gặp phải núi non hiểm trở những thác gành sừng sững, Nước vẫn hiền ngang, hùng dũng vượt qua chảy suốt, gặp đồng bằng, thung lũng, nước vẫn bình thản luân lưu thông dong êm ả dịu hiền.

Nước luôn luôn từ trên cao đổ xuống thấp để luân lưu rong chảy khắp mọi nơi mọi chốn, theo dòng nước của sông rạch ban rải mạch sống cho muôn loài vạn vật, thể hiện lòng từ bi của Phật, tánh bác ái của Tiên. Không cần ai biết đến, không cần ai khen thưởng.

Nước có đặc tính là vẫn giữ tánh nguyên thủy của nó là Nước. Dầu nó bị câu thúc vào những vật đựng chứa nó dài, ngắn, đẹp, vuông, tròn méo nó vẫn không đổi tướng của nó, dầu chặt cũng không đứt, dầu bứt cũng không rời, dầu phơi cũng không khô, dầu đốt cũng không cháy.

Người quân tử, bực hướng đạo hãy xem gương đó mà lãnh đạo, hành đạo cho tròn trách nhiệm. Đừng để cho danh lợi sắc tài, quyền thế, địa vị, chức tước, bản ngã chi phối làm xao xuyên tâm tư bất biến như Nước của mình, cư trần mà bất nhiễm trần, vẫn khiêm nhường hạ mình độ đời, không để cho một ai bức bách hay dụ dỗ để thay lòng đổi dạ, chuyên nhưt hành chánh pháp, chánh đạo với chánh tâm diệt dục.

Hãy triệt để tuân hành lời dạy của Đức Chí Tôn Cao Đài Thượng Đế vừa nêu trên:

“Người quân tử theo đời mà chẳng nhiễm đời, chiều người mà chẳng bỏ người, tùy tục mà không đắm tục, cứ giữ tánh tình thanh bạch, tâm chí cao siêu, dầu ai dâm cũng chẳng phai, ai giũa cũng chẳng mòn, nên bỏ lợi danh, mỗi chung đỉnh có bao giờ trêu như được!(...)”

*Tuy nhiên, người quân tử càng trốn cái danh mà danh càng rạn vỡ, càng chiều với thế, mà thế vẫn tôn sùng, còn đưa tiêu non lại càng chuộng cái danh mà danh càng như nhóp, càng kiêu với thế mà thế vẫn thị khinh.”*¹⁰⁶

Hay, như lời khuyên của Đức Đông Phương Lão Tổ để luyện tánh: “Luôn luôn giữ tánh nguyên thủy của nước vẫn là

¹⁰⁶ Đản 02-9 Bính Tý, 16-10-1936, bài “Quân tử và tiêu non”.

nước, dầu cho chặt cũng không đứt, dầu bứt cũng không rời, dầu phơi cũng không khô, dầu đốt cũng không cháy".¹⁰⁷

Gặp cơn khảo đảo, trước mọi thị phi ngang trái trên đời hay cửa Đạo, người tu hành cần tâm niệm luôn luôn: quân tử tánh như nước để trì tâm nén lòng vượt qua khổ ải. ■

¹⁰⁷ Ngọc Minh Đài, 15-6 Mậu Thân, 10-7-1968.

THỬ TÌM HIỂU THẾ NÀO LÀ ĐỜI NGHIÊU THUẦN

Thánh giáo Cao Đài thường nhắc cho môn sanh Cao Đài việc Đức Chí Tôn Thượng Đế sẽ tái lập đời Thượng Nguơn Thánh Đức cho nhơn loại được hưởng sau đại hội Long Hoa sàng sảy, chọn lọc người hiền lương, ví như các đời vua Nghiêu Thuần thuở xưa ở Trung Hoa vào thời thượng cổ.

Chúng ta thử tìm hiểu thế nào là đời Nghiêu Thuần để có một quan niệm xác thật về nguơn Thánh đức.

Căn cứ vào Sử Ký của Tư Mã Thiên (Đế Nghiêu, Đế Thuần và Hạ Vũ truyện), căn cứ vào Tân Tạng Gia Phê Cương Giám Bồ Chú, căn cứ vào Thư Kinh Đại Toàn (Thiên Nghiêu điển, thiên Thuần điển và Thiên Vũ công) thì tình hình xã hội thời Nghiêu Thuần đại khái như sau:

Đời Nghiêu Thuần xuất hiện ở Trung Hoa vào khoảng hơn bốn nghìn năm. Đó là thời kỳ xã hội còn bán khai chưa có tổ chức giai cấp, các vị này chỉ là tù trưởng chưa phải là vua đúng danh nghĩa. Sau khi ông Nghiêu chết, ông Thuần là người hiền đức được dân cử lên thế và ông Vũ là người trợ tá cho ông Thuần được bầu lên thay sau khi ông Thuần mất. Lúc đó còn truyền ngôi vị cho người hiền chớ chưa truyền ngôi vị cho con cái như sau này chế độ quân chủ lớn mạnh.

Vua Nghiêu lúc nào cũng dốc lòng chăm lo đời sống của nhân dân. Khi có một người đói, ông cho là tại nhà vua nên dân đói, khi có một người rét, ông cho là tại vua nên dân phải rét.

Khi có một người phạm tội, ông cho chính là nhà vua không biết dạy dỗ dân nên dân mới sa vào vòng tội lỗi. Vua nhận trách nhiệm của mình đối với nước. Đó là cách cư xử nhơn từ phúc hậu của Vua Nghiêu nên dân chúng rất cảm mến; đức của ông sáng ngời tỏa rộng khắp mọi nơi, thấm nhuần khắp dân chúng, nên không cần hình phạt răn đe bỏ tù mà dân được sống an bình thanh trị. Truyền thuyết kể rằng có người dân phạm lỗi đến trình ông, ông vẽ một vòng tròn bảo đứng tại chỗ, thế mà người dân đó rầm rập tuân theo không dám cãi, cứ đứng yên tại chỗ đó hoài, đến tối ông quên, đi xa sự nhớ lại, ông vội vàng trở lại tha đi và xin lỗi. Nhà dân cư ở không cần đóng cửa then gài vì không có kẻ trộm cắp, của tiền rơi rớt không ai lượm lấy. Quả thật là một xã hội thánh đức thuần lương.

Vua Nghiêu không truyền ngôi cho con là Đan Chu vì ông cho rằng con mình không đủ đức tài, ông chọn ông Thuấn là người tài đức lên thay ông trị vì thiên hạ.

Vua Nghiêu chết, trăm họ thương xót đau buồn nên ba năm liền, dân không ai chơi nhạc.

Vua Thuấn lên thay cũng hết lòng chăm lo hạnh phúc cho nhân dân lấy khổ sở của dân làm khổ sở của chính mình, lấy hạnh phúc trăm họ làm hạnh phúc của chính mình, không lo lợi riêng mà chỉ lo ích chung cho xã hội, đó là đức tánh cao quý của bậc Thánh nhân. "Vong kỷ vị tha" là quên mình lo cho người khác. Đó cũng là hạnh chơn tu hàng Thiên đạo đại thừa của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Theo sử ghi lại, đức của vua Thuấn ban rải khắp nhơn gian. Nhà vua cày ruộng ở Linh Sơn, người dân Linh Sơn đều nhường nhau bờ ruộng, nhà vua chài lưới ở đầm Lô Trạch,

người Lôi Trạch đều nhường nhịn nhau chỗ ở. Nhà vua làm đồ gốm ở Hà Tân, đồ gốm ở Hà Tân đều đẹp đẽ.¹⁰⁸

Thời vua Nghiêu, vua Thuấn trẻ con ở ngoài đường, ngoài ruộng dắt tay nhau mà ca rằng:

"Cho dân có gạo ăn, chẳng ai nhờ công to của nhà vua. Không cần biết gì, chỉ cần thuận theo phép tắc của nhà vua."

Thế nên, nhân dân rất yêu kính và nhớ ơn Vua Nghiêu, Vua Thuấn. Xã hội thời ấy dân sống rất an nhàn hạnh phúc trong sự thái bình, biết thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, không thù nghịch giết hại lẫn nhau vì họ đều đủ cơm ăn áo mặc và nhà ở, không lo sợ trộm cắp.

Thời Nghiêu Thuấn hẳn là thời của Thượng ngươn Thánh đức, con người còn giữ tánh nét hiền hòa thuần hậu, không tham vọng, không đam mê vật chất phù hoa như thời nay quá tiến bộ trên mọi phương diện ảo hoa mê hồn dễ xúi giục con người sa ngã vào vòng truy lạc tội lỗi của tứ đồ tường, tử khí sắc tài.

Có một số người e rằng đời thượng ngươn tái tạo sẽ đưa con người sống trở lại đời sống mộc mạc thô sơ, thiếu tiện nghi vật chất mà nền văn minh hiện đại đã đem lại như điện tử, viễn thông, truyền hình, điện thoại, xe hơi, tàu thủy, máy bay, tàu lặn.... Tái lập đời Thượng Ngươn Thánh Đức là đưa nhân loại trở về với nhân bản, đạo đức để xã hội loài người tái xây dựng một cuộc sống thái hòa, thánh thiện trong đó con người đối xử với nhau bằng tình thương, không còn cảnh tranh giành, kỳ thị,

¹⁰⁸ Trần Huy Liệu, Nguyễn Trãi, NXBVHTT.

tội lỗi như tiêu chí “Nhân Hòa” đặt trên thế chân vạc “Nhân bản - an lạc - tiến bộ”.

Để làm được điều này, mỗi người phải tự tu học rèn luyện như lời dạy của Đức Chí Tôn:

*"Trong cuộc lợc Thánh phân phàm, trong cơn sàng sẩy chọn lợc giữa thời kỳ Hạ nguơn mặt kiếp, các con hãy bình tĩnh hầu lãnh hội Thiên lý, tu thân tâm, hành chánh đạo, ngõ hầu phục hồi bản tánh chơn như nguyên nhân thánh thiện."*¹⁰⁹

Và Thầy cũng có minh giải:

"Thầy mượn sử dụng Thánh đức ngày xưa mà nhắc nhở ngày nay. Các con muốn có một cõi đời Thánh đức thì phải có Thánh tâm. Chỉ có Thánh tâm mới biết yêu thương nhơn loại. Người hành đạo thương dân mình như con đở, xem cái khổ của dân như chính mình khổ, cái vui của thiên hạ như cái vui mà mình có. Dân tựa vào sự thương yêu đó mà sống trong cảnh an lạc thái bình. Thánh tâm làm nên vương đạo, Thánh tâm hay Vương đạo đều ở trong lòng mỗi người, lòng các con. Cõi đời an lạc lâu hay mau đều tùy theo lòng giác ngộ của vạn linh. Biết thế, các con hãy thương yêu đìu dắt nâng đỡ lẫn nhau trên đường Đại Đạo, các con hãy học lòng Tạo hóa bao la vô biên vô lượng mà ở đời." ■

¹⁰⁹ Minh Lý Thánh Hội, 09-01 Mậu Thân, 07-02-1968.

SÔNG ĐẠO

Đức Giáo Tông Vô Vi Lý Đại Tiên trưởng có dạy: “*Chư đệ muội có biết không, đời mạt pháp, người Sóng Đạo là [người có] cuộc sống thung dung, rất căn bản, biết điều hòa cùng nhịp điệu thiên nhiên.*”¹¹⁰

Chúng ta cố gắng triển khai Thánh ý, để thực hiện tu hành, tìm hiểu thế nào là sống thung dung, sống căn bản và biết điều hòa cùng nhịp điệu thiên nhiên.

Sống thung dung là sống một cách thanh thoi ung dung tự tại, không bận rộn, vội vã, nôn nóng bức bối mà cũng không biếng lười giải đãi, bê tha, kéo dài, vô tích sự, không làm gì lợi ích cho ai. Noi theo hành động của Thánh Nhân vô kỷ, vô công, vô danh, vô vi để làm lợi ích cho đời mà không kể công, không lưu danh, không để lại dấu vết.

Sống căn bản thuận theo Thiên tính, theo thiên nhiên, sống tự do không đề cho danh lợi, ái ân uy quyền chi phối, thoát khỏi vòng kềm tỏa của thị phi ngang trái, nhân nghĩa thân thù, hơn thua cao thấp....Nói tóm lại, Sóng Đạo là sống đời sống siêu thoát của hàng chơn Nhơn theo Tiên giáo hay hàng quân tử theo Nho giáo, lấy đạo đức làm căn bản cho đời sống.

Còn sống hòa hài cùng nhịp điệu thiên nhiên, theo thiên kiến là Đức Lý Giáo Tông muốn nhắc cho những vị tu thiên phải giữ tâm thanh tịnh để nhiếp thu khí Tiên Thiên, một ngày có bốn thời: Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu tương ứng với bốn mùa trong năm là

¹¹⁰ CQPTGLĐĐ, 15-02 Tân Dậu, 20-3-1981.

giờ Tý tương ứng với mùa Đông, giờ Ngọ tương ứng với mùa Hạ, giờ Mão tương ứng với mùa xuân, giờ Dậu tương ứng với mùa Thu, thời tiết chuyển luân không ngừng nghỉ, con người biết Sống Đạo muốn sống khỏe phải biết nhơn cơ hội hòa đồng cùng nhịp điệu thiên nhiên mà tiếp thu Tiên Thiên chánh khí của Trời đất để ôn dưỡng thân tâm, tẩy trừ tà khí tác hại cơ thể và tâm linh làm trở ngại con đường chánh đạo hằng ngày của mình. Vì vậy, mà Ôn Trên dạy chúng ta nhập vào các khóa tịnh vì lợi ích bản thân người tu hành. Vì hiểu được sự lợi ích của bản thân do đạo pháp mang lại cho chính mình, nên không coi khóa tịnh như là một sự giam lỏng, ràng buộc mà hăng hái nhập tịnh trường, thung dung thư thái mà tịnh tọa, thiền định, tiếp thu và hòa nhịp cùng Thiên điển một cách hoát nhiên với lòng thanh thản vô trần, tiêu dao tự tại.

Đó là những phút giây vào cảnh thần tiên tại thế. Nếu chưa nếm được mùi thiên vị Đạo thì không thấm thía được cái thú thiên nhiên nhà Tiên giải thoát đó! Như vậy, phải cần có một đức tin đồng mãnh nơi đạo pháp (chánh pháp), phải dày công kiên trì nhẫn nại trì hành chánh pháp cho đúng với pháp đạo mới mong đạt được kết quả khả quan. Chúng ta hãy lưu ý lời dạy của Đức Lý Giáo Tông: *“Thiền Liêng dạy chư hiền nhập tịnh là để ngăn ngừa sự vọng động nội tâm, để cho lòng được ổn định thanh tịnh, trước là dưỡng sanh, sau là thông công cùng thượng giới.”*¹¹¹

Đó là diệu dụng của Đạo pháp khi chúng ta biết hòa theo nhịp điệu thiên nhiên, không phải là điều mê tín dị đoan hay ăn bánh vẽ đâu. ■

¹¹¹ CQPTGLĐĐ, 22-4 Nhâm Tý, 03-6-1972.

THIÊN ĐỊA CHI TÂM

Mỗi năm, vào ngày mùng 9 tháng Giêng âm lịch, người tín đồ Cao Đài cử hành trọng thể lễ Khánh đản của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, Giáo chủ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Ngày này cũng là ngày lễ vía Trời theo truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Theo thuyết Thiên địa vạn vật đồng như thể, Trời là thể lớn, con người là thể nhỏ, tức Trời và người đồng một nguyên lý. Theo giáo lý Cao Đài, Thượng Đế (Trời) là khối Đại linh quang, con người là Tiểu linh quang do Thượng Đế chiết ra cho giáng trần, tạm mượn xác phàm một thời gian để học hỏi những kinh nghiệm ở thế gian mà tiến hóa lên hàng thượng đẳng cao siêu là Thánh, Tiên, Phật, đồng thời cũng hợp tác cùng Thượng Đế vận chuyển cơ tiến hóa của vũ trụ càn khôn nơi cõi hữu giới.

Dầu lớn, dầu nhỏ, con người và vạn vật đều cũng nhận nơi Tạo Hóa một bản nguyên bất tử, linh diệu, nên Trời có gì thì người có nấy, con người có đủ điều kiện để được sánh ngang hàng cùng trời đất trong vị thế gọi là tam tài đồng đẳng. Con người phải biết nguồn gốc thiên chân của chính mình, sống không vong bản, biết lo tu thân hành đạo, hằng giữ chánh tâm, gìn chánh tín, hành chánh đạo, phụng Thiên sự dân thì đương nhiên thành chánh quả, đạt ngôi vị thân Thánh Tiên Phật.

1. Thiên địa chi tâm nơi Tạo Hóa

Thiên là nguyên lý bản thể của vũ trụ, là Đạo, là Thượng Đế. Thiên là Trời, thuộc dương, vốn chủ trương động, cương kiện, vận hành bất tức, sanh hóa dưỡng dục vạn linh sanh chúng

không ngừng nghỉ, không biết mệt mỏi, im lìm, không tiếng thở than.

Địa là đất, thuộc âm, vốn chủ trương tịnh, ôn hòa nhu thuận, hiệp cùng với Thiên để dưỡng dục, chở che, bảo tồn cho vạn vật chúng sanh trong tình Tạo Hóa thiên nhiên.

Thiên địa chi tâm, hiểu theo lý Đạo, là đức hạo sanh của ngôi Thái Cực, là nguồn sống của vũ trụ, muôn loài, là động năng giúp cho vạn vật trường dưỡng, sinh tồn và tiến hóa.

Theo Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 18-8 Bính Tý, 30-10-1936, bài "Chữ Tâm": *"Cái lý độc nhất ấy toàn tri toàn năng, biến hóa vô cùng, vô tận, dưỡng dục cả sanh linh, bảo tồn vạn loại. Lý độc nhất ấy bao quát thân thông, quay chuyển bánh xe vô hình mà làm nấc thang tiến hóa chung cho tinh thần vật chất, mở mang cái trí huệ cho mọi người noi theo Thiên lý vận hành mà tăng tiến mãi lên cho đến chỗ kỳ cùng mục đích là nơi nhất định."*

Tâm của thiên địa vốn vô vi, vô hình, vô ảnh, vô tướng, nên không thể nắm bắt hay nhìn thấy được, nhưng chúng ta nhận thức được thiên địa chi tâm của Đấng Chí Tôn Thượng Đế do tình Tạo Hóa thiên nhiên vô lượng, vô biên, vô tận với đức hạo sanh khôn cùng, hằng dưỡng dục, chở che, bảo bọc, mở lượng khoan dung, tha thứ, dang tay từ ái đón rước tất cả sanh linh, dầu đũa phải hay đũa trái cũng đều là con cái của Thầy (Thượng Đế). Chúng ta hãy lắng nghe huấn từ của Đại Từ Phụ trong một đàn xuân năm Ất Ty:

"Các con ôi!

Tình Tạo Hóa ban đều vũ trụ,

Đức hạo sanh bao phủ càn khôn,

*Chuyển luân nhật nguyệt vong tồn,
Cỏ cây nhơn vật vô cùng hóa sanh.*

(...)

*Con nhìn thấy Trời cao che chở,
Con nhìn xem đất nở hoa màu,
Cỏ cây nhơn vật một bầu,
Cũng đều hằng sống phép màu Hóa Công.*

*Lẽ chúng sanh vui lòng đẹp dạ,
Khi mưa thu, nắng hạ rưới chan,
Khi xuân nở, khi đông tàn,
Vận hành thời tiết nhơn gian cây nhờ.*

*Sao còn lúc thờ ơ giận dỗi,
Sao còn hồi buồn tủi trách than!
Rằng nóng bức, rằng cơ hàn,
Rằng không ban phước đỡ đàn riêng tư.*

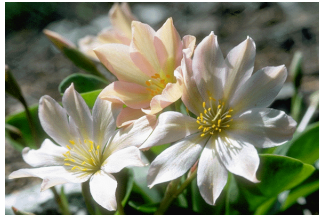
*Trong khi đó lòng Từ Phụ đã,
Vẫn với tình Tạo Hóa đương nhiên,
Trời che đất chở vô biên,
Công bình thưởng phạt nghiệp duyên nhân loài.”¹¹²*

Như Thầy đã giải thích, thiên địa chi tâm là tâm của trời đất, trời che đất chở vô biên trong tình Tạo Hóa dưỡng nuôi vạn loại.

Nhơn loại nhận thức được cái tâm thiên địa qua thời tiết vận hành bốn mùa. Với tiết xuân, cỏ hoa đua nở xanh tươi khỏe sắc thắm muôn màu rực rỡ dưới bầu trời ấm áp. Với mùa hạ, ánh thái dương chan hòa khắp mọi nơi đem lại sức sống vươn lên cho muôn loài vạn vật phát triển lớn mạnh. Mùa thu đem lại khí

¹¹² Nam Thành Thánh Thất, 01-01 Ất Ty, 02-02-1965.

trời mát dịu để nhơn vật thu liễm, nghỉ ngơi, dự trữ tiềm lực để sang đông tàng rét lạnh, đón chờ khí dương lai phục, mà tiếp thu, trưởng dưỡng, phát huy, rồi sang xuân tiếp tục cuộc sanh tồn của muôn loài. Xuân sanh, hạ trưởng, thu liễm, đông tàng là phép nhiệm mầu biến hóa chuyển xoay của Tạo Hóa với thiên địa chi tâm.



2. Thiên địa chi tâm nơi con người

Như đã nói, con người đồng đẳng với thiên địa, cùng xuất phát từ một nguyên lý, nên cũng có thiên địa chi tâm như Đấng Tạo Hóa.

Vốn là thiên chân, con người phải nhận thức cái tâm trời đất sẵn có của mình, phải bắt chước thể hiện tình Tạo Hóa đương nhiên để huyền đồng cùng máy thiên cơ mới xứng đáng đứng vào hàng tam tài trong vũ trụ.



Thiên địa chi tâm, tuy vô hình, vô tướng, vô vi mà dịch sử quần linh, cổ động vạn vật, thiết lập an bài cho tất cả, không cần ai biết mình, ẩn kín giấu tên không để lại dấu vết, không bao giờ ngừng nghỉ, nên gọi là càn kiện cao minh, vận hành bất túc.

Chúng sanh phải nhận thức thấy rõ điều đó. Trời hành động lợi ích cho chúng sanh nào có nói gì đâu. Trời nào có kể công, nào có thở than trách móc ai đâu. Trời làm cho tất cả muôn loài vạn vật được nương nhờ, hưởng hạnh phúc một cách vô vi, không đứng ra nhận mình làm chủ thiết lập an bài, không giữ quyền làm chủ mà trao trọn quyền ấy cho vạn vật tự khai thác khả năng của mình để hưởng lấy hạnh phúc tự do.

Người muốn đạt được thiên địa chi tâm phải bắt chước, noi theo Trời mà hành động, để xứng đáng là Thiên ân sứ mạng thể Thiên hành hóa. Phải học hạnh tứ vô của Thánh nhân mà tiếp vật xử thế như tình Tạo Hóa vậy. Hạnh tứ vô là vô vi, vô ngã, vô danh, vô công. Giáo lý Cao Đài dạy môn sanh thực hành thiên địa chi tâm rất giản dị. Thầy hằng nói:

“Con Thầy thì phải giống Thầy,

Giống Thầy ở chỗ đủ đầy thương yêu.”¹¹³

Vì chính Thầy xác nhận Thầy là Cha của sự thương yêu. Và sự thương yêu là thiên địa chi tâm vậy.

Thiên địa là âm dương hiệp nhứt, tuy hai mà một. Thầy dạy mở thiên địa chi tâm cho môn sanh Cao Đài bằng thực hành sự thương yêu, giống như Thầy. Thầy dạy từ dễ đến khó, trước tiên là nếu chúng ta không đủ sức thương yêu nhau, thì “*Đừng ghét nhau. Nghe à!*” Kế tiếp, Thầy dạy chúng ta hãy tập thương yêu kẻ ghét mình, khoan dung tha thứ kẻ thù, cầu nguyện cho họ được an lành và sớm giác ngộ.

Thầy căn dặn: “*Các con nên nhớ rằng nếu các con không thương được kẻ ghét mình, thì khó mong gần Thầy được.*” Lại còn khó thực hành hơn nữa, lời dạy của Thầy là phải làm cho người thù trở thành người thân mới đúng Đạo, mới về được với Thầy. Phải có cái thiên địa chi tâm, cái thánh tâm mới thực hiện được lời dạy sau này, mới tạo được chìa khóa mở cửa Bạch Ngọc Kinh của Thầy mà đạo Phật gọi là niết bàn cực lạc.

Muốn đắc Đạo người tu hành cần phải luyện cho được cái thiên địa chi tâm của Thầy vừa dạy. Phật giáo cũng có dạy môn sanh thực hành tứ vô lượng tâm. Là bốn cái tâm: tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả. Và hàng đại thừa phải tiến lên đạt cho được cái bát nhã chơn tâm, không khác nào cái thiên địa chi tâm mà chúng ta vừa nêu ra. Cái bát nhã chơn tâm ấy đạt được nhờ tu thiền định qua thực hành rất ráo thâm sâu tam học: giới, định, huệ.

Đức Hà Tiên Cô giải thích: “*Cái bát nhã chơn tâm không*

¹¹³ Hườn Cung Đàn, 01-6 Nhâm Dần, 01-7-1962.

dùng lý trí con người mà thấu hiểu. Khi tâm ấy phục sinh thì mới thiết chơn chánh vĩnh tồn, không cần học mà biết, không cần tập mà nên, không cần đi mà tới, không cần ăn mà sống, không cần mặc mà lành, vào lửa không cháy, xuống nước không chìm, nanh vuốt thú dữ không làm hại, tiêu điều ngoài sáu cõi, xuất nhập tự do. Ấy mới gọi là chơn tâm, ấy là bát nhã. Muốn có chơn tâm đó hiện, bát nhã phải xuất sanh, phải luyện được quên mình. Nên nói tâm phàm phải chết thì tâm Đạo mới sanh.”¹¹⁴

Thật ra nói đến chỗ cùng cực rốt ráo của Đạo thì không còn có sự thương ghét mà chỉ còn có bát nhã chơn tâm hay thiên địa chi tâm mà thôi. Trong một Thánh giáo, Đức Chí Tôn Thượng Đế dạy rõ: “*Thật sự lẽ cùng cực của Đạo là mức tuyệt đối, hết tuyệt đối thì không còn nói đến điều thương sự ghét. Song vì các con sống nơi thế gian là trường đối đãi, thì sự từ bi bác ái được nêu lên là việc thường để răn lòng mỗi con mà thôi.*” (TGST 1971)

Giờ đây, chúng ta thử nhận xét ở thế giới nhị nguyên này, chúng ta có nhận thấy được sự thể hiện của thiên địa chi tâm hay không?

Xin thưa: Có thấy. Gần đây và không xa chúng ta, như nạn lụt ở tỉnh Đồng Tháp và miền Trung Việt vừa qua, nước cuốn trôi phút chốc, làm tiêu tan biết bao nhiêu tài sản sự nghiệp nhà cửa của đồng bào, người người cam chịu đói rét lạnh lẽo, chưa kể tánh mạng nguy kịch, và đã có những người gan dạ, dám hy sinh liều chết nhảy xuống nước để vớt trẻ em, người già thoát nạn chết đuối, và những người đã bỏ công, bỏ sức, bỏ của, bỏ ngày giờ quý báu để góp sức xây dựng nơi tạm trú cho nạn

¹¹⁴ Bát Nhã Tịnh Đường, 20-02 Nhâm Tý, 03-4-1972.

nhon. Đó là những thành phần đã khai quật được cái thiên địa chi tâm có sẵn ở lòng.

Chúng ta cũng đã nhìn thấy những nhon viên cứu hỏa can đảm liều mạng tranh đấu với ngọn lửa hung hãn hoành hành khắp cả rừng mênh mông ở U Minh, quên đi sự nóng bỏng cháy da và mệt lả vì phí sức để làm nhiệm vụ cao cả của mình.

Cũng như những vị lương y, y tá đã dám hy sinh sự sống, không sợ lây nhiễm đến mình để chung đưng với nạn nhân bệnh SARS vừa qua. Đó không phải là những người đã thực hiện được cái thiên địa chi tâm Thiên phú hay sao? Chỉ vài ví dụ xảy ra ở Việt Nam, chớ ở các nước ngoài thiên tai còn lớn hơn nhiều và cũng đã có lắm người thực hiện thiên địa chi tâm với hạnh tứ vô: vô vi, vô danh, vô công, vô ngã của Thánh nhân rất đáng khâm phục.

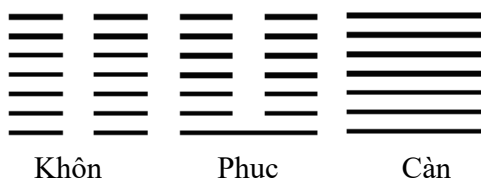
Những hàng thiện tâm thực hành hạnh bố thí Ba la mật cũng thực hiện được thiên địa chi tâm, vì họ giữ được cái tâm thuần chơn vô ngã của trời đất, trong lúc thực hành bố thí với ba điều tâm niệm khăng khăng: một, không coi mình là người thi ân, bố thí; hai, không coi người nhận đồ vật bố thí là người thọ ân mình; ba, xem những đồ vật, tiền bạc cống hiến không phải là của bố thí mà khinh rẻ.

3. Thiên địa chi tâm theo kinh Dịch của Nho giáo

Khóa tịnh mùa Đông chí vừa mãn, chúng ta đã được các vị hướng dẫn đạo pháp giảng về quẻ Địa Lôi Phục gọi tắt là quẻ Phục, mà cốt lõi của quẻ này là Phục kỳ kiến thiên địa chi tâm.

Tiết Đông chí làm mầm sống khởi nguyên, vạn sự vạn vật mạnh nha ở đó, nên mỗi năm vào mùa tu Đông chí có ý nghĩa sâu xa, người tu chơn đạo nên suy gẫm cho tường tận nguyên lý mà phục hồi tiên thiên chánh khí để bồi dưỡng thân tâm cho được tráng kiện sáng suốt, hầu làm tròn bổn phận vi nhân tại thế.

Theo Dịch Kinh, cực âm được diễn tả bằng sáu hào âm chồng lên nhau. Đến thời Đông chí thì nứt dương sơ động, một hào dương hiện lên, đó là khí nứt dương khởi phát, còn lại 5 hào âm, nên gọi là quẻ Phục. Phục là phục hồi trở lại khí dương đã mất trước đó. Thời tiết, vạn vật chuyển xoay nhờ dương khí phục hồi trở lại để con người lấy lại sức sống thiên nhiên đã hao hụt ở ba mùa trước.



Từ quẻ Khôn (sáu hào âm), chuyển qua quẻ Phục (một hào dương hiện) lần rứt đến quẻ thuần Càn (sáu hào dương) cho được càn kiện cao minh, phối thiên là cứu cánh của đạo pháp, chế âm phục dương cho đến khi được thuần dương đặc nứt, tức là đắc Đạo.

Quẻ Phục tượng trưng cho thời điểm con người quay trở lại với chính mình để biết rằng tâm trời đất với tâm mình là một, cùng chung một bản thể.

Cốt lõi của quẻ Phục là phục kỳ kiến thiên địa chi tâm. Kiến là tìm thấy cái tâm thiên địa ẩn áo nơi nội tâm, khai triển nó

bằng những hành động vong kỷ, bác ái, vị tha đối với đồng bào, với nhơn loại như tình Tạo Hóa của trời đất, che chở bao la rộng khắp thế giới muôn loài vạn vật.



Vào khóa tu Đông chí, hành giả có hoàn cảnh thuận lợi mà kiến tánh, nhận thức được thiên địa chi tâm bằng phương pháp tham thiền nhập định, giữ thân tâm cho được ổn định như thanh tịnh, bẻ lục căn, tuyệt dứt vọng trần, lặn lẽ tai mắt quay về chỗ thủ trung mà chờ đón thiên địa chi tâm (bát nhã chơn tâm) phát hiện.

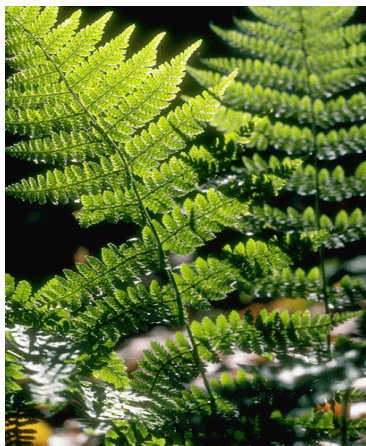
Nói tóm lại, thiên địa chi tâm là tình Tạo Hóa bảo bọc chở che, thúc đẩy sự vận hành thời tiết để dưỡng nuôi vạn vật muôn loài:

*“Tình Tạo Hóa háo sanh muôn vật,
Mây Kiền Khôn chất ngát chở che,
Thu qua, đông đến, xuân, hè,*

Vận hành thời tiết tư bề dưỡng nuôi.”¹¹⁵

Còn thiên địa chi tâm ở con người không khác tình Tạo Hóa đất trời, nhưng trong phạm vi nhỏ hẹp hơn vì con người chỉ là tiểu thiên địa.

*“Tâm người nào khác tâm Trời.
Quên mình lợi chúng, rạng ngời tình thương.”*



Học, tìm hiểu và nhận thấy được thiên địa chi tâm qua quê Địa Lô Phục trong mùa tu Đông chí vừa qua chưa đủ đối với người tu hành chơn chánh, mà điều cần thiết là phải thực hành được thiên địa chi tâm, mới phản bản huồn nguyên trở về hiệp nhứt được với Đức Chí Tôn Thượng Đế, vì có thực hành được thiên địa chi tâm mới huyền đồng với cõi hư vô bằng cái tâm thiên địa bao trùm càn khôn vũ trụ.

¹¹⁵ Minh Đức đàn, 10-7 Ất Ty, 06-8-1965.

Thực hành cách nào? Bằng cách hành động tự nhiên theo lẽ sống thiên nhiên như Thượng Đế, vận hành bất tức không ngừng nghỉ, vô vi lặng lẽ, không cần ai biết mình là chủ sử, không để lại dấu vết tiếng tăm....

Đức Thượng Đế không cần con người làm những điều gì lợi ích riêng tư cho Ngài, Ngài chỉ cần con cái của Ngài biết giác ngộ cho nhau, nhớ lại nguồn gốc thiên chân của chính mình mà đem thực hiện cho được sự thương yêu nhân loại như Ngài hằng nhắc nhở, đối xử với nhau trong tình huynh đệ đại đồng, giúp đỡ lẫn nhau cùng sống trong hòa bình hạnh phúc ở thế gian. Hãy chia sẻ bù đắp cho nhau những cơn thiếu hụt lúc cơ hàn, bệnh tật, hàn gấn xoa dịu những bất hạnh đau khổ vì nghèo đói bệnh hoạn, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, hạn hán. Làm được những điều đó, Đại Từ Phụ sẽ hài lòng mà thấy chúng ta là những người con chí hiếu, biết thương Thầy, vì thương non sanh tức là thương Thầy như lời Thầy thường bảo.

Chúng ta hãy xem đau khổ của chúng sanh là cái đau khổ của chính mình, và hãy xem hạnh phúc của non loại là hạnh phúc của chính mình. Đó là thực hành đúng đắn bốn chữ thiên địa chi tâm vậy.

*“Sống đây vũ trụ là nhà,
Nghĩa là non nước, tình là vạn sanh.”¹¹⁶■*

¹¹⁶ Đức An Hòa Thánh Nương, CQPTGLĐĐ, 06-3 Giáp Tý, 06-4-1984.

CAO ĐÀI TUYÊN NGÔN VẠN GIÁO NHỨT LÝ

Với tôn chỉ “Tam giáo quy nguyên, Ngũ chi phục nhất”, đạo Cao Đài đặt nền tảng trên tinh thần “Vạn giáo đồng nhất lý”.

Vạn giáo hàm chứa ý nghĩa rất nhiều tôn giáo. Chúng ta có thể nêu ra những tôn giáo lớn làm tiêu biểu như Bà La Môn giáo hay Ấn Độ giáo, Phật giáo ở xứ Ấn Độ; Lão giáo, Nho giáo ở Trung Quốc, Hồi giáo ở Phi Châu, Ki tô giáo ở Trung Đông, Tin Lành ở Âu Mỹ, các đạo giáo thần bí ở Ai Cập, Hy Lạp, La Mã...

Còn hai chữ Nhứt Lý nghĩa là một lý hay lý duy nhứt, lý nhứt nguyên, nguồn gốc tạo ra càn khôn vũ trụ vạn vật trong đó có con người. Tất cả đều quả quyết nguyên lý thực tại đó vĩ đại vô cùng, vượt trên mọi khái niệm suy luận của con người và không thể mô tả được bằng ngôn ngữ của loài người, vì nó vốn vô hình, vô tướng, vô thanh, vô sắc, vô danh, nên Đức Lão Tử là nhà cách mạng vĩ đại của Đạo học không biết gọi nó là gì, gượng đặt tên là ĐẠO. Nó có trước khi có Trời Đất và vạn vật với tự tánh luôn luôn vận động và lưu hành không ngưng nghỉ. Đầu mối của nó là sự sống, sinh thành chuyển hóa từ cái này qua cái khác một cách vô cùng tận, bất tiêu bất diệt, trường tồn vĩnh hằng. Đức Lão Tử gọi đó là Mẹ, sanh ra Trời Đất vạn vật chúng sanh.

Nho giáo gọi là Thái Cực, là Thượng Đế tạo hóa ra càn khôn vũ trụ và vạn vật.

Phật giáo gọi là Hư Vô, không không vô sắc tướng.

Khi tạo ra con người, theo luật sanh thành, Đức Thượng Đế không những bảo tồn dưỡng nuôi con người mà còn ban cho con người phần Thiên tánh để con người sống có đạo đức nghĩa nhơn, biết thương yêu dìu dắt giúp đỡ lẫn nhau trong tình huynh đệ con cùng một Cha chung, xứng đáng đứng vào hàng tam tài: Thiên Địa Nhân trong vũ trụ.

Trải qua nhiều thời kỳ, Đức Thượng Đế đã sai các vị Thiên sứ giáng trần mở ra nhiều mối Đạo khắp hoàn cầu, tùy theo phong tục tập quán của các dân tộc mà lập ra nhiều tôn giáo để hướng dân vi thiện, khuyến khích con người làm điều lành, tránh gây tội ác, sống theo Thiên lý, lẽ phải của Trời, để tiến hóa lên hàng siêu xuất thế gian. Đức Cao Đài đã xác nhận từ khi khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ: "*Thầy là các con, các con là Thầy, có Thầy mới có các con, có các con mới có Thần Thánh Tiên Phật*".

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát có dạy ngày 8 tháng 4 Canh Tuất (12-5-1970) về sự ra đời của tôn giáo như sau:

"Nguyên thủy con người không tự có tôn giáo và không ý niệm gì về tôn giáo, vì tự trong sâu thẳm của con người đã có cả một nguồn sinh tồn vĩ đại bất biến về Đạo. Tôn giáo chỉ xuất hiện ngay nét mặt sẫm tối màu địa ngục của thế gian. Do cuộc chuyển hướng quan trọng của loài người, ý niệm về tôn giáo con người kết thành từ đó, và cũng từ đó những tai họa nổi lên cùng lúc như bão táp làm mặt nước đại dương bị thu hẹp vì những lượn ba đào liên tiếp. Các bậc chơn tu đứng ra kêu gọi con người quay về nhận lấy nguồn sống tôn giáo để không sa đọa thì thử hỏi quá trình phổ độ tôn giáo đã cứu vãn bao nhiêu

phần nhơn loại, tất nhiên là vô biên so với pháp môn vô lượng. Tuy thế, con người vẫn còn quây quần trong núi sơn si sát hại, thì sứ mạng tôn giáo vẫn phải tích cực độ đời."

Do đó, chúng ta thấy cái lý do duy nhất các tôn giáo được lập ra là để cứu đời, cho nên tất cả mọi tôn giáo đều có chung cùng sứ mạng dẫn dắt con người trở về nẻo thiện, đó là nhưt lý.

Đức Chí Tôn Thượng Đế vì thương xót nhơn sanh chìm đắm đọa trần mới dạy các Thiên sứ giáng trần mở Đạo cứu vớt con người, các Đấng Giáo Tổ thế Thiên hành đạo cũng vì thương xót nhơn loại chịu khổ đau mà hy sinh vào cõi trần ai ô trược này để thành lập tôn giáo cũng không ngoài lý do, mục đích cứu khổ cứu nạn nhơn sanh đem lại hạnh phúc cho nhơn loài.

Như Thái tử Sĩ Đạt Ta chịu hy sinh, ly gia cắt ái, lìa bỏ ngôi báu vàng son, vinh hoa phú quý, vào rừng sâu chịu cực khổ, thiếu ăn, thiếu mặc, để tầm sư học đạo và tìm phương pháp giải tứ khổ cho nhơn loại (sinh, bệnh, lão, tử).

Như Đức Không Tử thời xưa chịu cực khổ đi hết nước này sang nước khác cốt chỉ để truyền bá mỗi Đạo của Ngài cho các vua chúa theo đó mà an dân trị nước trong hạnh phúc, thanh bình, an cư lạc nghiệp.

Như Đức Chúa Jésus chịu hy sinh đóng đinh trên thập tự giá để lấy máu chuộc tội cho loài người.

Như Thánh Pythagore, người Hy Lạp, phải sang học Đạo bí truyền ở Ai Cập 20 năm và bị lưu đày ở Babylone 12 năm để trở về mở Đạo, truyền bá giáo lý của Ngài ở miền Nam nước Ý Đại Lợi và Hy Lạp, giúp dân hưởng hạnh phúc thái bình được 250 năm và giáo lý của Ngài vẫn lưu truyền đến ngày nay.

Nói tóm lại, các Đấng Giáo Tổ vì thương nhơn sanh mới lập ra tôn giáo, vì mục đích chung duy nhất để cứu thế độ đời chứ không vì danh vị, lợi quyền như người thế tục. Các Ngài không mong ước đời sau xung tụng các Ngài là những bậc thế tôn. Nhưng về phương châm mỗi người có một lập luận, tuy có vẻ khác nhau, nhưng tựu trung cũng quy về nguồn sống an vui cho nhơn loại (ĐHCN).

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát trong đàn 14 tháng 01 Kỷ Dậu (02-3-1969) có dạy: *"Dầu mang sắc thái riêng biệt của mỗi tôn giáo, mỗi tổ chức hành đạo có khác nhau, nhưng cái cứu cánh căn bản của nó là tế nhơn lợi vật, giáo dân vi thiện để đem lại xã hội thanh bình, quốc gia thịnh trị trong tình thương."*

Hiện nay, nhơn loại dù thiên về văn minh tiến bộ khoa học kỹ thuật vật chất, nhưng cũng có nhiều học giả và những tổ chức phi tôn giáo hướng về triết lý Đông phương nghiên cứu, tìm hiểu Kinh Dịch của Nho giáo, Đạo Đức Kinh, Huỳnh Đình Kinh của Lão giáo... Một ngày không xa, triết lý Đông Tây sẽ đối chiếu dung hòa và tổng hợp, các tôn giáo trên thế giới xích lại gần nhau hơn sẽ nhận chân được tinh thần "Vạn giáo nhưt lý" như lời Đức Khổng Tử đã tiên tri: "Thiên hạ có lo gì, nghĩ gì? Tuy muôn đường nghìn lối khác nhau, nhưng cũng chung về một mục đích". Và từ đó Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ sẽ thực hiện sứ mạng lịch sử của mình trước thế giới nhơn loài.

Nói tóm lại, tiêu đề "Vạn giáo nhưt lý" có thể hiểu gọn lại là: các tôn giáo hiện có nhiều trên thế giới, nhưng đều xuất phát từ Thượng Đế, là Lý Duy Nhưt hay Lý Nhưt Nguyên tức là Đạo, là Thái Cực. Các Đấng Giáo Tổ vâng mệnh Trời là Thiên sứ, giáng trần để mở đạo, lập các nền tôn giáo với một lý do, một mục đích duy nhất là cứu thế độ đời, giáo dân vi thiện, tìm

phương cách để thức tỉnh con người biết tránh làm điều tội lỗi, biết thích làm điều thiện lương và con người biết thương yêu giúp đỡ lẫn nhau trong tình huynh đệ con chung Thượng Đế, để tu tiến lên hàng chí chơn, chí thiện, chí mỹ đạt mục đích tối hậu là Đạo.

Tôn giáo là cửa ngõ để đưa con người tìm Đạo, tìm phương tu thân tâm để tiến hóa lên hàng siêu nhân thánh triết và giải thoát kiếp luân hồi sanh tử triền miên ở cõi trần thế khổ lụy này. Các tôn giáo hiện hữu tuy phương cách tổ chức có khác biệt tùy theo dân tộc tập quán địa phương nhưng cốt yếu cũng đều nhằm mục tiêu giải thoát con người khỏi kiếp luân hồi sanh tử. Nếu con người tu hành tiến hóa đến mức tối cao thì linh hồn không còn phải chịu luân hồi chuyển kiếp vào cõi trần ai, và đương nhiên đắc thành quả vị Tiên Phật, trở về nơi cõi Thiên đàng hay Niết bàn cực lạc là cõi hằng thường siêu sanh vĩnh cửu. Người tu hành chơn chánh không nên chấp nhứt những sự dị biệt về hình thức tổ chức, những phương tiện bề ngoài của các tôn giáo mà phải chú trọng phần tinh thần vì đó mới là cứu cánh giải thoát của mình.

Các tôn giáo hiện hữu không khác nào nhiều đường mòn từ dưới chơn núi, tuy nhiều, tuy cách xa nhau, nhưng cuối cùng cũng đưa dắt hành giả lên đến đỉnh núi cao tột. Tôn giáo cũng ví như những sông rạch muôn phương, cuối cùng cũng chảy vào biển cả, đại dương là Đạo. Nên Phật có nói: chúng sanh vô biên, pháp môn vô lượng. Các tôn giáo chỉ là những phương tiện, là những pháp môn mà thôi, chớ Đạo mới thật là cứu cánh giải thoát. Cũng ví như pháp môn là những chiếc bè đưa hành giả sang sông, lên bờ giác rồi thì bỏ bè, tội lệ gì phải ôm giữ chiếc bè cho khổ thân.

Ngày nào, con người không còn phân biệt đạo này, tôn giáo nọ để nhìn nhận tất cả chúng sanh từ thảo mộc, thú cầm đến nhân loại đều chung một nguồn cội; mỗi một đơn vị là một phần tử của đại thể hay là của Đạo, để nhìn nhận tất cả các tôn giáo hiện hữu đều do một bàn tay của Thượng Đế lập thành, chùng đó may ra nhân loại mới thấy được yéng sáng Đạo lóe ra trong tâm thức mà tìm mọi phương về cùng khối Đại Toàn thể.

Như vậy, tôn giáo chỉ là phương tiện hình thức tổ chức bên ngoài để dẫn dắt hành giả vào cửa Đạo. Hiểu Đạo là cứu cánh giải thoát để chúng ta không còn ý tưởng phân biệt tôn giáo này hay đạo nọ, mà nên suy nghiệm lời dạy của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát: *"Người tu hành không tìm đạo lý ở ngoài thân, mà phải tìm ở nội tâm. Những hình tướng tạm mượn để đặt cho một danh từ đạo lý là phương tiện của hành giả trên đường tu học mà thôi."* Và ở đoạn khác, Đức Bồ Tát dạy tiếp: *"Đại Đạo vô hình vô tướng thì con người tu hành cũng không nhưt thiết phải chấp tướng chấp hình. Sở dĩ có qui giới, có đạo luật, có quyền pháp, có hình tướng riêng biệt là để đánh vào thị giác chúng sanh để nhận định hình tướng thanh cao đức độ bác ái, từ bi trong lớp đạo phục, trong con người đạo đức. Hình tướng rất cần nhưng cần trong chơn lý, trong quyền pháp Đạo. Hình tướng không bắt buộc mọi người phải đổi thay để đóng vai trò tạm bợ mà mỗi người phải chấp nhận hình tướng làm một phương tiện khả dĩ trong đoạn đường tạo thể cứu cánh đó thôi."*

117

¹¹⁷ Chơn Lý Đản, 01-4 nhuận Giáp Dần, 22-5-1974.

Nếu các tôn giáo hiện nay trên thế giới đều hiểu đúng ý nghĩa “nhứt lý” của tôn giáo như lời Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dưới đây thì hạnh phúc lớn cho nhơn loại biết bao.

"Tôn giáo là cái gì? Phải chăng tôn giáo là phương hướng giáo thuyết để dạy đời nhìn thấy những gì Thiên Liêng cao cả. Chẳng những chỉ ở phần tâm linh tối thượng, mà tôn giáo còn dạy người đời xem nhau như tình ruột thịt huynh đệ đại đồng, tuy khác nhau ở màu da sắc tóc nhưng cũng đồng thọ bảm đức hạo sanh đường dục an bài của luật đưng nhiên Tạo Hóa.

Tôn giáo dạy người phải lấy tình thương yêu hòa ái từ xã hội rất nhỏ như gia đình phu phụ, phụ tử, huynh đệ, bằng hữu, đến một xã hội bực trung là đoàn thể quốc gia dân tộc và chỉ đến nữa là đại xã hội nhân loại đại đồng. Xã hội nhỏ có thương yêu hòa ái thì gia đình được hạnh phúc, phụ tử từ hiếu, huynh hữu đệ cung.

Một xã hội bực trung có thương yêu hòa ái thì đoàn thể được phát triển nảy nở mau lẹ trong sự dìu dắt giáo dục bảo vệ cho nhau. Một quốc gia, toàn thể dân trong nước đó từ vua quan cho đến lê thứ dân đã cùng đình mà biết thương yêu hòa ái thì quốc gia đó được thịnh trị, dân tộc đó được phú túc sung mãn hùng cường.

Nếu đại xã hội nhân loại đại đồng biết thương yêu hòa ái nhau thì đại xã hội đó là một Thiên đường cực lạc tại thế gian."¹¹⁸

Chung quy, sứ mạng trọng yếu của các tôn giáo cốt yếu là truyền bá lòng thương yêu hòa ái cho tất cả nhơn loại được biết và khuyến khích dạy dỗ tín đồ mình phải thực hành cho được

¹¹⁸ Minh Lý Thánh Hội, 08- 9 Kỷ Dậu, 18-10-1969.

thương yêu hòa ái đối với nhơn loại theo đường lối mà các Đấng
Giáo Tô như Đức Thích Ca, Khổng Tử, Jésus... đã vạch ra. ■

ĐẠI NGUYỆN CỦA THẦY

Dân tộc Việt Nam nhỏ bé và hiền hòa này nói riêng và nhân loại trên địa cầu 68 nói chung rất diễm phúc được chính Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Chúa Tể càn khôn vũ trụ hạ mình xuống trần gian ô trược lập Đạo vào thời kỳ hạ nguơn mặt kiếp này để cứu rỗi, độ tận toàn linh thoát vòng luân hồi đọa lạc khổ hải triền miên.

Đó là một điều hy hữu chưa từng có trên thế giới này kể từ khi tạo thiên lập địa. Chính mình Đức Chí Tôn đích thân mở Đạo chớ không giao cho các thiên sứ như trong Nhứt và Nhị Kỳ Phổ Độ.

Điều hy hữu thứ hai là Thầy không giáng phạm bằng xác thân hữu hình như các bậc giáo chủ trước kia bị hạn chế bởi sự sống hữu hạn của nhục thể do tứ đại giả hiệp và bị phân biệt bởi sắc màu dân tộc, mà bằng một phương pháp tân kỳ là dùng huyền linh diệu điển bút cơ để khai mồi đạo Trời.

Điều hy hữu thứ ba là Đức Chí Tôn mở cuộc đại ân xá cho nhơn loại, cho tất cả những ai biết giác ngộ cải ác tùng thiện lo tu tâm dưỡng tánh, bồi công lập đức trong vòng chánh tâm, chánh tín, chánh đạo, thì được đắc quả ngay kiếp hiện tiền.

Điều hy hữu thứ tư là chính đích thân Đức Thượng Đế trực tiếp dạy dỗ con người như một người cha, người thầy của thế gian với cách xưng hô: “Thầy” và “các con” rất dịu dàng, ngọt ngào, thân thiết.

Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ còn hứa tạo lập một đời thánh đức Thuần Nghiêu cho nhơn loại được hưởng sau Hội Long Hoa, với những người dân hiền lương thuần hậu trong một xã hội an lành, nhà nhà không cần đóng cửa, thậm chí cửa rơi ngoài đường cũng không ai lượm vì không còn kẻ gian tham; thiên hạ xem nhau như anh em một nhà thương yêu đùm bọc giúp đỡ nhau trong tình chân thật thuận thảo.

Đức Chí Tôn mặc dầu là Chúa Tể càn khôn vạn loại, nhưng Ngài không xưng danh lớn lao mà chỉ tá danh tức tạm mượn hai chữ Cao Đài với ý nghĩa là cái đài cao, qua danh xưng “Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát” để lập một nền tôn giáo có tên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay gọi tắt là đạo Cao Đài (vì Thầy là Đức Giáo chủ duy nhất của đạo Cao Đài) với tôn chỉ “Tam Giáo Quy Nguyên, Ngũ Chi Phục Nhứt” nhằm vào việc phổ độ, cứu vớt toàn thể nhân loại chớ không riêng cho một dân tộc nào. Ngài đã chọn đất nước Việt Nam làm nơi khai mỗi Đạo và chọn dân tộc Việt để ban trao sứ mạng triển khai hồng hóa đến khắp cùng nhân loại.

Lời đoan thệ với Tam Giáo để lập Đạo màu của Thầy.

Chúng ta hãy lắng lòng trần, giữ tâm thanh tịnh lặng lẽ để đọc lại lời đại nguyện của Đức Chí Tôn:

*“Muôn kiếp các con chịu lạc đường,
Thấy vậy Thầy luống động lòng thương;
Nên đoan thệ với hàng Tiên Phật,
Lập Đạo không thành chịu tội ương.*

“Hỡi các con!

Cuối hạ ngưng máy Tạo vẫn xoay, nạn tiêu diệt, sự họa tai không tránh khỏi.

Cơ dĩ định tang thương biến cải. Ôi là đời, sao quá đại chẳng thức lý tâm nguyên?

Sao mà đời không chịu gia tâm suy nghĩ để dựng tâm Thiên cơ, cầu diệu lý mà luyện kỹ, hầu quay trở lại chỗ nguyên thủy cự ngôi?

Để làm chi nay mai mang lấy nạn khổ mãi luân hồi, Thầy dòm thấy luống chua xót, đứng ngồi không yên dạ.

Nên hội Tam Giáo Công Đồng, Thầy lập tờ đoàn thể, đem đạo màu phổ hóa, độ tất cả đám quần sanh. Nếu các con chẳng chịu tu hành, không bỏ dữ làm lành, Đạo không thành, Thầy nguyện không trở về ngôi vị cũ.”¹¹⁹

Chúng ta không thể không xúc động tâm tư trước lời đoàn thể thắm thiết của Đức Đại Từ Phụ, vì Ngài là một Đấng quyền uy tối cao tối thượng mà lại hạ mình trước chư Phật Tiên dưới quyền Thầy cai quản để đoàn thể độ tất cả đám quần sanh. Nếu con người không chịu tu hành và Đạo không thành, “Thầy nguyện không trở về ngôi vị cũ”. Lúc mới khai Đạo, Thầy cũng đã than thở (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, đàn ngày 27-5-1927):

“Mỗi phen Thầy đau thảm khóc lóc vì các con, phải lên hạ trần bỏ ngôi Chí Tôn xuống lập Đạo, lại bị các con bạc đãi,

¹¹⁹ Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 25-9 Bính Tý, 08-11-1936, bài “Đại nguyện của Đức Cao Đài”

biếm nhẽ, xua đuổi bắt buộc đến đâu phải chịu cho các con giết chết. Ôi thảm thay, thảm thay!(...)

Mỗi phen Thầy đến lập Đạo thì phải cam đoan và lãnh các con chẳng khác nào kẻ nghèo lãnh nợ. Các con làm tội lỗi bao nhiêu, oan nghiệt bấy nhiêu, Thầy đều lãnh hết. Các con đã đặng thông dong rồi rảnh chẳng lo tu đức mà sửa mình, lại còn cả gan trước mặt Thần Thánh Tiên Phật gây thêm tội lỗi nữa, thật là đáng giận.”

Và 10 năm sau Khai Minh Đại Đạo, trong Đại Thừa Chơn Giáo Thầy lại dạy rằng: *“Thầy thương con nên Thầy phải từ bi, chớ quyền thưởng phạt, Thầy sợ gì không trừng trị. Sao các con phũ phàng không biết nghĩ, lại đem Thầy nạp cho lũ quỷ mà chịu thịt đồ máu rơi? Nhưng quá lòng từ bi, thương cả mọi nơi, nên phải chịu lặn lội với đời mà dựng gậy đạo đức.”*¹²⁰

Thầy là Đức Chí Tôn Thượng Đế còn phải đoan thệ với Tam Giáo Tòa huống chi chúng ta là con cái, cũng là môn sanh phải có trách nhiệm đối với Đạo, nên chi Thầy có dạy: *“Các con phải hiểu rằng, mỗi đứa có trách nhiệm lớn lao về Đạo. Trước khi lãnh mạng Tam Giáo Tòa xuống chịu mình với chúng sanh lúc Tam Kỳ Phổ Độ này, đều có cam đoan hứa làm tròn phận sự. Thầy là Đức Chí Tôn khai sáng nền Đạo, cũng buộc mình cam đoan mà lãnh các con, thế thì mỗi đứa đều mang nặng nơi mình một phần trách cứ chẳng nhỏ. Nếu Đạo chẳng thành thì phần phạt thiêng liêng, vì căn tội phước mà định đoạt.”* (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển)

¹²⁰ Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 25-9 Bính Tý, 08-11-1936, bài “Đại nguyện của Đức Cao Đài”.

Hơn nữa, trách nhiệm con người đến thế gian là phải hoàn thành sứ mạng vì nhân, làm người cho đáng con người đứng vào hàng tam tài (Thiên Địa Nhơn).

Xin hãy bình tâm lắng nghe huấn từ của Đức Chí Tôn Thượng Đế (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, đàn ngày 10-01-1927): *“Mỗi bực phẩm đều đặng một vai tuồng của đấng cầm quyền thế giới ban cho, dầu thanh cao dầu hèn hạ, cũng phải gắng làm cho rồi trách nhiệm, hầu buổi chung cuộc hồn lìa cõi trần đặng đến nơi khởi hành mà phục hồi công cán, ai giữ trọn bực phẩm thì đặng Tòa Nghiệt Cảnh tương công chiết tội để vào địa vị cao hơn chốn địa cầu 68 này, ai chẳng vẹn trách nhiệm nhơn sanh phải bị đọa vào U Minh Địa để trả cho xong tội tình căn quả cho đến lúc trở về nẻo chánh đường ngay mà phục hồi ngôi cũ. Bằng chẳng biết sửa mình thì luật Thiên điều chồng chất, khổ A Tỳ phải vương muôn muôn đời đời mà đền tội ác. Bậc nhơn sanh vì đó mà phải chịu thiên niên chìm đắm vào số luân hồi, vay trả, trả vay, căn quả chẳng bao giờ tiêu đặng.”*

Trước đại nguyện độ rỗi nhơn sanh mà Đức Thượng Đế đã đoan thệ với Phật Tiên, Tam Giáo Tòa, phận làm con hiếu thảo phải biết thương Thầy, cố gắng làm theo lời khuyên dạy của Thầy mà lo tu thân tâm, hành chánh đạo, bồi công lập quả cho dày để hoàn thành sứ mạng đời đạo song toàn, mới mong phục hồi ngôi xưa vị cũ.

Chúng ta đừng ngại đụng chạm với mọi khảo thí gian lao thử thách từ nội tâm đến ngoại cảnh, vì đó là Thiên ý để trui rèn un đúc con người trở nên hàng chí thiện chí mỹ mới xứng đáng địa vị Tiên Phật, vì muốn thành Tiên Phật, mọi người tu hành bắt buộc phải chun qua cửa ngõ này. Lời xưa có nói: “Vô ma

khảo bất thành Đại Đạo”. Thầy đã cho phép quý vương bày trò khảo thí môn sanh Cao Đài, nên ban cho nó đủ quyền hành. Thầy có nói (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, đàn ngày rằm tháng 11 Bính Dần, 19-12-1926): *“Cái quyền hành lớn lao ấy do Thầy ban cho nó, nên đừng quyền cảm dỗ các con, xúi biếu các con, giành giật các con mà làm tay chơn bộ hạ trong vòng tôi tớ nó.(...) Trong tam thiên thế giới còn có quý mị chuyển kiếp ở lộn cùng các con thay hướng lựa là thất thập nhị địa này, sao không có cho đừng ? Hại thay, lũ quỷ lại là phần nhiều, nó bày bố ra mỗi nơi một giả cuộc mà dỗ dành các con. Vì vậy Thầy đã nói tiên tri rằng: Thầy thả một lũ hổ lang ở lộn cùng các con, lại hằng ngày xúi biếu nó cắn xé các con. song Thầy cho các con mặc một bộ đồ thiết giáp chúng nó chẳng hề thấy đừng, là đạo đức của các con. Ấy vậy đạo đức các con là phương pháp khử trừ quý mị, lại cũng là phương điều dắt các con trở lại cùng Thầy.”*

Đời thường hay nói “Đức trọng quý thần kinh.” Thầy lại an ủi chúng ta: *“Các con chớ buồn vì Thiên cơ phải vậy, thi nhiều đạu ít là lẽ hằng.”*

Chúng ta đừng vì bị khảo đảo khô sở mà than trách Thầy không thương, Thiên Đình đã liệu sức chịu đựng của mỗi người, trừ phi có ai gan lì thệ nguyện muốn sớm dứt khoát nợ trần. Thầy lý giải điều này cho ta am tường: *“Thương thương, ghét ghét ai thấu đáo vậy ôi!(...) Thầy chẳng vì ghét mà không lời khuyên dụ, cũng chẳng vì thương mà không sai quý đồ dành.”*

Làm sao không xúc động, khi chúng ta nghe tiếng kêu gọi thống thiết của Đại Từ Phụ:

“Cả tiếng kêu, bỏ các con ôi!
 Thầy là Chúa Tể bỏ vị ngôi,
 Xuống phàm cứu thế.
 Công cực khổ Thầy đâu có nệ,
 Miễn sao con biết thấu cuộc giả trò đời là tẻ,
 Nghe lời Thầy tu cho đoạt huệ mà siêu xuất cõi hư linh.

Chốn thế gian là trọng trước vật chất hữu hình không bền
 vững, nó tan nát thành linh như đám mây đương nổi.

Cái xác thịt tạm thời trong một lúc thì cũng tiêu tan như áo
 ngoài con cối, cối cho rồi thiệt nông nổi vắn muôn.

(...) Thầy dạy con, con giác ngộ tầm tu, tu luyện đạo. Thầy
 mới thể độ ra khỏi chốn âm phù về nơi cực lạc.”¹²¹

Thầy dạy chúng ta, khi đã giác ngộ rồi thì phải tầm tu, tham
 câu đạo pháp để luyện đạo thì Thầy mới giải thoát chúng ta khỏi
 luân hồi đọa lạc đặng. Vì Thầy đã nói: dầu một bực Đại La
 Thiên Đế giáng trần mà không tu luyện cũng không được phục
 hồi cựu vị. Ấy vậy việc luyện đạo là điều thiết yếu cho sự giải
 thoát.

Sau khi nghe được đại nguyện và lời đoan thệ của Đức Chí
 Tôn Thượng Đế trước Tam Giáo Tòa, là con cái mền yêu của
 Đại Từ Phụ, chúng ta nở lòng nào để Thầy phải chịu tai ương
 chỉ vì chúng ta không nghe lời khuyên dạy của Thầy, lo tu thân
 luyện kỹ. Hơn nữa, cũng vì lợi ích giải thoát cho chính bản thân,
 chúng ta đồng hứa nguyện với Thầy, dốc lòng quyết chí lo tu

¹²¹ Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 25-9 Bính Tý, 08-11-1936, bài “Đại
 nguyện của Đức Cao Đài”.

hành lập công bồi đức, dầu gặp mọi cảnh khó khăn khảo thí cho đến ngày viên mãn để phản bổn huồn nguyên, trở về hiệp nhứt cùng Đại Từ Phụ.

Chúng ta hãy nghe những lời dịu dàng êm ái của Thầy kêu gọi con thơ tìm đến với Thầy: *“Thầy đã đưa tay đến với các con, các con phải đưa tay tới với Thầy. Thầy sẽ dìu dắt các con đến gần Thầy và trở về cùng Thầy. Thầy cùng các con là một, sống trong lẽ thiên nhiên, trong mùa Xuân vĩnh cửu.”*¹²²

Muốn được ân huệ Thầy ban bố phải làm sao?

Nhơn dịp ngày Khánh Đản của Đại Từ Phụ nhằm tiết xuân khai thới, điển lành Thầy chan rưới bủa khắp trần gian, chúng ta đọc lại huấn từ của Thầy để thực hành, thì chắc chắn chúng ta sẽ nhận được ân phước của Thầy. Thầy dạy: *“Thầy những mong ở một cõi trong sạch nhứt nơi trần gian, Thầy chứng vào cõi đó, Thầy ngự vào đó để cứu rỗi con cái của Thầy trong kỳ mạt kiếp. Các con ôi! cái cõi tịnh khiết đó ở đâu hồi các con? Các con thử tìm để bạch lên Thầy nghe thử nào?”*¹²³

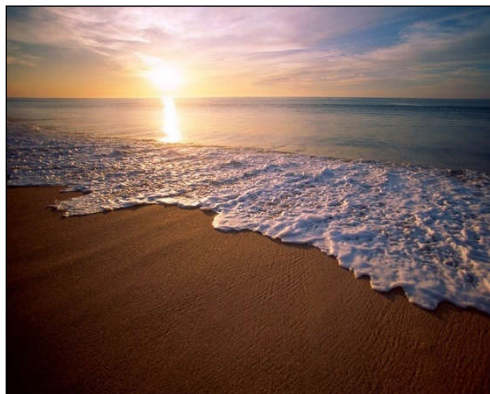
Cái cõi tịnh khiết đó ở đâu? Có phải chăng nơi nê huồn cung tại đỉnh đầu, nơi cao thượng nhất để cho Đấng Cao Đài ngự với điều kiện là chúng ta phải giữ cho nơi ấy trong sáng, trong sạch và khiết tịnh, không chứa niệm lự để bầy tình sáu dục không làm xáo trộn tâm trung của chúng ta. Đức Đông Phương Lão Tổ đã chỉ rõ:

*“Thử hỏi Cao Đài ở chốn nao?
Người tu trở lại, trở về đâu?”*

¹²² CQPTGLĐĐ, 30 tháng Chạp Giáp Dần, 10-02-1975.

¹²³ CQPTGLĐĐ, 15-01 Nhâm Tý, 29-02-1972.

*Phải chăng tìm đến Cao Đài Thượng?
Đài Thượng vô vi tại đỉnh đầu.”¹²⁴*



“Dục vọng không còn, lòng người sẽ như đại dương yên lặng, dứt cơn sóng gió.”

Muốn giữ cho nề huòn cung được khiết tịnh để Thầy đến ngự ban ơn cho chúng ta, chúng ta phải tẩy sạch bằng sự yên lặng hư vô tuyệt đối, vì Thầy đã dạy rằng chỉ có sự yên lặng đó mới thần giao cách cảm được với Thầy mà nhận được ân huệ trong cảnh Thiên nhân hiệp nhứt giao cảm:

“Con ôi! Sự yên lặng để thần giao cách cảm, để các con tìm thấy con trong Thầy và Thầy hằng ngự trị với đức hạo sinh trong vạn vật.”

“Yên lặng tức là quán triệt tất cả những cái gì mà trần gian không nói được, không sờ mó được, không nghe thấy được.”

¹²⁴ Bát Nhã Tịnh Đường, 18 tháng 3 Nhâm Tý, 01-5-1972.

“Yên lặng để tìm thấy cương vị của các con trong sứ mạng to tát giữa thời Phổ Độ Kỳ Tam.”

“Giờ giao điểm của tâm linh và vũ trụ cũng là giờ giao điểm của Đức Nguyên và vạn sinh.”

“(…) Trong lúc này cần hơn lúc nào hết, cần ở tiềm lực quang năng của mỗi người có sứ mạng trong Tam Kỳ Phổ Độ, cần đến tinh thần vạn năng của các sứ đồ trung kiên trong Đại Đạo.”

“Yên lặng để điều ngự khỏi truân chuyên. Yên lặng để chuyển phong ba trở thành bình địa. Sự yên lặng rất cần dùng ấy, con phải biết đến giá trị của phút giây yên lặng đó!”¹²⁵

Biến cố vô cùng khủng khiếp của trận động đất và sóng thần xảy ra vừa qua tại các nước vùng Nam Á, Ấn Độ, Sri Lanka, Thái Lan, Nam Dương và còn sắp diễn ra không biết chừng nào và nơi đâu khiến chúng ta là người tu hành có lòng bác ái từ bi nhưng tài lực hạn chế, chúng ta hãy nghĩ tới sự áp dụng lời dạy của Đức Từ Phụ về sự yên lặng, về sức mạnh vạn năng của nó điều ngự khỏi truân chuyên, để chuyển phong ba trở thành bình địa, để chuyển họa thành phúc, bằng cách giữ sự yên lặng hoàn toàn với tâm thanh tịnh, chúng ta hiệp thần lực của tất cả thành một khối thần lực vĩ đại, khổng lồ, có sức vạn năng chuyển hung thành kiết, đẩy lui âm lực, dụng điển linh để đem lại sự an lành phần nào cho thế giới nhơn loại.

Đây là một sự đánh thức lương tâm của nhơn loại để biết xót xa và chứng kiến thảm họa lớn lao, thiên tai không một ai tránh khỏi, giàu như nghèo, nước lớn như nước nhỏ trước sự

¹²⁵ CQPTGLĐĐ, 30-12 Nhâm Tý, 02-02-1973.

chuyển động của thời hạ nguon mặt kiếp để Đức Thượng Đế tái lập đời thượng nguon Thánh đức cho người hiền lương được hưởng an bình hạnh phúc như Ngài đã hứa.

Trước sự hy sinh vô cùng lớn lao, lìa bỏ ngai vàng điện ngọc Linh Tiêu Điện của Đại Từ Phụ để giáng trần vào nơi ô trược nặng nề để lập Đạo hầu cứu rỗi nhơn loại thoát kiếp trần ai đọa lạc luân hồi, đến đời phải chịu cam đoan thệ nguyện cùng chư Phật Tiên bảo lãnh nhơn loại, nếu Đạo không thành, thì Thầy nhứt định không trở về ngôi vị tối cao của Chí Tôn Thượng Đế.

Chúng ta là môn sanh, là con cái mến yêu của Đại Từ Phụ, chúng ta phải tự xét và tự hỏi phải làm gì? Không gì hơn là sự nhứt tâm cung kính vâng lời triệt để thực hành lời dạy của Thầy:

“Thầy đã từng dạy các con. Thầy sanh trưởng bảo tồn các con. Thầy đến nước Việt Nam này mở Đạo dạy dỗ các con. Thầy không đòi hỏi các con phải làm những gì đem lại riêng tư cho Thầy. Thầy luôn luôn dạy các con phải thực hành đạo lý cho các con cái của Thầy, nghĩa là phải giác ngộ cho nhau, thương yêu, dạy dỗ, đùm bọc cho nhau, bảo tồn cho nhau, để cùng nhau được sống trong cảnh thái hòa, cùng hưởng hạnh phúc với nhau mãi mãi, chớ không được thù hằn, ganh tỵ, ghen ghét hại nhau, rồi tự diệt nhau, vì các con là một trong vạn vật chúng sanh, mà vạn vật chúng sanh là bản thể của Đạo, mà bản thể của Đạo tức là bản thể của Thầy. Các con có thương nhau, tức là các con đã thương Thầy. Nếu các con ghét nhau, chính là các con ghét Thầy, mà Thầy có bao giờ làm gì đến nỗi để các con ghét Thầy, có phải vậy hôn các con? Thầy đã nói:

*“Thương nhau khác thể thương Thầy,
Ghét nhau khác thể ghét Thầy sao nên!”*

(...)

THI

*“Thương con dạy dỗ đã bao điều,
Thương mến anh em rón dắt dìu.
Trên vạn nẻo đời còn khốn khổ,
Đó là Thiên sứ trẻ cung yêu.”¹²⁶*

Chúng con thành kính cầu nguyện toàn nhân loại chúng sanh được mở tâm thiên địa để rộng tình người như tình trời đất. ■

¹²⁶ Thiên Nguyệt Lâm Huyền Châu, 14-7 Kỷ Dậu, 26-8-1969.

TÌM HIỂU THẾ NÀO LÀ SỨ MẠNG THIÊN ĐẠO ĐẠI THỪA

Thế nào là sứ mạng Thiên Đạo Đại Thừa? Thiên Đạo là Đạo Trời rộng lớn bao trùm cả càn khôn vũ trụ thế giới muôn loài vạn vật, với đức háo sanh dưỡng nuôi, giáo dục, đùm bọc, bảo tồn, chở che vô tận trong tình Tạo Hóa.

*“Tình Tạo Hóa ban đều vũ trụ,
Đức háo sanh bao phủ càn khôn;
Chuyển luân như nguyệt vong tồn,
Cỏ cây nhơn vật vô cùng hóa sanh.”¹²⁷*

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn giải như sau: *“Kìa xem trời đất bao la che chở, không vì kẻ ác, không vì người thiện, không vì sự kính yêu của vạn loài, cũng không vì sự ghét bỏ của sự vật nào. Vẫn xuân hạ thu đông, vẫn mưa hòa gió thuận cho cây cỏ xinh tươi, non sông đẹp đẽ, nhơn loại an vui hạnh phúc. Thiên Đạo là như vậy.”¹²⁸*

Đó là Thiên Đạo của Đấng Tạo Hóa. Còn Thiên Đạo ở nơi con người vốn là tiêu thiên địa phải như thế nào? Đức Như Ý Đạo Toàn giải thích:

“Thiên Đạo là đường lối giải thoát của người tu. Giải thoát mà Lão muốn nói đây là giải thoát mọi ràng buộc, phá hết mọi

¹²⁷ Nam Thành Thánh Thát, 01-01 Ất Tỵ, 02-02-1965.

¹²⁸ Vĩnh Nguyên Tự, 10-6 Bính Thìn, 06-7-1976.

sự chấp ngã, chấp nhờn, chấp đạo, chấp pháp. Tất cả đều ‘không’ mới là giải thoát.

Hành giả có quyết tâm giải thoát trong hoàn cảnh nào, ở thời kỳ nào, cũng có thể giải thoát được...”¹²⁹

Theo Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhon, giải thoát của người tu hàng đại thừa là giải thoát mọi ràng buộc của gia đình, tài sản, sự nghiệp danh lợi, địa vị quyền hành thế tục, để xuất gia hiến thân phục vụ cho Đạo, cho nhờn sanh, quên mình lo cho thiên hạ, vong kỷ vị tha.

Cũng theo lời dạy của Đức Chơn Nhon: *“Quyết tâm giải thoát là không để ngoại cảnh chi phối được tâm, không để tâm bị ràng buộc vào tứ tướng lục trần, bởi tứ tướng còn nhân ngã, chúng sanh, thọ giả, lục trần là bụi cát bám lấy lục căn dấy động không giờ tinh khiết.”* Rồi Ngài còn ngại cho chúng ta lo sợ, nên trấn an mấy lời: *“Lão dạy như thế không phải bảo chư hiền đệ hiền muội phải rũ bỏ tất cả thế sự, cắt ái ly gia, đem thân vào khổ hạnh. Lão chỉ dạy chư hiền đệ hiền muội hãy sống theo Thiên Đạo mới hành được chánh pháp đại thừa.”¹³⁰*

Chúng ta vừa luận về Thiên Đạo, giờ đây, chúng ta bàn về đại thừa. Thử tìm hiểu thế nào là đại thừa? Theo Phật Giáo, đại thừa ví như chiếc xe hạng nặng, để chở đồ nặng. Đối với Đạo đây là sanh chúng mà người tu hàng đại thừa phải có trách nhiệm lớn lao, nặng nề khổ nhọc để giác ngộ và giải khổ cho

¹²⁹ Vĩnh Nguyên Tự, 10-6 Bính Thìn, 06-7-1976.

¹³⁰ Vĩnh Nguyên Tự, 10-6 Bính Thìn, 06-7-1976.

chúng sanh như Đức Lục Tổ Huệ Năng viết trong kinh Pháp Bửu đàn:

*“Chúng sanh vô biên, thế nguyện độ,
Phiền não vô lượng, thế nguyện đoạn;
Pháp môn vô lượng, thế nguyện học,
Phật đạo vô thượng, thế nguyện thành.”*

Đức Ngô Minh Chiêu, vị cao đồ đầu tiên của Đức Cao Đài Thượng Đế dịch ra để thường ngâm nga:

*“Một là sanh chúng hằng hà,
Đốc lòng cứu vớt lòng ta thế nguyện;
Hai là phiền não nói chuyện,
Thê nguyện đoạn tuyệt như thuyên ra khơi.
Ba là chí học chiêu mời,
Phép mâu sâu nhiệm thành thời có ngày;
Bốn là Phật đạo công dày,
Nguyện thành chánh quả kịp tày chí tu.”*

Trong Đại Thừa Chơn Giáo, Đức Chí Tôn Thượng Đế dạy: *“Đại thừa tức là Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại tân dân, tại chí u chí thiện. Thiên đạo này Nho giáo gọi là chấp trung quán nhất, Thích giáo gọi là bảo trung qui nhất, Đạo giáo gọi là thủ trung đắc nhất.”*¹³¹

Người Thiên ân phải lãnh sứ mạng Thiên Đạo đại thừa để chấp hành quyền pháp trên căn bản Tam Giáo quy nguyên, vạn giáo nhất lý, Ngũ Chi phục nhất.

¹³¹ Đàn ngày 09-8 Bính Tý, 24-9-1936, bài "Trung tâm Đạo Đại Thừa"

Đức Diêu Trì Kim Mẫu dạy: “*Những con có Thiên ân sứ mạng hãy vững vàng sáng suốt để độ đời và phải luôn luôn nhớ lời Mẹ dạy: Thiên Đạo đại thừa phải vong kỷ vị tha. Kỷ mà các con còn vong thì còn có chi mà bám víu? Còn kỷ là các con còn chấp. Còn chấp là còn tranh, thị phi, thanh trước. Nếu như vậy thì sứ mạng khó hoàn thành đó các con! Muốn độ đời là phải hòa vào muôn ngàn sai biệt để giác ngộ người đời, giúp người tìm đến tâm linh đã tự có sẵn trong mỗi các con đó. Có như vậy thì sứ mạng các con mới hoàn thành.*”¹³²

Đại thừa cũng là pháp môn tu luyện cho cấp đốn giáo của hàng thực hành Thiên Đạo đại thừa. Theo chánh pháp của Đại Đạo là tánh mạng song tu để giải thoát luân hồi sanh tử, phẫn bản huòn nguyên, phục hồi ngôi xưa vị cũ, trở về hiệp nhứt với Đại Linh Quang là Đức Chí Tôn Thượng Đế.

Hễ người biết tu luyện cướp được cơ mầu nhiệm của Tạo Công thì là đắc nhứt, được một, tức là đạt được đạo giải thoát, thì vĩnh kiếp trường tồn, diên niên bất hoại. Đó là cái pháp kín nhiệm huyền vi của Tiên Phật, khẩu truyền tâm thọ, đề cổ xác phi thăng siêu phàm nhập thánh. ■

¹³² CQPTGLĐĐ, 14-8 Đinh Ty, 26-9-1977.

HÃY NHÌN NHỮNG PHO TƯỢNG LỘ THIÊN CỦA ĐỨC QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

Nhân lễ Kỷ niệm Ngày Thành Đạo của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát 19 tháng 6 vừa qua tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, trong không khí trang nghiêm của buổi lễ và lắng nghe bài thuyết trình của Giáo sĩ Kim Dung về Đức Bồ Tát, tôi chợt nhớ đã có lần trong dịp đến thăm một ngôi chùa Phật, đứng trước tượng Đức Quán Thế Âm uy nghi, hiền hoà dưới ánh nắng mặt trời ban mai, trong chiếc bạch y tay rộng màu trắng tinh khiết thanh bạch. Gương mặt Bồ Tát tỏa sáng với đôi mắt đầy vẻ từ ái như chiếu nhìn để quán xét hết nỗi khổ đau và với đôi tai rộng dài để lắng nghe hết tiếng than thở cầu cứu của toàn thể chúng sinh đang đắm chìm trong bể trầm luân sinh tử. Một tay Bồ Tát cầm bình tịnh thủy đựng nước cam lồ rải khắp thế gian dập tắt mọi thứ phiền não tham sân si để giải khổ cho nhơn loại vì phải lặn hụp trong cảnh vô minh; một tay Ngài nắm nhành dương liễu tượng trưng cho sự kiên nhẫn chiều người hòa mình độ chúng bằng cách hóa trang nam nữ đa dạng, giàu nghèo đủ hạng tùy duyên cứu độ nhơn loại khắp thế giới.

*“Một nhành dương liễu đến Kỳ Ba,
Rưới giọt cam lồ giải nạn ma
Tận độ quần linh sang bến giác,
Thọ truyền chánh pháp cõi ta bà.”¹³³*

¹³³ Bát Nhã Tịnh Đường, 18-3 Nhâm Tý, 01-5-1972.

Pho tượng Đức Bồ Tát không hiểu vì sao con người thường đem đặt lộ thiên giữa trời nắng mưa sương tuyết một cách vô ý thức. Nhưng phải chăng điều này cũng để chứng minh hữu hình Bồ Tát đã hy sinh vì sanh chúng mà không nghĩ gì cho bản thân mình, chịu gian khổ hóa thân nhiều kiếp nêu gương đạo đức hy sinh cao thượng của một vị Bồ Tát muôn thuở muôn phương mà hơn loại hằng chiêm ngưỡng tôn kính.

Một nhận xét nữa là Đức Quán Thế Âm Bồ Tát luôn đứng hoặc ngồi trên một tòa bông sen, là thứ hoa có tiếng là tinh khiết, mọc trong bùn nhơ mà không bị hôi tanh mùi bùn. Đức Bồ Tát có ý khuyên chúng ta bắt chước Ngài cư trần mà bất nhiễm trần. Sống ở giữa trần ai đầy lạc thú vinh hoa phú quý, mà không để bị nhiễm ô thói hư phạm tục, do bả lợi danh câu thúc, chìm đắm trong sắc, tài, tửu, khí để rồi phải chịu lẩn quẩn trong vòng nghiệp quả luân hồi. Bồ Tát khuyên chúng ta phải tự giải thoát dứt bỏ mọi đam mê luyến ái làm con người bị vô minh che lấp bản linh chơn tánh quên mất con đường phản bổn huồn nguyên phục hồi cội vị.

Đức Diêu Trì Kim Mẫu có khuyên:

*“Muôn cánh hoa sen trở cỗi đời
Nhờ bùn sen mới được xanh tươi.
Gương sen khiết tịnh, hương sen nức,
Phiền nào bỏ để cũng thế thôi.”¹³⁴*

Nói tóm lại, nếu người tu hành chúng ta ngắm nhìn một pho tượng Đức Quán Thế Âm Bồ Tát xây dựng một cách trang nghiêm, chúng ta sẽ trực nhớ để tập tành theo gương vong kỷ

¹³⁴ CQPTGLĐĐ, 13-8 Kỷ Mùi, 03-10-1979.

vị tha, từ bi bác ái độ người qua dung mạo hiền hòa của Ngài thì đường Tiên nẻo Phật không đâu xa vì chính Đức Quán Thế Âm Bồ Tát đã dạy chúng ta rằng muốn được làm Tiên Phật phải tập luyện cho được những đức tánh của các Đấng ấy, mới gần gũi được các Đấng ấy.

1. Nhìn bạch y của Bồ Tát ta cố giữ thân tâm mình cho được thanh khiết trắng trong không như bọt.

2. Nhìn gương mặt của Bồ Tát chúng ta phải tập lòng từ bi, bác ái, để phát tiết ra ngoài sự hiền hòa, vui vẻ, cởi mở để cảm hóa tha nhân.

3. Nhìn bình tịnh thủy của Đức Bồ Tát rưới nước cam lồ với nhành dương liễu để luôn giữ lòng an nhiên thanh tịnh kèm chế mọi phiền não tham sân si dục để đạt đến sự giải thoát tâm hồn.

4. Nhìn nhành dương liễu diu dàng cuốn theo chiều gió để tập tánh kiên nhẫn hòa mình độ chúng nhân.

5. Nhìn Đức Bồ Tát đứng hay tịnh tọa trên đóa hoa sen tinh khiết để luôn nhủ lòng không để ô nhiễm bụi trần ai, không bị câu thúc trong bả lợi danh, mồi vật chất.

Được như vậy, chúng ta sẽ là Tiên tại thế dễ dàng gần gũi các Đấng Phật Tiên.

Ngoài ý nghĩa thể hiện qua hình dáng truyền thống được con người tạc nên tượng thờ nói lên lý Đạo dạy người noi theo, đến Tam Kỳ Phổ Độ, với cương vị Nhị Trấn Oai Nghiêm đại diện cho Phật giáo trong Kỳ Ba, Đức Quán Thế Âm đã ban ân đầy đủ Thánh huấn dạy một cách rành rẽ, đầy đủ cách tu thân luyện tánh, và công phu luyện đạo từ thấp đến cao để thể hiện

sự tận độ của chánh pháp Đại Ân Xá Kỳ Ba của Đức Chí Tôn Cao Đài Thượng Đế. Bồ Tát đã hoàn thành sứ mạng của mình với 12 đại nguyện. Công đức của Ngài vô lượng, không bờ bến, cứu độ trong cùng khắp thế giới chúng sanh, muôn loài đều được thọ hưởng ân sủng của Ngài. Để đáp lại trong muôn một ân đức sâu dày đó, người tín hữu Cao Đài ý thức được trách nhiệm phải noi theo con đường của Ngài mà tự giác, giác tha, để Ngài trọn đại nguyện trở về ngôi vị Phật nơi cõi thiêng liêng.

Xây dựng nhiều pho tượng đẹp để kính thờ, tỏ lòng ngưỡng mộ công đức của Ngài là điều rất tốt, nhưng nếu chúng ta còn biết thực hành theo lòng từ bi, bác ái, vị tha, cứu thế độ đời theo như lời dạy khuyên quý báu của Ngài truyền lại qua kinh điển Thánh ngôn, Thánh giáo, có lẽ Ngài sẽ vui lòng vô cùng, vì chính Ngài đã từng dạy rằng Phật Tiên không vì người đời hiển danh lễ phẩm mà ban phước, mà chỉ dụng lòng thành kính chí tâm biết lo tu thân tâm hành chánh đạo, noi gương các Đấng Phật Tiên để trợ khó giúp nghèo, đỡ nâng cứu trợ những người lâm hoạn nạn, già nua, cô đơn, bệnh tật, chớ Trời Phật đâu có thiếu chi mà đem cúng hiến, vì:

*“Phật Tiên đâu ưa nịnh, ưa dua,
Mà đem lễ vật đến chùa,
Đặt điều kiện để bán mua Phật Trời.”¹³⁵ ■*

¹³⁵ Đức Quan Âm Bồ Tát, Tiên Thiên Minh Đức, 20-9 Đinh Mùi, 23-10-1967.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ XỨNG ĐÁNG LÀ DÂN TỘC ĐƯỢC CHỌN

Trước tiên xin đọc lại Huấn từ năm xưa của Đức Chí Tôn Thượng Đế giải thích vì sao Ngài mở Đạo tại xứ Việt Nam nhỏ bé của chúng ta: *“Các con là dân tộc Việt cũng như các dân tộc khác sanh trưởng tại quả địa cầu này. Tình thương Tạo Hóa cũng ban đồng cho các con cũng như các con khác, nhưng dân tộc các con đã đau khổ quá nhiều, non sông tổ quốc các con đã bị dày xéo lâu đời, nhưng các con được trời hơn chúng về đức tin, về lòng đạo đức ngưỡng mộ Thượng Đế và các Đấng Tron Lành. Tình thương các con không thiếu, lòng hiếu hòa các con có thừa, do đó dân tộc các con mới hạnh ngộ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.”*¹³⁶

Và trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, chúng ta hãy đọc lại lời của Thầy khi vừa Khai Đạo:

*“Hảo Nam Bang! Hảo Nam Bang!
Tiểu quốc tảo khai hội Niết Bàn,
Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo,
Hảo phùng Ngọc Đế ngự trần gian.
Thi ân tế chúng thiên tai tận,
Nhược thiệt nhược hư vạn đại an,
Chí bửu hơn sanh vô giá định,
Năng tri giác thế sắc cao ban.”*¹³⁷

¹³⁶ Thiên Lý Đàn, 30-10 Mậu Thân, 19-12-1968.

¹³⁷ Thi văn dạy Đạo, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1.

Người Việt vốn là một dân tộc hiền lành, hiếu hòa, tôn trọng lễ nghi đạo đức thánh hiền, chỉ mong được sống trong cảnh thái bình an cư lạc nghiệp, thế mà vẫn bị phương Bắc (Trung Quốc) mấy lượt xâm lăng đô hộ, dày xéo quê hương đất nước chúng ta cả ngàn năm. Và gần đây hai đế quốc gọi là hùng cường văn minh nhưt Âu Mỹ cũng đã đến xâm lược tàn phá đất nước chúng ta cho đến đổi cảm động lòng Trời Đất, nên Đức Thượng Đế xót thương, đích thân đến mở Đạo ở Việt Nam bằng huyền linh diệu bút. Đây là một sự kiện hi hữu trong lịch sử tôn giáo thế giới.

Đó là một hạnh phúc lớn lao vô cùng của dân tộc Việt Nam, của nước Việt Nam được chọn làm Thánh Địa Cao Đài, mà Đức Ngô Đại Tiên, vị cao đồ đầu tiên của Đức Cao Đài Thượng Đế gọi là *“cái rún của năm châu, tất cả đầu đầu cũng đổ dôn về rún. Từ Phật, Pháp, Tăng, Lão, Thích, Nho đều cũng đi vào trong ngưỡng cửa đó để nhìn chung Lý Đạo là Lý duy nhưt của Thượng Đế.”*¹³⁸

Cho rằng nước Việt Nam là “cái rún của năm châu”, thật không quá đáng, vì nước Việt Nam theo địa dư, nằm giữa hai dân tộc lâu đời và lớn nhất trên thế giới là Ấn Độ và Trung Quốc, với số dân cao nhưt, đã có hai nền văn minh thánh triết vĩ đại đã từng sản xuất các vị Phật Thánh Tiên như Đức Phật Thích Ca, Thánh Gandhi, Đức Khổng Tử, Lão Tử, v.v... Nên từ lâu đời, dân tộc Việt Nam đã hấp thu giáo lý uyên thâm của Tam giáo: Phật giáo, Lão giáo và Khổng giáo qua các cuộc giao lưu đề tu học, bồi dưỡng thân tâm, noi gương thánh triết của các bậc siêu nhân mà an dân, trị quốc trong khuôn viên đạo đức thuần phong mỹ tục. Từ đó, trở nên một dân tộc hiền hậu biết

¹³⁸ Nam Thành Thánh Thất, 01-3 Bính Ngọ, 04-3-1966.

tôn trọng nghĩa nhân, biết thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, biết thờ Trời kính Phật, hình thành một truyền thống đạo đức hiếu hòa với tinh thần cởi mở, khoan dung hòa ái, chấp nhận mọi tín ngưỡng, mọi tôn giáo.

Dân tộc Việt Nam đã ghi vào trang sử nước nhà trên bốn ngàn năm văn hiến với biết bao gương trung, hiếu, tiết, nghĩa, đạo đức từ khi lập quốc. Các vị minh quân của các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần đã kết nạp những vị hiền triết của Tam giáo làm quốc sư để tham mưu cầu kế sách trị nước an dân, mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân được sống thanh bình an cư lạc nghiệp.

Quả thật, dân tộc này, theo truyền thống lịch sử, xứng đáng là một dân tộc được Đức Chí Tôn Thượng Đế thương tưởng, tuyển chọn làm Thánh Địa Cao Đài để trước tiên cứu rỗi dân tộc này và từ đây phóng phát giống Đạo lành ra khắp năm châu bốn bể, độ tận nhơn loại thoát cảnh trầm luân đọa lạc, tạo nên một thế giới huynh đệ đại đồng và lập lại đời Thượng nguồn Thánh đức, sau Hội Long Hoa. Đức Chí Tôn đã hứa, chúng ta hãy dọn mình lo tu học, tự hoàn thiện hóa bản thân để dọn mình đón rước ánh linh quang của Thượng Đế. Thầy có dạy các con phải có Thánh Tâm mới hưởng được đời Thánh Đức.

Sau khi người dân Việt Nam và nước Việt Nam được chính Đức Chí Tôn Thượng Đế tuyển chọn, người tín đồ Cao Đài phải xử sự như thế nào để xứng đáng là con tin của Thượng Đế, không để cho dân tộc khác chảnh những cười chê mà còn phân bì với Thầy, để chúng ta không đắc tội với Thầy Thượng Đế vậy.

Những đức tánh mà dân tộc Việt Nam, con tin của Đức Thượng Đế cần phải có để xứng đáng được tuyển chọn là:

1. Thành khẩn để trọn đức tin nơi Đức Chí Tôn Thượng Đế, Chúa Tể Càn khôn vũ trụ và muôn loài vạn vật, đến nước Việt Nam để mở Đạo Kỳ Ba độ rồi nhơn loài với danh xưng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tức đạo Cao Đài.

2. Người tín đồ Cao Đài phải thực hiện cụ thể sự thương yêu giữa các dân tộc trên thế giới, không phân biệt kỳ thị màu da sắc tóc, phải coi như anh em cùng một Cha chung là Thượng Đế, là Chúa Trời, vì chính Ngài là cha của sự thương yêu, do sự thương yêu mới có muôn loài vạn vật trên thế gian. Bất đắc dĩ, nếu không đủ sức thương yêu, Thầy dạy, cũng “đừng ghét nhau nghe à!”

3. Tín đồ Cao Đài phải nhìn nhận Vạn giáo đồng nguyên và đồng nhứt lý, tất cả các tôn giáo hiện hữu đều do một Đấng tối cao là Thượng Đế sai các vị giáo chủ thay mặt Ngài giảng trần mở nhiều mối Đạo để giáo dân vi thiện tùy theo tập quán, phong tục của các địa phương.

4. Tín đồ Cao Đài không được kỳ thị, chỉ trích các tôn giáo vì đó là những phương tiện, những chiếc đò để đưa hành giả từ bến mê sang bờ giác ngộ để giải thoát con người khỏi trầm luân; không nên câu chấp, vì chúng sanh căn trí vô lượng, phải tùy duyên hóa độ, không nên chấp hình danh sắc tướng, chỉ mượn hữu hình dẫn dắt hành giả vào cửa Đạo vô vi, như thế mới phát triển tinh thần đại đồng thế giới.

5. Môn sanh Cao Đài phải có tác phong đạo hạnh thuần thành đạo đức, gương mẫu.

Đức Lý Giáo Tông có dạy: *“Người đạo Cao Đài là gương mẫu, là chiếc đò, là nhíp cầu đưa khách từ bến mê sang bến giác, là điện đài thu phát động năng thúc đẩy sự thống hiệp*

*giáo lý, là tính chất của Tạo Hóa, kết hợp sự thương yêu cho toàn diện thế giới nhân loài.”*¹³⁹

Người tín đồ Cao Đài phải thể hiện tính chất hiền hòa đạo đức của dân tộc Việt Nam mà Ôn Trên đã nhìn nhận, phải “*xây dựng nền tảng giáo lý theo kịp trình độ văn minh khoa học hiện đại để phổ độ khắp nhân loại thế giới, mặt khác làm xiển dương Thánh ý: Dân tộc Việt Nam là dân tộc được chọn làm nền móng khai sáng cơ Đạo. Nên cần phát huy truyền thống văn hóa đạo đức dân tộc, theo đường lối Tam giáo qui nguyên, vạn giáo nhưt lý và Thiên nhơn hiệp nhưt, làm nổi bật thuần túy tính chất của dân tộc mà luôn khế hợp với bản thể đại đồng nhân loại.*”¹⁴⁰

Dân tộc Việt Nam có một nền văn hóa đạo đức, có một bản sắc riêng biệt, không bị bất cứ một nền văn hóa ngoại quốc nào từ Trung Hoa hay từ Âu Mỹ xâm nhập bằng sự đô hộ chiếm đóng, làm biến chất tính cách thuần túy dân tộc Việt Nam cả về vật chất lẫn tinh thần. Đó là tinh thần quốc gia dân tộc sáng chói. Mặc dầu bị Trung Quốc đô hộ cả ngàn năm, bị cưỡng ép mọi cách, nhưng văn hóa của nước Việt Nam không bị đồng hóa với văn hóa Trung Hoa, vẫn cương quyết bảo tồn phong tục tập quán nước nhà. Dùng văn tự Trung Hoa mà người Việt Nam có cái đặc tính riêng của nó, nhưt là về phương diện luân lý, hồn văn hóa Việt Nam cũng không bao giờ tiêu mất đặng, nhưt là tinh thần đoàn kết để chống xâm lăng.¹⁴¹

¹³⁹ Đức Lý Giáo Tông, Ngọc Minh Đài, 15-7 Canh Tuất, 16-8-1970.

¹⁴⁰ Đức Lý Giáo Tông, CQPTGLĐĐ, 19-2 Bính Dần, 23-8-1986.

¹⁴¹ Đức Liên Hương Đạo Cô - trích Kinh Đường Sáng.

Văn hóa đạo đức và văn hóa dân tộc Việt Nam là phản ảnh của văn hóa Cao Đài, Đức Lý Giáo Tông có dạy:

“Văn hóa đạo đức có những gì tốt đẹp sâu sắc trong lãnh vực triết học, đạo lý, thần linh học, từ nhân sinh quan đến vũ trụ quan, sự liên hệ giữa Trời và con người, sự liên hệ giữa Trời và vạn vật, sự liên hệ giữa con người và con người, sự liên hệ giữa con người và vạn vật, v.v...”

*Văn hóa dân tộc nói lên được tất cả những cái gì cao quý tốt đẹp của một dân tộc từ văn học, triết học, nghệ thuật, phong tục tập quán đến quốc hồn quốc túy của một dân tộc ấy.”*¹⁴²

Quốc hồn vốn là hồn nước, là tinh thần quốc gia, là hồn văn hóa, là luân lý, triết lý và tôn giáo. Mỗi một quốc gia đều có quốc hồn, quốc túy, là đặc tính riêng của nó.

Ngay như ở dân tộc Việt Nam chúng ta, vì muốn giải phóng đất nước, cứu dân tộc khỏi họa thực dân đô hộ, các đấng Tiên Vương như hai Bà Trưng Trắc, Trưng Nhị phát cờ độc lập. Vua Lê Lợi 10 năm chịu gian khổ chống xâm lăng giải phóng được đất nước khỏi ách đô hộ. Đức Thánh Trần Hưng Đạo Đại Vương đã ba phen đuổi bọn Mông Cổ hung bạo đã từng chinh phục Trung Quốc và chiếm phân nửa Âu Châu.¹⁴³ Vua Quang Trung Nguyễn Huệ đánh đuổi quân Thanh. Ngày nay dân tộc Việt Nam hùng dũng kiên cường làm cho hai cường quốc thực dân Pháp, Mỹ phải đại bại và khôi phục lại sự thống nhất độc

¹⁴² Đức Lý Giáo Tông, CQPTGLĐĐ, 15-01 Tân Hợi, 10-02-1971.

¹⁴³ Hội Hoàng gia Anh tôn vinh là vị anh hùng đệ nhất của thời Trung cổ trên thế giới.

lập cho đất nước và đem lại vinh quang thịnh vượng cho dân tộc.

Đó là nhiệm vụ quốc gia cứu nước, cứu dân của công dân Việt Nam; còn đối với mỗi gia đình người Việt Nam, văn hóa đạo đức thấm nhuần tinh hoa của giáo lý Tam giáo Phật, Lão, Nho. Với Nho giáo người Việt rút tinh hoa giáo lý đạo đức của Khổng Tử với đạo “Tam cương và ngũ thường”, làm nền tảng giáo dân vi thiện, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Với Lão giáo, người Việt sống tự nhiên theo Thiên Lý, giữ lòng vong kỷ vị tha hoặc quên mình vì người, thi ân không cầu báo, và không cho ai biết mình thi ân. Với Phật giáo nhập vào Việt Nam từ Ấn Độ và từ Trung Hoa, với một triết lý siêu mâu giải khổ con người thoát vòng vô minh mê muội, người Việt Nam chấp nhận cả phái Tiểu thừa (Nam Tông) và Đại thừa (Bắc Tông), phát triển Thiền Phật giáo rất tốt đẹp qua hai đời Lý Trần với các Thiền sư tiếng tăm như Vạn Hạnh Thiền Sư đời Lý, Trần Nhân Tôn (Trúc Lâm) đời Trần .v.v...

Khi Đức Chí Tôn Thượng Đế khai minh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vào năm Bính Dần (1926) cùng chư Phật Tiên phụ tá giảng cơ dạy đạo lý, ban ơn cho tín đồ Cao Đài biết bao Thánh ngôn dạy từ mọi chi tiết từ thấp đến cao để tu thân, hành đạo, giúp đời. Nhất là Đức Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo TKPD và Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, un đức rèn luyện con tin Cao Đài trở nên người hiền lương đạo đức thanh cao để xứng đáng làm người tín đồ gương mẫu cho Đại Đạo qua tác phong đạo hạnh. Các Đấng chỉ dạy từ tư tưởng, lời nói, hành động để xứng danh là tín đồ Cao Đài gương mẫu, xứng đáng là dân tộc được chọn, không hổ thẹn với Thầy và hãnh diện trước dân tộc khác trên thế giới năm châu. ■

CÔNG QUẢ THỂ NÀO LÀ CHÁNH DANH VÀ ĐÚNG NGHĨA?

Công quả nằm trong pháp môn **Tam công** (công quả, công trình, công phu) của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, là một trong ba phương tiện để tín đồ Cao Đài thực hành ngũ hầu đắc quả Phật Tiên, được trở về hội hiệp cùng Đức Chí Tôn Cao Đài Thượng Đế nơi Bạch Ngọc Kinh mà đạo Phật gọi là Niết Bàn.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, về mặt thực hành công quả, Đức Chí Tôn dạy: *“Vì vậy mà Thầy hằng nói cùng các con rằng: một trường thi công quả, các con muốn đến đặng nơi cực lạc thì phải đi tại cửa này mà thôi. Thầy lại khuyên nhủ các con rằng Thầy đã đến chung cùng với các con, các con duy có tu mà đắc Đạo, phải đoái lại bá thiên vạn ức nhân sanh còn phải trầm luân nơi khổ hải, chưa thoát khỏi luân hồi, để lòng từ bi mà độ rồi.”*¹⁴⁴

Thầy dạy thêm: *“Người đạo đức thuần thành phải đi ngược lại người thường tình thế tục. Sự vui buồn và sướng khổ của mình đều tùy thuộc nơi sự vui và sướng khổ của nhơn sanh. Phải biết vong kỹ vị tha, quên mình hy sinh hạnh phúc riêng tư mà chỉ nghĩ đến hạnh phúc tha nhân, vui cái vui của thiên hạ...”*

Sau này chư Phật Tiên tiếp tục lý giải các trình độ thực hành công quả như Đức Lý Đại Tiên Trưởng Giáo Tông Vô Vi và nhứt là Đức Quan Thế Âm Bồ Tát dạy rất tỉ mỉ về hạnh Tam

¹⁴⁴ Đản ngày 05-6 Bính Dần, 04-8-1926)

công (1974). Ngài so sánh pháp môn **Tam công** của Đại Đạo không khác pháp môn **Lục độ Ba la mật** của Phật giáo Đại thừa. Nếu hành giả Cao Đài thực hành rốt ráo pháp môn Tam công thì cũng được đắc quả Bồ Tát vậy.

Cao Đài giáo	Phật giáo
Công quả	1. Bồ thí (gồm: Tài thí, Pháp thí, và Vô úy thí)
Công trình	2. Trì giới; 3. Nhẫn nại; 4. Tinh tấn
Công phu	5. Thiên định; 6. Ba la mật

Như lời dạy của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, môn sanh Cao Đài phải thực hành đầy đủ Tam công một cách năng động, rốt ráo, không được thiếu hụt một trong ba. Đừng quá nặng về công quả và kém phần công phu và công trình, hay ngược lại cũng không thành công.

Hạng bực thực hành công quả

Khi nhập môn vào Đạo rồi, nhờ siêng học hỏi nghiên cứu Thánh ngôn Thánh giáo, kinh điển nên chúng ta được hiểu thâm sâu giáo lý hơn nhờ sự giảng dạy của các Đấng Thiêng Liêng qua cơ bút như việc làm công quả có nhiều hạng bực. Trước tiên, Ông Trên khuyên chúng ta làm công quả, lập công bồi đức cho gia đình mình được hưởng phước lộc Trời ban, và để cứu huyền thất tổ được siêu thăng.

Khi tiên lên hàng thượng thừa, thì được Ông Trên cho biết mình làm công quả để diệt trừ nghiệp lực của mình đã gây ra

oan gia nghiệp chướng, để nhẹ phần khảo đảo trong việc tu đơn luyện đạo, chớ không hẳn là làm phước đức thi ân cho ai. Đó là trả nợ đời chớ không phải làm phước mà kể công và khoe khoang cầu danh dục lợi. Đó là còn vị kỷ riêng mình.

Trong xã hội có hai hạng người: thượng đức và hạ đức, cùng làm công quả nhưng với mục đích khác nhau cao thấp. Theo Đạo Đức Kinh (chương 38) của Đức Lão Tử: *“Thượng đức bất đức, hạ đức bất thất đức, thị dĩ vô đức”*.

Người hạ đức là người có đức thấp luôn chấp đức khi làm công quả, nên không có thật công đức. Ông Huỳnh Trung Quan dịch rất dễ hiểu: *“Người đức cao không tự thị về đức của mình, do đó là người có thực đức. Người đức thấp chấp chặt vào đức nên không có thật đức.”*

“Người đức cao thì tịch lặng (vô vi) cho nên không còn gì để hành động. Người có lòng nhơn cao hành động mà không có điều gì để hành động.”

“Người có đạo nghĩa cao hành động nên còn có điều gì để hành động”.

Thánh giáo Cao Đài dạy việc làm công đức chẳng khác nào thực hành cái Đạo vô vi nhi vô bất vi của Đức Thái Thượng Lão Quân:

“Công quả muốn được chánh danh và đúng nghĩa của nó, đúng giá trị của nó và đáng được ghi phần âm chất, phải là công quả xuất phát từ lòng tự giác, tự nguyện và thiết tha với nó, xem nó là nguồn sống của đời người, như cơm ăn nước

*uống, hơi thở, áo mặc, nhà ở và như lương được trị bệnh.”*¹⁴⁵
 Vì hơi thở phải luôn luôn đều đặn, nhịp nhàng theo buồng phổi, theo trái tim, nếu gián đoạn giây phút là sự chết đến liền. Công quả cũng vậy. Nếu làm theo giai đoạn, làm theo sở thích, làm theo ngoại cảnh hay một động lực nào đó, là công quả nhứt thời, mà hễ nhứt thời giai đoạn là phải xáo trộn. *“Công quả có giá trị là ở tự tận đáy lòng thiết tha phát khởi mà làm, dầu có phương tiện như hoàn cảnh, của cải, tiền tài, dù trong cảnh nghèo nàn túng rối, mà tận đáy lòng thiết tha với công quả, vẫn có giá trị muôn đời.”*¹⁴⁶

Phật giáo Đại thừa cũng dạy: Bồ thí đúng nghĩa, chính danh là âm chat phải hội đủ ba điều kiện này:

1. Không xem mình là người thi ân bố đức, là người ban ân.
2. Không xem người nhận đồ vật bố thí là người thọ ân mình để mong trả ân.
3. Đừng quan trọng hay khinh thường hay so đo tính toán đồ vật đem tặng.

Phải thực hành công tác từ thiện (bố thí) vì lòng bác ái vị tha xuất phát tận đáy lòng với tinh thần vô danh, vô ngã, vô công.

Trong giới tu Đại thừa luyện đạo tu đơn cho làm công quả cũng là phương tiện để trả nghiệp quả mình đã mang từ kiếp

¹⁴⁵ Đức An Hòa Thánh Nữ, CQPTGLĐĐ 14-5 Mậu Thân, 09-6-1968.

¹⁴⁶ Đức An Hòa Thánh Nữ, CQPTGLĐĐ, 14-5 Mậu Thân, 09-6-1968.

trước chó không cho là bố thí thi ân, để bớt phần chịu khảo đảo, đắp nền móng cho việc công phu được nhẹ nhàng thanh thản.

Cao siêu hơn, chúng ta cần học thêm và suy gẫm lời dạy của Đức Lý Giáo Tông Đại Đạo: “...*Bản Đạo cũng nêu lên một ý Đạo về “cái đòn bầy” trong sứ mạng hành đạo để chư đệ muội thử suy gẫm. Đây chư đệ muội!*”

- *Chúng sanh nhơn loại là điểm căn.*
- *Các đạo sự là điểm tựa.*
- *Hàng Thiên ân là điểm động.*

Nếu thiếu một trong ba thì không gọi là đòn bầy. Còn hành đạo cũng thế, nếu thiếu một trong ba, thì người Thiên ân không hoàn thành sứ mạng.

Ngày xưa các bậc chức sắc, chức việc trình độ giác ngộ còn giới hạn, nên các Đấng Thiêng Liêng thường dạy hành đạo:

- *Để lập công bồi đức*
- *Để cứu huyền thất tổ được siêu thăng*
- *Để có phước đức cho mình.*

Đó là vị kỷ còn luân hồi!

Ngày nay, hàng Thiên ân chức việc có khả năng tu tiến cao hơn, biết ý thức được đạo lý thâm sâu hơn, nên Thiêng Liêng thường dạy phải xả thân để phụng sự, đó là vong kỷ, là giải thoát.

Tuy nhiên, xét tường tận hơn thì nào phải vong kỷ, bởi vì chư Thiên ân xả thân để phụng sự cho ai? - Cho chúng sinh, nhơn loại, mà chúng sinh nhơn loại là điểm căn, phụng sự là điểm tựa, chư Thiên ân là điểm động. Nếu không có điểm căn,

*không có điểm tựa, thì chư Thiên ân lấy chi mà hành đạo, hành đạo cho ai, và làm sao để hoàn thành sứ mạng mà trở về ngôi xưa vị cũ. (...) Đừng bảo hành đạo vì Thầy, vì Đạo, vì nhân sinh. Thật ra là vì mình đó. Nhưng vì mình một cách tinh vi, vô cố, vô chấp. Nếu không Đạo không Thầy, không chúng sanh, thì chư hiền cầm đòn lấy chi mà bầy, và có ai để mà bầy. Cười! Cười!”*¹⁴⁷

Đạo lý quả thật cao siêu thâm viển, tùy căn trí mỗi người tự suy nghiệm mà chọn cách hành đạo Đại thừa tự giác, giác tha để đạt đạo Giải thoát mà trở về hiệp nhứt cùng Đức Chí Tôn Thượng Đế.

Ghi chú:

Báo Tuổi Trẻ ngày Chủ nhật 29-10-2006 đăng tin một độc giả gửi cho báo một số tiền lớn, nhờ nhà báo trao lại cho một bệnh nhân nghèo đang cần tiền để phẫu thuật và dặn không cho biết tên và địa chỉ. Đây là một gương công quả giúp đời một cách vô vi đáng kính, đáng khâm phục.■

¹⁴⁷ CQPTGLĐĐ, 03-5 Bình Dân, 09-6-1986.

ĐẮC NHỨT

Nhân ngày mừng chín tháng Giêng là Khánh Đán của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, là Thầy, là Đại Từ Phụ, chúng tôi xin phép Thầy nêu lên hai chữ **ĐẮC NHỨT** tức là **ĐƯỢC MỘT, vì được một là được tất cả**¹⁴⁸, được Đắc Đạo, được hiệp nhứt với Thầy, Đại Từ Phụ, là mục đích tối hậu của người chơn tu mộ Đạo thuần thành đạo đức.

1. Định nghĩa theo kinh Đại Thừa Chơn Giáo

Đức Linh Bửu Thiên Tôn trong quyển Đại Thừa Chơn Giáo (phần Khai Kinh, giải nghĩa bốn chữ “Đại Thừa Chơn Giáo”) có giải thích như sau:

*“Chữ **Đại** là chữ chơn với chữ nhứt.*

Chữ Nhon là người, viết hai phết, tức là âm dương hiệp nhứt, mà âm dương hiệp nhứt thì phát khởi càn khôn, hóa sanh vạn vật.

*Và nhon là người, hễ người biết tu luyện cướp đặng cơ mầu nhiệm của Tạo Công thì là **đắc nhứt**. Nhon mà lại đắc nhứt nữa (chữ nhon thêm chữ nhứt là chữ Đại), thì vĩnh kiếp trường tồn, diên niên bất hoại. Đắc nhứt là gì? Nghĩa là đặng Một. Một tức là cái pháp độc nhứt vô nhị, cái pháp kín nhiệm huyền vi của Tiên Phật, khẩu truyền tâm thọ, để cốt xác phi thăng, siêu phàm nhập thánh. Có câu: Thiên đắc nhứt: thanh, Địa đắc nhứt: ninh,*

¹⁴⁸ Đắc nhứt vạn sự tất

Nhơn đấc nhứt: thành. Trời đặng Một ấy mà khinh thanh. Đấc đặng Một ấy mà bền vững. Người đặng Một ấy mà trường tồn.”

Cái phép kín nhiệm huyền vi để siêu phàm nhập thánh thoát kiếp luân hồi muốn thọ được người tu hành phải bước lên hàng Thiên đạo đại thừa trường trai tuyệt dục, tuân nghiêm giới luật, vừa tu khổ hạnh vừa lập đức bồi công, thực hành tam công (công quả, công trình và công phu) cho đầy đủ. Thường là hàng nguyên căn, căn trí sâu dày, đại hùng đại lực, quyết tâm cầu tu giải thoát, thệ nguyện bất thối chuyển cho đến ngày công viên quả mãn đắc Đạo. Đó là cơ tuyển lọc chọn Thánh phân phàm của Thầy cho đời Thượng Ngươn Thánh Đức trong tương lai.

2. Định nghĩa theo Đạo Đức Kinh

Trong Đạo Đức Kinh của Đức Lão Tử, chương 39 cũng có giải về hai chữ Đấc Nhứt như sau:

*“Tích chi đấc nhứt giả: thiên đấc nhứt dĩ thanh, địa đấc nhứt dĩ ninh, **thần đấc nhứt dĩ linh**, cốc đấc nhứt dĩ doanh, vạn vật đấc nhứt dĩ sinh, hầu vương đấc nhứt dĩ vi thiên hạ trình...”*

Ông Nguyễn Duy Cần dịch: *“Đây là những vật xưa kia được Đạo¹⁴⁹. Trời được Đạo mà trong, Đất được Đạo mà yên, Thần được Đạo mà linh. Khe ngòi được Đạo mà đầy, vạn vật được Đạo mà sinh, vua chúa được Đạo mà làm chuẩn tắc cho thiên hạ. Những cái đó đều nhờ Đạo mà được vậy.”*

¹⁴⁹ Ông dịch chữ Nhứt là Đạo, là có lý, đó là danh từ tạm mượn vì không có ngôn từ nào diễn tả được cái nguyên lý duy nhứt tuyệt đối đó.

Ông Huỳnh Kim Quang ở California (Mỹ) có dịch trong cuốn sách “Đức Đạo Kinh” của ông xuất bản năm 1994, ông dịch hai chữ Đắc Nhứt là nhứt thể, đoạn ấy như sau:

*“Từ ngàn xưa muôn vật vốn hàm ngụ **Nhứt Thể**.
 Trời do đạt được Nhứt Thể mà trong xanh.
 Đất do đạt được Nhứt Thể mà yên lành.
 Thần do đạt được Nhứt Thể mà linh hiển
 Hang động do đạt được Nhứt Thể mà đầy,
 Vua, quan do đạt được Nhứt Thể mà ổn định được
 thể nước, lòng dân.
 Cùng kỳ lý, điều ấy có nghĩa rằng:
 Trời nếu không trong xanh, e rằng sẽ băng hoại.
 Đất nếu không yên lành, e rằng sẽ chấn động.
 Thần nếu không linh hiển, e rằng sẽ mất năng lực.
 Hang động nếu không đầy, e rằng sẽ khô cạn.
 Vua quan nếu không cao quý, e rằng sẽ sụp đổ.”*

Chính vì vậy, quý phái lấy bản tiện làm nguồn cội, cao sang lấy thấp hèn làm cơ bản.

Vì vậy Thánh nhân không muốn long lanh như ngọc, chỉ muốn được như đá sỏi.

Cho nên các vị minh vương đời xưa thường tự xưng mình là quả đứ, quả nhân để tỏ vẻ hạ mình làm gương cho dân chúng.

3. Định nghĩa theo Thánh huấn của Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ

Về hai chữ Đắc Nhứt, chúng ta rất hữu phước được Đức Chí Tôn Thượng Đế dạy rất rõ ràng, dễ hiểu, đầy đủ tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý ngày rằm tháng 3 Tân Hợi (10-4-1971):

Đây là điều quan trọng nhứt, chúng ta cần tịnh tâm lắng nghe Thầy dạy:

*“Trong thế tam tài, **Trời mà đặng Một** thì đàng Đạo yên ổn trong lành, soi sáng nuôi dưỡng muôn loài vạn vật không giây phút nào ngừng nghỉ, từ thí chí chung. **Đất khi đặng Một**, thì vạn vật mới sinh tồn nhờ bởi sự ổn định luôn luôn. Nếu không ổn định bình yên thì con người, thì vạn loại bị sự tiêu diệt bởi sụp đổ nghiêng chình. Còn hơn, tức **con người đặng Một**, thì con người trở nên thông suốt sáng láng, hiểu được mọi sự mọi vật từ gần tới xa, từ việc đã qua tới việc sẽ đến. Đối với người thì gây được tình thương, tạo được thế giới thanh bình thanh trị. Đại để là như vậy.*

(...)

*Còn Thầy khai Đạo, muốn cho các con đắc Nhứt, chẳng những về phương diện **hữu thể** mà thôi, mà cả về phương diện **siêu thể tinh thần** là phần chính yếu vậy.”*

Hữu thể thuộc về vật chất hữu hình, còn siêu thể thuộc về tinh thần vô vi huyền nhiệm, tuy không thấy, không sờ đụng được, mà là chơn không diệu hữu, trường tồn vĩnh cửu. Ví như xác phàm này là vật chất hữu hình, hữu hoại; còn linh hồn là điểm linh quang của Thượng Đế bất tiêu bất diệt tối linh hiển hích. Vì Thầy là hư vô chi khí, muốn hiệp nhứt với Thầy thì con người phải tu luyện sao cho tam bửu, tinh khí thần nơi người (nhơn thân) hiệp thành một khí thuần thành hườn hư đồng khí thể với Thầy mới huyền đồng được. Thầy đã khẳng

định là muốn được trở về hiệp nhứt cùng Thầy thì phải tu luyện làm sao cho có được nhị xác thân thiêng liêng để linh hồn khi lia xác nương theo đó mà phản bôn huòn nguyên về với Thầy. Ngay từ ngày mới khai Đạo trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Thầy dùng chữ perisprit của Thần Linh học để ám chỉ cái xác thân thiêng liêng đó.

Thầy muốn chúng ta Đắc Nhứt về phương diện siêu thể tinh thần là phần chánh yếu, tức là luyện sao cho được kim thân Thánh thể hư vô tinh khiết mới trở về hiệp nhứt được cùng Thầy. Thầy đã xác nhận: Thầy là hư vô chi khí, nếu không có hư vô chi khí thì không có Thầy. Nếu không có Thầy thì không có chi trong càn khôn thế giới này. Nhị xác thân chỉ là một khí thể đồng nhứt với khí thể của Thầy.

Muốn hiệp nhứt được với Đức Chí Tôn Thượng Đế phải có chìa khóa mở cửa Đạo, hiệp được với Đạo, tức hiệp với Thầy. Chiếc chìa khóa đó là cái pháp độc nhứt vô nhị, bí nhiệm huyền vi của Tiên Phật chỉ khẩu truyền để cởi xác phi thăng xuất phàm nhập thánh theo lời giải thích của Đức Linh Bửu Thiên Tôn trong kinh Đại Thừa Chơn Giáo.

Nhưng muốn được cái chìa khóa đó, Thầy dạy chúng ta:

“Các con ! Trước khi các con gọi rằng được Một, thì các con đã được nhiều lắm rồi. Được nhiều đến nỗi các con không làm sao chứa đựng hết, khiến cho lòng con luôn luôn bận rộn, khiến cho trí não các con luôn luôn căng đầy, khiến cho thân thể các con triền miên gian khổ. (...)

Đắc Nhứt không có nghĩa là con chỉ tôn thờ một tôn giáo, một lý tưởng cao đẹp nào đó. Đắc Nhứt không có nghĩa là các con chỉ dự một nhiệm vụ làm cho tới ngày cởi bỏ xác phàm.

Đắc Nhứt cũng không phải các con chỉ có một lòng một dạ yêu Thầy mến Đạo, tỏ ra rất thuần thành. Nếu các con xét thấy mình chỉ được ngần ấy thì chưa đủ được Đạo hay Đắc Nhứt đó con. Vì nếu con cứ một lòng bảo vệ tôn chỉ, lý tưởng của mình cho tới cùng, không một trở lực nào ngăn cản, nếu bị kẻ khác xâm phạm danh dự hay quyền lợi thì tỏ thái độ đối kháng, ấy là chưa được Đắc Nhứt quá lắm vậy!”¹⁵⁰

Kính bạch Đại Từ Phụ, như vậy chúng con phải làm sao mới được Đắc Nhứt theo Thánh Ý? Và Đức Chí Tôn đáp lại: “... Thế thì các con cũng cứ giữ một lập trường, một tôn chỉ, một con đường đã chọn đi! Các con cứ nhứt tâm vì Thầy vì Đạo đi, các con cứ một việc làm mà hằng tiến đi. Và trên những con đường, những phương hướng ấy mà các con làm, vì Đạo không vụ ở lợi cho mình. Hễ đi tới là quay về trước mặt, không ngoái lại mà tiếc rẻ những việc chung quanh, tức là các con mạnh dạn cõi bỏ những phàm tánh, vọng ý còn đeo đẳng lòng con, mặc dầu phàm tánh vọng ý ấy chỉ dùng cho sự luyện Đạo thành Tiên tác Phật. Vì những thứ ấy là những lượn ba đào trên mặt trùng dương biển cả. Nếu biển cả cứ nổi dậy những sóng to dòn dập, thì nó sẽ ở vào trạng thái đa diện, không còn nhứt diện phẳng lì nữa. Khi lòng con như lượn sóng luôn luôn khơi dậy, thì khi ấy chưa được sự Đắc Nhứt.”¹⁵¹

Nghiên cứu lời dạy của Thầy ở trên, chúng tôi hiểu muốn được tâm Đắc Nhứt, chúng ta phải mạnh dạn cõi bỏ dứt khoát những phàm tánh vọng ý còn đeo đẳng nơi lòng, tức là **phải sạch lòng trống không**, vô niệm vô dục, triệt phá tất cả những gì còn vướng bận tâm tư, không còn chấp nhen, chấp ngã, chấp

¹⁵⁰ CQPTGLĐĐ, 15-3 Tân Hợi, 10-4-1971.

¹⁵¹ CQPTGLĐĐ, 15-3 Tân Hợi, 10-4-1971.

danh, chấp đạo, chấp pháp như theo lời khuyên của Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn trong một khóa tịnh.

4. Muốn đặc nhứt tâm phải tham thiền

Muôn Đặc Nhứt hay phối Thiên hay hiệp nhứt với Thầy phải luyện cho được cái **Tâm Đặc Nhứt**.

*“Đặc Nhứt Tâm rồi thế mới yên,
Muốn tâm Đặc Nhứt phải tham thiền;
Tham thiền tâm sẽ hòa muôn vật,
Hòa ấy làm nên Đạo phối Thiên.”*¹⁵²

Như vậy, muốn Tâm đặc nhứt phải tham thiền. Tham thiền thì phải quán xét nội tâm để diệt trừ vọng niệm để cho tâm thanh tịnh lặng lẽ thấy được chơn như bản tánh. Tham thiền bằng phương pháp diệt tam tâm, trừ tứ tướng mà Đức Quan Thế Âm Bồ Tát và các Đấng đã từng khuyên người chơn tu phải thực hành để đạt được tâm chơn không hay tâm hư mới hội nhập được cùng với khí hư vô của Thầy và hiệp nhứt với Thầy vì Thầy là hư vô chi khí. Tham thiền cho diệt được ba tâm: quá khứ tâm dứt bỏ mọi niệm lự, hiện tại tâm không có nghĩ gì cả, tương lai tâm đừng vọng tưởng, để có được tâm không hay tâm chơn như đồng thể với tâm Phật, tâm Trời. Nên Thầy có dạy trong Đại Thừa Chơn Giáo:

*“Thầy truyền có một chữ Không,
Chữ Không làm đặng lục thông chứng thành.”*

¹⁵² Đức Lý Giáo Tông, CQPTGLĐĐ, 15-7 Ất Mão, 21-8-1975.

Còn trừ tứ tướng: ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, và thọ giả tướng để tâm không còn vướng mắc với bản ngã ích kỷ, độc tôn, không còn sân si, mừng vui giận hờn, thương ghét để đạt được thuần chơn vô ngã. Cốt yếu là diệt cho được thất tình lục dục mới đạt được tâm hư tức tâm không, tâm đặc nhưt, tâm chơn như.

*“Các hàng giáo chủ cũng do tâm đặc nhưt mà thành Tiên tác Phật! Nhưt là cực của Vô cực, là đại bản thể, là Chơn Như. Người học Đạo chỗ tâm truyền là đó. Ngàn kinh muôn điển đạo thơ cũng nhắm vào đó.”*¹⁵³

Như vậy, muốn tâm đặc nhưt phải tham thiền. Mà tham thiền cốt yếu là giữ tâm cho được yên lặng, thanh tịnh mới thân giao cách cảm với Thượng Đế. Hãy nghe Thầy dạy:

*“Con ôi! Sự yên lặng để Thân giao cách cảm, để các con tìm thấy con trong Thầy và Thầy hằng ngự trị với đức hiếu sinh trong vạn vật. Yên lặng tức là quán triệt tất cả những cái gì mà trần gian không nói được, không sờ mó được, không nghe thấy được. Yên lặng để tìm thấy cương vị của các con trong sứ mạng to tát giữa thời Phổ Độ Kỳ Tam. (...) Yên lặng để điều ngự khỏi truân chuyên. Yên lặng để chuyển phong ba trở thành bình địa. Sự yên lặng rất cần dùng ấy, con phải biết giá trị của phút giây yên lặng đó.”*¹⁵⁴

Xin kết luận với hai đoạn Thánh giáo dạy về hai chữ Đặc Nhưt của Đức Lý Đại Tiên Trưởng và Đức Đông Phương Lão Tổ:

1. Đức Lý Giáo Tông dạy: *“Lời xưa có nói: Đặc Nhưt vạn*

¹⁵³ Đức Đông Phương Lão Tổ, CQPTGLĐĐ, 15-6 Bính Thìn, 11-7-1976.

¹⁵⁴ CQPTGLĐĐ, 30-12 Nhâm Tý, 02-02-1973.

sự tất. Nghĩa là được một sẽ được tất cả. Một là chi? - Một là Đạo. Đạo bao gồm hàm súc cả quá khứ hiện tại và vị lai của sự lý trong cõi đời. Thiếu Đạo là thiếu Một. Một đã bỏ mất, thì dầu có bao nhiêu cũng là mộng ảo, không cội, không nguồn. Trên năm mươi năm dạy dỗ, Thánh ngôn Thánh giáo rất nhiều, chung qui cũng nhằm dạy lẽ Một đó mà thôi.”¹⁵⁵

2. Đức Đông Phương Lão Tổ dạy bổ túc về pháp môn: “Pháp môn vô lượng. Tuy nhiên muôn pháp đều không ngoài một lý âm dương. Âm dương hiệp nhất là chứng đạo. Dầu mọi pháp môn, khí công luyện hình, công phu tuyệt kỹ, cũng đều do chỗ Một đó mà thành. Nên gọi là Đạo chỉ có Một. Nếu còn nghĩ có hai ắt không phải là chánh đạo. Thế nên muốn cầu Đạo phải cầu tâm. Có tâm mới có một hai, chánh tà, thiện ác. Còn Đạo thì bàng bạc hư vô. Phải dụng tâm chuyên nhất mới hiểu được Đạo, vận hành đúng Đạo và đạt đến chỗ vô dục, vô niệm để bảo trung thủ nhất, qui trung quán nhất, mà thể nhập Huyền khung. Dầu xưa hay nay, các hàng Giáo Tổ, các bậc chơn tu cũng do con đường đó mà đạt Đạo.”¹⁵⁶

Đức Diêu Trì Kim Mẫu cũng đã xác định lời dạy của nhị vị Tôn Sư:

“Con hỡi đường nào đạt đạo cơ?¹⁵⁷

Chỉ đường **Trung Nhất** phục nguyên sơ;

Ngàn xưa Giáo Tổ đều do đó,

Chứng quả độ đời tỉnh giấc mơ.”¹⁵⁸

¹⁵⁵ CQPTGLĐĐ, 25-02 Kỷ Mùi, 22-3-1979.

¹⁵⁶ CQPTGLĐĐ, 13-5 Tân Dậu, 14-6-1981.

¹⁵⁷ Cái máy bí nhiệm để tu luyện tạo Tiên tác Phật.

¹⁵⁸ CQPTGLĐĐ, 15-4 Kỷ Mùi, 10-5-1979.

Các hàng Giáo Tổ của Tam Giáo (Nho, Lão, Thích) đều thực hành triệt để đường Trung Nhứt đó mà đắc đạo, đắc nhứt thành Tiên Phật để độ đời.

Đức Khổng Tử dạy chấp trung quán nhứt.

Đức Lão Tử dạy thủ trung đắc nhứt.

Đức Thích Ca dạy bảo trung qui nhứt.

Đó là con đường duy nhứt để phối Thiên, tịch diệt niết bàn hay vào Bạch Ngọc Kinh của Thầy.

Nếu chẳng **chấp trung**, chẳng **quán nhứt**, thì làm sao nên Thánh được như Khổng Tử. Nếu chẳng **thủ trung**, chẳng **đắc nhứt**, thì làm sao mà thông huyền như Lão Tử? Nếu chẳng **bảo trung**, **chẳng qui nhứt** thì làm sao thiên quán được để thành Như Lai? Nên Đức Diêu Trì Kim Mẫu bảo rằng chỉ có con đường trung nhứt mới phục nguyên sơ trở về nguồn cội.

Đức Ngô Đại Tiên có khẳng định trong một Thánh giáo rằng không có vị Phật Tiên nào không chứng minh được kết quả công phu hiện tiền của mình mà thành Đạo cả. Chính Đức Đại Từ Phụ cũng phán quyết rằng dầu cho một vị Đại La Thiên Đế giáng phàm mà không tu luyện cũng khó trở về ngôi xưa vị cũ.



ÔN LẠI NHỮNG LỜI DẠY CỐT YẾU CỦA ĐỨC ĐIỀU TRÌ KIM MẪU

Nhơn lễ Trung Thu Hội Yến Bàn Đào, chúng tôi thành kính ôn lại những lời dạy cốt yếu của Đức Từ Mẫu để rèn lòng tu học hành đạo cho xứng đáng là những đứa con yêu dấu của Đức Mẹ.

1. Mẹ không ngự trên đài cao hoang vắng tình thương

“Con ôi! Vô Cực Từ Tôn không ngự trên đài cao hoang vắng tình thương, mặc dầu nó đầy đủ vẻ vàng son rực rỡ. Ở đâu có ấu nhi đau khổ là có Mẹ. Ở đâu có liễu bỏ bất hạnh là có Mẹ. Nếu các con làm được những việc đó là Mẹ đã ngự trong tâm hằng cứu rỗi đó con. Mẹ không nắm quyền sanh phạt các con. Ngược lại, Mẹ nắm phân cứu rỗi. Cho nên, thương là Mẹ, yêu là Mẹ, tha thứ sinh dưỡng bảo tồn, tất cả đều là Mẹ. Các con có nghĩ đến lòng Từ Mẫu chăng?”

*Lòng Từ Mẫu vô cùng vô tận,
Đức Từ Tôn khó nhận khôn lường;
Không lãnh vực, không biên cương,
Bao trùm vũ trụ tình thương vạn loài.”¹⁵⁹*

2. Sứ mạng của người tín đồ Đại Đạo, con của Thầy Mẹ

“Các con may được diễm phúc sanh làm người, đã là con của Thầy Mẹ, tín đồ của Đại Đạo, Thiên sứ của Nhơn sanh, thế

¹⁵⁹Thánh thất Bình Hòa, 15-8 Đinh Mùi, 18-9-1967.

nên các con cần nhận thức rõ rệt sứ mạng của mình. Các con muốn tự cứu, cứu đời ư? Các con muốn lập nhiều công đức với non sanh hầu sớm trở về dâng lên Thầy Mẹ ư?... ”

Tiếp theo, Mẹ dạy chúng ta đừng đánh rơi hạnh phúc thực tại là lo cho chúng sanh:

“... Các con lo cho đời, cho chúng sanh, nhân quần, xã hội, đem lại nguồn an ủi tinh thần cho họ, đem lại sự cơm no, áo ấm, nhà ở, trường học, bệnh viện, v.v... Đó là nguồn hạnh phúc cho họ, mà chính là hạnh phúc của các con đó, vẫn vĩnh cửu trường tồn, mưa không lụt, nắng không phai, trộm không cắp, cướp không giật, lửa không cháy, phong ba bão táp không hề hấn gì. Vậy đó các con. Nếu các con đánh rơi hạnh phúc thực tại đó tức là chính đời con sẽ sống trong toàn là những cơ hồ giả dối, tạm bợ, sa đọa, luân hồi.”¹⁶⁰

Các Đấng Thiêng Liêng cũng thường khuyên chúng ta làm âm chất giúp đời, trợ khó, giúp nghèo là bỏ tiền tiết kiệm trên nhà băng thượng giới không bị mất mát mà còn lời nhiều. Tuy nhiên, đôi với người thực hành công quả, âm chất thực sự có giá trị vô vi, khi vô công, vô danh, vô ngã, chính nghĩa là tự cứu mình trước.

3. Hãy thử kiểm điểm lại việc hành đạo của mình có đúng 3 tiêu đề công bình, bác ái, từ bi hay không?

Đừng khinh lờn dễ dãi vì Đức Mẹ đã bảo ba điểm đó là sơ khởi người mới giữ Đạo phải tập làm cho được.

¹⁶⁰ Huỳnh Quang Sắc, 04-01 Ất Ty, 05-02-1965.

Đức Mẹ căn dặn:

*“Đạo khai để cứu đời, chứ không phải làm nhặng cho đời, mà cứu bằng cách nào vậy hỡi các con? Chính các con phải tự cứu mình trước rồi mới có phương tiện và điều kiện cứu kẻ khác. **Tự cứu mình như thế nào đó các con?** Trước hết phải thành thật với lòng mình, **tự đóng khung mình** trong kỷ luật Đạo, gột rửa hết những tánh ích kỷ, xấu xa, ý nghĩ đen tối, tánh nét ganh hiên ghét ngỗ, tập lần đức bác ái vị tha, tinh thần phục thiện, thực hiện được đường lối **công bình, bác ái, từ bi**. Ba điểm đó là sơ khởi, người mới giữ Đạo phải tập làm cho được.”*

161

Rồi Đức Mẹ giảng giải rõ:

*“**Từ bi** là mình phải bắt nẫn thương tâm trước những sự đau khổ nhục nhã của kẻ khác, cốt làm sao giác ngộ và tạo mọi hoàn cảnh để giúp kẻ khổ sớm thoát ra vòng tội lỗi đen tối.*

***Bác ái** là xót thương tất cả, chẳng những Nhơn loài, mà thương luôn đến loài thú cầm, thảo mộc, bò bay máy cưa. Tha thứ những kẻ có lỗi với mình để cảm hóa họ lại gần mình hầu hướng dẫn họ lần vào đường tu hành chánh đạo. Từ bi, bác ái, khi con làm được xong, cũng phải nhớ đến công bình.(...)*

*Mình muốn Trời Phật, Thánh Thần hộ độ khoan dung dịu dặt mình tai qua nạn khỏi, sớm ngộ Đạo, thì mình cũng phải hộ độ dịu dặt những kẻ khác và khoan dung công bình với kẻ khác, dẫu kẻ đó là người nghịch, cũng phải tạo cho được lòng thương đối với họ. Chính trong chữ tự tu, tự cứu, **các con phải làm***

¹⁶¹ Hườn Cung Đàn, 29-8 Ất Ty, 24-9-1965.

*được những điều sơ đẳng đó rồi mới nói những việc khác.
(...)*

Khuyên người làm từ bi, bác ái, công bình mà chính mình không làm được, thì sự khuyên đó không đem lại kết quả gì hết!”¹⁶²

Thế nên các Đấng Thiêng Liêng thường dạy phải thuyết và hành đi đôi, phải chính mình làm gương mẫu để người đời trông thấy mới tin tưởng nơi người tu hành chơn chánh thì mới được người đời.

Thực hiện được ba đức tánh từ bi, bác ái, công bình thì chúng ta thực hành được pháp môn tu hành **Tam công** là công quả, công trình và công phu của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đức Mẹ đã minh xác như vậy.

4. Đức Mẹ dạy về Đạo pháp

*“Này các con! **Đạo** không ở ngoài thân con mà **Pháp** là phương tiện. Con hiểu được Đạo, hành được Đạo, là thị hiện được Pháp. Khi Pháp hiển dương, tất nhiên con đủ quyền năng giúp đời độ chúng. Con ôi! Tu học mà không thoát được vòng mê chấp thì sớm muộn gì cũng sa vào chốn mê đồ. Các con muốn hoàn toàn giác ngộ để thâm nhập nghĩa lý siêu mầu của Đạo pháp thì đừng bao giờ quên những món báu là: từ hòa, khiêm tốn, bác ái, khoan dung, nhẫn nại, trì thủ và hy sinh mọi cái tư hữu của chính con. Bao nhiêu đó con hòa được với cảnh, hòa được với nhơn tâm, tự khắc sẽ hòa với Thiên lý. Bao nhiêu đó con sẽ thấy con không còn nhơn, còn ngã, còn kỹ, còn cầu.*

¹⁶² Huồn Cung Đàn, 29-8 Ất Ty, 24-9-1965.

Nếu không nhọn ngã, vô kỹ, vô cầu là con thực hiện đúng đạo lý, đúng chánh pháp Đại Đạo vậy."¹⁶³

Đó chính là **Luyện kỹ**. Theo đơn thư, muốn luyện đơn trước phải cần luyện kỹ, là phải diệt phàm tâm tục tánh, tuyệt trừ thói hư tật xấu biếng lười. Thánh xưa đã dạy: “Luyện kỹ tối nan, còn luyện đơn thậm dị”, nghĩa là luyện đơn rất dễ còn luyện kỹ, luyện phàm tâm trở thành Thánh tâm rất khó khăn. 70 % luyện kỹ, còn 30 % luyện đơn.

Đức Từ Tôn dạy rất nhiều và hỏi chúng ta:

*“Từ thử dạy khuyên đã quá nhiều,
Hỏi con còn nhớ được bao nhiêu?”* ¹⁶⁴

Hôm nay, chúng ta nhớ được bao nhiêu điều cốt yếu, xin ôn lại nằm lòng và cố gắng thực hành để vừa làm vui lòng Từ Mẫu, vừa tự cứu lấy mình.

Xin ghi lại lời dạy quý báu này để tu học hằng ngày:

*“Các con cố gắng kiên trì tu thân, lập đức hành đạo giúp đời, thành không kiêu, vấp không nản, **chuyên nhứt** hướng thượng thanh cao **tinh ròng, ngày đêm không xao lãng**. Hay không tự mãn, dở chẳng tự ti, **cố gắng không ngừng**, mưu cầu lợi chúng ích dân. Phật Tiên đấng Đạo cũng thế. Thánh Hiền được hiển cũng thế. Người trước viên thành cũng thế. Kẻ sau đắc quả chắc rồi cũng thế.*

¹⁶³ Vĩnh Nguyên Tự, 11-11 Bính Thìn, 31-12-1976.

¹⁶⁴ Huồn Cung Đàn, 29-8 Ất Ty, 24-9-1965.

Phật Tiên rọi đuốc chỉ đường, đạt đến cùng không đều do con trẻ. Hãy nhìn ở thân, đừng nhìn ở ngoài. Có ăn mới no, có ngủ mới khỏe, có tu mới đắc, có hành mới thành. Lý tuy đơn giản, nhưng muôn đời, đời vẫn tưng.”¹⁶⁵ ■

¹⁶⁵ Thánh thất Bình Hòa, 15-8 Giáp Dần, 30-9-1974.

Phần 3

Bài viết về các đảng Thiên liêng

- TƯỞNG NIỆM ĐỨC NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ
NGÀY MỪNG 9 THÁNG GIÊNG
- ÔN TẬP THÁNH GIÁO CỦA ĐỨC LÝ GIÁO TÔNG
- PHƯƠNG PHÁP TU THÂN THEO ĐỨC QUÁN THỂ
ÂM BỒ TÁT
- THẦY MONG CON BIẾT THẦY HIÊU ĐẠO

TƯỜNG NIỆM ĐỨC NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ NGÀY MỪNG 9 THÁNG GIÊNG

Đức Chí Tôn Thượng Đế giáng trần mở Đạo vạch cho nhơn sanh hai con đường: một là để phán bản hoàn nguyên trở về cõi trường tồn chánh giác, tức là Bạch Ngọc Kinh nơi Thầy ngự, mà đạo Phật gọi là niết bàn cực lạc; hai là, nếu không sớm được trở về với Thầy, thì cũng sẽ được hưởng đời Thượng nguon Thánh đức hạnh phúc an lạc thái bình để tiếp tục tu hành đến ngày công viên quả mãn. Thầy đã hứa sẽ lập ở thế gian này một cõi đời Thượng Nguon Thánh đức sau Hội Long Hoa tức là ngày phán đoán đại đồng nhơn loại theo Kitô giáo.

Chúng ta hãy bình tâm lắng nghe lời dạy đầy sự thương yêu hòa dịu của Đức Từ Phụ trong đàn cơ ngày mừng 01 tháng Giêng Ất Tỵ (02-02-1965) tại Nam Thành Thánh Thất:

"Hôm nay Thầy đến với các con để vỗ về an ủi, cùng chan rưới điển lành cho các con, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, lớn bé, nguyên nhân cùng hóa nhân, để các con hấp thu linh điển đó mà bình tâm sáng suốt, chọn một con đường đi, khỏi lo chông gai hiểm trở. Đó là con đường Đạo.

Tự giác, giác tha, bác ái, khoan dung, vậy thì nơi đây, các con hãy trút tất cả những tâm tư, những buồn tủi, những giận hờn, những đau khổ, để Thầy an ủi, vỗ về, xoa dịu nỗi tâm tư.

Lòng Tạo Hóa từ bi bao trùm vạn vật, mở lượng khoan dung, dang tay từ ái, đón rước tất cả sanh linh, đưa phải, đưa trái cũng là con cái của Thầy."

Có đứa con nào có lòng hiếu thảo, có dạ thương Thầy mến Đạo mà không xúc cảm trước những lời dịu dàng từ ái chứa đầy sự khoan dung, tha thứ, truyền cảm sâu sắc của một Đấng Cha lành, nhứt là vị đó là Đấng Chúa tể càn khôn vũ trụ vạn vật, Đấng Đại Từ Phụ của Nhơn loại lại còn tự xưng mình là Thầy các con một cách thân mật để dìu dắt, an ủi, vỗ về, dạy dỗ cho nên Người không khác nào một người Cha ở thế gian.

Ngoài ra, chúng ta rất diễm phúc được chính mình Thầy xác nhận mượn đất Việt Nam để mở Đạo Kỳ Ba và ban ân huệ cho chúng ta được thái bình, âu ca lạc nghiệp bằng việc lập đời Thượng nguyên Thánh đức, một tiểu Niết Bàn tại thế, trong bài thi năm Bính Dần khai Đạo 1926:

*"Hảo nam Bang! Hảo Nam Bang!
Tiểu Quốc tảo khai hội Niết Bàn;
Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo,
Hảo phùng Thượng Đế ngự trần gian.
Thi ân tế chúng thiên tai tận,
Nhược thiệt nhược hư vạn đại an;
Chí bửu nhân sanh vô giá định,
Năng tri giác thế sắc cao ban." ¹⁶⁶*

Ngày rằm tháng Giêng năm Bính Ngọ (04-02-1966), Thầy xác minh một lần nữa tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý:

¹⁶⁶ Thi văn dạy Đạo, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1.

“Chính mình Thầy đến chốn Nam Bang,
 Mượn đất đem gieo mỗi Đạo vàng;
 Tưới nước vun phân Nho, Thích, Lão,
 Nâng cành sửa lá Pháp hòa Tăng.
 Muôn dân cộng hưởng trong màu sắc,
 Một nước âu ca vạn nẻo đàng;
 Biết phận thì con lo vẹn phận,
 Chờ khi tái tạo cõi dinh hoàn.”

Chúng ta có thể hiểu như vậy: Chính đích thân Thầy Thượng Đế đến trần gian nước Việt Nam này để gieo mỗi Đạo vàng và tưới nước vun phân Tam giáo Nho, Thích, Lão tức là làm sống lại, làm tươi sáng lại, và chấn hưng chơn truyền của Tam giáo vì lâu đời và bị phạm tâm canh cải làm thất lạc chơn truyền của các Đấng Giáo chủ đã thay mặt Thầy truyền Đạo hướng dân vi thiện vào Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ. Nên Thầy chủ trương qui Tam giáo đem trở về nguồn gốc thuần nhứt mà căn bản duy nhứt là Đại Đạo, là Thượng Đế, là Thầy.

Trong đàn cơ tại Minh Đức Đàn, ngày mùng 10 tháng 7 Ất Tỵ (06-8-1965), Thầy lặp lại lời dạy:

“Các con rất diễm phúc mà được gặp đích thân Thầy đến mở Đạo tại góc đất Việt Nam này, đem chánh pháp phổ truyền, đem lòng từ bi ân xá, để các con nào sớm giác ngộ cùng giác tha những kẻ còn đứng ngoài vòng đạo giáo trở về mái nhà lương thiện, cùng nhau hấp thụ điển lành cùng đạo lý, để làm động lực thúc đẩy bản thân, thi hành công đức, phổ độ chúng sanh được thuần lương thiện mỹ, hầu tái lập đời thương nguồn thánh đức.”

Như vậy, bốn phận mỗi môn sanh của Đức Cao Đài Thượng Đế là phải vừa luyện kỹ tu thân và hành đạo, bồi công lập đức song hành tự giác hay tự độ cùng giác tha hay độ tha nhân, tức phổ độ chúng sanh, hoàn thành sứ mạng song song mới mong trở về cõi trường tồn chánh giác hoặc hưởng đời Thượng nguơn Thánh đức.

Đời Thượng nguơn Thánh đức ví như đời vua Nghiêu Thuấn thuở xưa bên Trung Hoa, nhân dân được sống trong cảnh thái bình, an cư lạc nghiệp, hạnh phúc, nhà nhà khỏi đóng cửa then gài, cửa rơi không sợ trộm cắp vì con người còn thiện lương thuần hậu, chất phác, không tranh lợi quyền lấn đất, không tham lam ích kỷ, biết thương yêu nhau như huynh đệ một nhà, dìu dắt giúp đỡ lẫn nhau trong cảnh thái bình an lạc.

Nhơn ngày Vía của Đức Chí Tôn Thượng Đế, chúng ta cũng nên nhắc lại lời đại nguyện thiết tha của Thầy để thương Thầy càng nhiều, chúng ta cố gắng làm đúng theo lời Thầy dạy vừa nêu trên cho xứng đáng là đứa con hiếu thảo, biết thương Thầy trọng Đạo. Ngay từ buổi đầu khai Đạo, trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyên, Quyển 1, Thầy đã dạy rõ:

"Mỗi phen Thầy đến lập đạo thì là phải cam đoan và lãnh các con chẳng khác nào kẻ nghèo lãnh nợ. Các con làm tội lỗi bao nhiêu, oan nghiệp bấy nhiêu Thầy đều lãnh hết. Các con đặng thông dong rồi rảnh chẳng lo tu đức mà sửa mình, lại còn cả gan trước mặt Thần Thánh Tiên Phật, gây thêm tội lỗi nữa, thiệt là đáng giận." ¹⁶⁷

Và ai mà không động lòng khi nghe Thầy than:

¹⁶⁷ Thánh Ngôn Hiệp Tuyên, Quyển 1, đàn 27-4 Đinh Mão, 27-5-1927.

*"Cao Đài tá thế đến phàm gian,
 Bạch Ngọc Huỳnh Kim cũng chẳng màng;
 Chùi lụy đòi phen xem quá tục,
 Nghĩ không đổ lụy phải cười khan.
 Cười khan mà khóc bởi thương bầy,
 Chẳng mất một con, nghiệt cả bầy;
 Biết phận Già không chờ chống gậy,
 Nương theo con dại mới ra vầy." 168*

Chúng ta đều thấm thía xót thương Thầy vô cùng khi nghe những lời than thở thiết yếu của một Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ vì từ bi thương xót con cái mà đoan thệ với chư Phật Thánh Tiên, trong khi Thầy là Chúa tể vạn linh đủ đầy quyền năng thưởng phạt những đứa con nghịch tử phản Thầy, phá Đạo. Thầy đã nói, Thầy là Đấng Chí Tôn chủ trương khai sáng nền Đạo cũng buộc mình cam đoan mà lãnh các con.

Chúng ta lại càng cảm động khi nghe Thầy thổ lộ lòng Từ Phụ thương con cái vô ngần. Thầy đánh thức lương tâm của những đứa con còn lạc lẫm:

"Các con ôi! Thầy lấy đức háo sanh mà dìu dắt các con, chẳng khác nào như kẻ làm cha nâng niu dạy dỗ một trẻ bé, trông mong cho nó mau trưởng thành hầu lưu danh truyền nghiệp cho có tên tuổi với đời."

¹⁶⁸ Thi văn dạy Đạo, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1.

Sau cùng chúng ta hãy chú ý nghe lời Thầy cốt yếu như sau: *“Thầy dạy con, con giác ngộ tâm tu, tu luyện đạo, Thầy mới thể độ ra khỏi chốn âm phủ về nơi cực lạc.”*¹⁶⁹

Như thế Thầy đã minh xác rằng muốn giải thoát luân hồi sanh tử để được về hội hiệp cùng Thầy ở Bạch Ngọc Kinh hay Niết Bàn cực lạc, người tu hành cần phải luyện Đạo tức là công phu, còn công trình và công quả (tam công) là để xây đắp nền tảng vững chắc, trợ giúp phần công phu luyện đạo cho được công viên quả mãn thì mới đắc Đạo, đắc Nhứt, hiệp nhứt với Thầy.

Thầy cũng đã thường nhắc nơi Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và trong Đại Thừa Chơn Giáo rằng: dầu cho bực Đại La Thiên Đế hay Đại Giác Kim Tiên giáng trần mà không luyện đạo cũng không được phục hồi ngôi vị đặng. Không có vị Phật Tiên nào đặng thành mà không qua cửa ải công phu luyện đạo, khá khắc cốt ghi lòng mà giữ vững đức tin nơi Thầy, nơi chánh pháp của Thầy truyền để tu luyện.

Thầy đã từ bi dẫn nẻo chỉ đường, giờ chỉ cần chúng ta phải cương quyết tự lập vị cho mình chớ Thầy không thể bồng ẵm mình được. Thầy đã cho chúng ta hay trước rằng:

*“Thầy đã nói cho các con hay trước rằng: nếu các con không tự lập ở cõi thế này là cái đời tạm của các con, thì Thầy cũng không bồng ẵm các con mà đỡ lên đặng. Ấy vậy cái vấn đề tự lập là vấn đề các con phải lo đó.”*¹⁷⁰

¹⁶⁹ Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 25-9 Bính Tý, 08-11-1936, bài “Đại nguyên của Đức Cao Đài”

¹⁷⁰ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, đàn ngày 15-4-1927.

Với Tam Kỳ Phổ Độ Thầy mở cuộc Đại ân xá và đã xác định: *"Thầy cho một quyền rộng rãi cho cả nhơn loại cần khôn thể giới, nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Thầy đặng."* ¹⁷¹

Vậy chúng ta cũng nên nhớ lời Thầy đã dạy rằng: Mở một mối Đạo chẳng phải là sự thường tình, mà sanh nhằm đời đặng gặp một mối Đạo cũng chẳng phải dễ. Chúng ta nên khắc cốt ghi tâm cố gắng mà tu thân hành đạo và chịu khổ cực công phu luyện đạo nghiêm túc để thoát kiếp luân hồi sanh tử trở về hiệp nhứt cùng Thầy và chư Thánh Tiên Phật, mà muốn luyện đơn trước phải cần luyện kỹ cho thuần thành:

"Các con ơi! Luôn luôn lúc nào và bất cứ ở đâu cũng vậy, các con phải kiểm điểm và tâm niệm rằng mình là người có Đạo, mang một hoài bão cao cả, một lý tưởng cao cả trong sứ mạng thể Thiên hành hóa giáo dân vi thiện, đem Đạo cứu đời. Mình phải nói gì, phải nghĩ gì và phải làm gì để thực hiện cái hoài bão lý tưởng của người sứ mạng đó.

Thầy đã từng dạy các con: Thầy sanh trưởng bảo tồn các con. Thầy đến Việt Nam này mở Đạo dạy dỗ các con, Thầy không đòi hỏi các con để làm những gì đem lại lợi ích riêng tư cho Thầy, Thầy luôn dạy các con phải thực hành đạo lý cho các con cái của Thầy, nghĩa là phải giác ngộ cho nhau, thương yêu dạy dỗ đùm bọc cho nhau, để cùng nhau được sống trong cảnh thái hòa, cùng hưởng hạnh phúc với nhau mãi mãi..." ¹⁷²

¹⁷¹ TNHT, Quyển 1, đàn ngày 15-11 Bính Dần, 19-12-1926.

¹⁷² Thiên Nguyệt Lâm Huyền Châu, 14-7 Kỷ Dậu, 26-8-1969.

Người chơn tu sở dĩ chịu hy sinh không thụ hưởng hạnh phúc về vật chất và chấp nhận mọi kham khổ khảo thí là cốt để cầu tu giải thoát nghiệp lực luân hồi sanh tử mà Đạo pháp là phương tiện. Vậy chúng ta hãy nghe Thầy giải đáp để hiểu rõ Đạo là chi:

“Thượng Đế vị nhân sanh mà khai đạo pháp để con cái của Thầy học hỏi mà hành theo đúng chánh pháp đến ngày công quả viên mãn sẽ trở về hiệp nhứt cùng Thầy. Lúc bấy giờ các con là Thầy, là Phật Tiên Thánh Thần... Đó là đường lối tuyệt đích của Đạo.” (Huấn từ Đức Chí Tôn, tr.15)

Nhắc lại lời Thầy dạy năm xưa như lễ kỷ niệm thoát xác của Đức Ngô Minh Chiêu, Thầy dạy:

*“Thầy và các Phật Tiên Thánh đã từng cho các con biết trước từ trên bốn mươi năm qua rằng: Hoàn cầu vũ trụ sẽ đến như những biến chuyển ngày nay và còn thảm khốc càng ngày càng hơn thế nữa, nên đã hồi thúc, dặn dò kêu gọi các con phải rán lo tu và tu trong chánh đạo, chánh tín, chánh tâm.”*¹⁷³

Giờ nay đã trên 37 năm qua mà hiện tình trên thế giới vẫn còn căng thẳng như chiến tranh đã xảy ra ở Nam Tư, ở Apganistan (Taliban), ở Trung Đông giữa hai dân tộc Palestine và Do Thái, cứ giết qua lại, trả thù lẫn nhau chưa dứt; tình trạng căng thẳng giữa hai cường quốc có vũ khí hạt nhân Ấn Độ và Pakistan...cộng với bao thiên tai bão lụt, hạn hán, núi lửa tái phát, tai nạn trên không dưới biển...chứng minh những lời tiên tri của Ông Trên trước kia đã hiển hiện. Thế nên chúng ta hãy cố

¹⁷³ Cao Đài Hội Thánh (Dương Đông, Phú Quốc), 16-3 Đinh Mùi, 25-4-1967.

gắng lo tu thân hành đạo lập đức càng nhiều hơn nữa với niềm tin vững chắc là:

*“Trên có Đức Chí Tôn dẫn lối
Dưới Phật Tiên, tiền bối hộ trì;
Đệ huynh thuận thảo cùng đi,
Bên con có Mẹ lo gì không nên.”*¹⁷⁴

Và Đức Lý Giáo Tông cũng có khuyên Cơ Quan Phở Thông Giáo Lý chúng ta nên tự thấp đức mà giải quyết mọi đạo sự với trí tuệ tập thể trong tinh thần dân chủ cộng với sự hăng hái hành đạo và công năng đại định thu thập được nhờ công phu thiền định thì không có điều gì khó khăn cả và đừng nên ỷ lại vào tha lực của thiêng liêng.

Huấn từ của Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ dạy từ năm Bính Dần khai Đạo 1926 rất nhiều, chúng tôi chỉ trích một số ít để chúng ta cùng tưởng niệm công đức vô biên và lòng từ bi vô lượng của Đức Từ Phụ như ngày Vía của Thầy và cũng để ôn lại, kiểm điểm lại bước đường tu thân hành đạo đã qua để cùng nguyện với Đức Từ Phụ cố gắng đem hết tâm tư sức lực của mình để thực hiện nghiêm túc Huấn từ của Thầy đã ân ban. Để kết thúc, xin được nhắc lại lời dạy thiết tha của Thầy để chúng ta thương yêu, kính trọng Thầy càng nhiều hơn nữa:

*“Thầy đã đưa tay đến với các con, các con phải đưa tay tới với Thầy. Thầy sẽ dìu dắt các con đến gần Thầy và trở về cùng Thầy. Thầy cùng các con là Một, sống trong lẽ thiên nhiên, trong mùa xuân vĩnh cửu.”*¹⁷⁵

¹⁷⁴ Đức Mẹ Diêu Trì Kim Mẫu, CQPTGLĐĐ, 13-8 Mậu Ngọ, 14-9-1978.

¹⁷⁵ CQPTGLĐĐ, 30-12 Giáp Dần, 10-02-1975.

Nghe những lời thương yêu thiết tha này của Thầy, chúng ta xúc động và sung sướng vô ngần, khiến chúng ta càng thương Thầy vô cùng. Vậy để tạ ơn Thầy, chúng ta đồng cùng nhau thành tâm nguyện với Thầy dưới sự chứng kiến của Phật Tiên Thánh Thần, quyết tâm thực hành nghiêm túc những lời vàng ngọc của Thầy đã ân ban.

*“Thương con dạy dỗ đã bao điều,
Thương mến anh em rón dắt dìu;
Trên vạn nẻo đời còn khốn khổ,
Đó là Thiên sứ, trẻ cung yêu.”¹⁷⁶*

Chúng con xin đội ơn Đại Từ Phụ.

Cầu xin Đức Từ Phụ và Đức Từ Tôn Kim Mẫu ban hồng ân dồi dào cho nhơn sanh tránh khỏi cảnh tương tàn tương sát lẫn nhau như hiện tại đã diễn ra trên thế giới, sớm tái lập đời Thượng nguồn Thánh đức cho nhơn loại đồng chung hưởng cảnh thái bình an lạc. ■

¹⁷⁶ Thiên Nguyệt Lâm Huyền Châu, 14-7 Kỷ Dậu, 26-8-1969.

ÔN TẬP THÁNH GIÁO CỦA ĐỨC LÝ GIÁO TÔNG

1. Về tu học

*“Học mà không tu như đọc thuộc lòng một bản thực đơn mà không thực phẩm, còn tu mà không học ví như người mù đi đêm. Học tu, tu học phải đi đôi.”*¹⁷⁷

2. Năm ví dụ tu hành

Bản Đạo không đưa ra những gì vượt quá tầm vóc của chư đệ muội. Bản Đạo cũng không bảo chư hiền phải noi gương từ đạo của Jésus, Bản Đạo chỉ khuyên chư hiền đệ muội hãy làm đúng lời dạy cũ từ mấy năm qua của Ôn Trên về nội tu và ngoại tu. Những gì đã được ban trao và dạy bảo, chư hiền đệ muội hãy lấy tâm chí thành thực hành cho đến nơi đến chốn sẽ thấy được kết quả, được Trời, được Đạo, được Tâm.

***Ví dụ 1.**- Bảo chư hiền đệ muội phải giữ lòng chuyên nhất, đứng yên một chỗ, gìn một tâm, tu học hành đạo cho nên người chỉ thiện chí mỹ. Nếu để tâm vọng cầu, chạy đây chạy đó, thỏa mãn tính hiếu kỳ, lập trường không vững, thì tránh sao khỏi cái vô thường thấy, vô thường nghe, ắt bị sa vào chỗ tối tăm phé phận, rất uổng một kiếp vi nhân, đắc tội cùng trời đất.*

***Ví dụ 2.**- Bảo chư hiền trải lòng bác ái Thiên Địa chi Tâm, học Đạo Thời Trung mà hành đạo để cho guồng máy đạo được*

¹⁷⁷ Đức Lý Giáo Tông, Ngọc Chiếu Đàn, 05-01 Ất Ty, 06-02-1965.

luân lưu trên dòng đời sâu cạn để thực hiện sứ mạng độ kỳ độ nhân, thì chớ nên phải phá chấp, vượt ngoài nhân ngã. Có như vậy không bị quần ma biến tâm thiên địa thành tâm phàm tục biệt phân, tự đóng khung vào chỗ chật hẹp ích kỷ, tự cột chân bó gối, giải đãi biếng lười, không làm lợi ích gì cho ai, mà chính mình cũng đắc tội cùng trời đất.

Ví dụ 3.- Bảo chớ nên cần nội tâm tu tiến để ngoại thể thuần thành cho nên người đạo đức, hầu bảo trì nhiệm vụ trong tập thể, kính trên nhường dưới, nhẫn nại khoan dung, để tránh bị tà ma xúi giục, biến tâm chơn chánh thành tâm nghiêng ngã, chia nhóm chia phe, phạm giới cấm, bỏ qui điều, dễ khinh quyền pháp Đạo, mới tròn sứ mạng được ban trao, mới xứng đáng là con tin THƯỢNG ĐẾ.

Ví dụ 4.- Bảo chớ nên vào nhập các khóa tịnh, tu luyện thân tâm trong thời hạn vắng hay dài, là vì chớ nên đã giác ngộ và tự nhận sứ mạng vào Thiên Đạo để thực hiện sứ mạng Đại Thừa, để tự giải thoát và giải thoát vạn khổ của thể nhân, thì chớ nên phải có một công phu luyện kỹ thuần thành từ nội tâm đến ngoại thể. Có như vậy sự tu chứng mới thể hiện bên ngoài và thần lực được hiển lộ bên trong. Thần lực là chủ yếu của con người, bị suy vong do bởi tâm niệm lự phóng tán. Thế nên dầu trong thời hạn tịnh dưỡng, tuy chưa được kết quả bao nhiêu nhưng nó cũng có một mục đích, một ý nghĩa. Nếu chớ nên không nhắm vào một mục đích thì công phu khó đạt thành, chớ nên chủ sử dụng hành phóng tâm rồi uể oải bực dọc, không được an ổn trong lúc công phu. Nếu thời hạn ngắn hay dài cũng coi như là bị giam lỏng nào có ích chi đâu.

Ví dụ 5.- Bảo đào tạo thể hệ tiếp nối đạo nghiệp ngày mai phổ thông phổ truyền giáo lý Đại Đạo để xây dựng kỷ nguyên

thánh đức cho thế giới hòa bình, cần khôn an tịnh, ngoài ra không được làm gì khác mục đích đã định.

Đây là năm thí dụ Bản Đạo vừa nêu lên để tóm tắt những lời dạy bảo vừa qua, chư hiền đệ muội đọc lại và cố gắng thực hành." ¹⁷⁸

3. Sống đạo và hành đạo

“Chư đệ muội có biết không, đời mạt pháp người sống đạo là [người có] cuộc sống thung dung, rất căn bản, biết hài hòa cùng nhịp điệu thiên nhiên, biết tùy thời biến hóa trước những đổi thay của từng giai đoạn, ô trược hay thanh cao, loạn hay trị đều là những cuộc thách thức người sống đạo. Tâm đạo có đồng mãnh, Tánh đạo có chói ngời mới không bị vọng động đảo điên dễ dàng trôi bước trên đường sứ mạng thiêng liêng.

Hành đạo là tác năng tự nhiên Thiên Phú cho người sanh cõi trần gian để tiến hóa. Sách nói: “Nhơn chi sơ tánh bản thiện”. Mỗi động tác thuở ấy đều sống theo lẽ đạo. Nếu cứ giữ cái gốc lành ấy mà đơm hoa kết quả thì vấn đề con người không có gì phải nhọc tâm bàn đến.

Người hành đạo là người biết giữ lấy gốc. Có xa rời đi chẳng nữa cũng biết quay trở về. Muôn sai nghìn khác là cảnh giới bên ngoài hữu hình màu sắc. Nếu con người không chóa mắt, không đeo đuổi chụp bắt thì oan khiên nghiệp chướng làm sao có thể vương vấn buộc ràng được.” ¹⁷⁹

¹⁷⁸ CQPTGLĐĐ, 15-02 Nhâm Tuất, 10-3-1982.

¹⁷⁹ CQPTGLĐĐ, 15-02 Tân Dậu, 20-3-1981.

4. Tu Tánh luyện Mạng

“Rồi đây bã nếp sẽ bị phé thải khi chất rượu đã được lọc qua hồ. Những vật vô thường sẽ hư hoại khi bản thể đã kết tinh. Những chướng ngại đau khổ là ngọn lửa nung đốt thêm cho vàng mười đúng tuổi. Con người có tánh mạng. Tánh là Thiên tánh, mạng là Thiên mạng, hai tú khí âm dương tạo thành là bản thể của Thiên địa vạn vật. Nếu biết tu tánh, đừng để tánh bị muội mê bởi tham dục che lấp vì danh lợi tình tiền. Những thứ vật vô thường đã gây cho con người biết bao thảm họa triền miên từ kiếp này sang kiếp khác. Biết tu tánh thời không tham, thì vẫn có mà ăn, mà mặc, không tranh đấu mà vẫn có chỗ ở, không lặn thân vào chỗ đau khổ mà vẫn có địa vị con người. Do đó, tu tánh là ánh linh sáng chói trong muôn ngàn nẻo Thánh. Còn biết luyện mạng là Thiên mạng hằng tại, không thiên, không lệch, không ô nhiễm tham dục, trên thuận cùng Trời, dưới an vui bốn cõi, hòa mình khắp chốn, lòng dân là lòng ta, lòng ta là lòng Trời, sống thì Thánh, thác thì thiêng. Ôi, nội Thánh ngoại vương, sống hằng sống trong cõi Thiên đàng cực lạc thì còn gì mơ ước nữa. Phật Tiên cũng chỉ thế thôi.”¹⁸⁰

5. Tâm như nước đại dương

“Người tu hành phải có tâm như nước đại dương thì tình thương mới trải khắp. Tuy nhiên, sự luân lưu của nước cũng theo đúng luật tắc lớn ròng. Nếu lúc nào đó nước tràn ngập lụt thì đem lại sự tai hại cho nhân sanh không phải nhỏ.

Đây là Bản Đạo muốn nói người sống chung trong một tập thể Cơ Quan, phải thương yêu nhau, đùm bọc lẫn nhau, phải

¹⁸⁰ CQPTGLĐĐ, 01-01 Đinh Ty, 17-02-1977.

quyết tâm xây dựng phát triển chung. Dầu tài bộ đến đâu, khôn ngoan rất mực mà vượt ra khỏi cái chung thì tập thể bị khuy khuyết, cá nhân cũng chẳng nên gì.

Người hành đạo cũng thế. Phải trái tâm từ huệ chính đạo chính danh, không vì tiếng ngợi lời khen, vì tình cảm vụn vặt mà làm mất thể đạo viên dung. Người dầu học rộng tài cao mà tâm đạo thiếu sáng soi thì tránh sao khỏi bị cái ta hẹp hòi hạn cuộc vào vòng nông cạn tư riêng, ví như nước ao hồ chỉ có ngàn ấy mà không châu du cùng khắp." ¹⁸¹

Bao nhiêu lời khuyên dạy nhắc nhở của Đại Ân Sư đầy lòng từ bi quảng đại, không ngại khó khăn, dốc lòng độ rỗi, dẫn dắt đàn em khờ dại, tận tình. Chúng đệ tử vô cùng cảm đội thâm ân, xin nguyện đem hết tâm tư sức lực cuộc đời để tuân hành những lời dạy quý báu của đại ân sư. Xin Ân Sư chứng minh và hỗ trợ cho chúng đệ tử hoàn thành sứ mạng. ■

¹⁸¹ CQPTGLĐĐ, 15-01 Nhâm Tuất, 08-02-1982.

PHƯƠNG PHÁP TU THÂN THEO ĐỨC QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT



Tại sao ta phải tu? Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

“Nhìn xem thế sự trước mắt bao nhiêu việc đổi thay, thay đổi, luật tuần hoàn luân chuyển chuyển luân, cõi vô thường kẻ đến trước, người đến sau, kiếp nhơn sanh nay về mai ở. Thế nên con người phải tu. (...) Biết tu mới tiến hóa, vì nơi trần gian là trường tiến hóa của nhơn loại. Nếu nhơn loại không tu là tự mình dẫn thân vào luật đào thải của Hóa Công.”

*Thế nên chữ tu mà chưa hiện đệ muội tu đây là một lẽ tất yếu của kiếp sinh tồn, nào phải đâu tu là khuôn khổ buộc ràng con người vào chỗ khó khăn hạn hẹp.”*¹⁸²

Mục tiêu của con đường tiến hóa là tự hoàn thiện hóa thân tâm để trở nên hàng chí thiện chí mỹ mới phản bản luân nguyên; tiểu linh quang con người mới trở về hiệp nhứt với Đại Linh Quang của Thượng Đế được.

Đức Quán Thế Âm Bồ Tát đại diện cho Phật Giáo trong Tam Kỳ Phổ Độ, dạy về phương pháp tu thân ngày 14-01 Kỷ Dậu (02-3-1969) tại Minh Lý Thánh Hội như sau: *“Con người muốn toại hưởng cõi thanh bình phải nhắm vào thực hành các điểm sau đây: nội công tu tiến, ngoại công đức hạnh, quá khứ tâm nên dứt bỏ, hiện tại tâm không có, vị lai tâm đừng vọng tưởng.”*

1. Nội công tu tiến là hướng về nội tâm mà không hướng ra bên ngoài hình thức. Vì tâm là chủ tử, điều khiển ngũ tạng lục phủ của cơ thể thân xác mà vừa chủ trì về thần linh, điều khiển bảy tình, sáu dục.

Tu nội công, cần dùng phương pháp quán tâm của Đức Đông Phương Lão Tổ chỉ truyền như sau:

*“Đây phương pháp thực hành bồi dưỡng,
Bồi dưỡng tâm quán tưởng vào tâm;
Xét lòng trừ khử lỗi lầm,
Học hành đạo lý đặng tâm nguồn vui.*

¹⁸² CQPTGLĐĐ, 18-01 Tân Hợi, 13-02-1971.

*Tâm không để lấp vùi tham dục,
Tâm đừng cho suy tục vạy tà;
Tâm hằng bác ái vị tha,
Tâm hằng chánh trực, nhẫn hòa thuận lương.*

*Tâm đừng để giận hờn bức bối,
Tâm đừng cho giả dối riêng tây;
Tâm mình là điện thờ Thầy,
Giữ cho thanh tịnh hằng ngày kính tin.*

*Hằng gìn giữ tâm bình hạnh trực,
Đừng để cho vọng thức lấn quyền;
Bảy tình sáu dục lặng yên,
Tâm hồn tươi sáng là Tiên trên trần.”*

Chúng ta phải dùng gươm thần huệ đoạn trừ bảy tình sáu dục, phải trừ cho hết những thói hư tật xấu, trừ cho xong tánh nét hủ lậu, phàm phu, trừ tánh xấu ích kỷ riêng tư tính toán, trừ mưu đồ độc đoán độc tôn, v.v...

Nếu chúng ta diệt được loạn bên trong để nội tâm được lắng yên, tâm thần được ổn định, vững vàng thì phần tu ngoại công dễ dàng hơn, nhẹ nhàng hơn vì nội tâm có tu tiến thì ngoại thể mới thuận thành đức hạnh.

2. Ngoại công đức hạnh là tu ngoại thể, hình hài, để xuyên qua diện mạo con người, tư cách đi đứng nằm ngồi, lời nói, cử chỉ hành động đều thể hiện tác phong đạo đức khoan dung, hòa ái, cởi mở, lời nói êm ái, dịu dàng, dễ thương, dễ mến. Mừng, giận, ghét, thương không để lộ ra nét mặt, lúc nào cũng thân nhiên hòa hài vui sống theo đạo lý như luân.

Chúng ta lưu ý, tu nội công và ngoại công đều có chữ công ở sau. Công là phải ra công sức, dùng tự lực, kiên gan, trì chí,

nhấn nại mới thắng được lũ thập tam ma, thường vừa cảm dỗ vừa chống trả với chúng ta.

Đức Quán Thế Âm Bồ Tát trong Thánh giáo ngày 16-6 Canh Tuất (18-7-1970) tại Minh Lý Thánh Hội có dạy rõ: *“Chư hiền sĩ hiền muội đã theo dõi và hình dung một con người có hai trạng thái, từ trong nội tâm cũng như nơi ngoại thể hằng mâu thuẫn nhau. Vì vậy trong cửa tôn giáo, nói đúng hơn là phần đạo học, thường dạy người tu thân học đạo nên thận trọng, kỹ lưỡng, theo dõi để phân tách và kiểm soát phần nội tâm của mình, từ ý nghĩ, lời nói đến việc làm, xem coi phần nào là Thiên phú (Thiên tánh, chơn ngã) và phần nào là của cái ta (giả ngã). Có như vậy mới phân tách nhận định được việc nào nên nghĩ, nên nói, nên làm và việc nào không nên nghĩ, không nên nói, không nên làm.”*

Phần thuộc về Thiên tánh (chơn ngã) luôn luôn hoạt động trong lãnh vực thiện mỹ, từ ái, đạo đức, tình thương, nhân nghĩa, ích chúng lợi nhơn. Còn phần của phàm ngã (giả ngã) thì hoạt động trong lãnh vực tình cảm, ích kỷ, tự đắc, tự cao, tự tôn, tự ái! Thế nên người chơn tu cần phải cẩn thận phân biệt nhận xét, việc nào là chơn, việc nào là giả, để nghĩ, nói và làm cho đúng đạo lý, tránh những điều sơ suất lỗi lầm.

Đức Quán Thế Âm Bồ Tát ngoài việc dạy luyện kỹ như trên còn khuyên chúng ta nên bỏ túc bằng những việc làm phúc đức nhơn hậu để tạo nên âm chất, trước là để giải trừ nghiệp lực tiền khiên, sau là để trợ duyên cho phần luyện mạng công phu cho bớt phần khảo đảo.

Làm công quả đúng ý nghĩa chơn chánh của nó là làm với tâm vô phân biệt, không xem mình là người thi ân bố thí, không

xem người nhận là người thọ ân của mình. Làm một cách tự nhiên như nhiên vì lòng trắc ẩn thương người đau khổ chớ không có ý gì khác. Đức Bồ Tát lại khuyên tận dụng chơn lý đạo để độ đời vì chơn lý đạo là lẽ thiệt sáng chói ở tâm linh, ở hành động của mỗi người:

*“Nếu hiền sĩ dùng tài vật để độ người, khi tài vật kiệt quệ, người sẽ không tiến bước nữa, vì tài vật là yếu tố để cho những hàng lợi dụng câu như đám thường nhân. Nếu hiền sĩ dùng quyền lực hoặc mưu chước để độ đời, khi quyền lực hết, mưu chước sẽ theo đó mà rã tan, thì người đời sẽ ngoảnh mặt làm lơ. Nếu hiền sĩ dụng lòng từ bi bác ái cảm hóa độ đời bằng thiết tha, bằng mến luyến thương yêu, thì chắc chắn sẽ còn lưu lại trong lòng nhân thế một vài điểm tựa của thiên lương. Như vậy, chỉ có những cái gì bất biến như chơn lý, như tâm linh thì mới khỏi bị con người phạm phu phản phúc, bởi giác ngộ đã đem đến cho họ bằng sự thật.”*¹⁸³

Việc nội công tu tiến, ngoại công tu đức hạnh và bồi công lập đức là rất cần thiết cho những ai dốc lòng tu hành chơn chánh, cố gắng hằng ngày hằng giờ chăm lo hoàn thiện hóa thân tâm cho trở nên hàng chí thiện chí mỹ.

Đức Bồ Tát khuyên người tu hành chúng ta, sau một ngày bận việc mưu sinh nên dành chút thì giờ để kiểm điểm nội tâm bằng phương pháp tọa thiền để an định thân tâm. Khi lòng mình được an định rồi, sẽ kiểm điểm lại suốt ngày qua mình đã tiếp xúc với những ai, có ý nghĩ gì, nói những ngôn ngữ nào và có những hành động gì, xứng đáng là môn sanh của Đức Chí Tôn Thượng Đế hay không. Nếu thấy còn phạm lỗi lầm thì phải ăn

¹⁸³ Trúc Lâm Thiền Điện, 20-10 Quý Sửu, 14-11-1973.

năn tự hối, sửa mình; phải công bình mà tự phán như vị quan tòa nghiêm khắc, phải vô tư tự kiểm tự phán xét một cách gắt gao, dẹp lòng tự ái, ích kỷ, tự kiêu, tự tôn, tự đại thì dễ dàng thấy nổi lên những nét thiện ác trong những hoạt động hằng ngày.

Tu ngoại công là trau dồi tác phong đạo hạnh, thể hiện qua phong thái ăn mặc, đi đứng trong giao tế nhân sự; ấy là phần hữu vi vật chất nhưng có tác dụng lớn lao vì người ngoài sẽ qua đó mà đánh giá mình. Đối với tổ chức đạo, chính cách sống đạo của người trong tổ chức đạo đó, sự tôn trọng đạo đức kỷ cương của mọi người, cho thấy thuyết đi đôi với hành, không giảng đạo một đường mà hành đạo một ngã khác, sẽ độ được người vào Đạo.

Ba phần tiếp theo là: *quá khứ tâm nên dứt bỏ, hiện tại tâm không nên có, vị lai tâm đừng vọng tưởng*. Ba điểm đều quy về chữ tâm, vì Phật có dạy siêu đọa cũng nơi tâm.

Đây là tu theo bực thượng thừa tâm pháp. Thường là hàng đã xuất gia nhập tự, ly gia cát ái, quyết dứt tuyệt lòng trần, chỉ mong cầu tu giải thoát, tự giác, giác tha, không còn tham luyến thế tục nhơn tình. Nên phải diệt tam tâm trừ tứ tướng: tam tâm là tâm quá khứ, tâm hiện tại và tâm tương lai như lời Đức Bồ Tát. Ngài dạy phải dứt bỏ cái tâm quá khứ không nên có cái tâm hiện tại và đừng vọng tưởng những việc tương lai sắp đến. Vì còn nhớ lại những việc gì đã qua thì tâm sẽ nhớ nhưng luyến tiếc những thụ hưởng sung sướng, hoặc đau buồn ray rứt bị mất mát, đau khổ. Như vậy cái tâm chưa dứt niệm. Hễ còn niệm nhớ tiếc vui buồn... thì không thể giữ được cái tâm thanh tịnh; tâm còn tính toán, mưu sự tương lai thì sẽ bị vọng động đảo điên, không còn bình tĩnh yên lặng được.

Tất cả ba cái tâm đó phải diệt trừ mới dứt niệm được, mà thiền định cốt yếu là diệt trừ niệm lự, nên Ôn Trên có khuyên, vào thiền định phải "*Niệm lự giai vong, vạn duyên đốn tuyệt*".

Còn tứ tướng là bốn cái tướng: ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng và thọ giả tướng.

Người tu vào hàng thượng thừa phải diệt trừ cho được tứ tướng và tam tâm để thuần chơn vô ngã mới huyền đồng cùng hư không, mới đắc nhưật đạt đạo giải thoát. Và Đức Quán Thế Âm Bồ Tát nhận xét: "*Đó là hạng tu tiến một quãng đường khá dài mới có thể thực hành được trọn vẹn.*"¹⁸⁴

Tuy khó khăn gian khổ nhưng cũng đã có lắm người đạt Đạo với quả vị thanh cao nhờ tâm chí thành, hành thâm chuyên nhưật đạo pháp với đức tin dũng mãnh vượt qua mọi khó khăn khảo đảo từ nội tâm đến ngoại cảnh, không hề nao núng ngã lòng thối chí.

*"Rèn luyện con người đến chí nhân,
Xuyên qua phương pháp để tu thân;
Tuy còn tại thế trong trần trược,
Tâm tánh hoát khai tợ Thánh Thần."*¹⁸⁵ ■

¹⁸⁴ Minh Lý Thánh Hội, 14-01 Kỷ Dậu, 02-3-1969.

¹⁸⁵ Đức Quán Thế Âm, Minh Lý Thánh Hội, 16-6 Canh Tuất, 18-7-1970.

THẦY MONG CON BIẾT THẦY HIỂU ĐẠO

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Kính thưa chư quý liệt vị đạo hữu, đạo tâm thương mến.

Nhơn ngày Khánh đản của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đại Từ Phụ, Thầy của chúng ta, không gì quý hơn là nhắc lại Huấn từ năm xưa của Thầy để tự kiểm điểm coi chúng ta có thực hành được bao nhiêu và nguyện cố gắng hoàn thành sứ mạng cho Thầy vui lòng đẹp dạ.

Chúng tôi lấy Huấn từ Thầy dạy Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý 40 năm về trước như ngày Thiên Quan Tứ Phước 14 tháng Giêng năm Bính Ngọ (04-02-1966) tại Thiên Lý Đàn. Lời vàng ngọc của Thầy: *“Các con ôn lại lời Thầy năm xưa đã dạy: Thầy đem Đạo đến thế gian này để cứu rỗi tất cả vạn linh, chớ không phải vì một sắc dân nào. Vì thế nên ngày nay, đã đến lúc cần phổ cập Đạo Thầy cho tất cả nhơn loại, để chúng nó biết Thầy hiểu Đạo mà tìm lại nguồn gốc của tình thương, để hầu chăm dứt cảnh tương tàn tương sát.”*

Chúng ta hãy lưu ý lời Thầy nói: *“Thầy mong con biết Thầy, hiểu Đạo”* và *“để chúng nó biết Thầy hiểu Đạo”* tức là nhơn sanh. Hỏi vậy chúng ta có biết đích xác Thầy là ai chưa? Và có hiểu Đạo đúng theo ý Thầy chăng, hay hiểu Đạo một cách mờ hồ tầm thường?

Hơn 40 năm trước, có lẽ chúng ta phần đông chưa biết Thầy được đích xác tường tận như ý Thầy muốn, nên có đoạn Thánh giáo Thầy hỏi:

*“Nhưng Thầy là gì hỏi các con?(...) Lâu nay nhiều con đã lảm lời tán tụng Thầy bằng bài thương yêu, là “Thầy là Cha của sự thương yêu”. Bởi thương yêu mới dựng nên càn khôn thế giới, nhưng có mấy con đi đúng lời ấy đâu.”*¹⁸⁶

Vì thế chúng ta nên xác định Thầy là ai? Phải biết rõ ràng một cách minh bạch tỏ tường mới hiểu được đặc tính của Thầy, mới càng trọng kính, thương yêu Thầy vô vàn và tuân theo Thánh Ý của Thầy một cách ngoan ngoãn như tuân lời một người cha nhân từ phúc hậu mà chúng ta gọi là Chí Tôn Đại Từ Phụ đó.

Thầy lại còn muốn chúng ta phải hiểu được Đạo một cách thông suốt chớ đừng hiểu sơ qua một cách thường tình theo thế tục thì làm sao cứu thế độ đời được để mong cải tạo thanh bình cho nhơn loại.

Trước tiên, ta cần tìm hiểu về chữ Đạo. Theo giáo lý Cao Đài, Đạo và Thượng Đế đồng nghĩa. Chi nên tìm hiểu Đạo sẽ biết Thầy là ai.

Dưới đây là vài ý nghĩa khái quát của chữ Đạo, chớ Đạo thật sự vô vi huyền nhiệm thâm sâu:

1. Đạo là cái lý duy nhất (principe unique), là khí thể tuyệt đối mà Cao Đài gọi là Khí Hư Vô sáng tạo ra càn khôn vũ trụ và thế giới muôn loài vạn vật. Chi chi cũng không ngoài cái

¹⁸⁶ Nam Thành Thánh Thất, 01-01 Canh Tuất, 06-02-1970.

Đạo là nguồn gốc của sự tạo hóa sanh thành dưỡng dục bảo bọc chở che an bài trong luật tắc thiên nhiên, trật tự thanh bình toàn hảo. Đó là Thiên luật, không một ai có thể làm sai luật Đạo, thuận theo thì tồn, thì còn; nghịch lại thì vong, thì tuyệt mạng.

2. Vì thế, Cao Đài gọi Đạo là sự sống và tình thương của Tạo Hóa cho nên người tín đồ Cao Đài gọi Thầy là Cha của sự thương yêu, là chí lý.

3. Còn thường tình gọi Đạo là con đường, là phương hướng đạo lý mà con người đạo đức phải noi theo cho thuận lòng trời, hạp ý dân sanh.

4. Đạo cũng là con đường mà Đức Chí Tôn Thượng Đế dẫn dắt chư Phật Tiên Thánh bị đọa trần để phục hồi cựu vị, và cũng là con đường để bực nhơn phẩm noi theo để thoát luân hồi sanh tử.

Thầy dạy thêm cho rõ ràng đầy đủ hơn:

*“Đạo là con đường duy nhất của vạn linh sanh chúng, từ Thầy ban phát xuống thế gian, và từ thế gian các con trở lại cùng Thầy. Thầy là Hư Vô Chi Khí, thì Đạo cũng đồng nghĩa đó thôi. Nên chí, trong thời kỳ Hạ nguon, chính mình Thầy dùng Khí Hư Vô trực tiếp hữu hình đến thế gian để dẫn dắt, thấu hỏi những điểm linh quang Thầy đã cho đến trần gian trở về Khôi Đại Linh Quang.”*¹⁸⁷

5. **Đạo** còn một ý nghĩa đúng với sự tiến bộ của loài người và Thiên Lý vận hành. Vì theo lịch sử cận đại của Trung Hoa, các triết gia còn gọi **Đạo là Tâm, là nhơn đạo**. Đạo làm người

¹⁸⁷ Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ, 08-02-1967.

đối với gia đình xã hội. Chí đến đời cách mạng dân chủ, Tôn Trung Sơn chủ trương hiệp nhơn đạo với chủ nghĩa xã hội làm một, vì cũng một mục đích chánh yếu là chủ trương: tự do, bình đẳng, công bằng, bác ái. Nên ông cho rằng **xã hội chủ nghĩa là nhơn đạo** (trích Triết lý phương Đông của Trương Lập Văn – Nhà xuất bản Khoa học xã hội).

Trở về với giáo lý Cao Đài, chúng ta hãy nghe Thầy giải thích chữ Đạo (CQPTGLĐĐ, 14 tháng Giêng Bính Ngọ, 04-02-1966):

*“Đạo là ngôi nhứt nguyên chủ tể,
Đạo cũng là đồng thể vạn linh;
Từ trong vật chất hữu hình,
Nhơn thân xã hội gia đình nước non.*

*Đạo là lẽ các con đang sống,
Đạo là quyền cao rộng chở che;
Thu Đông mãi đến Xuân Hè,
Vận hành Thiên Đạo mọi bề dưỡng nuôi.*

*Đạo chẳng luận ở ngôi vương bá,
Đạo không phân sần dã, lâm bô;
Dấn thân trên nẻo thế đồ,
Con mang cái Đạo từ giờ sơ sanh.”*

Chúng ta có thể kết luận đích xác Đạo là Thượng Đế, là Thầy, là Khí Hư Vô, tạo nên càn khôn vũ trụ và thế giới muôn loài, là cái lẽ chúng ta đang sống. Đạo là ngôi nhứt nguyên chủ tể quyền cao rộng chở che, vận hành dưỡng nuôi bảo bọc an bài cho vạn loại tuần tự theo lý thiên nhiên bốn mùa tám tiết điều hòa một cách chu đáo và vô cùng huyền bí. Vì Thầy là Đấng

toàn tri, toàn năng, toàn thiện, toàn mỹ, toàn từ với đức hạo sanh vô lượng.

Đạo cũng là đồng thể vạn linh theo cái lý “Thiên địa vạn vật đồng nhứt thể”. Cho nên Thầy hằng nói Thầy là Cha của các con, các con tức là Thầy, Thầy là các con. Chúng ta hay hãnh diện được Thầy khăng nhận như thế. Tất cả chúng sanh là con cái của Thầy, là con chung của Thượng Đế thì phải thương yêu với nhau trong tình linh sơn cốt nhục.

Cho nên khi đã biết Thầy là ai, Đạo là gì, chúng ta lại càng thêm thương yêu trọng kính Thầy và lại càng thâm thía thương yêu nhau. Chúng ta hãy giúp Thầy ổn định căn khôn thể giới thanh bình, an lạc, đó là ý muốn của Thầy vì chỉ có “*sự thương yêu hòa ái mới đem lại thái bình hạnh phúc cho nhơn loại.*”

*“Vật chất lấp chơn như bốn tánh,
Sắc màu thay ám lạnh thấp cao;
Đời xui chiến họa binh đao,
Trong vòng tôn giáo trước sau phân lia.”*¹⁸⁸

Sá gì mỗi danh bả lợi quyền uy mà nữ tương tàn đồng bào cốt nhục, cõi áo ra cũng đều là con người, cũng xương máu nào khác. Tự sát tự thiêu vì mù quáng chủ nghĩa tín ngưỡng, rốt lại còn lại gì? Những đồng thân chết, những máu chảy, những sự nghiệp nhà cửa tiêu điều tang tóc để lại toàn là cảnh thê lương thảm đạm. Thiên tai, chiến tranh, động đất, bão lụt đã cảnh cáo nhơn loại ngàn ấy chưa thức tỉnh sao?

*“Chùng cõi áo hữu hình, hữu sắc,
Còn nhân tâm, tai, mắt, mặt, mày,*

¹⁸⁸Thiên Lý Đàn, 14-01 Bính Ngũ, 04-02-1966

*Con ôi! Ai lại khác ai,
 Cũng đồng một vóc hình hài Thầy ban.
 Máy Tạo Hóa trong màn huyền bí,
 Cửa Càn Khôn yếu lý nhiệm màu;
 Mắt phàm dễ thấy đặng đâu,
 Gót phàm khó nổi vọng cầu vào ra.
 Đó là tại con xa Chánh Đạo,
 Cõi hồng trần gây tạo trái oan;
 Nhân luân đạo nghiệp lấp đàng,
 Tham sân si dục ngập tràn thiên tu.”*

Xin ôn lại cho nhập tâm:

1. Chúng ta đã biết Thầy là ai rồi. Thầy là Chúa tể càn khôn vũ trụ tạo hóa ra thế giới muôn loài vạn vật chúng sanh trong đó có chúng ta là con cái của Thầy, nên chỉ Thầy bảo các con là Thầy, Thầy là các con.

Thầy là Đại Linh Quang, còn chúng ta được Thầy chiết ra muôn vạn ức tiểu linh quang để xuống trần mượn tạm xác thân để tiến hóa lên các đẳng chí chơn, chí thiện, chí mỹ là Thần Thánh Tiên Phật.

2. Còn Đạo là gì?

Như đã trình bày, Đạo có rất nhiều ý nghĩa, nhưng chỗ Thầy muốn chúng ta hiểu rõ một cách thâm sâu màu nhiệm không phải như thường tình thế tục thì cũng phải vương vào vòng luân hồi, đọa lạc.

Cứu cánh của Đại Đạo là tận độ chúng sanh dẫn đến con đường từ phàm tục bến mê, sang bờ giác ngộ giải thoát, để con người phục hồi ngôi xưa vị cũ, tiểu linh quang sẽ trở về hiệp

nhứt cùng với khối Đại linh quang là Thầy, là Thượng Đế, là Đại Từ Phụ, là Đạo. Khi ở thế, con người phải sống theo định luật thiên nhiên của Tạo Hóa mà không ai được can thiệp vì thuận Thiên thì giả tồn, nghịch thiên thì giả vong. Luật **Thiên Điều** chủ trương, con người vốn là anh em cùng một Cha chung Thượng Đế, phải biết thương yêu nhau, giúp đỡ nhau, không phân biệt chủng tộc màu da, đỡ nâng dìu dắt lẫn nhau trong tình thương yêu hòa ái, hãy giác ngộ cho nhau để theo con đường Đại Đạo mà cùng nhau trở về chung hiệp với Đại Từ Phụ. Đó là ý muốn duy nhứt của Thầy. Hiếu với Thầy thì phải tuân hành Huấn từ của Thầy.

Thầy đã từng nói Thầy không đòi hỏi các con làm điều gì ích lợi riêng tư cho Thầy mà Thầy chỉ mong các con biết thương nhau, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nắm tay nhau dắt về nơi Bạch Ngọc Kinh để hội hiệp với Thầy.

Đó chính là điều mong ước của Thầy, nên Thầy đã thốt ra:

*“Thầy mong con biết Thầy hiểu Đạo,
Cho thế gian cải tạo thanh bình;
Lòng Thầy thương cả chúng sinh,
Trong tình Tạo Hóa, trong tình thiên nhiên.”*¹⁸⁹

Nhơn ngày Khánh đản của Thầy, kính xin Đại Từ Phụ từ bi chan rưới hồng ân, thần lực khắp thế giới để dập tắt những cảnh tượng tàn, tương sát thảm khốc giữa đồng bào Hồi giáo Afghanistan, Irak, Indonésia, Palestine, Do Thái và cũng xin Thầy giảm thiên tai vì chúng sanh quá khổ đau cùng cực rồi.■

¹⁸⁹ Thiên Lý Đàn, 14-01 Bình Ngũ, 04-02-1966.

Phần 4

Bài viết về Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

- ĐỀ XỨNG ĐÁNG LÀ MỘT GIÁO SĨ CỦA CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
- TÂM HẠNH ĐỨC TÀI
- TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
- CÂY PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐÃ ĐÓM BÔNG KẾT QUẢ CHƯA?

ĐỂ XỨNG ĐÁNG LÀ MỘT GIÁO SĨ CỦA CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

Đạo pháp trường lưu bất tận, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo và đạo pháp phục vụ cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tức cho toàn thể nhơn loại trong cơ cấu rồi Kỳ Ba của Đức Chí Tôn Thượng Đế, thế nên Đức Chí Tôn gọi là một bộ máy sau cùng, sau cơ phân hóa với sứ mạng trọng đại và gian lao, nên đòi hỏi nhơn viên Cơ Quan phải có tâm đạo chí thành, can trường thiết thạch, có đức độ hy sinh đại hùng, đại lực có tinh thần dung thông phá chấp mới được Thượng Đế ban trao quyền pháp thiên ân để thực hành trách nhiệm đối với Thầy Thượng Đế và nhơn sanh. Vai tuồng quan trọng, trách nhiệm nặng nề ấy được giao phó trước hết cho hàng giáo sĩ của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý cũng tương đương với chức vị Giáo hữu theo Pháp Chánh Truyền của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Theo Pháp Chánh Truyền, Giáo hữu là người để phổ thông chơn đạo của Thầy. Đức Phạm Hộ Pháp chú giải như sau: *“Muốn phổ thông chơn đạo của Thầy, buộc Giáo hữu phải học cho lão thông chơn đạo của Thầy, ấy vậy chức Giáo hữu phải có khoa mục mới dạy. Cái phận sự phổ thông là một phận sự rất lớn lao và quý trọng, nếu chẳng biết tôn chỉ của Đạo cho thông suốt lại truyền bá cho nhơn sanh những tư tưởng nghịch cùng chơn lý của Đạo là hại Đạo. Huống chi Thầy đã nói Giáo hữu là người thân cận của nhơn sanh hơn hết, nếu chẳng lựa chọn kẻ hạnh đức tu tâm, có đủ tư cách mà bày gương đạo cho rõ ràng, nhơn sanh chỉ để mắt vào đó mà khen, hay là chê Đạo,*

vì sự chơn thật hay là giả dối, nhơn sanh chỉ coi đó mà quyết đoán. Trò phải như Thầy mà Thầy thế nào thì trò phải thế này, nhơn sanh xem trò mà đoán Thầy. Cái thế thống của Đạo Thầy gọi là chơn thật thì phải hành đạo thế nào cho ra chơn thật y như Thầy sở định. Bực trí thức muốn quan sát một nền đạo nào thì chẳng cần biết hết chức sắc, chỉ lựa một phẩm vị yếu trọng hơn hết là bực hạ thừa mà so sánh tư cách hạnh đức, đặng quyết đoán tôn chỉ nội dung của tôn giáo ấy.”

“Giáo hữu là một phẩm vị rất yếu trọng. Ấy vậy buộc Giáo hữu phải thế Đạo cho xứng đáng với tôn chỉ cao thượng của Đạo. Muốn cho xứng đáng thì phải thông suốt cả các chơn lý Đạo.”

Ồn Trên thường bảo Giáo hữu là Giáo Tông em. Vì Giáo hữu là người gần gũi nhơn sanh, biết nhơn sanh hơn hết, nếu Giáo Tông muốn biết nhơn sanh thì phải nghe lời Giáo hữu.

Vì Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý không thuộc một Hội Thánh nào, là một tổ chức độc lập nên việc đào tạo tu sĩ, giáo sĩ phải tuân hành theo Lịch trình hành đạo mà Ôn Trên đã ân ban cho Cơ Quan, nên chúng ta phải tham chiếu Lịch trình hành đạo để hiểu rộng hơn việc đào tạo Giáo sĩ .

Ồn Trên định nghĩa: Giáo sĩ là Tu sĩ tiến thân mà Tu sĩ , như Ôn Trên đã dạy là người đang thời kỳ giác ngộ, lập tâm hành đạo, tẩy xú khai thanh, hằng lo tu học, rèn luyện và công quả trên cương vị giáo dân vì thiện, để bước lên tầng giáo sĩ. Tu sĩ cần phải biết những điều này:

Về đạo hạnh tác phong, phải có khác biệt hơn người thế tục, trang nghiêm thuần hậu, cần hạnh cần ngôn, khiêm cung từ tốn.

Lẽ tự nhiên phần hạnh đức của giới tu sĩ vẫn còn giá trị áp dụng cho cấp Giáo sĩ.

Giáo sĩ, theo Lịch trình hành đạo, thuộc thể hoàng nhơn phổ hóa là người để phổ thông chơn đạo của Thầy cần phải có thêm những đức tánh kiên nhẫn, trì thủ, đại tín, hy sinh.

Vì Giáo sĩ đã học thông các điều bắt buộc cho hàng tu sĩ, nay tiến lên hàng Giáo sĩ, buộc phải thêm những phần này:

- Tôn chỉ, lập trường, mục đích Đại Đạo. Tân Luật, Pháp Chánh Truyền buộc phải nằm lòng.
- Tiểu sử khai Đạo, tiểu sử tiền bối khai Đạo.
- Nhơn đạo Khổng giáo, triết lý của triết gia, đông tây xa xưa cùng hiện đại.
- Phải hiểu tâm lý học, luận lý học để tiến thủ.
- Nghệ thuật thuyết trình giảng đạo.
- Về ngôn ngữ, để truyền Đạo Thầy ra vạn quốc, người Giáo sĩ Cơ Quan phải thông suốt quốc ngữ và thông hiểu hai ngoại ngữ.

Theo Lịch trình hành đạo Cơ Quan, Giáo sĩ cùng phương vị hành đạo với chức vụ Phó ban, thì Giáo sĩ Cơ Quan cần phải:

- Nghiên cứu tìm hiểu Thánh ngôn Thánh giáo từ lúc Đạo mới khai.
- Nghiên cứu, tìm hiểu Thánh đạo gồm chung Thiên Chúa Giáo, Tin Lành, Hồi Giáo cho thông suốt.

Dầu ở hàng Phó ban hay Giáo sĩ đều thuộc hàng hướng đạo thể hiện tánh đức của bậc Thánh nhân để cầm chánh pháp của Thầy gieo rải đến nhơn sanh, phải chí thành tâm đạo, chánh trực công bình, bác ái vị tha. Với ngàn ấy hành trang đạo lý, Giáo sĩ Cơ Quan có thể so sánh ngang hàng với các nhà truyền giáo của tôn giáo bạn như các vị linh mục của Thiên Chúa Giáo hay đại đức của Phật giáo để dung hòa tổng hợp đến chủ thuyết vạn giáo đồng nguyên và đồng nhứt lý của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà các hàng Giáo sĩ, chức sắc, Thiên ân có nhiệm vụ truyền rao để đạt mục tiêu đại đồng nhơn loại, vạn giáo nhứt lý để không còn có kỳ thị chủng tộc, tranh chấp về tín ngưỡng dị đồng mà giết hại lẫn nhau.

Theo Pháp Chánh Truyền, Giáo hữu (hay Giáo sĩ Cơ Quan) có quyền hạn rất quan trọng, cai quản một Thánh thất, một khu vực địa phương, có khi đến các chùa nơi mấy tỉnh nhỏ. Giáo hữu đăng quyền xin chế giảm luật lệ với Hội Thánh. Đã nói Giáo hữu như Giáo Tông em, rất thân cận với nhơn sanh “điều chi Giáo hữu xin thì buộc Giáo Tông phải cần miễn hơn hết”. Ở Cơ Quan cũng phải như thế, Ban Thường Vụ lãnh đạo, phải lưu ý xem xét cần miễn đề nghị của các Giáo sĩ vì Giáo sĩ Cơ Quan đi sát và hiểu rõ nhơn tình của tu sinh, tu sĩ, và nhơn viên của cơ Quan, chớ không nên khinh thường bỏ qua.

Đối với Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Giáo sĩ được Ôn Trên ân phong lãnh trách nhiệm Vụ trưởng cho cả 5 Vụ đều giao cho Giáo sĩ đảm đương như: Nội Chánh Vụ, Ngoại Giao Vụ, Hành Chánh Vụ, Văn Hóa Vụ và Vụ Giáo sĩ-Tu sĩ.

Ngoài ra, quan trọng hơn nữa, một số Giáo sĩ ưu tú được Ôn Trên tuyển chọn vào Ban Giảng Giáo Pháp của Hiệp Thiên Đài để truyền bá giáo pháp đến các tịnh trường thuộc hệ thống Cơ

Quan Phổ Thông Giáo Lý. Những Giáo sĩ ưu tú này cũng đã thọ trì đạo pháp Nhị cơ thuộc hàng đại thừa và cũng đã học thông suốt giáo lý của Trưởng ban và Vụ Trưởng như Tiên đạo, Phật đạo, Vũ trụ học, Thần linh học, và Phật đạo, Bà La Môn giáo, Thích Ca giáo, Pythagore Giáo. Có một điều là, mặc dầu ở hàng Vụ Trưởng rồi mà Ôn Trên chưa ban ơn thọ pháp Bá Nhựt Trúc cơ tức tu luyện chơn đạo kỳ bá nhựt mà Lịch trình hành đạo có ghi ở phần Trưởng ban, mục 3.

Lướt qua Lịch trình hành đạo của Cơ Quan và Pháp Chánh Truyền của Đại Đạo chúng ta nhận thấy hàng Giáo sĩ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý rất quan trọng đối với Đại Đạo, tương đương Giáo hữu hiện tại và tương lai. Được sánh với hàng chức sắc, Giáo hữu, được xem như Giáo Tông em, vì thuộc hàng thể Thiên “hoàng nhơn phổ hóa”, phổ thông chơn đạo của Thầy. Nhưng trách nhiệm Giáo sĩ Cơ Quan quan trọng hơn Giáo Hữu của Hội Thánh. Cả tương lai xáng lạn của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo và của Đạo Thầy đều đặt hy vọng vào các hàng Giáo sĩ biết xem trọng trách nhiệm của mình, biết dọn mình cho thánh triết, hội đủ tâm hạnh đức tài để hoằng dương chánh pháp của Thầy đến nhơn sanh và nhứt là để xứng đáng là một giáo sĩ ưu tú của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo. ■

TÂM HẠNH ĐỨC TÀI

Về việc đào tạo nhân sự, Đức Lý Đại Tiên Trưởng Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có dạy Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo như sau:

*“Nhân sự được đào tạo phải có tâm vóc hơn loại, vượt khỏi ngưỡng cửa Cao Đài. Do đó, đòi hỏi hội đủ tâm, hạnh, đức, tài để thực hiện sứ mạng lớn lao của Cơ Quan. (...) Nếu chỉ đào tạo nhân sự chung chung thì chưa đủ với sứ mạng trong tương lai.”*¹⁹⁰

Lớp đào tạo tu sĩ được khai mạc hôm mùng 01 tháng 9 Nhâm Ngọ nhằm mục đích đào tạo hàng tu sĩ đặc biệt để truyền bá giáo lý Đại Đạo “theo đường lối Tam Giáo quy nguyên, vạn giáo nhất lý và Thiên nhân hiệp nhất khế hợp với bản thể đại đồng nhân loại.” (cũng là lời dạy của Đức Lý Giáo Tông).

Muốn gánh vác sứ mạng trọng đại đó, nhân viên của Cơ Quan cũng như hàng tu sĩ đặc biệt này phải hội đủ bốn điều kiện tâm, hạnh, đức, tài mà trách nhiệm giáo dân vi thiện đòi hỏi phải có, hành giả phải tự rèn luyện cho thành bửu bối để làm hành trang hành đạo cho được dễ dàng và thông suốt vượt mọi thử thách.

Thử mô xê vấn đề rèn luyện như thế nào?

¹⁹⁰ CQPTGLĐĐ, 15-7 Kỳ Ty, 15-8-1989.

Xin sắp lại từ dễ đến khó theo trình tự: Tài, Đức, Hạnh và Tâm.

Làm sao rèn luyện được con người có tài?

Tài là tài năng, tài trí, thông minh, sáng suốt học mau, hiểu lẽ, giải quyết dễ dàng mọi vấn đề khó khăn vướng mắc.

Muốn có tài, phải đi học trong các trường từ tiểu học đến đại học, học văn chương, triết lý, luân lý, đạo đức, khoa học và tham dự đủ các cuộc thi ra trường để nhận các bằng trung học, tú tài, cử nhân, tiến sĩ, bác sĩ, kỹ sư....

Muốn đỗ đạt thành tài, người học trò phải dày công, siêng năng, chịu khổ cực học hành bền chí ngày đêm, năm này qua năm kia, thật là gian nan, phải có chí lớn, cương quyết kiên trì không nản chí mới đạt địa vị cao. Nhưng có tài, người đạo đức không ỷ tài, cậy tài mà xem thường người kém tài hơn mình vì thiếu phương tiện, không may duyên theo đuổi học vấn đến đích mong muốn. Có tài rồi phải có hạnh, cần rèn luyện hạnh đức cho được thanh cao.

Hạnh là hạnh kiểm, tánh tình nét na phải cho thuần hậu, tác phong đạo hạnh khiêm cung hòa ái. Theo lịch trình hành đạo của Cơ Quan: *Tu sĩ là người đang thời kỳ giác ngộ, lập tâm hành đạo tẩy xú khai thanh, hằng lo tu học rèn luyện và công quả trên cương vị giáo dân vi thiện. Về đạo hạnh tác phong, phải có khác biệt hơn người thế tục, trang nghiêm, thuần hậu, cần hạnh, cần ngôn, khiêm cung từ tốn.*

Người tu sĩ, hay nhơn viên Cơ Quan là hàng đã giác ngộ, đã học hỏi Thánh ngôn, Thánh giáo, đọc qua kinh điển thánh hiền của tứ giáo: Nho, Gia, Thích, Lão và đã tuân thủ giới luật Đại

Đạo là Ngũ giới cấm, Tứ đại điều quy; thông suốt mục đích, tôn chỉ, lập trường của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo và Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tất hiểu đây là khuôn viên mẫu mực phải tuân theo, là những nấc thang tiến hóa mà hành giả cần phải leo trèo để trở thành Hiền Thánh, Tiên Phật. Người tu hành nhận thức được, nếu tác phong đạo hạnh của mình thuần khiết sẽ được xã hội kính nể, yêu vì, cảm hóa tha nhân dễ dàng trên đường giáo dân vi thiện và phổ truyền đạo lý.

Lời nói êm ái, dịu dàng; cử chỉ hành động khiêm cung hòa nhã, cố gắng sao cho thuyết và hành đều phải đi đôi¹⁹¹, hành động việc làm đúng với những lời trình giảng mới thuyết phục được nhân tâm. Ngược lại thuyết trình viên bị xem thường và đánh giá như là diễn viên trên sân khấu đều giả danh, giả nghĩa, không phải chơn đạo đức.

Đức tức là công đức giúp đời, vì lòng từ thiện thương người, muốn chia sẻ khổ đau với đồng bào, chia cơm sẻ áo, an ủi giúp thuốc men cho bệnh nhân. Trong đạo gọi là bồi công lập đức, xây nền công quả âm chất không vụ lợi, cầu danh, với tinh thần vô vi nhi vô bất vi của Lão Tử. Vô vi không phải là không làm gì hết mà làm một cách thuận nhiên, cần phải làm những gì ích lợi cho người mà không để lại dấu vết tiếng tăm. Đó là vốn liếng, nền tảng để tu sĩ tiến lên hàng Hiền Thánh, Tiên Phật.

Trong Đại Thừa Chơn Giáo, Thầy có dạy về đạo đức như sau: *“Đạo đức là cái khuôn mẫu cho loài người phải nương đó mà sửa mình đặng mở trí hóa thông minh sáng suốt hoàn toàn*

¹⁹¹ “Thuyết hành lưỡng điểm cân phân,
Đôi bên tám lượng nữa cân cho đồng.” - Đức Lý Giáo Tông

*tánh cách cho đến chí thiện, chí mỹ. Chớ con người mà bỏ xa đạo đức đi rồi khác chi kẻ quáng lạng, cặp nhãn quang mờ tối, có biết đường nào mà đi cho khỏi sa hầm sả hố ?”*¹⁹²

Tâm nơi đây là tâm đạo hay đạo tâm. Tâm tức tánh do Trời phú ban cho con người vốn trọn lành, hồn nhiên thanh tịnh. Vì vào thế gian, linh tánh bị nhiễm mùi trần tục, đắm mê vật chất mà gây lắm điều sai trái tội lỗi tạo nên nghiệp lực luân hồi để trả vay vay trả không bao giờ dứt. Thế nên người tu, nhứt là tu sĩ và nhơn viên Cơ Quan phải cần tu luyện thân tâm cho được thuần thành đạo đức, phải lo diệt phàm tâm thì đạo tâm mới hiển lộ vì phàm tâm tử, đạo tâm mới sanh.

Trong Đại Thừa Chơn Giáo, Thầy có dạy: “... tâm con người có khi động, khi tịnh, lúc ưa đạo đức, thuận thiên lý hữu hành, còn có hồi lại thích vật chất, dấy dấy lòng nhơn dục, gây mãi tội tình, cũng có sáng suốt trí huệ thông minh mà cũng có ngu hèn đần độn dốt nát. (...) Nhưng người phải nhớ lấy đừng cho lòng dục nó dấy lên, tội tình gây mãi. Cái tâm là thiện, là sáng suốt, nhưng bị vật dục ngoài đưa đẩy vào làm cho choán cái thanh quang, sanh lòng quấy quá, mà cái tâm tức là tánh. Tánh tức tâm. Người quân tử bao giờ cũng giữ cái tâm cho thanh bạch tinh an, không cho phúng túng, chạy bậy ra ngoài.”¹⁹³

Ồn Trên thường bảo tâm con người có khi là Phật, có lúc lại là ma, cách nhau chỉ đường tơ kẽ tóc mà được siêu thăng hay

¹⁹² Đản 12 Octobre, ngày 27 tháng 8 Bính Tý.

¹⁹³ Đản 30 Octobre 1936, ngày 18 tháng 8 Bính Tý.

bị đọa lạc cũng do nơi tâm nên người tu phải thận trọng gìn giữ cái tâm từng sát na mới được.

Trong bốn điểm *tâm hạnh đức tài*, việc rèn luyện cái tâm cho được thuần thành đạo đức, chí thiện chí mỹ là khó khăn hơn hết, là quan trọng nhất của một đời người tu hành, hàng tu sĩ, Thiên ân phải hội cho đủ mới mong hoàn thành sứ mạng phổ thông giáo lý để hướng dân vi thiện và hoằng dương chánh pháp của Chí Tôn Thượng Đế.

Để giúp quý vị một phương pháp bồi dưỡng tâm, chúng tôi trích lời dạy của Đức Đông Phương Lão Tổ để quý vị học thuộc lòng và hồi quang phản chiếu, quán tưởng nội tâm mà rèn luyện tâm cho được thanh khiết:

*“Đây phương pháp thực hành bồi dưỡng,
 Bồi dưỡng tâm quán tưởng vào tâm,
 Xét lòng trừ khử lỗi lầm,
 Học hành đạo lý sự tâm nguồn vui.
 Tâm không thể lấp vùi tham dục,
 Tâm không suy thế tục vạy tà,
 Tâm hằng bác ái vị tha,
 Tâm hằng chánh trực, nhẫn hòa, thuần lương.
 Tâm đừng để giận hờn bức bối,
 Tâm đừng cho gian dối riêng tây,
 Tâm mình là điện thờ Thầy,
 Giữ cho thanh bạch hằng ngày kính tin.
 Hằng bồi dưỡng tâm bình hạnh trực,
 Giữ đừng cho vọng thức lấn quyền,
 Bảy tình sáu dục lặng yên,
 Tâm hồn tươi sáng là Tiên siêu phàm.
 Tâm mà được công tham tịnh định,*

Ấy là nguồn dưỡng tánh tồn tâm,
 Xác thân do đó khởi mầm,
 Sống vui sống khỏe khỏi tầm linh đơn.
 Hằng ngày phải luyện thân, luyện kỹ,
 Sự uống ăn ngủ nghỉ có chừng,
 Những điều đặc thất vọng hưng,
 Bại thành ngoại cảnh xin đừng động tâm.
 Tâm dấy động là nguồn bệnh hoạn,
 Tâm khổ đau là bạn tử thần,
 Tâm hôn thanh thản láng láng,
 Ấy là diệu dược thuốc thần linh đơn.”

Để kết thúc, xin ghi nhớ lời khuyên của Đức Lý Giáo Tông:

“Tài với đức đối trao phụng sự,
 Tâm với tài bực thứ không hai.
 Có tâm mà lại có tài,
Đức, tâm, tài đủ Đạo Thầy hoằng dương.”¹⁹⁴ ■

¹⁹⁴ CQPTGLĐĐ, 29-12 Mậu Ngọ, 27-01-1979.

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

Nếu hiểu đơn thuần phổ thông giáo lý là phổ thông, phổ truyền, quảng bá một cách sâu rộng giáo lý Đại Đạo cho nhơn sanh đại chúng thì hà tất Đức Chí Tôn Cao Đài Thượng Đế phải lập thêm một Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý¹⁹⁵ sau 40 năm khai Đạo và chư Phật Tiên Thánh Thần phải bận tâm phụ tá Thầy Thượng Đế để điều dặt dạy dỗ chăm lo từ chi tiết tu học cho nhơn viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, nào những việc giảng dạy giáo lý, nào hướng dẫn những việc hành đạo lập công bồi đức, nào công phu tịnh luyện, v.v...

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý không phải là một chi phái, một Hội thánh, Giáo hội, Thánh thất, Thánh tịnh hay của một đoàn thể nào mà là một bộ máy tinh vi ráp bằng những bộ óc tự nguyện hiến thân phục vụ cho đạo pháp, cho toàn Đạo, cho nhơn sanh. Một cơ quan mà Đức Chí Tôn gọi là một bộ máy sau cùng, một cơ quan có trách nhiệm gian lao khổ cực là làm nhịp cầu thông cảm, làm gạch nối liền các Hội thánh, Thánh thất, Thánh tịnh đã bị phân hóa, cách chia bởi những nguyên nhân chủ quan và khách quan mang tính lịch sử. Một sứ mạng trọng đại khó khăn và gian khổ đòi hỏi hành giả phục vụ phải có chí hy sinh, có tinh thần vong kỷ vị tha, thuần chơn vô ngã, có tinh thần “*Cao Đài không phải là Cao Đài mới thật là Cao*

¹⁹⁵ “*Phổ là rộng khắp ngoài thế giới,
Thông là nguồn suốt tới muôn phương;
Giáo là dạy nẻo chỉ đường,
Lý là lẽ thiệt chủ trương thời bình.*”

(Đức Lý Giáo Tông, CQPTGLĐĐ, 20-5 Ất Ty, 19-6-1965)

Đài”, như lời của Đức Lý Giáo Tông Vô Vi đã phân giải, không phân biệt phái chi, không Tây Ninh, không Bến Tre, không Tiên Thiên, không Truyền Giáo... mà chỉ biết phục vụ cho Đại Đạo của Đấng Tối Cao là Đức Cao Đài Thượng Đế.

Cơ Quan không thâm nạp tín đồ nhơn sanh về cho tổ chức mình để quản trị hay gây thế lực riêng tư, mà chỉ làm công việc tu học, nghiên cứu giáo lý để sẵn sàng phục vụ cho mọi nơi khi có yêu cầu giúp đỡ và tuyệt đối không xen vào nội bộ của bất cứ tổ chức đạo nào cũng như không lãnh trách vụ của một tổ chức nào.

Cơ Quan chỉ thiết tha kêu gọi tất cả môn sanh của Đức Cao Đài Thượng Đế, vì cùng thờ Thiên Nhân, thờ Tam Giáo Đạo Tổ, cùng tôn trọng Pháp Chánh Truyền, Tân Luật và Thánh ngôn Thánh giáo của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hãy cố gắng thương yêu nhau vì Thầy đã có dạy từ buổi sơ khai Đại Đạo:

*“Chẳng quản đồng tông mới một nhà,
Cùng nhau một Đạo tức cùng Cha;
Nghĩa nhân đành gửi thân trăm tuổi,
Dạy lẫn cho nhau đặng chữ hòa.”*¹⁹⁶

Bốn phận Cơ Quan phải làm sao cho toàn Đạo ở trong nước Việt Nam, từ Bắc chí Nam đều cùng nhìn nhận có một giáo lý thuần nhất Cao Đài, cùng thờ một Cha chung nhơn loại, một Thầy Thượng Đế, quyết dạ thương yêu giúp đỡ lẫn nhau trong tình đồng đạo, đồng bào; cùng giữ chánh tâm, gìn chánh tín và hành chánh đạo, nêu gương tác phong thuần thành đạo đức, xứng đáng là đấng con tin yêu của Thượng Đế Chí Tôn. Có như vậy nhơn sanh mới tin tưởng nơi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tìm

¹⁹⁶ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1.

đến tu hành, để cùng tạo thế nhơn hòa, đem lại hạnh phúc thiết thực cho con người chớ không phải mộng lung trừu tượng, dị đoan mê tín.

Nhân viên Cơ Quan muốn thực hành việc phổ thông, phổ truyền giáo lý Đại Đạo, trước tiên phải học và hiểu rành tôn chỉ, mục đích và lập trường của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, để tuân hành nghiêm chỉnh. Phải giữ quy điều giới luật Đạo theo Pháp Chánh Truyền và Tân Luật, tối thiểu cũng phải tuân hành ngũ giới cấm và tứ đại điều quy là căn bản của mỗi tín đồ khi mới nhập môn. Ngoài ra cũng phải thường xuyên học Thánh ngôn, Thánh giáo, và thực hành đạo pháp, ít lắm thọ pháp sơ thiên tâm pháp và tiến dần lên hàng đại thừa giải thoát để có thể trực diện Đấng Cao Đài nội tại ngự tại tâm trung của mỗi con người.

Khi hiểu đạo rồi phải nhận thức tu phải hành, chớ không độc thiện kỳ thân, lo ỉn mình tu riêng để làm Tiên Phật mà vô tình trước những khổ đau của nhơn sanh, vì không có vị Phật, Tiên, Thánh nào đắc thành quả vị mà thiếu từ bi bác ái, bỏ qua công quả độ dẫn nhơn sanh cả.

Một trong những trách nhiệm quan trọng của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý là thuyết minh giáo lý. Người thuyết trình viên Cơ Quan phải tỏ thái độ khiêm cung hòa ái, cử chỉ điềm đạm trang nghiêm, sắc mặt tươi tắn, vui vẻ, mắt nhìn nhơn hậu hiền hòa, lời nói rõ ràng mạch lạc, êm ái, dễ thương để cảm hóa tha nhơn thính giả, để cho không khí hội trường được cảm nhận điển lành giao cảm thiên nhơn hiệp nhất.

Thuyết trình viên còn cần thể hiện cụ thể đạo hạnh tác phong gương mẫu cho nhơn sanh qua nếp sống đạo đức trong sinh

hoạt hằng ngày, nhất nhất đều thể hiện đạo lý, tôn chỉ, mục đích Đại Đạo.

Phổ thông giáo lý, theo lời dạy của Đức Lý Giáo Tông, phải làm như thế nào cho giáo lý có một căn bản lý luận vững chắc khoa học và khai triển sâu rộng mọi mặt, giải đáp các vấn đề then chốt của triết lý siêu hình hiện đại khoa học... Vì Ngài dạy, muốn độ người phải có trí thức siêu việt hơn đời, phải ưu thế trên mặt trí năng tư tưởng. Muốn được như vậy, nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý phải nghiên cứu, sưu tầm, học hỏi cho thâm sâu tột lý¹⁹⁷ trong tinh thần hy sinh, kiên trì liên tục bất thối chuyển, không thối bước ngã lòng mới đạt được sở nguyện lớn lao đó.

Ngoài ra, cũng theo lời dạy của Đức Lý Giáo Tông, phổ thông giáo lý không phải chỉ hiểu đơn thuần làm cho mọi người hiểu đạo là đủ, mà phải làm cho cơ Đạo được thống nhất tinh thần, thông suốt mọi dân tộc, mọi lý thuyết và mọi hoàn cảnh. Việc làm này hết sức quan trọng, khó khăn đòi hỏi hành giả phải có chí nguyện lớn như Đức Thích Ca, Khổng Tử hay Giê-su.

Những ai vào phục vụ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý cần ý thức cầu học, cầu tu, cầu luyện kỹ để cố gắng thực hiện được

¹⁹⁷ Đức Lý Giáo Tông dạy: “Hai hướng chính để chư hiền phát huy là:

(1) Xây dựng nền tảng giáo lý theo kịp trình độ văn minh khoa học, hiện đại để phổ độ khắp nhơn loại thế giới.

(2) Mặt khác, làm xiển dương thánh ý: Dân tộc Việt Nam là dân tộc được chọn làm nền móng khai sáng cơ Đạo, nên cần phát huy truyền thống văn hóa đạo đức dân tộc theo đường lối Tam Giáo Quy Nguyên, Vạn Giáo Nhứt Lý và Thiên Nhân Hiệp Nhứt, làm nổi bật thuần túy tính chất của dân tộc mà luôn khế hợp với bản thể đại đồng nhơn loại.” (CQPTGLĐĐ, 19-02 Bính Dần, 28-3-1986).

phần nào sứ mạng của mình đã nhận lãnh trước Thiên Liêng, còn việc đạt được mục đích là nhờ tập thể đồng quyết tâm, quyết chí thực hiện. Thế nên Đức Chí Tôn đã dạy: “*Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý là bộ máy tinh vi ráp bằng gan, bằng óc, bằng kiên tâm, đạo tâm để phát tiết những động năng hầu thực hiện chơn lý thuần nhất của Đại Đạo cho nhơn sanh lãnh hội. (...) Trong khi các con thi hành sứ mạng, trên phải đức độ khoan dung, dưới phải khiêm cung hòa ái, giữ đạo hạnh, rèn luyện đạo tâm, thương yêu, kiên nhẫn, trì thủ, hy sinh hầu cứu rỗi linh hồn của con khỏi sa đọa và cứu rỗi cho mọi người. Đó là con đã hoàn thành sứ mạng.*”¹⁹⁸

Nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo luôn luôn cố gắng thực hiện hai điểm chánh của Đức Lý Giáo Tông đã chỉ truyền:

1. Phổ thông giáo lý siêu đẳng đạo mầu để cứu rỗi về mặt tinh thần hay linh hồn.¹⁹⁹
2. Phổ thông giáo lý về thể sự nhân tình và những điều thiết thực hữu ích cho thể chất hay là xác thân.²⁰⁰

Đức Lý Giáo Tông xác định mục đích đường lối Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý như sau: “*Mục đích và đường lối của Cơ Quan không phải là so hàng với các chi phái và các tôn giáo khác, cũng không phải để cạnh tranh việc làm của chi phái và các tôn giáo khác, mà mục đích và đường lối của Cơ Quan là*

¹⁹⁸ Nam Thành Thánh Thất, 14-02 Bính Ngọ, 05-3-1966.

¹⁹⁹ Tức là lãnh sứ mạng Thiên Đạo Đại Thừa, tự độ và độ tha, và tu luyện theo pháp môn nội giáo tâm truyền để giải thoát.

²⁰⁰ Tức là về nhơn đạo, ngoại giáo công truyền, theo giáo lý của Tam Giáo Đạo Tổ truyền lại.

*hạt nhân, là gieo chủng tử Tam Kỳ Phổ Độ để gây ý thức quyền pháp và thể nhơn hòa Đại Đạo cho thiên hạ hầu xây dựng cõi đời thượng nguơn thánh đức, nhơn loại hòa bình, càn khôn an định.”*²⁰¹

Và Ngài xác định trách nhiệm của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý:

*“Này chư đệ muội! Trách nhiệm của Cơ Quan có hai điểm là tự độ và độ tha. Tự hoàn thiện mình và hoàn thiện tha nhơn trên hai phương diện: (1) Phổ thông phổ truyền giáo lý về mặt ngoại giáo công truyền; (2) Đạt đạo giải thoát bằng phương pháp tánh mạng song tu, về mặt nội giáo tâm truyền, đó là cứu cánh.”*²⁰²

Hiện nay, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đang cố gắng thực hiện chương trình năm điểm chính yếu mà Đức Lý Giáo Tông đã dạy như sau:

1. Đạo pháp thuần chơn, huyền vi chứng đắc tức vừa công phu tịnh luyện vừa bồi công lập đức.
2. Xác lập những yếu điểm của giáo lý Đại Đạo để hình thành một tập Giáo Lý Đại Toàn theo kịp trình độ văn minh khoa học hiện đại để phổ độ khắp thế giới nhơn loại.
3. Viết Sử Đạo cho khách quan, trung thực, chính xác.
4. Đào tạo tu sĩ, giáo sĩ, trí thức nhơn tài cho nền Đạo.
5. Kinh tế tự túc để hỗ trợ các chương trình hành đạo của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý.

²⁰¹ CQPTGLĐĐ, 01-12 Bính Dần, 31-12-1986.

²⁰² CQPTGLĐĐ, 22-01 Bính Dần, 02-3-1986.

Ngài khuyên Cơ Quan hãy lấy trí tuệ tập thể cùng công năng tịnh định và lòng hăng say phục vụ Đạo để hoàn thành năm điểm trên cho được kết quả viên mãn.

Đó là trọng tâm chính yếu hiện nay của toàn thể nhơn viên phục vụ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý. Việc làm rất trọng đại, gian lao, khó khăn, cần phải có ý chí dũng mãnh, có đủ tâm, hạnh, đức, tài và sự hộ trì của Thầy Mẹ và các Đấng Thiêng Liêng.

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý được lập thành do Thiên cơ định đoạt trong cuộc tuần hoàn để làm cơ cứu cánh cho nhơn loại trong buổi đời mạt kiếp và được Ôn Trên minh định là bộ máy sau cùng, nên sứ mạng rất trọng đại và gian khổ. Tuy chỉ thấy là một tổ chức khiêm tốn, nhỏ nhoi, đối với sứ mạng cao cả trong Tam Kỳ Phổ Độ kể ra như muôn một, nhưng mỗi nhơn viên phụ trách đều có sứ mạng đặt đề tình nguyện thọ lãnh trước Đức Chí Tôn Thượng Đế nên mỗi sáng đều tụng niệm Bài Cầu Nguyện của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý để không lãng xao trách nhiệm giao phó.

*“Nguyện đem cả tài danh quyền chức,
 Nguyện xem thường vật chất hồng mao;
 Quyết tâm xây dựng phong trào,
 Hóa hồng chánh pháp xóa màu tang thương.
 Nguyện chung sức mở đường đại chúng,
 Dem Đạo mâu công dụng mọi nơi;
 Cho người thông cảm cùng người,
 Đẹp tan sắc phái phục hồi tình thương.
 Nguyện nung nấu can trường thiết thạch,
 Nguyện giữ gìn son sắt thủy chung;
 Hi thân nguyện nước non cùng,
 Mở mang đạo lý vẫy vùng trần la.” ■*

CÂY PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐÃ ĐƠM BÔNG KẾT QUẢ CHƯA?

Sau giai đoạn 40 năm tu học và hành đạo, chúng ta cũng cần thành thật tự kiểm điểm một cách nghiêm túc để nhận xét đã làm được những gì lợi ích cho bản thân mình, cho tập thể Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo và cho toàn Đạo để không phụ lòng dìu dắt chất chiu của các Đấng Thiêng Liêng.

Năm xưa khi Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý vừa hình thành, tại Thiên Lý Đàn, ngày 14-01 Ất Tỵ (15-02-1965), Đức Chí Tôn đã ban cho những lời dạy dỗ: *“...Khi lòng con đã thành, TRI, THUYẾT, HÀNH như nhưt, thì các con sẽ thấy lý siêu việt đến với các con, là ngày mà cây Phổ Thông Giáo Lý đơm bông kết quả.”*

Chúng ta hãy xét qua từng lĩnh vực: Tri, Thuyết và Hành.

1. Tri. Tri là biết, là hiểu biết rõ ràng, sáng suốt rành mạch, không còn nghi ngờ lằng lặc, hoang mang nhờ sự học hỏi. Chính Đức Lý Giáo Tông đã bảo người tu mà không học như người mù, như người đi trong đêm tối, làm sao thấy được ánh sáng chơn lý, làm sao rõ được đâu là chơn giá, đâu là chánh tà để khỏi bị lạc vào tả đạo bàng môn mê tín dị đoan.

Cơ Quan chúng ta có học đủ chưa? Có học và đã học rất nhiều rồi, chiếu theo Lịch Trình Hành Đạo của Đức Lê Đại Tiên để tự học và qua các lớp đào tạo tu sĩ, giáo sĩ, những lớp bồi dưỡng các chức vụ từ Vụ Trưởng, Trưởng Ban, Phó Ban được tổ chức hằng tuần, hằng năm. Nhân viên Cơ Quan hàng tháng

được học triển khai các Thánh giáo của Cơ Quan vào mỗi tối mừng 2 trong tháng. Cơ Quan cũng có lớp nghiên cứu kinh Dịch hằng tuần và thường xuyên tổ chức những buổi giao lưu trao đổi kinh nghiệm với Minh Lý Thánh Hội.

Cái Tri cũng nhờ có công phu thiền định để được thông minh, sáng suốt, minh mẫn, dần dần phát sanh ra huệ mà đạt đến bát nhã chơn tâm. Nhờ định mà huệ được hoát khai, thông suốt mọi lý lẽ cao siêu mâu nhiệm của Đạo lý ẩn vi.

Việc siêng năng kiên trì bền chí học tập chắc chắn sẽ mang đến kết quả ít nhiều, còn được cao thấp hay không tùy căn trí mỗi người và Ôn Trên kiểm chứng mà thôi.

2. Thuyết. Thuyết là nói lên rõ ràng, diễn tả bằng lời nói những tư tưởng, ý nghĩ, lý luận của mình có được nhờ sự học hỏi cho người khác cùng biết. Trong tôn giáo thường gọi là thuyết minh giáo lý hay giảng đạo, thuyết đạo, thuyết pháp.

Nhân viên Cơ Quan nhất là các giáo sĩ đã được học nhiều về giáo lý, nghiên cứu nhiều triết thuyết về đạo lý, sắp xếp, hệ thống lại rồi trình bày rõ ràng qua những buổi thuyết minh giáo lý tại hội trường Cơ Quan, hay tại các Thánh thất, Thánh tịnh cho tha nhơn thính giả nghe, biết mà giác ngộ con đường tu hành, gắn bó với đạo lý tầm ra chánh pháp, thoát khỏi luân hồi, trở lại quê xưa. Đó chính là đường lối, mục đích của Cơ Quan:

*“Dem đạo mẫu công dụng mọi nơi
Cho người thông cảm cùng người
Dẹp tan sắc phái phục hồi tình thương.”²⁰³*

²⁰³ Bài kinh Cầu nguyện của nhân viên CQPTGLĐĐ

Thầy đã bảo tri và thuyết phải song hành, y hệt nhau, không sai biệt, bày vẽ đi đôi canh cải làm cho sai lạc chơn truyền hoặc Thánh ý mà chúng ta đã học nơi các Thánh giáo của Ôn Trên đã ban cho. Thí dụ hễ học và hiểu được thế nào là đạo công bình của Thánh, hạnh bác ái của Tiên và lòng từ bi của Phật thì phải diễn tả y như vậy, không được thêm bớt vẽ viên cho sai Thánh ý thì đắc tội.

Ôn Trên dạy thuyết trình viên phải giữ tác phong đạo hạnh thuần thành đạo đức, với vẻ mặt hiền hòa từ ái, lời nói phải nghiêm trang dịu dàng êm ái dễ thương để cảm hóa tha nhân thì chúng ta có hành y hay không?

Sang phân hành tức là thực hành, cụ thể hóa bằng hành động, việc làm, những điều mà Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý đã học, đã thuyết rồi, in khuôn, in rập rồi, giờ chúng ta hãy minh tra lại xem nào! Để tránh tiếng đời dị nghị rằng thuyết hành không đi đôi, có khi làm trái ngược, làm mất uy tín cá nhân và của tập thể đạo đức Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý.

Thí dụ, chúng ta đã học được chữ thương yêu của Ôn Trên, cũng đã hiểu rành thế nào là sự thương yêu, chớ không phải lời nói thương yêu suông, thì khi bắt tay vào áp dụng sự thương yêu thì chúng ta không làm đúng theo lời dạy của Ôn Trên cũng như những lời thuyết minh của mình về sự thương yêu? Tại sao chúng ta thực hành chưa được. Vì chúng ta chưa mở hoát được cõi lòng từ ái của chính mình, chúng ta còn thương cái ta bản ngã của mình hơn người khác, chúng ta chưa quên mình được, còn biệt phân nhĩ ngã, ta người. Chúng ta chưa thật sự thâm nhập lời dạy của Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ về sự thương yêu, chúng ta không tin hay không sợ rằng “*Kẻ nào ghét sự thương yêu thì không được gần Thầy*”, hay lời răn của Thầy: “*Nếu*

không đủ sức thương yêu, thì cũng chẳng đáng ghét nhau, nghe à!”

Thí dụ thứ hai, Ôn Trên dạy làm công quả để giải tiền nghiệp và trợ duyên cho phần công phu nhẹ bớt khổ đau, chúng ta không trọn vẹn vâng lời. Học được hai chữ thương yêu, thuyết rất hùng hồn sự thương yêu, hô hào kêu gọi đồng đạo làm công quả như giúp thiên tai bão lụt, động đất, sóng thần, mà chúng ta ngần ngại cân nhắc đắn đo sợ hao tiền của. Đó là ba việc tri, thuyết và hành không đi cùng nhau một lượt như nút.

Chúng ta hãy thử mở mắt huệ nhìn xem để đo mức độ tu chúng sau bao năm tu học, hành đạo và công phu để nhìn coi cây Phổ Thông Giáo Lý đã trở nụ, kết hoa chưa. Chúng ta hãy lấy ví dụ cây mai của mùa Xuân Ất Dậu vừa qua trồng trước sân nhà, đến ngày 29, 30 tháng Chạp trở nụ đều chưa, hoa vàng đã nở đều chưa hay còn thưa thớt, để so sánh với cây hoa của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý mà cảm nhận cái lý siêu việt do Cơ Quan thực hành được ba điều: Tri, Thuyết, Hành như nút như lời Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ đã bảo.

Phần 5

Bài viết về tôn giáo bạn và kinh điển đạo giáo

- ĐỨC CHÚA JÉSUS CHRIST ĐẾN VỚI ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
- TỪ THÁNH NGÔN HIỆP TUYỂN ĐẾN ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO - NHỊ XÁC THÂN
- LÃO, KHÔNG ĐỀU CHỦ TRƯỞNG SỐNG VUI
- CUỘC KHẢO THÍ TUYỂN SINH VÀO TU VIỆN PYTHAGORE
- THẦN LINH HỌC VỚI GIÁO LÝ CAO ĐÀI
- TỨ DIỆU ĐẾ VÀ CON ĐƯỜNG TRUNG ĐẠO CỦA PHẬT GIÁO
- VÀI ĐẶC ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO
- CHƠN DUNG ĐỨC KHÔNG TỬ
- BÀI THUYẾT PHÁP CỦA TỔ SƯ BỒ ĐỀ ĐẠT MA
- TỨ VÔ LƯỢNG TÂM

ĐỨC CHÚA JÉSUS CHRIST ĐẾN VỚI ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Trong đàn cơ đêm lễ kỷ niệm Đức Giê Su Ki Tô (Jésus-Christ) giáng sinh, 24 tháng 12 năm 1965 tại Huồn Cung Đàn ở Vĩnh Hội - Saigon, Đức Gia Tô Giáo Chủ cho bài thi:

“Thích, Nho, GIA, Lão một đường về,
Chánh tín TÔ bồi thoát muội mê;
Độ thế GIÁO dân tùy mỗi xứ,
Một trời CHỦ tế khắp tư bề.”

Khoán tâm bài thi, ta đọc được danh xưng của Ngài là Gia Tô Giáo Chủ.

“... Jésus Christ, ta chào các hướng đạo Việt Nam, tín đồ của Thượng Đế. Ta lấy làm vui mừng đến chứng lễ Giáng Sinh của Ta ở lòng tốt đẹp của các người, và cũng vui mừng nhìn thấy một dân tộc nhỏ đã đứng lên nói được sự thương yêu, tình nơn loại trong hòa đồng đạo giáo trên thế giới ngày nay và cũng sẽ nói những đám cỏ non xanh ròn rợn, những dòng suối mát trong lành đang lâng lâng chảy. Thiên sứ sẽ mang các cỗ xe chở đoàn chiên từ đông sang tây, từ nam sang bắc để kêu lên những tiếng vui mừng ngoan ngoãn, dưới sự phát ban công bình của Đức Chúa Trời tức Thượng Đế mà không còn ai giành giật cắn xé nhau nữa. Thượng Đế cứu thế sẽ đến với các người, bàn tay lành đờ phép mầu cho các người được sáng suốt trong luật công bình của Thượng Đế.

Ta muốn nói: các Đấng cứu thế ngày xưa đã hy sinh với lẽ công bình, thì ngày nay không có khác. Ta hy sinh trong sự công bình của Đức Chúa Trời cũng như các hướng đạo Việt Nam đã và sẽ hy sinh trong luật công bình của Trời, tức Đấng Cao Đài cứu thế ngày nay vậy! Hy sinh để làm sáng tỏ lẽ công bình cho thế gian, cho nhơn loại.

(...)

*Chính Ta đã hiến mình thọ khổ,
Cho loài người biết chỗ công bình,
Dù rằng giáo chủ toàn linh,
Cũng do các luật công bình mà thôi.*

(...)

*Ta là một trong trường nhơn loại,
Cùng thế gian Ta phải gánh gông;
Thà cam chịu đổ máu hồng,
Gương hy sinh để nhắc lòng hy sinh."*

Nơi câu đầu của bài thi, Đức Gia Tô Giáo Chủ minh xác là bốn tôn giáo lớn hiện hữu: Thích là Thích giáo hay Phật giáo, Nho là Nho giáo hay Khổng giáo, Lão là Lão giáo hay Tiên giáo đều cùng đi chung một con đường là dắt đưa nhơn sanh về nẻo đạo, trở về với Đức Thượng Đế Chúa Trời. Ngài lại xác nhận: Ta muốn nói các đấng cứu thế ngày xưa (như đức Thích Ca, Khổng Tử, Lão Tử... và chính Ngài) đều đã hy sinh trong lẽ công bình của trời để cứu thế, độ dân; cũng như ngày nay các hướng đạo ở các tôn giáo hiện hữu không có khác sứ mạng, chỉ có khác là thời gian xưa và nay, nhưng mục đích duy nhất là cứu đời độ thế mà thôi! Thế nên tôn chỉ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ngày nay là qui nguyên tam giáo, Gia Tô giáo nằm trong Thánh giáo nên chỉ kể có ba, hay muốn nói rõ hơn là tứ giáo "Thích, Nho, Gia, Lão một đường về".

Câu thứ ba trong bài thi: "*Độ thế giáo dân tùy mỗi xứ*", có nghĩa là các Đấng Giáo Tổ khi xưa lãnh sứ mạng của Thượng Đế giảng trần, tùy theo dân tộc của mỗi xứ, phong tục tập quán của mỗi địa phương mà hướng dân vi thiện, tránh làm điều ác, thương yêu dẫn dắt giúp đỡ lẫn nhau trong tình huynh đệ, anh em một nhà, để sống trong cảnh thái hòa an lạc, vì thời xưa các nước xa cách nhau chưa có phương tiện liên lạc giao thông mau lẹ, dễ dàng như ngày nay. Giờ đây thế giới đã tiến bộ rất nhiều với máy móc điện tử, truyền thông TSF, internet.v.v...

Thánh giáo Đức Cao Đài Thượng Đế cũng đã minh xác việc này trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyền 1: "*Vốn từ trước Thầy đã lập ra ngũ chi đại đạo là: Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo. Tùy theo phong hóa của nơn loại mà gây Chánh giáo, là vì khi trước: cần vô đắc khán, khôn vô đắc duyệt thì nơn loại duy có hành đạo nội tư phương mình mà thôi. Còn nay thì nơn loại đã hiệp đồng. Cần khôn dĩ tận thức, thì lại bị phần nhiều đạo ấy mà nơn loại nghịch lẫn nhau, nên Thầy mới nhất định qui nguyên, phục nhất."*

Đức Giê Su Ki Tô (Jésus Christ) là ai?

Thánh giáo của Đức Cao Đài Thượng Đế - Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyền 1, có minh xác trong đàn cơ đêm Noël 1925 như sau:

"Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát giáo Đạo Nam phương."

Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên;
Đạo mầu rưới khắp nơi trần thế,

Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.

Đêm nay, 24 Décembre, phải vui mừng vì là ngày của ta xuống trần dạy Đạo bên Thái Tây (Europe). Ta rất vui lòng mà thấy đệ tử kính mến ta như vậy. (...) Ta sẽ làm cho thấy huyền diệu đặng kính mến Ta hơn nữa".

Theo đó, chúng ta biết được Đức Giê Su Ki Tô chính là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế chiết phần lớn Đại linh Quang của Ngài để giảng trần mở đạo cứu thế bên Thái Tây hai ngàn năm về trước, bởi thế nên Ngài giảng cơ xung là Ngôi Hai Giáo Chủ - người tín đồ Thiên Chúa Giáo gọi người là con một của Đức Chúa Trời là đúng như vậy.

Người tín đồ Cao Đài cần phải hiểu giáo lý của Thiên Chúa Giáo (hay Gia Tô giáo) cũng như của Tam giáo (Thích, Khổng, Lão) để hòa đồng cùng với mọi tôn giáo trên thế giới trong tinh thần Vạn giáo nhất lý của Đại Đạo.

Vì phạm vi nhỏ hẹp của bài này, chúng tôi chỉ xin trình bày đại cương, khái quát giáo lý của Gia Tô giáo.

Cũng như Cao Đài Giáo có bửu kinh Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (TNHT), Thiên Chúa Giáo có Thánh Kinh La Bible - Quyển Thánh Kinh này do 4 vị tông đồ của Đức Chúa Kitô kết tập lại những lời giảng dạy của Chúa hồi Ngài còn sanh tiền là các Thánh: Mathieu, Jean, Paul và Luc. Sau này, vào năm 1945 người ta còn tìm được trong vùng Nag Hansnadi ở Ai Cập 114 bài viết (logion) của Thánh Thomas ghi lại những lời dạy của Đức Giê Su Ki Tô mà Ngài đã trực tiếp nghe được còn gọi là Sermons sur la montagne, đó là căn bản giáo lý của Thiên Chúa Giáo và làm bài học trên bước đường tu thân hành đạo giúp đời rất thực tiễn.

Về việc làm phước, mà Tam giáo gọi là làm phước thiện, thể hiện lòng từ bi bác ái mà Cao Đài gọi là công quả trong pháp môn Tam Công (Công Quả, Công Trình và Công Phu), Đức Chúa Giê Su Ki Tô dạy môn đệ Ngài như sau: *“Khi các con làm phước, các con đừng thổi kèn trước mặt con như những người giả đạo đức ở trong nhà thờ và đứng ngoài đường để cho thiên hạ biết và tâng bốc các con. Sự thật, Ta nói cho các con biết, chúng nó có phần thưởng của chúng. Nhưng con, khi con làm phước, tay trái của con không cần phải biết những gì tay phải của con đã làm, để cho việc thiện con làm được thực hiện trong sự kín đáo. Cha của con vẫn thấy trong sự kín đáo đó và sẽ ban thưởng cho con”*.

Tam giáo cũng dạy tương tự làm phước như vậy là âm chất, bổ thí trong sự kín đáo âm thầm không ai hay biết, không quảng cáo, không khoe khoang, không cần được đền ơn với tinh thần vô vi, vô ngã, vô danh gọi là âm chất.

Về việc cầu nguyện và cúng kiến, Đức Chúa Giê Su Ki Tô dạy: *“Khi con cầu nguyện, con đừng làm như những người giả đạo đức vì chúng nó thích đứng mà cầu nguyện trong nhà thờ và ở các ngã đường để cho thiên hạ thấy chúng đang cầu nguyện. Sự thật, Ta nói với các con, chúng nó vẫn có phần thưởng của chúng. Nhưng với con, con hãy vào trong phòng của con, đóng cửa lại mà cầu nguyện. Cha các con đang ở đó, trong sự im lặng và kín đáo vẫn thấy con làm việc đó và sẽ ban thưởng cho các con.*

Khi con cầu nguyện, đừng lập đi lập lại những lời trống rỗng như người ngoại đạo chỉ nghĩ đến việc được ban ơn và nói chuyện rất nhiều. Các con đừng nên làm giống như họ vậy!

Bởi vì Cha các con ở trên trời biết các con cần những gì trước khi các con cầu xin với người.” (Mathieu VI)

Đối với Tam giáo thì cầu nguyện linh ứng hay không cốt ở tâm lòng chân thật, chí thành, chí kính thì tự nhiên có sự cảm ứng của thiêng liêng: hễ người nguyện điều lành thì trời ắt từng theo để ban điều lành: nhưu hữu thiện nguyện, thiên tất từng chi.

Về việc hiến cúng lễ phẩm, Đức Giê Su Ki Tô còn dạy: *“Nếu con đem phẩm vật đến hiến dâng trên bàn thờ mà sực nhớ đến người anh em còn có điều gì chống đối con, thì con hãy để lại đó, và con hãy trở về hòa giải với người anh em con đã, rồi sau đó con hãy trở lại mà dâng hiến phẩm vật đến thiêng liêng.” (Mathieu V)*

Về việc xét người, xét mình, Đức Giê Su Ki Tô có dạy: *“Con đừng xét xử ai hết để khỏi bị ai xét xử lại mình; bởi vì cách thức các con xét xử, các con sẽ bị xét xử lại y như thế và những phương tiện mà các con sử dụng sẽ được người sử dụng lại cho các con - Tại sao con thấy cọng rơm trong mắt của người anh em con mà con không thấy cây đũa to lớn trong con mắt của con? Hay cũng như con nói với người anh em rằng: hãy để tôi lấy cọng rơm trong con mắt của anh ra mà con đã không thấy cây đũa trong con mắt của chính con. Giả đạo đức! vậy con hãy tháo gỡ cây đũa trong mắt của con ra đã và sau đó hãy lấy cọng rơm trong mắt của người anh em”.*

Chúng ta hãy nghe Chúa Giê Su Ki Tô dạy về việc ném đá một người phụ nữ (Mathieu VII): Trên đường truyền giảng đạo, đến một nơi, đức Giê Su Ki Tô gặp một đám đông đang bu lại bắt tội và liệng đá vào một người đàn bà đang rên rỉ, than khóc,

Chúa liền bảo họ hãy ngừng tay và nói lớn cho cả bọn cùng nghe: *“Các người tự xét mình coi trong đời đã có bao giờ làm lỗi chẳng? Nếu ai xét thấy trong đời mình chưa hề làm điều lầm lỗi thì hãy liệng đá vào người đàn bà này!”* Đám người kia đang nhón nháo bỗng nhiên yên lặng tỏ vẻ suy nghĩ rồi sau đó từ từ kéo nhau đi hết.

Hãy thương yêu và cầu nguyện cho kẻ thù. Đức Chúa Giê Su Ki Tô dạy:

*“Đây Ta cũng nhắc lại những lời dạy của Ta khi xưa với các tông đồ rằng: Các con hãy yêu thương nhau như Thầy yêu thương các con vậy. Và các con hãy yêu thương những kẻ ghét các con và làm ơn cho những kẻ bắt bớ vu cáo các con để xứng đáng là con của Cha trên trời. Là Đấng đã làm cho mặt trời mọc, soi người lành người dữ, làm mưa xuống cho người công chính và người tội lỗi. Và các con không nên phán xét ai để khỏi bị phán xét. Bởi luật vô hình không ai thoát khỏi ngày phán xét đại đồng cả và thế gian dù người chết cùng người sống cũng thưởng phạt rất đúng mức công bình.”*²⁰⁴

Ngài cũng dạy chư môn đồ: nếu các con chỉ thương những người thương các con thôi thì có gì xứng đáng ở các con đâu! Những quan lại thâm thuế có làm gì khác hơn con đâu! Và nếu các con không chịu đón tiếp người anh em các con thì các con có làm gì khác thường đâu! Chính người ngoại đạo cũng làm như vậy không khác - các con hãy trọn lành như Đức Chúa Trời của các con trọn lành vậy!

Đức Cao Đài Thượng Đế là Cha của Đức Ki Tô cũng dạy: *“Thầy là Cha của sự thương yêu, kẻ nào ghét sự thương yêu là*

²⁰⁴ Tòa Thánh Tiên Thiên, Tý thời, Giáng Sinh 24-12-1963.

không được giận Thầy.” Và còn căn dặn: *“Thầy cấm các con từ đây, nếu không đủ sức thương yêu nhau thì chẳng đặng ghét nhau, nghe à!”* (TNHT 2)

Sự thương yêu đối với môn sinh Cao Đài rất quan trọng, nếu không thực hành bằng được thì không thể trở về được Bạch Ngọc Kinh, nơi mà Phật giáo gọi là Niết Bàn và là chốn Thiên đàng của Thiên Chúa giáo.

Thầy có dạy: *“Sự thương yêu là chìa khóa mở Tam Thập Lục Thiên, Cực Lạc Thế Giới và Bạch Ngọc Kinh. Kẻ nào ghét sự thương yêu thì chẳng hề qua khỏi cửa luân hồi.”* (TNHT 2)

Thầy còn nhắc thêm: *“Thầy có dạy các con: không thương được kẻ ghét con thì không giận được Thầy. Các con muốn giận Thầy, hiệp cùng Thầy thì bỏ lòng thương ghét, lấp nẻo thị phi, đoạn dứt nhân quả. Bao nhiêu đó làm tánh Đạo các con sáng ngời. Các con sẽ hóa giải mọi khó khăn khổ não để hiệp cùng Thầy.”*²⁰⁵

Thầy thường dạy: *“Con Thầy thì phải giống Thầy ; Giống Thầy ở chỗ đủ đầy thương yêu”*. Đức Chúa Giê Su Ki Tô là con một của Thượng Đế lẽ dĩ nhiên là giống Thượng Đế (tel père tel fils) những lời dạy của Ngài cũng từ nơi Đức Thượng Đế truyền cho.

Đức Chúa Ki Tô dạy về sự nhẫn nhục. Ngài dạy môn sanh như sau: *“Theo cựu luật, lấy mắt trả mắt, và lấy răng trả răng, để trừng phạt. Nhưng Ta, Ta nói với các con đừng có chống đối với kẻ hung bạo! Trái lại kẻ nào đánh má bên phải của con thì con hãy đưa má trái cho nó đánh nốt. Nếu có kẻ chống đối hay*

²⁰⁵ CQPTGLĐĐ, 15-01 Đinh Tỵ, 04-3-1977.

đòi lấy thêm cái áo ngụy hàn (manteau) của con và nếu có kẻ muốn ép con làm một ngàn việc cho nó thì con hãy làm hai ngàn. Hãy cho người nào xin con và không nên ngoảnh mặt với những ai muốn mượn tiền con.” (Mathieu V)

Tam giáo cũng có dạy: Đừng lấy oán trả oán mà phải lấy ơn trả oán thì oán mới dứt, phải thi ân bố đức. Phật, Tiên đều dạy thực hành hạnh bác ái từ bi.

Về việc khắc kỷ tránh làm tội lỗi: Đức Chúa Giê Su Ki Tô có dạy như sau: *“Nếu con mất phải của con làm cho con sa vào tội lỗi, thì con hãy móc nó ra và liệng nó ra xa khỏi mình con, thà là để một phần thân thể con chết đi hơn là cả xác thân con phải sa vào địa ngục! Nếu cánh tay mắt của con làm cho con phải sa vào tội lỗi, thì con hãy chặt bỏ và liệng nó đi nơi khác, bởi vì tốt hơn, thà để một phần thân thể của con chết đi hơn là giữ vẹn tám thân mà phải đọa đày vào địa ngục”.*

Theo Chúa Giê Su Ki Tô, nếu cần phải móc mắt, chặt tay để diệt trừ tội lỗi thì cũng phải cương quyết hy sinh mà thực hiện, vì tội lỗi làm cho chúng ta xa lìa Thượng Đế là Đấng trọn lành, đại từ, đại bi. Thà rằng đau đớn xác thân còn hơn là để linh hồn không được toàn vẹn, bị như bản, ô uế vì tội lỗi do xác phạm xúi giục!

Qua lời dạy của Đức Giê Su Ki Tô mà chúng tôi vừa nêu, chúng ta thấy Chúa đặt nặng vấn đề trau dồi tâm linh hơn là vật chất. Ngài khuyên chúng ta lo khắc kỷ sửa mình và hãy kín đáo làm những việc phước đức vì Thượng Đế vẫn công bình xét thấy để ban ơn. Ngài muốn ta được trọn lành, trọn tốt và trong sáng để được về gần gũi với Đức Chúa Trời Thượng Đế, vốn công bình, đại từ, đại bi thương yêu nhân loại.

Chúa Giê Su Ki Tô đã dạy rất nhiều, chúng tôi chỉ tạm trích những lời dạy cốt yếu để học và noi gương hy sinh cứu thế của Ngài.

Trước khi chấm dứt, chúng tôi xin đọc lại những lời kêu gọi thiết tha của Ngài đến dân tộc Việt Nam trong dịp đàn cơ nhân ngày giáng sinh tại Thánh thất Bàu Sen (Chợ Lớn):

“Ta đến với một mùa Đông đầy gió rét,
 Để hy sinh cứu rỗi cho hơn loài,
 Ta lại đến trong cơn lửa bỏng dầu sôi,
 Để cất tiếng từng hồi gọi đàn chiên lạc lõng.
 Chúa Cứu thế muôn đời còn mãi sống,
 Sống muôn đời và mãi sống muôn đời,
 Việt Nam ơi! Hồng Lạc ơi!
 Đáng Thương Đé, Đức Cao Đài đang ngự trị.”

(...)

Hỡi dân tộc được chọn, dân tộc được thương yêu. Một hân hạnh lớn lao, một hãnh diện to tát chưa hề được đem ra từ một dân tộc của một quốc gia trong muôn vàn quốc gia mà Đại Từ Phụ điểm nhuận. Trách vụ cam go chỉ giao cho người chí khí. Mọi thử thách sẽ định giá cho thành quả của sự vụ mai sau.”

Xin cảm đội ơn Chúa và cầu xin Chúa ban rải ơn lành cho toàn thể nhân loại được bình an hạnh phúc. ■

TỪ THÁNH NGÔN HIỆP TUYỂN ĐẾN ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO - NHỊ XÁC THÂN

Người tín đồ Cao Đài có hai quyển kinh tở là “Thánh Ngôn Hiệp Tuyển” của Hội Thánh đầu tiên xuất bản và “Đại Thừa Chơn Giáo” do Đoàn Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi xuất bản, trong đó Đức Cao Đài Thượng Đế và chư Phật Tiên dạy đạo lý rất đầy đủ từ Ngoại Giáo Công Truyền (Phổ độ) đến Nội Giáo Tâm Truyền vì quyển sau (1936) bổ túc cho quyển trước (1926), 10 năm sau khi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ khai minh vào rằm tháng 10 năm Bính Dần (1926) tại chùa Gò Kén ở Tây Ninh.

Với bài này, chúng tôi trình bày mục Nhị Xác Thân qua các lời dạy của Thầy nơi Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Đại Thừa Chơn Giáo.

Thánh Ngôn Hiệp Tuyển

Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, đàn ngày 08-6 Bính Dần, 17-7-1926, Thầy có dạy:

“Ngọc Đầu Sư khả tu truyền pháp, thuyết Đạo. Kẻ nào trai giới đặng mười ngày trở lên, thọ bửu pháp đặng. Chư Môn Đệ phải trai giới. Vì tại sao?”

Chẳng phải Thầy còn buộc theo cựu luật, song luật ấy rất nên quý báu, không giữ chẳng hề thành Tiên Phật đặng.

Thầy cắt nghĩa:

Mỗi kẻ phàm dưới thế này đều có hai xác thân. Một phàm gọi là corporel. Còn một thiêng liêng gọi là spirituel. Mà cái thiêng liêng do nơi cái phàm mà ra, nên gọi nó là bán hữu hình, vì có thể thấy đặng mà cũng có thể không thấy đặng.

Cái xác vô hình huyền diệu thiêng liêng ấy do nơi Tinh Khí Thần mà luyện thành.

Nó nhẹ nhàng hơn không khí.

Khi rời xác phàm xuất ra, thì lấy hình ảnh của xác phàm như khuôn in rập. Còn khi đắc Đạo mà có Tinh Khí, không có Thần thì không thể nhập mà hằng sống đặng.

Còn có Thần mà không có Tinh Khí thì khó hườn đặng Nhị Xác Thân.

Vậy ba món báu ấy phải hiệp mới đặng.

Nó vẫn là chất, tức hiệp với không khí Tiên Thiên, mà trong khí Tiên Thiên thì hằng có điển quang. Cái Chơn Thần buộc phải tinh tấn, trong sạch mới nhẹ hơn không khí ra khỏi ngoài Càn Khôn đặng.

Nó phải có bốn nguyên chí Thánh, chí Tiên, chí Phật mới xuất Thánh, Tiên, Phật đặng.

Phải có một thân phàm tinh khiết mới xuất Chơn Thần tinh khiết.

Nếu các con còn ăn mặn luyện Đạo rủi có án chứng thì làm sao mà giải tán cho đặng?

Như rủi bị hườn, thì đến khi đắc Đạo, cái trọc khí ấy vẫn còn, mà trọc khí thì lại là vật chất tiếp điển (bon conducteur d'électricité) thì chưa ra khỏi lần không khí đã bị sét đánh tiêu

diệt. Còn như biết khôn thì ẩn núp tại thể mà làm một bậc “Nhân Tiên” thì kiếp đọa trần cũng còn chưa mãn.

Vì vậy, Thầy buộc các con phải trường trai mới đặng luyện Đạo.”

Với Thánh giáo này, ngay từ buổi mới khai Đạo, Thầy cũng đã dạy truyền pháp cho kẻ nào trai giới 10 ngày trở lên và muốn luyện Đạo phải trường trai mới đặng. Luyện Đạo là luyện tam bửu Tinh Khí Thần để tạo một Nhị xác thân. Xác thân thứ hai thiêng liêng vô hình (périsprit) ngoài xác thân nhục thể hữu hình của chúng ta. Hơn nữa Tân luật của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chương Tịnh Thất có định nghĩa là nhà thanh tịnh để cho các tín đồ vào mà tu luyện và ghi 8 điều lệ nghiêm chỉnh để tịnh viên phải tuân theo kỷ luật tịnh trường.

Người môn sanh Cao Đài cần tu luyện là mong giải thoát kiếp luân hồi đọa lạc trần ai khổ lụy này, mà đó chính là mục đích tối yếu của việc tu hành. Đức Thượng Đế mở Đạo Kỳ Ba để độ rỗi các bậc nguyên căn còn sa đọa và Thầy hứa tái lập đời Thượng ngươn Thánh đức cho Nhơn loại được hưởng sau Hội Long Hoa lọc thánh phân phàm.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyên, Quyển 2, đàn ngày 18-01-1927, khi dạy về Giới tửu, Thầy cũng nhắc lại về Nhị Xác Thân, như sau:

“Thầy nói cái Chơn Thần là Nhị xác thân các con, là khí chất (le sperme), nó bao bọc thân thể các con như khuôn bọc vậy, nơi trung tâm của nó là óc, nơi cửa xuất nhập của nó là mở ác, gọi tiếng chữ là Vi Hộ; nơi ấy Hộ Pháp hằng đứng mà gìn giữ chơn linh các con. Khi luyện thành Đạo, đặng hiệp một với

khí, rồi mới đưa thẩu đến Chơn Thần, hiệp một mà siêu phàm nhập thánh".

Như vậy, người tín đồ Cao Đài dầu ở chi phái nào siêng tu luyện là không sai chơn truyền của Thầy từ buổi sơ khai, miễn phải được bực Minh Sư truyền pháp, được Ôn Trên hướng dẫn. Nếu vào Đạo chỉ biết cúng kiến, tụng kinh mà không lo tu tâm dưỡng tánh, lập đức bồi công và luyện Đạo để giải thoát linh hồn thì có ích gì. Miễn hành giả đừng dục vọng mong thành Tiên Phật, ham luyện Đạo mà khinh thường việc làm công quả, trợ nghèo giúp khổ cho đồng bào, không lo tu tâm luyện tánh thì việc đắc Đạo khó thành. Hành giả phải hành đủ tam công tức là công quả, công trình, và công phu thì kết quả mới viên mãn. Ôn Trên thường bảo không có vị Tiên Phật nào đắc thành mà thiếu một trong Tam công.

Đại Thừa Chơn Giáo

Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 16-8 Bính Tý, 01-10-1936, bài “Thất tình lục dục, Tam thi cửu cử”, Thầy có dạy về Nhi Xác Thân:

“Ngoài cái giả thân này, còn một cái chơn-thân khác nữa. Chơn-thân ấy là chi? Là nhị xác thân vậy. Cái xác thân ấy mới vững bền muôn kiếp, sống mãi bằng Trời, không tử, không sanh, không thêm, không bớt. Luyện đặng cái chơn thân này thì trường sanh bất tử, khỏi chịu quả báo luân hồi, đời đời kiếp kiếp an hưởng vui chơi nơi bông lai tiên cảnh. Ấy là Chơn Nhơn.

Thầy thấy người đời hằng lầm tưởng cái giả thân (Nhơn thân) này tu luyện đặng cầu bất tử, trường sanh. Khờ lắm thay!

Đại lảm thay! Bởi câu-chấp mà sa mãi tội tình, trâm luân muôn kiếp. Cái xác thân nặng nề, như bản thúi tha này còn ham hố làm chi? Cái điểm linh hồn bị mang xác thịt này chẳng khác như bị núi Thái Sơn dần chận. Cái điểm linh hồn ngày nào bỏ đặng xác thân này thì chẳng khác chi để gánh Thái Sơn xuống vậy.

(...)

Linh hồn ra khỏi xác thân này thì mừng vui khôn xiết, khoái lạc vô cùng. Những linh hồn còn nặng nghiệp quả tiền khiên phải chịu vâng theo Tạo Công sai khiến, mượn xác thịt lập công, trả rồi nghiệp quả. Những Phật Tiên ngày trước cũng dùng điểm linh quang giáng thế, mượn xác thịt mà luyện Đạo. Lấy nguơn khí nguơn tinh hiệp cùng nguơn thần tạo nên Tiên Phật. Có nhì xác thân thì từ đó sắp sau mới là có thứ ngôi địa vị, chớ điểm linh quang là một cái yếng sáng mà thôi, nhưng cũng biết linh thông biến hóa.”

Ở bài “Luận về Đại Đạo tâm truyền”, đàn ngày 05-8 Bính Tý, 20-9-1936, Thầy cắt nghĩa hai chữ Tu Luyện như sau:

“Chữ TU là gì?

Tu là bồi bổ tinh khí thần cho đầy đủ, đức tánh cho hoàn toàn, bỏ nhờn đục tâm đường thiên lý thuận mạng, giữ thanh tịnh ôn hòa, chỗ nào sứt mẻ hư hao thì tô bồi cho đầy đủ.

Chữ LUYỆN là gì?

Luyện là trau giồi cho sáng suốt hoàn toàn, giữa mài, rèn đúc tron tru khéo léo.

Tu mà không luyện thì chẳng khác chi một cục sắt không rèn làm sao thành một món khí giới? Luyện là rèn, thì chẳng khác nào một cục sắt đó còn đương vô dụng, luyện nó phải nung cho nó cháy, rồi đập giũa, cạo, gọt, rèn, đúc mới thành cái khí giới. Người tu cũng thế.

Muốn cho huệ mạng tròn đầy sáng suốt thì cần phải phan luyện, mài giũa ngày đêm cho thành Kim Thân, Phật Tử. Ấy là phương pháp tu luyện.

Các con khá biết rằng Thầy hằng nói: Thầy là các con, các con tức là Thầy. Có Thầy mới có các con, mà có các con rồi mới có chư Tiên, Phật, Thánh, Thần; thì người là "tiểu thiên địa". Điểm linh quang nào muốn tạo Phật tác Tiên cũng phải đầu thai vào thế giới hữu hình vật chất. Dầu cho một vị Đại La Thiên Đế giáng trần đây không tu luyện cũng khó mong trở lại.

Điểm LINH QUANG là gì?

Là một cái yếng sáng mà thôi. Thái Cực là một Khối Đại Linh Quang chia ra, ban cho mỗi người một điểm Tiểu Linh Quang khi đầu thai làm người. Đến chết điểm linh quang ấy quay về hiệp nhứt với Đại Linh Quang.

Các con có rõ hai chữ THIÊNNG LIÊNNG chẳng?

Thiênng Liênng là nối tiếp theo. Hễ kẻ nào tu đắc Đạo cũng phải chịu dưới luật riêng cơ pháp.

Trời ban cho mỗi người một điểm linh quang (nguồn thần). Điểm linh quang ấy phải đầu thai xuống thế giới hữu hình vật chất này mượn xác phàm tu luyện mới thành Tiên đắc Phật.

Nhờ có cái xác phàm này mới thành Đạo mà tạo Phật tác Tiên, tiêu diêu cảnh lạc. Tại sao vậy?

Tại tuy có nguồn thần mà không có nguồn tinh, nguồn khí thì làm sao tạo thành Nhị xác thân? Nguồn thần là dương, nguồn khí là âm. Đạo phải có âm dương mới sản xuất anh nhi tạo thành Xá Lợi.

Mượn cái xác phàm này mà lấy nguồn tinh (khí huyết) rồi luyện nguồn tinh cho thành nguồn khí thì tinh Hậu Thiên trở lại Tiên Thiên.

Luyện nguồn khí là nuôi lấy nguồn thần cho sáng suốt. Dầu cho vị Phật Tiên nào cũng vậy, phải chịu đầu thai vào thế giới vật chất luyện cho thành Thánh thai Phật tử mới về ở thế giới hư linh, chớ đừng nói trong hàng Phật, Tiên đấng Đạo mà không tu luyện theo pháp này, thì làm sao thành chánh quả!!!

Pháp luyện đơn chẳng chi lạ. Hễ muốn tạo thành Thánh thai phải dụng công phu nghịch chuyển pháp luân thì thành Thánh, còn thuận hành như dục thì là vi phàm." ■

LÃO, KHÔNG ĐỀU CHỦ TRƯỞNG SỐNG VUI

Hai vị Tổ sư của Không giáo và Lão giáo đều chủ trương con người phải sống vui.

Theo Lão Trang, muốn sống vui, sống hạnh phúc thì có hai cách cần phải noi theo: Thuận Thiên và Dưỡng sinh.

1. Thuận Thiên

Thuận Thiên tức sống phù hợp theo đạo Trời, đạo tự nhiên, hòa hợp cùng thiên nhiên Tạo hóa. Muôn vật do đức háo sanh sanh thành, dưỡng dục quần linh tạo ra trên thế gian này với muôn hình vạn vẻ, xinh tươi tốt đẹp. Như vậy, với bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông điều hòa thời tiết là để con người được hưởng nếu biết cách sống thuận thiên, theo lẽ Trời, không cưỡng chống lại thiên nhiên để sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc.

Trang Tử, trong chương XIII, Thiên Đạo (Đạo Trời) có nói: Sự hư tĩnh, điềm đạm, tịch mịch, vô vi là bình chuẩn của vũ trụ, mức chí cao của đạo đức.

Tâm thân hư không thì tĩnh, do cái tĩnh đó mà phát động thì việc nào cũng hợp nghi. Tĩnh thì vô vi, người trên mà vô vi, thì người dưới làm tròn trách nhiệm. Vô vi thì vui vẻ, vui vẻ thì không lo lắng gì cả mà trường thọ. Hư tĩnh, điềm đạm, tịch mịch, vô vi là gốc của vạn vật. Hiểu rõ cái đức của Trời đất thì là thấy được cái gốc lớn, cái tôn chỉ lớn mà hòa hợp với Trời,

quân bình thiên hạ mà hòa hợp với người. Hòa hợp với người thì vui, hòa hợp với Trời thì chia cái vui của Trời.

Ai muốn vui với thiên hạ, muốn được cái vui của Trời thì sống và hành động thuận với Trời, chết là biến hóa cũng như mọi vật, tĩnh thì cũng tĩnh mịch với khí âm, động thì cũng cùng xô đẩy, biến thiên với khí dương. Ai biết được cái vui của Trời thì không bị Trời giận, không bị người chê, không bị lụy vì vật, không bị quỷ thần trách.

Nên sách xưa có nói: Thuận Thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong. Thuận theo Trời thì sống, còn nghịch theo Trời thì chết.

Đem cái hư tĩnh truyền khắp vũ trụ, tới vạn vật, như vậy là cái vui của Trời. Cái vui của Trời là cái lòng của Thánh nhân để nuôi thiên hạ.

Vô vi nhi vô bất vi của Lão Tử là không gì mà không làm, nhưng thuận nhiên làm mà không để lại dấu vết, không muốn ai biết, không kể công, không vụ lợi, làm một cách tự nhiên trong tình tạo hóa vô vi, không nghĩ, không gián đoạn, chủ trương thuận Thiên cũng là chủ trương của Không Mạnh, Lão Trang. Thuận Thiên thì đời người ung dung thư thái, xã hội ổn định. Đó là triết lý của Đông Phương, còn Tây Phương chủ trương "ché Thiên" nghĩa là khuếch trương công kỹ nghệ làm cho con người có tinh thần tranh đua chiến đấu, đục lợi xu hướng về văn minh vật chất, đặt nhẹ tinh thần nên xã hội không ổn định, không khí, nước uống, sông biển bị ô nhiễm nên các nhà khoa học phải báo động nguy cơ kêu gọi thế giới tìm giải pháp chế ngự ngăn ngừa khí độc lan tràn. Đó là chưa kể số dự trữ khí giới hóa học, và các chất độc của công nghiệp và kỹ nghệ phế thải.

Rõ ràng không thuận Thiên chạy theo chế Thiên, thì con người không sống được vui, không được khỏe mạnh.

2. Dưỡng sinh

Trang Tử có phép dưỡng sinh (Chương III, Dưỡng sinh chủ) chỉ cho ta cách dưỡng sinh để vui vẻ hưởng hết tuổi trời mà ai cũng có thể áp dụng được.

Qui tắc đầu tiên để dưỡng sinh là thuận Thiên, là sống gần với thiên nhiên, ăn uống với những thực vật thiên nhiên, đừng dùng cao lương mỹ vị cầu kỳ mà hại thân phàm xác thịt, nhứt là ngày nay thực phẩm dùng nhiều chất hóa học, thực vật trồng phun bằng thuốc sát trùng độc hại là trái với thiên nhiên. Bò heo gà vịt, cũng bị nuôi thúc bằng hóa học nên có bò điên, heo gà mắc bệnh dại... Các nhà khoa học, bác sĩ khuyến khích đừng sử dụng thức ăn có pha chất hóa học.

Ta phải biết cơ cấu con người là tiểu thiên địa, một vũ trụ nhỏ nên để cơ thể hoạt động phù hợp với tự nhiên, trời nắng không nên dang nắng lâu, trời lạnh phải mặc áo ấm, không phơi mình trần giữa trời đầy sương tuyết, hãy khế cơ hợp với lý thiên nhiên. Đói thì ăn, khát thì uống. Đau thì uống thuốc, không dùng thuốc khi không cần thiết, khi làm việc mệt mỏi thì nghỉ ngơi, đừng phí sức thêm làm cho sức khỏe bị kiệt quệ. Thời nay, vì ham gom góp nhiều tiền để hưởng thụ, con người bắt thể xác và tinh thần làm việc nhiều quá sức, uống thuốc bổ dưỡng tăng sức lực nhiều quá nên cơ thể mất quân bình thiên nhiên mà sanh bệnh hoạn. Cho đến việc thức ngủ cũng không theo luật thiên nhiên để có sự điều hòa, ngủ thì ngủ say mê quá sức, thức thì thức vô độ cũng quá mức.

Dưỡng sinh cũng có ý nghĩa là biết tùy thời hòa mình với cảnh, an phận, tùy duyên cho tinh thần lãn thễ xác được thanh thoi, để những buồn rầu, vui mừng, giận ghét lo sợ (thất tình) không xâm phạm tâm hồn, không xáo động tâm trung. Được như vậy mới sống vui vẻ thanh thoi tiêu diêu tự tại.

Sanh tử, tai nạn, hưng vong, đắc thất, thành bại, giàu nghèo, hiền ngu, chê khen, nóng lạnh... là những biến hóa của sự vật, sự chuyển vận của luật Trời, như ngày rồi đến đêm, sáng rồi đến tối, thời tiết chuyển luân, ta nào thấu hiểu được lẽ Trời mà bố trí tìm kiếm nhọc công; mà có hiểu được phần nào thiên lý đi nữa dầu cho thông thiên đạt địa ta cũng không thể sửa cải được cơ Trời máy tạo. Người đạt được lẽ ấy thì tâm hồn không bị hỗn loạn, thần khí thuận hòa, ung dung thư thái, vui vẻ như khí xuân mà thích ứng với mọi biến hóa. Thế nên, Thiêng Liêng có bảo rằng nếu người tu giữ được như vậy là nhờ lúc nào cũng giữ được mùa xuân (khí xuân) trong người, hà tất phải chờ cho mùa xuân của thời tiết đến mới hưởng.

Cho đến việc sinh tử, Trang Tử cũng không buồn lo vì coi cái chết cũng như sự sống chỉ là những sự biến hóa, như ngọn lửa từ thanh củi này truyền qua thanh củi khác, hoặc như đang ở căn nhà này chuyển sang căn nhà khác, không phân biệt đâu là sinh, đâu là tử, vì đối với giai đoạn trước là tử, mà đối với giai đoạn sau là sinh.

Theo Trang Tử, qui tắc thứ nhì để dưỡng sinh là bỏ hết dục vọng, ngay cả lòng ham học hỏi hoặc làm điều thiện, vì ông cho rằng:

“Đời người có hạn mà tri thức thì vô cùng. Đem cái có hạn mà chạy theo cái vô cùng thì tinh thần phải mệt mỏi, đã mệt

mỏi mà vẫn không ngừng thì sẽ chết mất. Làm điều thiện thì bị lụy vì danh tiếng, làm điều ác thì chịu khổ vì hình phạt. Chỉ người nào giữ cái ĐẠO TRUNG là bảo toàn được thân mạng mà phụng dưỡng được cha mẹ, sống được trọn tuổi trời.” (Theo *Phép Dưỡng sinh Trang Tử* của tác giả Nguyễn Hiến Lê)

Tóm tắt phép dưỡng sinh là sống thuận theo lẽ Trời, là phải vừa tu dưỡng nội tâm, vừa săn sóc ngoại hình, đừng quá trọng cái này mà khinh cái kia, nghĩa là phải giữ mức trung.

Ta hãy xét qua cái vui của Đức Khổng Tử trong sự sinh hoạt.

Đạo của Khổng Tử là dạy người ta cầu lấy cái vui ở đời, khiến cho lúc nào trong bụng người ta cũng thản nhiên vui vẻ, không có lo sợ buồn rầu gì cả. Cái gì người ta vui cười thì mình vui cười như người ta, xong đó rồi thôi, không bận bịu lo sợ điều gì nữa. Người quân tử cứ "tùy cảm nhi ứng, tùy ngộ nhi an", nghĩa là gặp cái gì cảm mến thì ứng thuận ngay, gặp cảnh ngộ nào cũng vui theo được. "Vô nhập vi bất tự đắc yên", không vào cảnh ngộ nào mà tự mình không có cái thú. Không lo được mất, bao giờ cũng có cái sinh thú an nhiên, thật là một cách ở đời rất vui thú, rất sung sướng vậy.

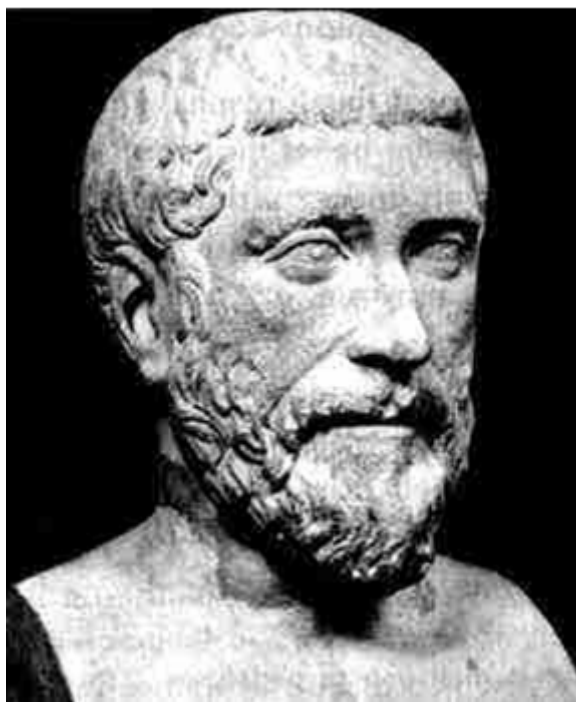
Một hôm, Thầy Tử Lộ hỏi Phu Tử rằng: Người quân tử có buồn không? Phu Tử nói rằng: Không buồn gì! Cách sửa việc làm của người quân tử, lúc chưa đạt được cái chí thì vui ở cái ý muốn của mình, lúc đã đạt được rồi, thì vui ở chỗ được. Cả đời lúc nào cũng vui, không có một ngày nào buồn. Kẻ tiểu nhân thì không thế, khi chưa được thì lo không được, khi đã được rồi lại sợ mất cái đã được. Bởi thế chỉ lo suốt đời, không có một ngày nào vui. (Khổng Tử gia ngữ: Tài ách XX)

Còn trong đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn có giảng về sự khổ của con người trong Đại Thừa Chơn Giáo, bài "Tĩnh thế", đàn ngày 26-8 Bính Tý, 11-10-1936, như sau:

"Thầy nay hỏi thử các con: Có thiệt tại đời là khổ hay là nơi các con tạo gây lấy khổ cho mình? Các con hãy xét: đời đâu có khổ, chỉ tại các con chác khổ mà thôi. Bao nhiêu sự ham muốn, đắm mê, làm lạc là bao nhiêu con đường mở rộng để rước ngay cái khổ vào mình! Không ham muốn, đắm mê, làm lạc, thì làm sao có oan khiên, quả báo, luân hồi? Hễ ham vinh hoa phú quý chịu tâm khổ, thân lao, mà muốn có vợ đẹp con khôn, lại bị thế thằng tử phược. Cứ mải mê trong trường mộng ảo, miệt mài theo bốn vách, chịu lụy với bảy tình mà theo đuổi muôn vàn những điều ưa thích muốn ham. Thế mới gây nên những cái thảm họa tàn khốc cho thân nằm chật đất, máu chảy thành sông, thì biểu sao luân thường không bại hoại, đạo đức chẳng suy đồi? Đời đã đến thế thì đời chỉ là một trường tranh đấu kịch liệt, một cuộc tàn sát gớm ghê, nạn khổ đầy đầy, đao binh chát ngất, đao tặc lung tung, cho đến đối cùng chung một bọc, cùng chung một nòi mà cũng tương tàn, tương sát lẫn nhau cho vừa lòng dục, thì còn chi phong tục, kỷ cương, tình nghĩa !!!"

Vậy thì cái khổ, nguồn gốc là do con người ham muốn gây nên hậu quả. Do đó, hễ muốn sống vui thì phải diệt cho được sự ham muốn dục vọng đắm mê để giữ tâm hư tĩnh, điềm đạm, tĩnh mịch, vô vi, và áp dụng phép dưỡng sinh theo thiên nhiên như Lão Trang đã chủ trương, thì sự sống an vui không vơi mà đến. ■

CUỘC KHẢO THÍ TUYỂN SINH VÀO TU VIỆN PYTHAGORE



Trong “Lịch trình hành đạo” của Đức Lê Đại Tiên ban cho Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, nơi phần huấn luyện Giáo sĩ, Vụ trưởng, “Pythagore giáo” được sắp cùng một hạng mục với Phật giáo, Thích Ca giáo, Bà La Môn giáo, có nghĩa Pythagore cũng được xem là một tôn giáo.

Pythagore giáo xuất xứ từ Hy Lạp, chịu ảnh hưởng rất sâu sắc khoa bí truyền của Ai Cập miền châu Phi là một nền văn minh vĩ đại, có trên 6000 năm trước công nguyên với các kỳ quan kim tự tháp hùng vĩ chôn giấu xác của các Pharaon, chứa đựng những điều huyền bí mà các nhà khoa học hiện đại vẫn chưa khám phá hết. Như Bà La Môn và Phật giáo, giáo lý Pythagore nhìn nhận con người có hai phần thể xác và linh hồn. Thể xác được linh hồn tạm mượn, sau một thời gian hữu hạn sẽ bị tan rã còn linh hồn thì vĩnh cửu, bất tiêu bất diệt. Linh hồn phải chịu luân hồi chuyển không biết bao nhiêu kiếp lên xuống trần gian để học hỏi, trau luyện hầu tiến hóa cho đến toàn thiện, toàn mỹ, và toàn chơn để trở nên những vị trời vĩnh viễn ở trên thượng giới.

Pythagore giáo có hai phần: (1) Ngoại giáo dạy về nghi lễ, nhơn đạo (hiếu thảo cha mẹ, hòa thuận anh em, bằng hữu, và làm một công dân tốt trong nước). Phải học hỏi đạo lý để trở nên con người hữu ích cho xã hội, quốc gia. (2) Nội giáo thuộc khoa học huyền bí dạy về bí mật vũ trụ, đời sống tâm linh, linh hồn và sự tiến hóa ở cõi vô hình, v.v... Thí sinh phải chịu sự thử thách khảo thí khốc liệt mới nhập được vào đạo viện Pythagore và phải vượt qua bốn cấp bậc thật khổ hạnh, gian lao và nguy hiểm vô cùng.

Pythagore sau khi đã học và tham khảo các giáo thuyết với các nhà hiền triết Hy Lạp, vẫn chưa tìm thấy điều mong muốn nên ông di cư qua Ai Cập thuộc Bắc Phi, vì nơi đây nổi tiếng về các bí giáo huyền môn, mà không phải ai ai cũng dễ thọ giáo được vì có nhiều điều kiện rất gắt gao. Pythagore học đạo ở Ai Cập 22 năm, lúc Ai Cập bị Ba Tư chiếm đóng, ông cùng với một số giáo sĩ bị đày sang Babylone. Sau 12 năm ông mới được trở về Hy Lạp, tổng cộng ông xa xứ 34 năm. Ở Babylone, ông

bị tập trung với nhiều giáo sĩ thông thái của ba tôn giáo lớn là Bà La Môn, Ba Tư giáo (Báỉ hoá giáo) và Do Thái giáo. Họ là những người cương quyết hy sinh bảo thủ tôn giáo của mình. Pythagore học được rất nhiều giáo lý cao siêu từ các vị ấy, nên sau này môn phái của ông chủ trương thống nhất các tôn giáo. Theo ông, ngoại giáo công truyền chỉ khác phần nào về nghi thức cúng kiến chớ về nội giáo huyền môn bí truyền chỉ có một lý duy nhất mà thôi, vì không có sắc tướng âm thanh. Ông chủ trương dung hòa tổng hợp giáo lý các tôn giáo.

Ông trở về Hy Lạp thì đất nước bị chiến tranh tàn phá, kẻ nghịch xâm chiếm. Không được tự do truyền đạo, ông sang tây nam nước Ý (lúc ấy đặt dưới sự bảo hộ của Hy Lạp) để mở đạo tại tỉnh Crotone và xây dựng một đạo viện để đào tạo môn sinh truyền bá giáo lý của ông. Đức độ và uy tín của ông lan tràn khắp các vùng gần đó. Ông đi đến đâu, nói gì, đều được chánh quyền và dân chúng nể nang, tôn trọng, coi như thánh sống.

Khảo thí tuyển sinh vào đạo viện Pythagore

Muốn được thâm nhập vào đạo viện Pythagore, người thanh niên phải trải qua một cuộc khảo thí, thử thách rất gắt gao về đức tin và lòng can đảm, kiên nhẫn chịu nhục mà không nao lòng chùn bước trên đường cầu đạo. Trước cửa đạo viện, dưới pho tượng thần Hermès, người ta đọc được hàng chữ: ESKATO BÉBÉLOI (những người ngoại đạo hãy thôi lui).

Những thanh niên muốn được nhận vào đạo viện, phải qua một thời gian thử thách và tập sự. Được cha mẹ hay một người thầy giới thiệu, người ta cho phép anh ta vào một sân vận động thể dục của giáo hội và được chọn môn thể dục nào vừa sức mình. Vận động trường nơi này không giống với ở ngoài, không

có tiếng la lớn dữ dội, không có tụ tập thành toán ồn ào, không có sự khoe khoang, huênh hoang khoác lác dị hợm, không có sự biểu diễn sức mạnh vô ích trên sân cỏ, không khiêu khích lẫn nhau bằng cách khoe các bắp thịt. Ở đây, những nhóm thanh niên lễ độ và nghiêm nghị cùng đi dạo từng cặp trong sân dưới ngưỡng cửa các cổng cao rộng. Một cách nhã nhặn và giản dị, họ được mời tham gia cuộc nói chuyện như những người cùng giáo hội, không có những cái nhìn tò mò, ngờ vực hay nụ cười ranh mãnh. Người ta tập chạy đua, ném đĩa. Pythagore cảm đoán gắt gao trong đạo viện sự đấu vật vì ông cho là dư thừa và nguy hiểm, và còn là nguyên nhân làm nảy nở tánh kiêu hãnh và thù hận. Những người được chỉ định thực hành những đức tánh tốt đẹp của tình huynh đệ bằng hữu không được khởi sự bằng cách vật nhau và lăn tròn trong đồng cát như loài thú dữ. Một người anh hùng thật sự biết tranh đấu với sự can đảm mà không giận dữ và phải xem sự ganh ghét làm hạ thấp phẩm giá của mình trước bất cứ kẻ nghịch nào. Người mới đến nghe những lời dạy dỗ của thầy do các tập sự lặp lại và lấy làm hãnh diện truyền đạt sự khôn ngoan đó. Thí sinh được khuyến khích bày tỏ ý kiến của mình và được tự do nói nghịch lại. Nhờ sự đốc thúc đó, người thanh niên liền để lộ cái chơn tướng của chính mình. Sung sướng được có người nghe và hoan nghinh, anh ta tha hồ nói ba hoa dài dòng và ra bộ tịch tự do.

Trong lúc đó, những vị thầy theo dõi khít khao mà không bao giờ rầy anh ta. Thành linh Pythagore đến để nghiên cứu những bộ tịch và những lời nói của anh ta. Ông để ý đặc biệt cách đi đứng và cái cười của những thanh niên. Cái cười, theo ông, biểu lộ tánh tình một cách không giấu giếm chối cãi được và không một sự che đậy nào có thể làm đẹp được cái cười của một kẻ hung ác. Ông cũng xem tướng mạo người để đoán xét một cách sâu xa tâm hồn người đó. Bằng những xét soát tỉ mỉ

này, người thầy có được một nhận định rõ ràng về những môn đệ tương lai của mình. Sau vài tháng, đến những sự thử thách quyết định. Bắt chước theo sự tuyển chọn để đi tìm đạo môn sanh của Ai Cập, nhưng nhẹ nhàng hơn và đáp ứng với bản tánh người Hy Lạp vì tánh họ dễ xúc động không chịu đựng được những cảnh chết chóc rùng rợn trong các hang động Memphis và Thebes của Ai Cập. Người ta bắt thí sinh ngủ trong một cái động ở ngoại ô thành phố mà người ta tin rằng có quái vật và ma quỷ hiện hình. Người nào không có sức chịu đựng những cảnh ảm đạm của sự cô độc và đêm tối âm u mà từ chối không vào đó và bỏ trốn trước trời sáng thì bị coi là quá yếu đuối và bị đuổi ra.

Thử thách tâm linh còn quan trọng hơn

Bất thần, không được chuẩn bị trước, một buổi sáng đẹp trời, thí sinh bị nhốt trong một phòng hẹp buồn tẻ và trống trơn. Người ta đưa cho anh ta một tấm bảng đá và lạnh lùng ra lệnh, bảo tìm cho ra được ý nghĩa của một biểu tượng Pythagore thí dụ như: hình tam giác lồng trong một hình tròn có nghĩa gì? hay là tại sao hình khối 12 mặt ở trong hình cầu là con số của vũ trụ? Anh ta bị giữ hai giờ đồng hồ trong phòng ấy với một bầu nước và một ổ bánh mì khô. Sau đó, người ta dắt anh ta đến một phòng trước những người tập sự tụ họp nhau lại. Trong hoàn cảnh đó, họ được lệnh chế nhạo không thương xót người vô phúc đang bực tức và đói khát, đứng trước mặt họ như một tội nhân. Họ bảo: Đây là người hiền triết mới. Sắc diện của anh ta sẽ sáng rõ. Anh ta sẽ thuật lại cho chúng ta những sự tham thiên của anh ta. Đừng giấu chúng tôi những gì anh đã khám phá được. Anh sẽ thuật lại đầu đuôi những biểu tượng đó. Còn

một tháng nữa dưới chế độ này và anh sẽ trở nên một vị thánh lớn.

Đó là lúc ông thầy chăm chú khảo sát thái độ và diện mạo của thí sinh. Phần uất vì bị bỏ đói, bị nhieéc máng và tủi hổ vì không thể giải đáp được một công án khó hiểu, anh ta phải cố gắng rất lớn để làm chủ được chính mình. Có người khóc ngất như điên cuồng, có người trả lời với những lời lẽ thô tục, có người không tự chủ được đập bẻ bảng viết, giận dữ mắng tưới vào trường, vào thầy và các môn sanh của họ. Pythagore liền xuất hiện và ôn tồn, trầm tĩnh nói rằng vì các người chịu đựng không nổi sự thử thách về lòng tự ái nên được yêu cầu trở về ngôi trường nơi họ phải học lại tình bằng hữu và sự kính trọng các thầy là những đức tính căn bản nhất.

Thí sinh bị phê bình hồ thẹn ra đi và về sau có khi trở thành kẻ thù nguy hiểm cho giáo hội. Như trường hợp Cylon, sau này đã cầm đầu dân chúng chống môn phái Pythagore và làm phá sản giáo hội. Trái lại, những người nào chịu đựng nổi những sự công kích một cách can đảm, đáp trả lại những sự khiêu khích bằng những sự suy nghiệm chính đáng và sáng suốt, tuyên bố sẵn sàng chịu đựng lại 100 lần sự thử thách, để nhận được một phần nào của sự minh triết, thì họ được long trọng thân nhận vào trường dự bị và nhận được những lời khen tặng nồng nhiệt của những bạn đồng môn mới.

Đây chỉ mới là thời kỳ thử thách đầu tiên để tuyển chọn môn sinh chính thức được vào tu học nơi đạo viện của giáo phái Pythagore. Để được nhập đạo viện, môn sinh còn phải trải qua bốn cấp bậc nữa của huyền học bí truyền, còn phải gian lao khổ cực và nguy hiểm hơn mới được chính thức là một giáo sĩ của Pythagore giáo và được phép truyền đạo của Ngài. ■

THẦN LINH HỌC VỚI GIÁO LÝ CAO ĐÀI

Qua quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển của Tòa Thánh Tây Ninh, người tín đồ Cao Đài được Đức Chí Tôn Cao Đài Thượng Đế cho biết nguyên do có cơ bút để lập Đạo tại Việt Nam Kỳ Ba này.

Thần Linh Học với giáo lý Cao Đài

Tham chiếu “Lịch trình hành đạo” của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, phần vụ trưởng cần phải nghiên cứu và tìm hiểu về: Phật Đạo, Bà La Môn giáo, Thích Ca giáo, Pythagore và phải hiểu về Thần Linh Học. Chúng tôi đã viết rồi về Pythagore, nay xin soạn thảo về Thần Linh Học.

Đêm 27-10-1926 (17-9 Bính Dần) có người Pháp hầu đàn cơ, Đức Cao Đài giảng dạy:

“Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát giáo Đạo Nam Phương: Nhơn loại hiện chịu đau khổ bởi nhiều cuộc tai biến, Thầy đã sai Allan Kardec, Flammarion cũng như Elie và Thánh Jean Baptiste là những bực Tiên Thánh báo tin ngày giáng sinh chân động của Chúa Cứu Thế Jésus, nhưng chúng nó, đũa thì bị hành hạ, đũa khác bị giết chết, bởi ai? Cũng bởi loài người. Chính con của Thầy cũng bị các con giết mất... Nay Thầy phải tự tìm lấy một phương pháp huyền diệu hơn để thu phục các con. Các con sẽ không còn chối cãi nữa được trước Tòa Phán Xét chung rằng Thầy không cứu vớt nhơn loại bằng những phương pháp công hiệu!”

Phương pháp công hiệu mà Thầy dùng đây là Thần Linh Học (spiritisme), một phương pháp huyền diệu hơn khoa học hiện

đại để Đức Chí Tôn và chư Phật Tiên Thánh Thần khởi mượn xác phàm để giáng trần dạy Đạo, mở Đạo mà chỉ dùng thánh linh (saint esprit) của các ngài mà thôi qua trung gian đồng tử (médiun) để nói hoặc viết những lời dạy dỗ khuyến tu. Đạo Cao Đài được sáng lập và truyền bá mau lẹ ở Việt Nam là qua trung gian các đồng tử hay tiên bối phò loan thủ cơ chấp bút viết ra Thánh giáo được phổ truyền từ năm Khai Minh Đại Đạo (Bính Dần, 1926) đến nay rất dồi dào để người nương theo tu hành. Các vị tiên bối đọc sách Thần Linh Học của ông Allan Kardec xuất bản và áp dụng thể thức để cầu cơ buổi ban đầu để giao tiếp với các Đấng vô hình: Thầy và chư Phật Thánh Tiên. Phương pháp thông công này cũng được Thầy xác nhận trong đàn cơ đêm 15-12-1926 (TNHT, Quyển 1): *“Thầy há chẳng có lời tiên tri rằng Thần Linh Học là một nền Đạo tương lai sao?”*

THẦN LINH HỌC



Edgar Allan Poe



Một cách tổng quát, Thần Linh Học là môn học nghiên cứu về các hiện tượng phát hiện giữa người sống và người đã quá vãng qua trung gian của các đồng tử là những người có khiếu đặc biệt để tiếp nhận những tin tức từ thế giới vô hình bằng lời nói hay chữ viết. Thần Linh Học đã có từ lâu nhưng được tổ chức có hệ thống khoa học vào khoảng thế kỷ 19. Ở Mỹ có Andrew Jackson Davis (1826-1910), Edgar Poe, sang qua Anh, kể vào Pháp mà người có uy tín là Rivail, dưới danh xưng là Allan Kardec (1804-1869). Mộ phần ông tại nghĩa địa Père Lachaise ở Paris, được người ngưỡng mộ đến thăm viếng và đặt hoa quanh năm đến nay.

Chúng tôi xin trích đăng lời giải thích của ông Allan Kardec, vị sáng lập ra Hội Thần Linh Học Pháp theo quyển *Le Livre des Esprits* mà chúng tôi có dịch và đăng vào tập san Cao Đài Giáo Lý xuất bản ở Munich (Đức): “*Những Tiết Lộ Của Thần Minh*”.

Theo ông Allan Kardec, một số các vị thần minh trình bày giáo lý của Thần Linh Học cho ông viết ra sách là các vị Thánh đã từng sống trên thế gian này như Saint Jean, Saint Louis, Saint Augustin, v.v... Ông viết: Chúng tôi ôn lại vắn tắt những điểm nổi bật của triết lý mà chư thần minh đã truyền bá cho chúng tôi để giải tỏa những điểm thắc mắc của một số người, đó là:

1. Về Thượng Đế: Thượng Đế là Đấng vô thi, vô chung, vĩnh cửu, bất diệt, vô hình, là Đấng duy nhất toàn năng, công bình, toàn thiện và đức hạo sanh của Ngài vô cùng, vô lượng. Ngài sáng tạo nên càn khôn vũ trụ gồm tất cả vạn loại chúng sanh động và bất động, vật chất hữu hình và vô hình phi vật chất. Những loài vật chất lập thành thế giới hữu hình, thấy được

và những loài phi vật chất lập thành thế giới vô hình, nghĩa là thế giới của các thần linh.

Thế giới vô hình là thế giới thông thường nguyên thi, bất diệt đã có lâu đời và tồn tại vĩnh viễn luôn luôn.

Thế giới vật chất hữu hình không quan trọng, chỉ ở vào hàng phụ thuộc. Sự hiện hữu của nó bị đình chỉ hay không bao giờ tồn tại, không thể làm biến đổi được tính chất của thế giới thần linh.

Các thần linh khi giáng thế trần mang tạm một cái vỏ vật chất là xác thân hữu hình, khi chết, họ liả bỏ xác thân và được tự do giải thoát.

2. Về con người: Trong số những loài mang thể xác, Thượng Đế chọn loài người để cho những linh hồn đã đạt được sự tiến bộ đến mức nào đó nhập vào xác thân con người. Nên con người đứng vào hàng thượng đẳng chúng sanh, biết đạo đức và thông minh hơn các loài vật khác.

Linh hồn là chơn linh nhập vào xác thân hình hài là cái vỏ bọc bên ngoài. Trong con người có 3 vật thể: (1) Xác thân hữu chất, hữu hình tương tự như của loài thú vật mà sự hoạt động giống nhau; (2) Linh hồn phi vật chất, vô hình. Linh hồn nhập vào tạm trú nơi xác thân như nhà trọ trong khi còn ở trần gian; (3) là sợi dây liên lạc giữa linh hồn và xác thân làm trung gian cho thế giới vật chất và thế giới tinh thần.

Như vậy con người có 2 trạng thái:

Với xác thân, nó hoạt động theo thú tánh vì bản năng của nó, với linh hồn, nó hoạt động như một thần linh (périsprit).

Sợi dây liên lạc hay nhị xác thân nối liền xác thân và linh hồn, là một lớp áo bao bọc bán hữu hình (xem TNHT, đàn ngày 08-6 Bính Dần, 17-7-1926): Chơn Thần là nhị xác thân thiêng liêng, chết làm tiêu diệt cái lớp áo thô kệch bên ngoài và nó sẽ giữ lại cái lớp áo thứ nhì để làm một thể phách éther vô hình đối với chúng ta trong tình trạng bình thường, nhưng nó có thể cho chúng ta bất chợt thấy được và sờ đụng được như đã có xảy ra với các hiện tượng hiện hình của thần linh ma quỷ.

3. Về thần linh: Không phải là một trừu tượng mập mờ, mà chỉ có tư tưởng mới nhận thức được, đó là một thực thể có giới hạn mà trong vài trường hợp chúng ta có thể cảm nhận được bằng tai, mắt và đụng chạm sờ mó được.

Các đẳng thần linh thuộc nhiều hạng khác nhau và không đồng đều tùy theo quyền năng, trí thông minh, sự hiểu biết và đạo đức của họ.

Những đẳng sắp vào hàng đầu là những thần linh thượng đẳng, trội hơn các đẳng khác do đức tánh tốt lành, sự hiểu biết rộng rãi của họ và sự gần gũi với Đức Thượng Đế. Tình cảm họ trong sáng, tính họ ưa thích làm điều thiện. Đó là những thiên thần hay thần minh tinh khiết.

Có những hạng thần linh khác xa hẳn sự toàn thiện, đó là những hạng thần linh hạ đẳng còn mang nặng những tính xấu xa, tham mê phạm tục như là tánh ghen ghét, tánh si mê, tánh đố kỵ, tánh kiêu căng và họ ưa thích làm những điều tội ác.

Trong số đó có những hạng không tốt lắm và cũng không xấu lắm, dường như là những việc làm thông thường của họ là gây rối ren và quấy phá vô trách nhiệm hơn là làm điều ác, tà vạy. Đó là hạng thần linh trung đẳng.

Chư thần linh không trụ vĩnh viễn vào một hạng loài. Tất cả đều phải lo tiến hóa trải qua những trình độ của các đẳng cấp thiêng liêng. Sự tiến hóa đó đạt được nhờ sự luân hồi tái kiếp và sự bắt buộc đối với những kẻ phải trả nghiệp của họ đã gây tạo và đối với những người khác được giao sứ mạng thiêng liêng giáng trần.

Đời sống vật chất ở thế gian là những thử thách mà họ phải gánh chịu, xuyên qua nhiều kiếp luân hồi cho đến khi nào họ được trọn lành hoàn toàn. Đó là loại rây để sàng sảy, thanh lọc họ mà sau đó họ được ít hay nhiều thanh khiết hơn.

Khi lìa khỏi xác phàm, linh hồn trở về với thế giới của chư thần linh mà từ đó họ ra đi để lập lại một đời sống vật chất mới; trong thời gian đó linh hồn ở trong tình trạng thần linh đi lang thang không có định sở, sau một thời gian dài hay ngắn

Vì linh hồn phải trải qua nhiều kiếp luân hồi nên chúng ta kết luận là tất cả chúng ta đều trải qua nhiều kiếp, nhiều hay ít hoàn hảo hơn hoặc ở thế giới này hoặc ở thế giới khác.

Chư thần linh luôn luôn hóa thân vào loài người và là một sự sai lầm nếu tưởng rằng linh hồn hay thần linh hóa thân vào xác của một con thú. Những kiếp sống khác nhau của thần linh ở thế gian là luôn luôn tiến hóa, chớ không bao giờ thoái hóa. Sự tiến hóa được mau lẹ tùy theo những nỗ lực mà con người gắng sức để đi đến sự tận thiện, tận mỹ.

Những đức tánh tốt của con người là những đức tánh tốt của thần linh hiện thân, như vậy người tốt là hiện thân của thần linh tốt và người xấu xa là hiện thân của thần linh không trong sạch.

Linh hồn đã sẵn có đặc tính riêng của nó trước khi chuyển kiếp và nó giữ lại sau khi lià bỏ xác phàm.

Khi trở về với thế giới thần linh, linh hồn gặp lại những người mà nó đã biết khi ở thế gian và tất cả những tiền kiếp sẽ hiện ra nơi trí nhớ của nó với những kỷ niệm của tất cả những việc tốt hay việc xấu mà nó đã tạo nên.

Chơn linh giáng trần bị ảnh hưởng bởi vật chất. Người nào mà vượt qua khỏi ảnh hưởng đó bằng sự nâng cao và thanh lọc được linh hồn tương tự như các thần linh tốt mà họ sẽ được sống chung một ngày kia. Người nào mà để cho dục vọng xấu xa chế ngự và vui thích trong sự thỏa mãn những ham muốn đê hèn, thì giống như những thần linh bản thủi để cho thú tánh lấn áp.

Chư thần linh chuyển kiếp ở trong nhiều thế giới khác nhau trong càn khôn vũ trụ. Những thần linh không chuyển kiếp hay lang thang không ở nơi nào nhất định, họ ở cùng khắp không gian và ở bên cạnh chúng ta, họ thấy chúng ta. Đó là cả một dân số vô hình hoạt động chung quanh chúng ta.

Chư thần linh gây ảnh hưởng luôn luôn trên thế giới tâm linh và cả trên thế giới hữu hình, họ tác động trên vật chất, trên tư tưởng và hình thành một trong những quyền lực của thiên nhiên, tác động cụ thể của một số hiện tượng, đến nay chưa giải nghĩa được hay giải nghĩa không đúng và chỉ có thể tìm được một giải đáp thuần lý với khoa Thần Linh Học mà thôi.

Những sự liên lạc giữa thần linh và con người thì thường xuyên. Những thần linh tốt khuyên chúng ta làm lành, nâng đỡ chúng ta trong những thử thách khảo đảo của đời sống và giúp chúng ta chịu đựng bằng sự can đảm và sự nhẫn nhục. Những

thần linh xấu xúi chúng ta làm điều quấy, đối với họ, họ cho là thích thú khi thấy chúng ta thất bại, ngã quy để chúng ta đồng hóa nhập bọn với họ.

Những sự tiếp giao của thần linh với con người có khi bí ẩn hoặc phô bày. Những sự giao tiếp bí ẩn xảy ra với ảnh hưởng tốt hay xấu mà họ tác động đến chúng ta trong khi chúng ta không hay biết, chỉ có chúng ta cần phải suy xét để phân biệt những cảm hứng tốt hay xấu. Những sự tiếp giao được phô bày bằng chữ viết, bằng tiếng nói hay sự biểu lộ hữu hình, thường thì qua trung gian đồng tử để cho thần linh dùng làm phương tiện.

Thần linh biểu lộ thành linh hoặc có sự kêu gọi hay khẩn cầu. Người ta có thể gọi cầu tất cả thần linh. Những thần linh xuất phát từ những người tội tăm cũng như những thần linh xuất phát từ những nhân vật nổi tiếng, danh vọng nhứt chẳng cần thuộc vào thời gian nào mà những người đó đã sống, những vong linh của cha mẹ chúng ta, của bạn bè hay của những kẻ thù chúng ta. Chúng ta có thể nhận được qua những chữ viết hay tiếng nói, những ý kiến khuyên bảo, tin tức về hoàn cảnh của họ ở thế giới bên kia, về cảm nghĩ của họ đối với chúng ta, cũng như những tiết lộ mà họ được phép cho chúng ta biết.

Chư thần linh thường hay đến với chúng ta vì lý do có cảm tình, và tính cách đạo đức của giới gọi cầu họ, thần linh thượng đẳng hay thích những buổi họp mặt nghiêm chỉnh vì nơi đó tình yêu thương được tràn ngập và tâm lòng chơn thật ham muốn học hỏi để tự thăng hoa tiến hóa. Sự hiện diện của các ngài làm cho thần linh hạ đẳng phải xa lánh. Trái lại họ nhập vào tự do và hoạt động tự do trong giới người tầm phào bá láp hay chỉ do sự hiếu kỳ và đâu đâu những bản năng xấu xa đó cũng gặp gỡ

nhau. Thay vì nhận được những ý kiến tốt, những tin tức hữu ích, người ta chỉ nghe toàn những chuyện vô ích, vô giá trị, những điều láo xược, những sự giễu cợt hay giả mạo, chúng thường hay mượn tên các đảng cao thượng để dễ bề gạt gẫm dẫn dắt chúng ta lầm lạc vào đường bàng môn tả đạo. Sự phân biệt thần linh tốt hay xấu hết sức rất dễ dàng: lời nói của các đảng thượng đẳng luôn luôn đúng đắn, cao thượng, chứa đựng đạo đức tối cao, vượt qua mọi ham muốn đê hèn thấp thỏi, những lời khuyên bảo của họ đầy sự minh triết tinh khiết và luôn luôn có mục đích lợi ích cho con người, giúp con người thăng hoa.

Còn lời nói của thần linh hạ đẳng trái lại không có mạch lạc đầu đuôi, mâu thuẫn, thô lỗ và tục tĩu nữa. Có khi chúng muốn nói những điều tốt và đúng đắn, nhưng chúng chỉ thường nói những điều không đúng, vô lý có tánh cách ranh mãnh và ngu xuẩn. Chúng lợi dụng sự khờ khạo và đùa giỡn với những người hay hỏi chúng bằng cách đề cao tánh kiêu ngạo, chiều theo những điều ham muốn và những ước vọng giả tưởng.

Nói tóm lại, những sự giao tiếp nghiêm chỉnh đúng với ý nghĩa của nó, chỉ có được trong những tổ chức nghiêm chỉnh, nơi mà nhân viên điều hòa hợp với nhau và đồng hiệp nhưt tư tưởng để làm điều tốt lành. Giáo lý của thần linh thượng đẳng, nói tóm tắt cũng như giáo lý của Đảng Christ trong Phúc Âm: “Hãy làm cho người khác những điều mà chúng ta muốn người khác làm cho chúng ta như vậy.” Có nghĩa là hãy làm điều phải và đừng làm điều quấy. Con người tìm thấy trong nguyên lý đó, cái qui tắc tổng quát để xử sự trong mọi hoạt động dầu nhỏ nhít. Họ nhắc chúng ta biết rằng tánh ích kỷ, tánh kiêu căng, dục vọng và si mê đưa chúng ta gần với bản năng thú vật vốn thích vật chất. Con người ở trần thế này lìa bỏ vật chất bằng cách rời

xa những sự vui chơi vô lý và phát triển tình thương nhân loại, sẽ gần với bản năng thiêng liêng. Mọi người chúng ta phải tìm làm cái gì có ích lợi tùy theo khả năng và phương tiện mà Thượng Đế đã ban cho chúng ta. Kẻ mạnh và quyền thế phải có bổn phận đỡ nâng và bảo vệ kẻ yếu, bởi vì kẻ nào lợi dụng sức mạnh và quyền lực của mình để đàn áp đồng loại là phạm luật Thiên điều.

Sau cùng, chư thần minh dạy chúng ta rằng ở thế giới thần linh không có gì giấu được, tánh ích kỷ sẽ bị phơi trần và tất cả sự xấu xa tệ hại đều bị phát hiện. Sự phát hiện được rõ ràng không thể giấu giếm những lúc chúng ta hành động tội lỗi. Đó là những sự thưởng phạt dành sẵn cho chúng ta; mà chúng ta không biết được khi còn ở thế gian. Nhưng thần linh cũng dạy cho chúng ta biết rằng những tội lỗi mà chúng ta đã phạm không phải không thể tha thứ được và có thể được xóa bỏ do sự ăn năn chuộc tội. Con người có nhiều cách chuộc tội trong những kiếp sống khác nhau để giúp cho họ tiến hóa, tùy theo ý muốn và sự gắng sức của họ trên con đường tiến hóa để đi đến chỗ tận thiện, tận mỹ, toàn hảo. Đó chính là mục đích cuối cùng của con người.

Ông Allan Kardec kết luận như sau: Đó là sơ lược triết lý Thần Linh Học, do sự sưu tập và kết hợp những lời giáo huấn của chư thần linh thượng đẳng truyền dạy.

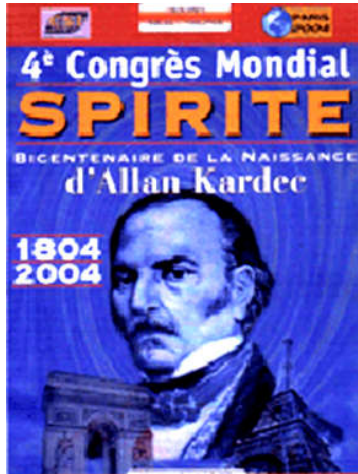
Giáo lý Cao Đài do Đức Chí Tôn Thượng Đế và chư Phật Tiên Thánh Thần giáng cơ truyền dạy, cũng qua trung gian đồng tử bằng lời nói hay bằng chữ viết để độc giả và điển ký chép lại.

Chư thần linh truyền đạt triết lý Thông Linh Học cho ông Allan Kardec cũng là những vị thánh triết phương Tây như các Thánh Saint Jean, Saint Louis, Saint Augustin, v.v... nên giáo lý rất minh triết cao thượng, cho chúng ta biết ở thế giới vô hình có nhiều vong linh hạ đẳng mà giáo lý Cao Đài gọi là lũ quỷ ma nó chực chờ để thử thách phá khuấy người tu còn háo danh, tham quyền chức, địa vị lãnh đạo. Như ở Cao Đài giáo gặp phải quỷ vương lạm dụng cơ bút, giả danh Tiên Phật để phá đạo, khảo thí chức sắc tín đồ nhẹ dạ, chúng cũng giả xưng danh các cấp cao gạt gẫm người tu để lập công với quỷ vương. Học giáo lý Thần Linh Học, chúng ta lại càng trân trọng giữ mình hơn mặc dầu Thầy cũng cho biết là Thầy đã thả lũ quỷ vương cắn xé các con, nhưng Thầy đã cho bộ thiết giáp che thân là đạo đức các con.



Giáo lý Thần Linh Học cũng nhìn nhận là con người phải chấp nhận luật luân hồi chuyển kiếp theo triết lý Đông Phương để học hỏi những kinh nghiệm, để luôn luôn tiến hóa theo Thiên luật, nếu không sẽ bị thoái hóa và đào thải nơi u minh địa. Triết lý Tây Phương gặp triết lý Đông Phương nhờ Thần Linh Học với phương pháp thông công giữa hai giới sắc không; vô vi hợp

tác với hữu hình để người tu hành được học hỏi thêm về cõi vô hình bất tiêu, bất diệt, là nơi linh hồn trú ngụ vĩnh viễn trường tồn.



Bách chương cổ động Hội Nghị Thông Linh Học Thế Giới lần thứ Tư, kỷ niệm 200 năm ngày sinh của Allan Kardec, tổ chức tại Paris, Pháp, 2004.

Giáo lý Thần Linh Học còn cho biết con người ở thế gian vẫn luôn luôn có thần linh hộ mạng, giúp đỡ tránh làm điều tà vạy và khuyến khích làm việc thiện từ như giáo lý Cao Đài chủ trương Thiên nhân hiệp nhất, nhưng đồng thời cũng luôn luôn có những thần linh xấu chực chờ xúi bẩy, đốc thúc con người gây tội lỗi, để bị đày đọa luân hồi. Hãy khôn ngoan chọn lấy chánh đạo, vì thế con người cần phải tu, như lời khuyên của Đức Giáo Tông Vô Vi Lý Đại Tiên Trưởng. ■

TỨ DIỆU ĐẾ VÀ CON ĐƯỜNG TRUNG ĐẠO CỦA PHẬT GIÁO

Tứ Diệu Đế

Tứ Diệu Đế là bốn chân lý cao thượng căn bản của Phật giáo. Bốn chơn lý này do Ngài Cồ Đàm Sĩ Đạt Ta đích thân phát hiện sau 49 ngày thiền định thâm sâu dưới cội cây bồ đề ở giữa rừng sâu bên cạnh sông Lilani gần núi Vương Xá. Trước đó, suốt sáu năm trường, cùng với năm đạo sĩ, Ngài tu khổ hạnh ép xác kham khổ mà không thấy kết quả. Cho đến một hôm Ngài kiệt sức, ngất xỉu, bất tỉnh. Rồi Ngài tỉnh táo và khỏe khoắn trở lại nhờ uống một tô sữa pha với mật do bà vợ của ông Senani đem cho. Sau đó Ngài nhận ra rằng: tu khổ hạnh, ép xác cũng như cung phụng thái quá thể xác với món ngon vật lạ là hai thái cực không đem lại kết quả khả quan cho người tu hành tìm Đạo, nên Ngài chọn con đường Trung đạo là không thái quá, cũng không bất cập, ăn uống bình thường trở lại, nhờ đó tinh thần và thể xác được phục hồi khương kiện, giúp Ngài thiền định hữu hiệu.

Năm người đạo sĩ thấy Ngài đổi cách tu hành nên lia bỏ Ngài đi xuống gần Bénarès để tiếp tục tu theo phép khổ hạnh. Còn Ngài nhứt định ngồi lại cội bồ đề và nguyện lớn: *“Nếu ta ngồi đây mà không tìm ra đạo lý nhiệm mầu, không tìm ra lẽ huyền bí của vũ trụ vạn pháp thì dù thịt nát xương tan, ta cũng quyết không rời bỏ chỗ ngồi này.”*

Sau khi đắc ngộ bốn chơn lý cao thượng, Ngài đi tìm 5 người bạn đạo sĩ để cho biết, bốn chơn lý diệu mầu ấy nhờ tri

kiến trực giác mà chính Phật chứng ngộ được chớ không nhờ một ai chỉ dẫn. Bốn chân lý cao thượng ấy là:

1. Khổ đế (dukkha) là chơn lý về sự đau khổ hay phiền não vì có xác thân tứ đại này con người phải chịu trong vòng tứ khổ (sinh khổ, bệnh khổ, già khổ và chết khổ), không một ai trên thế gian này tránh khỏi cả.

Vì mưu sinh con người phải chạy lo cho sự sống còn nên phải chịu khổ vì nó. Đức Phật nhận thấy rằng ở thế gian ảo ảnh vô thường tạm bợ này không thể có hạnh phúc vĩnh viễn trường tồn, mới vui đó rồi lại buồn; theo hạnh phúc vật chất chỉ là một thỏa mãn tạm thời, khi ta vừa được thì nó lìa ta, dục vọng không bao giờ thỏa mãn được trọn vẹn vì luật biến dịch vô thường luôn luôn không ngừng nghỉ. Nói tóm tắt, chính cái xác thân này là nguồn gốc của sự khổ. Ta cần phải quan sát phân tách tỉ mỉ tận tường để nhận chân cái thật tướng của cái mà ta gọi là ta của ta. Thật ra chỉ đều là giả tướng, giả tạm vô thường, không bền bỉ. Biết vậy, tại sao chúng ta cứ ôm chầm, bám víu để rớt cuộc buông xả cho khổ thân? Nhà Phật gọi đó là **vô minh**, mê muội tối tăm nắm cái khoen đầu của **thập nhị nhơn duyên** để dẫn đến cái khoen cuối cùng là **tử**.

2. Tập đế là chơn lý cao thượng thứ hai: nguồn cội của đau khổ là ái dục hay luyến ái, bám víu.

Theo kinh Pháp cú, Phật dạy: *“Do ái dục phát sanh lo âu. Do ái dục phát sanh sợ sệt. Người đã trọn vẹn thoát khỏi ái dục không còn lo âu, càng ít sợ sệt.”*

Ái dục là một năng lực hùng mạnh luôn luôn ẩn ngậm trong mọi người, mọi chúng sanh và nguồn cội của bao nhiêu điều bất hạnh trong đời. Chính ái dục làm cho ta bám víu sự sống

dưới mọi hình thức và do đó lôi cuốn ta phiêu bạt trong vòng luân hồi.

Cả hai khổ não và ái dục chỉ có thể tận diệt bằng cách đi theo **con đường Trung đạo** mà Đức Phật đã vạch ra để thành đạt hạnh phúc Niết bàn tối thượng.

3. Diệt đế là chơn lý cao thượng thứ ba, là sự chấm dứt toàn vẹn mọi hình thức đau khổ, tức là Niết Bàn, là mục tiêu của người tu hành. Mục tiêu này phải được thành tựu bằng cách tận diệt ái dục, từ bỏ mọi sự luyến ái với thế gian.

Chơn lý Diệt đế phải được chứng ngộ bằng cách trau dồi **Bát chánh đạo** là tám con đường chánh.

4. Thứ tư là Đạo đế, là con đường Trung Đạo của Phật giáo. Trung đạo vì nó tránh xa hai cực đoan của sự tu hành, một là ép xác khổ hạnh, hai là hưởng thụ sung sướng vật chất.

Bát Chánh Đạo – con đường Trung đạo

Bát chánh đạo (Đạo đế) gồm 8 yếu tố sau đây:

Chánh kiến là sự thấy biết chơn chánh, hiểu được nghĩa lý của Tứ diệu đế, bốn chơn lý cao thượng về sự khổ.

Chánh tư duy là suy nghĩ chơn chánh.

Chánh ngữ là lời nói chơn chánh, hiền hòa.

Chánh nghiệp là hành động công minh, không gây khổ đau cho kẻ khác.

Chánh mạng là mưu sanh một cách chánh đáng, không vi phạm quyền lợi kẻ khác.

Chánh tinh tấn luôn luôn nghĩ, nói và làm những việc tốt lành càng tiến bộ hơn.

Chánh niệm là sự nhắc nhở thường xuyên, để không xao lãng việc nỗ lực diệt khổ đau.

Chánh định (thiền định) là sự lắng đọng tâm tư để được sáng suốt, yên tĩnh làm khai mở những năng khiếu siêu việt hầu cởi mở các vòng dây oan nghiệt, phiền não, đau khổ triền miên tức là giải thoát khỏi luân hồi sanh tử.

Bát chánh đạo, là con đường **Trung đạo** của Phật giáo, nhờ đó mà Đức Phật đã đắc quả Như Lai, vĩnh viễn hưởng cảnh Niết Bàn cực lạc. ■

VÀI ĐẶC ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO

1. Không như các tôn giáo khác, Phật giáo không nói đến sự hiện diện của một Đấng tối cao, toàn tri, toàn năng, tạo hoá ra càn khôn vũ trụ với muôn loài vạn vật. Đức Phật Thích Ca chú trọng đến việc cứu khổ chúng sanh thoát khỏi tứ khổ (sinh, lão, bệnh, tử) của kiếp người hiện đang sống trên thế gian này – đó là điều thực tế cần giải quyết – và tránh trả lời những câu hỏi về Thượng Đế mặc dầu Ngài gốc là đạo Bà La Môn, một tôn giáo nhìn nhận có Thượng Đế Phạm Thiên (Brahman) là chúa tể muôn loài vạn vật chúng sanh.

Phật lấy ví dụ: Một người đang trúng một mũi tên, bị thương nặng mà không để cho người ta băng bó, trị thương liền, lại bắt người ta phải trả lời cho ông biết người bắn ông là ai, ở đâu, mũi tên từ đâu bắn đến và có tẩm thuốc độc không...

2. Phật vì lòng từ bi thương xót chúng sanh nên quyết tâm tìm ra phương pháp giải thoát con người ra khỏi những hệ lụy đau khổ của cuộc sống nơi trần gian, đồng thời chấm dứt vòng luân hồi sanh tử. Phương Pháp đó là **Tứ Diệu Đế** (bốn chơn lý cao thượng: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế) do chính Ngài đã chứng nghiệm bằng con đường Trung Đạo, cũng là đường lối tu hành (không thái quá cũng không bất cập) của Khổng giáo ngày xưa và Cao Đài giáo ngày nay, sau sáu năm lìa bỏ ngôi báu, dứt hẳn luyến ái thế nhi để vào rừng sâu tham thiền nhập định. Trước đó, Ngài tu theo phương cách kham khổ ép xác, nhưng Ngài không tìm thấy được đạo lý nhiệm mầu, nên thay đổi, chọn con đường **Trung đạo** là không thụ hưởng món ngon

vật lạ nhưng cũng không hành xác khổ thân để phải bị mất sức làm ảnh hưởng đến sự sáng suốt, minh mẫn của tinh thần.

3. Đức Phật dạy các đệ tử phải noi theo gương Ngài, phải tự lực. Thay vì van vái cầu khẩn đấng thần linh nào đó trợ lực thì kiên gan, trì chí, nhẫn nại để quán xét nội tâm chính mình (tức là **tọa thiền**) như Ngài đã thực nghiệm, đã giác ngộ mở được trí huệ sau 49 ngày thiền định thâm sâu. Nhờ Ngài kiên quyết thệ nguyện, nếu không ngộ được đạo lý nhiệm mầu Ngài không rời khỏi cội cây bồ đề dầu thịt nát xương tan.

4. Đức Phật khuyên đệ tử không nên lãng phí thì giờ và năng lực trong những học thuyết không lợi ích cho sự tiến bộ về tâm linh và thực hành đạo đức. Thế nên Ngài không giải quyết những vấn đề siêu hình, cũng không đề cập đến giáo lý bí truyền mặc dầu Ngài đã đắc quả chánh đẳng chánh giác Thích Ca Như Lai Phật.

5. Phật giáo có một chủ trương duy nhất rõ ràng và thực tiễn là chấm dứt sự khổ cho chúng sanh. Phật khuyên các môn sanh hãy chú trọng ngay đời sống hiện tại, dứt bỏ mọi luyến ái, không hối tiếc những việc đã qua, cũng không khao khát vọng tưởng đến việc tương lai sắp đến.

Điểm đặc biệt của Đức Thích Ca, một nhà cách mạng vĩ đại của lịch sử tôn giáo thế giới, là đã phá tan được bốn giai cấp của chế độ đương thời Ấn Độ để giải phóng cho giới cùng đinh nghèo khổ.

Bốn giai cấp ấy gồm: thứ nhất là giới Bà La Môn, thứ nhì là hàng vua chúa, thứ ba là giới tư bản thương gia, và sau cùng là giới nghèo khổ đói rách bị xã hội Ấn Độ khinh khi ruồng bỏ mà người Anh gọi là hạng không thể đụng chạm tới

(intouchables). Đức Phật Thích Ca thân nạp chung tất cả các đẳng cấp: vua chúa, quý tộc và cùng đinh dân giả vào hàng môn đệ bình đẳng ngang nhau trong cùng một giáo đoàn Phật tử.

6. Một điểm đặc biệt khác nữa là trì bình khát thực. Chính Đức Phật Thích Ca đã dảm hy sinh từ chối mọi vinh hoa sang trọng để mặc áo vải thô, đi chơn không, đầu trần, và hằng ngày Ngài đích thân ôm bình bát đi khát thực. Hễ thập phương bá tánh bố thí vật gì thì nhận lấy, không được chê khen từ chối.

Quả thật là một đức nhẫn nhục vô cùng cao cả, từ tột đỉnh ngôi cao mà chịu hạ mình xuống dưới bụi thấp hèn bình dân để ôm bình bát ăn xin. Đó là một sự hy sinh bản ngã quá lớn lao, khó thực hành, trừ phi là một vị Phật, Bồ Tát mới có thể thực hành được với tâm trạng bình thản. Đây là cách tập hạnh nhẫn nhục trong pháp môn Lục Độ Ba La Mật của Bồ Tát Đạo.

7. Đức Phật Thích Ca còn khuyến khích môn sanh của Ngài thực hành Tứ vô lượng tâm, mở hoát bốn cái tâm từ, tâm bi, tâm hỷ và tâm xả đối với mọi người, dầu cho đó là kẻ nghịch thù. Nhờ tuân hành lời dạy của Phật, nên trải qua trên 2500 năm, nhưn loại chưa bao giờ thấy máu đổ giữa các chi phái của đạo Phật hay giữa Phật giáo với các tôn giáo khác trên khắp thế giới.

8. Hơn nữa, trong Phật giáo không hề cho quyền lực ép buộc con người phải theo Phật giáo hoặc mua chuộc quyền rũ bằng danh vị lợi quyền.

9. Đức Phật Thích Ca không khuyến khích môn sanh thờ phượng hay cúng kiến, giết thú để tế lễ cầu xin thần linh hộ trợ. Chính Ngài dạy trong kinh Kim Cang: *“Nếu dùng sắc tướng*

âm thanh để cầu Ta, đó là tà đạo chứ không thấy được Như Lai.”

10. Về **đức tin**, Đức Thích Ca dạy môn sanh đừng vội tin lời nói của bất cứ người nào đâu là của Phật cũng vậy, nếu không hội đủ ba điều kiện: lời nói phải **chơn thật** dịu dàng dễ thương, **đúng đạo lý**, và phải phải hữu ích cho mọi người.

Phật giáo chính là một tôn giáo **nhân bản** (vì nhân sinh) và chỉ mưu cầu hạnh phúc hiện tại cho con người, lo giải thoát con người thoát vòng tứ khổ luân hồi với giải pháp thực tế là phải tự giác để tự cứu lấy mình với giáo thuyết cốt yếu là **Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo**, chứ không nhờ người khác hay cầu khẩn thần linh một cách mê tín dị đoan bằng âm thanh sắc tướng.■

CHƠN DUNG ĐỨC KHÔNG TỬ

Đức Không Tử cùng với Đức Thích Ca Mâu Ni và Đức Lão Tử là Tam Giáo Đạo Tổ trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ do Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát sáng lập tại xứ Việt Nam để cứu rỗi nhơn loại còn đang trầm luân đọa lạc nơi chốn trần ai sông mê bể khổ.

Đức Không Tử sanh vào khoảng 551 trước công nguyên ở tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc, và mất vào đời vua Ai Công, nước Lỗ, khoảng 478 trước công nguyên, thọ 73 tuổi. Ngài mất rồi, học trò thương khóc thảm thiết, ai cũng để tâm tang ba năm, lại có đến hơn 100 người làm nhà ở gần mộ Ngài đến hết tang.

Đức Không Tử dạy được 3000 môn đệ, trong đó có 72 vị xuất sắc, gọi là thất thập nhị hiền.

Đức Không Tử lấy đạo luân thường làm tôn chỉ của Đạo Ngài:

Luân là ngũ luân, năm giềng mối trong gia đình và xã hội: đạo vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em và bạn bè.

Thường là ngũ thường, gồm năm đức tánh ở nơi con người: nhơn, nghĩa, lễ, trí, tín.

Đạo luân thường do các Thánh hiền xưa để lại và chính Đức Không Tử san định và hệ thống hóa cho dễ giảng dạy và học hiểu.

Những sách của Khổng Giáo gồm có Tứ Thư: Đại Học, Trung Dung, Luận Tử và Mạnh Tử. Ngũ Kinh gồm có Kinh Dịch, Kinh Thư, Kinh Thi, Kinh Nhạc và Kinh Xuân Thu.

Triết lý của Khổng giáo gồm hai phần: hình nhi hạ học và hình nhi thượng học.

Hình nhi hạ thuộc về phần công truyền, dạy cho tất cả hàng môn đệ về nhơn sinh triết học, học vấn, tu thân tề gia, xử thế tiếp vật, phục vụ nhơn sanh làm gốc.

Hình nhi thượng là phần tinh ba, tâm truyền của Khổng Giáo. Ngài chọn một số môn đệ có trình độ tri thức cao mà trao truyền đạo lý thâm sâu huyền bí của Tạo Hóa.

Bài này chúng tôi chỉ trình bày chơn dung của Đức Khổng Tử, Giáo chủ của Nho Giáo, gồm hai phần về tướng mạo và tác phong đạo đức của Ngài để chúng ta noi gương Ngài. Ôn Trên có dạy người tu hành muốn làm Tiên Phật thì phải học và bắt chước hành động gương mẫu của hàng Tiên Phật mới về sống chung được với các Ngài ở Bồng Lai Tiên cảnh.

1. Tướng mạo: Người cao lớn, có tướng ngũ lộ (mắt lồi, lỗ mũi rộng, lộ hầu, tai bạt, răng hở). Mặt to và có những vạch như quả dưa chín. Bàn tay hồ, ngực rùa, râu rậm, mồm rộng, miệng nói tươi, đi nhanh.

2. Tác phong: Ngài ôn hòa, nghiêm trang và kính cẩn. Uy mà không dữ, kính cẩn mà an vui tự nhiên. Lúc nào Ngài cũng khoan thai, ung dung và bao giờ cũng có cái vẻ mặt tự nhiên, tươi tỉnh an vui. Những khi ăn uống, nằm nghỉ, luôn ngay chính, kín đáo. Đối với vua quan, tới lui rất cung kính, điều gì cũng giữ cho hợp lễ phép, cẩn thận từ li từ tí để bày tỏ cái đạo của

người quân tử. Lúc động lúc tĩnh đều có thể làm gương cho người bắt chước.

Ngài là người rất nhân hậu. Thấy ai đau đớn buồn rầu thì Ngài cũng động lòng thương xót. Ngồi ăn bên cạnh người có tang thì Ngài ăn không no. Ngày nào đã đi phúng điếu về thì suốt cả ngày không đàn hát (dù tính Ngài thích đàn hát).

3. Cái chí: Một hôm Thầy Tử Lộ, đệ tử ruột của Ngài, hỏi Ngài rằng: *“Đệ tử muốn biết cái chí của Phu Tử thế nào?”* Ngài trả lời rằng: *“Lấy sự yên vui mà đối với kẻ già cả, lấy sự tin mà đối với bạn bè, lấy sự yêu mến mà đối đãi với trẻ thơ.”* (Luận Ngữ, Công Dã Tràng)

4. Cách học: Ngài rất hiếu học. Ngài nói rằng: *“Ta không phải là người sanh ra đã biết, chỉ là người thích đạo của Thánh hiền ngày trước, cố sức mà cầu học lấy được.”*

Ngài hết lòng dạy bảo người ta. Ngài nói: *“Thâm lặng nghĩ ngợi mà biết mọi lẽ, học mà không chán, dạy người mà không mỏi, ba điều ấy, ta có điều gì hơn người đâu!”* Bất cứ điều gì, Ngài cũng đề chí học cho hiểu, hoặc để biết điều hay mà theo hoặc để biết điều dở mà sửa mình.

Tánh Ngài rất hiếu học và không thẹn học hỏi với những kẻ khác ngang hoặc dưới mình. Ngài có cho biết: *“Ta từ 15 tuổi đã có chí lo học, qua 30 tuổi mới biết rõ lẽ, đến 40 tuổi thì hết mê lẫn...”*

Ngài học điều gì cũng cẩn thận, không khinh suất. Ngài nói rằng: *“Có người chẳng biết rõ nghĩa lý gì đã làm chữ ta thì không thể. Nghe nhiều, rồi chọn điều mà theo, thấy nhiều mà*

nhớ lấy, để xét cho rõ cái hay cái dở, thì cũng đã cho là biết vậy.”(Luận Ngữ, Thuật Nhi VII)

5. Cái lo: Bình sinh lúc nào Ngài cũng lo việc sửa mình cho ngay chính. Ngài nói rằng: *“Đức của mình không sửa cho tốt, học của mình không giảng cho rõ, nghe điều nghĩa mà không theo được, nghe điều dở mà không sửa đổi được, đó là cái lo của ta vậy.”*

6. Khiêm tốn: Ngài quả thật là một người chí thánh, chí chơn, nhưng Ngài vẫn khiêm tốn, không dám nhận mình là Thánh, là nhân. Ngài nói rằng: *“Nếu bảo ta là Thánh, là nhân, thì ta sao dám đương, nhưng ta làm việc Thánh, việc nhân không chán, dạy người không mỏi, có thể bảo ta được thế mà thôi.”*

7. Đối với học trò: Đức Khổng Tử rất cởi mở dễ dãi. Hễ ai theo đúng lẽ thì không bao giờ Ngài từ chối dạy bảo. Sự giáo hóa của Ngài có cái chủ ý làm cho sáng cái đức sáng của người ta, chớ không phải chỉ đem cái biết của mình mà trao cho người ta. Ngài dùng cách làm cho người ta tự mình hiểu được mọi lẽ phải trái. Ngài nói rằng: *“Ta có biết gì không? Không biết gì cả! Không biết gì cả! Có người quê kệch đến hỏi ta, ta không không như không biết gì, đem đầu đuôi trước sau mà nói, làm cho người ấy biết hết mọi lẽ.”*(Luận Ngữ, Tử Hãn IX)

Đó thật là một cái phương pháp giáo hóa rất hay để mở rộng cái biết của người ta vậy.

Đối với học trò, không bao giờ Ngài làm việc gì mà không cho mọi người biết. Ngài bảo rằng: *“Các anh tưởng ta có giấu gì các anh chăng? Ta không giấu các anh điều gì cả, ta không làm điều gì mà không cho các anh biết. Thực tế là vậy.”*

Ngài ôn hòa và thành thực như thế, cho nên học trò rất đông, mà ai cũng yêu mến và kính trọng Ngài như cha sinh ra họ vậy.

Kết luận: Qua tác phong đạo hạnh trong đời sống thường nhật, Đức Không Tử cho thấy Ngài không phải là một thường nhân mà chính là một Thánh nhân, thà chịu nghèo để sống thanh bần, không để cho danh lợi, địa vị quyền tước lôi cuốn, chi phối. Ngài thà từ quan về nhà dạy học trò bởi vì cái Đạo của Ngài thuộc **vương đạo** nên không được các vua chúa trọng dụng vì họ chuyên về **bá đạo**, thích chiến tranh, giết hại lẫn nhau, không tôn trọng đạo đức hơn nghĩa. Tuy nhiên học thuyết của Ngài được lưu truyền khắp Á Đông, cả đến Tây Phương cũng nghiên cứu học hỏi. Ngài được sùng bái là “Vạn thế sư biểu”, tức tấm gương sáng cho ngàn đời sau noi theo. ■

BÀI THUYẾT PHÁP CỦA TÔ SƯ BỒ ĐỀ ĐẠT MA



Bodhidharma, tranh khắc gỗ thực hiện năm 1887, của họa sư Tsukioka Yoshitoshi (người Nhật, 1839-1892), tức là 月岡芳

年 Nguyệt Cương Phương Niên; còn gọi Taiso Yoshitoshi, tức là 大蘇芳年 Đại Tô Phương Niên.

I. Vài nét về hành trạng của Đạt Ma Tổ Sư

Đức Bồ Đề Đạt Ma 菩提達磨 (Bodhidharma, đầu thế kỷ 6 Công nguyên), người Ấn Độ, là tổ thứ 28 của Thiền Ấn Độ. Tổ sang Trung Hoa để truyền Phật pháp của Thiền tông và trở thành Đệ Nhứt Tổ Thiền Trung Hoa. Ngài đến Trung Hoa vào năm 520, gặp Lương Võ Đế 梁武帝 hỏi đạo. Rất tiếc Ngài không có duyên với vua Lương nên không thuyết phục được vua vì hai vị quan điếm bất đồng, Võ Đế quá thiên về thính âm sắc tướng, xây cất chùa chiền, in kinh độ tạng, còn Tổ lại chuyên về Tâm.

Vì thấy không hóa độ được Lương Võ Đế và khó truyền Phật pháp đắc lực ở phương Nam nên Đức Đạt Ma Tổ Sư vượt sông Dương Tử, đi lên phương Bắc. Dừng chân tại Thiếu Lâm Tự, ngài ngồi xoay mặt ngó vào vách, tham thiền chín năm (cửu niên diện bích 九年面壁). Tương truyền Ngài bỏ thế gian năm 529, để lại rất nhiều huyền thoại, như: Đạt Ma cỡi nhánh lau vượt sông Dương Tử, Đạt Ma quảy chiếc giày phi hành trên dãy núi Thống Lĩnh, v.v.



Đạt Ma cỡi lau vượt sông
Dương Tử



Đạt Ma quảy chiếc giày trên
núi Thông Lãnh

II. Bất đồng quan điểm giữa Đạt Ma Tổ Sư và Lương Võ Đế

Chỗ bất đồng quan điểm giữa vua Lương và Tổ được Đức Lục Tổ Huệ Năng 六祖慧能 (638-713) giải thích trong Pháp Bửu Đàn Kinh 法寶壇經, phẩm Quyết Nghi.

Lương Võ Đế hỏi suốt đời nhà vua làm những việc cất chùa, cúng tăng, bố thí, v.v. như vậy có công đức chi không.

Tổ sư nói: Thật không có công đức.

Theo tôn ý của Tổ, vua Lương Võ Đế thực hành hạnh bố thí 布施, hạnh đứng đầu của sáu phép Ba La Mật 波羅蜜, là

tạo nhân phước để hưởng quả phước ở thiên nhân mà thôi, tuyệt nhiên không phải là **chơn công đức vô lậu giải thoát**.

Theo Kim Cang Kinh 金剛經, bồ thí trụ tướng chẳng khác chi vào chỗ tối, không trông thấy chi cả. Trái lại bồ thí ly tướng ví như có được mắt sáng lại còn nhờ thêm ánh mặt trời chiếu soi tỏ rạng, trông thấy rõ rệt các vật. Vua Lương Võ Đế bồ thí nhưng còn vọng tâm trụ tướng, không khế hợp với pháp “**tam luận thể không**” của Phật. Pháp tam luận thể không gồm có ba điều dưới đây:

1. Không nghĩ mình là người năng thí.
2. Không nghĩ người nhận là kẻ thọ thí.
3. Không nghĩ vật đưa ra là vật sở thí.

Vua Lương Võ Đế hành bồ thí như vậy là việc tạo nhân phước để hưởng quả phước ở thiên nhân mà thôi. Bậc Bồ Tát bồ thí không bao giờ trụ trước nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, tức là lìa tất cả tướng và hành đúng theo “Tam luận thể không” nên phước báu cao cả không thể suy lường được.

Đạo Đức Kinh 道德經 của Đức Lão Tử cũng dạy (chương 38: Thiên hạ): “*Thượng đức bất đức, thị dĩ hữu đức; hạ đức bất thất đức, thị dĩ vô đức.*” 上德不德, 是以有德; 下德不失德, 是以無德. Có nghĩa là người đức cao không có ý cầu cái đức cho nên có đức; người đức thấp thì chấp cái đức của mình tạo ra, nên không có công đức. Như vậy lời nói của Đức Lão Tử không khác “tam luận thể không” của Đức Phật.

III. Đạt Ma Huyết Mạch Luận

Tổ Sư rời bỏ vua Lương ra đi sau khi đã thuyết pháp tại triều đình mười chín ngày. Bài pháp này rất danh tiếng, ngày nay còn lưu truyền với tên gọi là Đạt Ma Huyết Mạch Luận 達磨血脈論. Về cơ bản, bài pháp gồm chín mục như sau: (1) Bản chất của tâm; (2) Phương thức; (3) Phật tánh; (4) Pháp Thân; (5) Tĩnh tâm; (6) Thiên luận; (7) Vô minh; (8) Giác ngộ; (9) Phật là gì?

1. Bản chất của tâm

Tâm là Phật, không có Phật ở ngoài tâm. Tâm của mỗi người đồng điệu, tương ứng với thực tại muôn đời, với thực tại muôn nơi. Ngoài thực tại của tâm thì tất cả chỉ là huyễn tượng, chẳng có nhơn, chẳng có duyên, chẳng có lý do, chẳng có kết quả, chỉ có hành duy nhứt, đó là tư tưởng của tâm và sự an nghỉ của tâm, chính là niết bàn.

Tâm là Phật, Phật chính là tâm. Đi tìm một sự vật ngoài tâm mình là muoán bắt sự trống không. Tưởng tượng Phật lấy ở ngoài tâm, hình dung Phật ở bên ngoài chính là mê sáng.

2. Phương thức

Vậy thì phải tìm vào trong chứ không nhìn bên ngoài. Phải tự lắng mình vào mình và tự nhìn thấy Phật tánh ở nơi chính mình. Tất cả chúng sanh đều là Phật như mình, không có thiện, không có ác, mà chỉ có động tác của tâm. Mà tâm là Phật. Không có ích gì sự cúng kiến, sự hoằng pháp nhiệt thành, giữ giới bố thí, cầu kinh và tất cả những thứ khác chỉ cần một điều duy nhứt: **nhìn thấy Phật ở nơi mình.** Sự nhìn thấy ấy sẽ đưa đến giải thoát và là niết bàn.

3. Phật Tánh

Không có bất cứ một cuốn kinh nào, hay bất cứ một sự tu khổ hạnh nào có thể đưa ta ra khỏi luân hồi. Sự học kinh và tu khổ hạnh hoàn toàn vô ích, phù phiếm. Không có một quyển sách nào đáng cho ta mở ra đọc. Trong sự an tĩnh vô vi hoàn toàn hãy kiếm ở nơi mình, nơi chính mình. Đó mới đúng là Phật. Hãy nhìn Phật nơi mình, đó mới là sự nhìn thấy chơn thật duy nhứt mà thôi. Tất cả những hình tượng khác đều là sương mù ảo ảnh. Chỉ có một tội duy nhứt, là **tội vô minh**, tội không nhận được thấy ra được Phật Tánh ở nơi chính mình. Tội lỗi này rất nặng vì nó giữ ta trong cõi vô thường phù du. Ta phải tự giải thoát bằng cách tự khám phá lại hình bóng của mình.

4. Pháp Thân

Pháp Thân này đã có vĩnh cửu. Trải qua những luân hồi thăng trầm của những kiếp, Pháp Thân vẫn vô sinh, không diệt, không thêm, không bớt, không như chớp, không bị tẩy sạch, không yêu, không ghét, không đến, không đi, không đàn ông, không đàn bà, không già, không trẻ, không tu, không tục, không ừ, không không, v.v.

Pháp Thân không một, mà cũng không nhiều, không thánh mà cũng không phạm. Pháp Thân thung dung trong những kiếp liên tiếp, trong dòng sinh tử. Chính Pháp Thân này mà ta phải nhìn lại nơi chính mình **ta phải di động và hành động**. Pháp Thân chính là thần năng nhập thạch, thần năng phi hình, nhập thủy bất nịch, nhập hỏa bất phân [xuống nước không chìm, vào lửa không cháy] trong ánh sáng của tâm. Ta không thể diễn tả Pháp Thân này bằng lời nói. Ngoài những

tên khác, ta còn gọi Pháp Thân là **Thánh Thể** (Phật Tánh, Chơn Tâm).

5. Tĩnh tâm

Tất cả những sự vật bên ngoài chỉ là hư ảo, giả tạm chẳng có gì thật ngoài ra Pháp Thân. Vô ích nguyện cầu, vô ích sùng bái những gì mà chính là mình, chỉ nên làm sao cho **sự yên lặng, sự tĩnh tâm** mà thôi. Chính những cái ấy giúp ta thấy Pháp Thân nơi mình, tức là Phật; chính những biểu tượng vật chất là sai lầm. Chính sự sai lầm ấy sẽ giữ ta lại, hoặc đưa ta vào vòng luân hồi tái sinh. Hãy bỏ đi những giả tưởng về thần thánh linh thiêng vì đó chính là ảo tưởng phù phiếm.

6. Thiền luận

Không có những gì hơn những ý tưởng vô hình của tâm thoát ra từ Phật Tánh. Chỉ có một điều ta thấy thật sự là Pháp Thân ở nơi ta. Phật có ý nghĩa là giác ngộ hay linh giác mà mọi người có thể đạt được. Sự giác ngộ chính là **Thiền**. Thiền không có nghĩa là tham thiền, suy tưởng gì cả. Đối với ta chỉ đạt đến Thiền là khi ta thấy được Phật Tánh, **mà không kiến tánh** thì chỉ là một kẻ phàm tục tầm thường.

Ta có thể nói với những môn đồ của ta như vậy: Các ngươi phải đạt đến Phật Tánh nơi các ngươi, tức là Pháp Thân, là thánh thể ở nơi chính các ngươi.

Không thể nào diễn tả được bởi vì không thể nói ra được, cho nên tất cả kinh luận đều vô ích.

Con người sẽ được giải thoát khi nào họ đã phủ nhận tất cả những bóng ma và những sai lầm ấy, khi họ chỉ gắn liền với Phật Tánh của họ. Giây phút giác ngộ này, giải thoát này,

mỗi người hãy tự đi đến với chính mình, giáo lý chỉ có thể giúp đỡ khi người ta chuẩn bị. Giáo lý không thể tạo ra sự giác ngộ. Lãnh hội được Phật Tánh nơi chính mình, lại không thể học được Pháp Thân rất giản dị, ta không thể tạo ra được, **ta chỉ lãnh hội được.**

Đối với kẻ nào lãnh hội được Phật Tánh, thì không cần đến thiên đàng hay cũng không còn sợ vào địa ngục, không còn có mình, không còn có kẻ khác, không còn gì cả ở bên ngoài.

Vậy thì, việc lãnh hội Pháp Thân là một việc của **đức tin tuyệt đối**, không còn bị pha lẫn bóng tối của ngờ vực.

7. Vô minh

Kẻ nào lãnh hội được Phật Tánh thì không còn tạo nghiệp nữa dù làm bất cứ một hành động nào, bởi vì kẻ ấy đã được giác ngộ. Nghiệp chỉ đeo đuổi những kẻ nào chưa giác ngộ vì kẻ ấy đang còn ở trong vòng ngu tối vô minh. Chính sự ngu muội này đã tạo ra vòng đầu thai luân hồi ở địa ngục, làm thú và làm người. Bực giác ngộ không làm nên tội lỗi nữa và cũng không phạm tội nữa.

8. Giác ngộ

Những kinh kệ, những sự tu khổ hạnh, những công trình nghiên cứu, học hành chẳng có lợi ích gì cả, còn việc kiến tánh ta không thể nào học được. Tại sao có người đã chuẩn bị đàng hoàng và có thành tâm đứng đắn, thế mà vẫn không đạt đến được? **Bởi vì nghiệp của họ chống đối lại, vì họ chưa trả hết nợ**, họ chưa đủ trong sạch để đến giác ngộ. Sự hôn mê mù quáng, sự sai lầm, sự chai cứng, sự bất lực của họ là những hình phạt về những tội lỗi của họ trong quá khứ.

9. Phật là gì?

Phật ở trong tâm của mỗi người, giữ giới luật tu khổ hạnh, cầu kinh, học vấn, nghĩa lý, tất cả những việc này chẳng dùng được việc gì cả. Mục đích duy nhất mà mỗi người cần phải đạt đến là sự giác ngộ. Khi nào đã đến sự giác ngộ là một vị Phật. Một vị Phật với tất cả chư Phật, dù cho kẻ ấy không đọc được một chữ nào hết.

Là Phật, nghĩa là thấy được Phật Tánh nơi chính mình, nơi tâm mình, bản thể vô hình và không rời mó được mong manh như hư không. Tâm ấy mỗi người đều mang trong mình.

Tâm ơi hồi tâm! Mi lớn đến nỗi bao trùm cả thế giới, mi nhỏ đến nỗi mũi kim không thể xuyên qua được. Hồi tâm của ta, mi là Phật, mi chính là mi, ta phải qua Trung Hoa để truyền đạo lý.

IV. Góp ý của người sưu tập

Đức Đạt Ma Tổ Sư, do theo truyền thống của Tổ Sư Thích Ca Mâu Ni, truyền dạy giáo lý Phật giáo cho chư môn đồ các Ngài là không nên ỷ lại nơi tha lực với sự hộ trì của các đấng Thiêng Liêng vô hình trong việc tìm kiếm sự giác ngộ để cầu giải thoát cho chính mình, mà phải tự lực tìm kiếm lấy. Đó thuộc về Nhị Kỳ Phổ Độ với Đức Phật Thích Ca.

Ngày nay, chúng ta ở vào thời kỳ mạt kiếp, nhơn loại vì nhiễm văn minh vật chất thậm đa nên còn đọa lạc trầm luân rất nhiều ở trần gian. Vì từ bi thương xót chúng sanh, Đức Chí Tôn Thượng Đế mở Tam Kỳ Phổ Độ, ban đại ân xá cho nhơn loại. Nếu quyết tâm tu hành chánh đạo, sẽ dễ dàng giải thoát luân hồi vì chính Đức Chí Tôn giáng trần bằng huyền linh diệu điển, đổ thần để dìu dắt nhơn loại tỉnh giấc mê để

phản bốn huần nguyên phục hồi vị cũ ngôi xưa ở Thiên Đình. Đó là tu nhứt kiếp thì ngộ nhứt thời.

Tín đồ của Tam Kỳ Phổ Độ rất tin tưởng sự trợ lực hộ trì của các đấng Thiêng Liêng vô hình, vì chủ trương của Cao Đài là Thiên Nhân Hiệp Nhứt, hai cõi hữu vô đều trợ lực lẫn nhau, có thiêng linh diệu diễn qua cơ bút, do các Đấng giáng lâm chỉ dạy môn sanh tu học và hành đạo. Ôn Trên thường bảo rằng Đạo vô vi, sự vô vi là vậy. Đó là đặc ân của Cao Đài Đại Đạo.

Đức Đạt Ma Tổ Sư dạy phải tự mình kiếm cho được Pháp Thân (hay Phật Tánh, Chơn Tâm) nơi chính mình thì mới giác ngộ, nhập niết bàn được. Đây là một việc làm cốt yếu, dầu ở bất kỳ thời kỳ nào. Đức Chí Tôn Thượng Đế dạy “các con hãy tìm Thầy trong các con và các con trong Thầy” cũng cùng một lý đạo.

Đức Quan Thế Âm có dạy (15-6 Giáp Dần, 02-8-1974):
“ Người tu hành học Đạo là tìm lại cái tâm mình linh đã ẩn tàng hằng tính của Thượng Đế giáng trung. Người muốn tìm lại, trước phải yên lặng để trau dồi gột rửa những lớp tham, sân, si, dục, đang dày đặc theo bức vô minh để thấy được đạo tài thành của thiên địa. Người noi theo đạo ấy tức là hòa hợp Thiên Lý phục hồi bốn thể chơn như vậy.” ■

TỨ VÔ LƯỢNG TÂM

Tứ vô lượng tâm là bốn phẩm hạnh cao thượng (Brahma Vihara) mà các vị Bồ Tát phải thực hành trong đời hành đạo của mình để đạt đạo quả cao gồm có: tâm Từ (metta), tâm Bi (Karuna), tâm Hỷ (mudita), và tâm Xả (Upekkha).

Tứ vô lượng tâm có nghĩa là bốn cái tâm quảng đại, bao la cùng khắp thiên địa vạn vật, không đo lường được, nên có thể gọi là Thiên Địa chi tâm theo Cao Đài giáo. Tâm vô lượng như trời che bao bọc khắp vạn loài. Tâm vô lượng như đất chất chứa, sanh sản cây trái, ngũ cốc để dưỡng dục, bảo tồn vạn loại sanh linh trên thế giới.

1. Tâm Từ

Kinh Metta dạy: “Tâm Từ phải được rải khắp cho mọi chúng sanh, phải bao trùm vạn vật, phải sâu rộng và đậm đà như tình thương của một từ mẫu đối với đứa con duy nhứt, săn sóc, bảo bọc con cháu cho nguy hiểm đến tánh mạng cũng vui lòng.”

Tâm Từ không phải là sự thương yêu, lòng luyến ái đối với một người nào. Tâm Từ không phải là tình huynh đệ rộng rãi giữa người và người, mà phải bao trùm tất cả chúng sanh, không từ bỏ một sanh linh nhỏ bé nào, bởi vì loài cầm thú là những đứa em xấu số của chúng ta, còn chậm tiến, phải cần nhiều đến sự giúp đỡ và tình thương của chúng ta, bực đàn anh.

Tâm Từ, theo Phật giáo, không phải là tình đồng chủng, tình đồng hương, cũng không phải là tình đồng chí, đồng đạo, vì

những thứ tình đó còn bị hạn chế trong một chí hướng, một chủ nghĩa hay một đảng phái với một nhóm người cùng trong một quốc gia, một chủng tộc với nhau.

Nói tóm lại, tâm Từ phải vượt lên khỏi các tình huynh đệ hạn chế ấy. Phạm vi hoạt động của tâm Từ không bờ bến, không biên cương, không hạn định.

Tâm Từ không có bất luận một sự kỳ thị nào. Nhờ tâm Từ mà ta có thể xem tất cả chúng sanh là bạn hữu, là anh em trong một đại gia đình, một thế giới đại đồng như loại lý tưởng.

Như ánh sáng thái dương bao trùm vạn vật, tâm Từ rải khắp đồng đều phúc lành thâm diệu cho toàn thể nhưn loại, không phân biệt dữ lành, bạn thù, giàu nghèo hay sang hèn.

Đức Phật đã nêu gương tâm Từ vô lượng vô biên ấy. Ngài ban ân lành cho tất cả những người yêu kính cũng như những người ganh tỵ, oán ghét Ngài và những kẻ âm mưu ám hại Ngài được hoán cải và giác ngộ tu theo Ngài. Đơn cử như Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) muốn sát hại Ngài nhưng bỗng nhiên yếu mềm rơi đao và quì phục xin tạ tội với Ngài. Ngoài ra, có những bệnh nhân đến trước mặt Phật xin trị bệnh, Ngài chỉ dùng ánh sáng từ huệ để ban rải và họ hết bệnh ngay.

Đó là những sự linh hiển do lòng từ huệ (tâm Từ) đem lại những hiệu lực mà theo Đức Phật, ai ai cũng có sẵn trong người, miễn là con người biết sử dụng nó. Nếu áp dụng với tập thể đồng đạo tọa thiền cầu nguyện, chúng ta hợp các lòng từ (tâm Từ) thì chúng ta có được một khối nguồn từ điển trong lành thanh cao có thể đẩy lui tà khí, bệnh tật cho tập thể đó và hồi hướng cho nhưn sanh quanh vùng. Môn sanh Cao Đài đã thực hành điều này trong bốn mùa tu tịnh Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Người thực hiện tâm Từ đến mức cùng tột sẽ thấy mình đồng hóa với tất cả chúng sanh, không còn sự khác biệt nhân ngã giữa ta và người, nên có thể vong ngã, vị tha, quên mình vì mọi người, dễ dàng hòa nhập với thế giới đại đồng huynh đệ mà mọi tôn giáo chơn chánh đều hướng về, để đem hạnh phúc hòa bình cho nhơn loại.

Sẽ không còn giết hại thảm thương giữa các cuộc chiến tranh tôn giáo, vì biết cùng thờ một Cha chung Thượng Đế, cùng đối đãi nhau trong tình huynh đệ, thương yêu, không còn kỳ thị, giúp đỡ lẫn nhau. Hạnh phúc thay cho nhơn loại ngày ấy!

Nếu các nước lớn giàu mạnh biết sử dụng tâm Từ, như lòng nhân ái mà Đức Phật dạy, thì không áp đảo các dân tộc yếu, dùng quân sự chiếm cứ đất nước người, gây chiến tranh thảm khốc, không hề thương tiếc nhơn mạng, dầu dư luận thế giới bất mãn, phản kháng.

Òi, thảm thay cho nhơn loại! Con người nhân bản, có gốc thiên chân, thiên lương, thiên tánh còn chẳng? Người tu không có khí giới chỉ cầu nguyện với tâm Từ, hiệp điển lành thành những khối thần lực đẩy tan dần ác khí, xoá tan dần dần hận thù, giảm dần dần chiến tranh tang tóc.

Tâm Từ đem đến cho chúng ta nhiều lợi ích thực tế như sau:

Người có tâm Từ luôn luôn được một giấc ngủ dễ dàng an lành vì tâm không sợ sệt, không giận hờn, thù oán ai, vì không còn chấp chứa điều gì.

Người có tâm Từ không chiêm bao mộng寐 những điều ghê sợ, xấu xa, hung dữ, dầu có mộng cũng là điều tốt lành.

Ngủ với tâm Từ, khi thức giấc cũng với tâm Từ, con người tươi tỉnh, vui vẻ, hân hoan, tạo nên không khí hiền từ, hòa ái.

Người có tâm Từ, với gương mặt vui tươi chào đón mọi người sẽ gạt hái cảm tình và gặp may mắn trong mọi việc vì chúng ta rải tâm từ huệ gây tình cảm dịu mát quanh chúng ta.

Khi thực hành đúng mức, tâm Từ có năng lực đổi dữ ra lành, cảm hóa được hung hăng, đổi tánh ra hiền lành, dịu dàng, dễ thương, dễ mến.

Kinh Phật kể ra nhiều trường hợp Đức Phật trị được nhiều bệnh và ngừa được nhiều cử chỉ hung bạo, sát nhọn là nhờ tâm Từ.

Một hôm Đức Phật ôm bình bát đi khát thực trước nhà bà Suppiya. Chồng bà bạch với Phật rằng vì bà đau một vết thương trên vế, không ra đánh lễ được. Đức Phật liền bảo cứ đưa bà ra. Bà rón rọ ra tới cửa. Vừa thấy mặt Đức Phật, vết thương của bà bỗng dưng lành lại và bà liền mạnh khỏe như thường.

Có một lần vị đố kỵ Phật, một vị vương giả cho voi uống rượu say rồi đuổi nó chạy thẳng vào Phật. Nhưng khi voi tới trước mặt Phật, lòng từ của Phật bủa khắp nơi làm cho con voi khuất phục, quì sụp xuống trước mặt Phật.

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Đông Phương Lão Tổ có dạy môn sanh Cao Đài về hiệu năng của tâm Từ như sau: *“Muốn chống thiên tai sát kiếp, chỉ cần phát tâm công phu thiền định, tọa công ngồi tại tọa tràng mà phóng tinh thần gieo rải thiện duyên kết hợp với huyền linh âm điện xưa đuổi sát khí. Tư tưởng càng mãnh liệt, hung sát tự khắc thối lui. Thiền định càng thâm càng giải phóng cứu người càng dễ. Trong lúc tai*

biến động loạn xáo trộn trên hoàn cầu là một cơ hội cho đạo hữu phát tâm gieo tư tưởng sự sống tình thương đến những nơi có tai biến, kết quả rất lớn mà tiến đạo rất mau, tu một lúc cũng bằng tu trọn đời. Dầu tu một đời mà không gặp cơ duyên cũng không bằng tu một ngày có cơ hội.”

2. Tâm bi

Tâm Bi là lòng xúc cảm, thương xót rung động trước những sự khổ đau của chúng sanh và ý muốn xoa dịu và giúp đỡ kẻ khác bớt sự đau khổ bằng mọi phương cách, quên mình để lo hạnh phúc cho thiên hạ, có khi quên đến cả tánh mạng của mình.

Trong Kinh Vyaghrijakata có thuật chuyện một vị Bồ Tát tự hiến thân cho cọp mẹ để cứu đàn cọp con đang đói.

Những kẻ nghèo nàn đói rách, những người túng thiếu cơ hàn, đau ốm, cô đơn, dốt nát, hư hèn, đời sống cơ cực lang thang không nơi trú ngụ rất cần đến tâm bi của hàng cao thượng, không phân biệt nam nữ, không kỳ thị chủng tộc, giai cấp hay tôn giáo.

Hiện nay, nhơn loại đã có nhiều tư nhân, đoàn thể từ thiện phi chánh phủ, ngoài các tôn giáo, động lòng trắc ẩn đã gởi giúp vật thực, thuốc men đến cứu trợ các dân tộc nghèo khổ ở các nước Á, Phi lạc hậu, nghèo khổ. Tuy nhiên, như muối bỏ bể, không thấm thía bao nhiêu đối với tai nạn quá lớn lao, vô số kẻ, nên người tu hành cần sử dụng tâm bi của mình mà ban rải khắp bốn phương thế giới, cầu xin dập tắt lửa hận thù vì kỳ thị dân tộc, tôn giáo, chấm dứt các sự tự sát, tự thiêu rất thảm khốc, rùng rợn.

Tâm bi và tâm từ đều cùng một gốc, do lòng trắc ẩn, thương xót, muốn giảm đau đớn, khổ sở cho nhơn loại, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, giai cấp, nên được gọi chung làm một là lòng từ bi.

3. Tâm hỉ

Hỉ ở đây không phải là cái vui mừng thường tình, riêng tư của thế sự, mà là cái vui, cái hạnh phúc chung với thiên hạ, không có lòng ganh ghét đố kỵ. Lòng vui vẻ chơn thật, thanh thản, nên gọi là hoan hỉ nói chung.

4. Tâm xả

Xả ở đây không có nghĩa là buông xả, bỏ phé, lãnh đạm không màng đến thế sự. Xả là không luyến ái, không ghét bỏ, không ưa thích, không bất mãn, không phiền não. Trước sóng gió phong ba người có tâm xả luôn luôn bình thản. Thành công hay thất bại, tâm vẫn vững như đá như đồng. Giữa thế tục mà không nhiễm tục như sen trong sạch. Đó là cư trần bất nhiễm trần, như sen thanh sắc lâng lâng, vượt ngoài nhân ngã, thị phi tranh chấp, nên danh vị lợi quyền đều buông xả, không để cho tâm phải bị vướng mắc lo âu phiền muộn, sống đời sống của bậc chơn nhơn ung dung tự tại, an nhàn, thanh thoi. Đó là Tiên Phật tại tiền. Ôn Trên đã dạy như thế.

Nói tóm lại, người tu hành đạt được bốn cái tâm vô lượng, từ bi hỷ xả, rộng lớn bao la thiên địa, hòa mình cùng trời đất, không giới hạn, không biên cương, không còn nhân ngã, không thấy ta người, xem mình là thiên hạ, vui cùng vui, buồn cùng chia sẻ. Lòng từ bi bao trùm vạn loại chúng sanh, ánh sáng của

lòng từ huệ chiếu sáng khắp mọi nơi, không sợ kẻ ác ám hại,
thú dữ ăn thịt. ■

TỰ THUẬT CUỘC ĐỜI TU THÂN HÀNH ĐẠO CỦA CHÍ TÍN (LÊ VĂN BÁ)

I. CÁ NHÂN VÀ LIÊN HỆ GIA ĐÌNH

Sanh năm Mậu Ngọ (10-10-1918) tại thành phố Gò Công, nay thuộc Tiền Giang, trong gia đình tiểu thương nghèo.

Tộc danh là Lê Văn Bá. Thánh danh là Chí Tín.

Phụ mẫu: Cha là Lê Văn Còn, nguyên Giáo sư Phái Ban Chính Đạo thuộc Hội Thánh Bến Tre của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (đạo Cao Đài), nguyên đầu họ Đạo Thánh Thất Bình Hòa, Gia Định, nay thuộc quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Ông đắc quả Minh Đức Đạo Nhơn, thường giảng cơ dạy đạo trong Cơ Quan Phổ Thông Giáo lý Cao Đài - nơi hai con Đạt Minh và Chí Tín hành đạo.

Mẹ là Phạm Thị Huỳnh, chức việc trong Ban cai quản Nữ phái của Thánh thất Bình Hòa, Gia Định.

Bào huynh là Lê Văn Non, Thánh danh Đạt Minh, nguyên giáo hữu họ Đạo Thánh Thất Bình Hòa, nhơn viên của Cơ Quan PTGLĐĐ, lãnh chức vụ từ Ngoại Giao Vụ, Nội Chánh Vụ, Tổng Thư Ký đến ngày liễu đạo là Tham Lý Minh Đạo (trong tổ chức Cơ Quan PTGL Cao Đài Giáo Việt Nam từ buổi sơ khai cùng với Bào đệ là Chí Tín), ngày 13-8 Ất Sửu, 1985.

Hôn phối là Phạm Thị Mai, Thánh danh Bạch Đức, nhơn viên Ban chấp hành Nữ Chung Hòa, thuộc hệ thống Cơ Quan PTGL Đại Đạo.

Có 3 con, hai trai, một gái.

II. ĐỜI NIÊN THIẾU

Thuở nhỏ học trường tiểu học thành phố Gò Công. Đến năm 1932, theo cha mẹ di cư lên Bà Chiêu, Gia Định, vì nạn kinh tế khủng hoảng nên gặp khó khăn sanh sống ở quê nhà. Lên đây tiếp tục học trường tiểu học bà Chiêu cho đến khi thi đậu vào trường Trung học Pétrus Ký ở Chợ Quán (Saigon). Tốt nghiệp bằng trung học Pháp Việt (1938). Vì gia cảnh nên nghỉ học để thi vào làm thợ kỹ xưởng Ba Son (Arsenal) và sau 3 năm, thi đỗ vào Sở thương chánh, được bổ về tỉnh Biên Hòa. Sau một năm, vì chiến tranh Pháp Đức và Nhật chiếm Đông Dương nên bỏ quan trường lên Đà Lạt làm quản lý bút toán một nhà máy cưa gỗ thông của hãng Đan Mạch vừa xây dựng vào đầu năm 1942. Đến 1946 trở lại Saigon buôn bán và làm việc hãng Đan Mạch ở Saigon chuyên xuất nhập cảng và đại lý các tàu biển ngoại quốc.

III. ĐỜI TU HÀNH THỜI NIÊN THIẾU

Lên 8 tuổi đã theo cha vào chùa Tịnh độ Phật giáo cư sĩ tại thành phố Gò Công để học tụng kinh Di Đà, Hồng Danh, Vu Lan, và Đại Bi. Vì tánh hay ngộ nghịch, mỗi lần nghỉ hè, mẹ bắt theo đi viếng chùa chiền ở Bà Rịa, trên vùng núi non tĩn mịch và được ký bán cho Hòa thượng Thiên Thai, danh sư nổi tiếng thời bấy giờ. Khi di cư lên Gia Định, cùng gia đình nhập môn vào đạo Cao Đài, tại Thánh thất Phú Nhuận vào tháng 3 năm 1933. Sau đó được vào học lớp Giáo huấn Đồng nhi lễ sĩ sau khi Thánh thất Bình Hòa dựng xong ở Bình Hòa xã, Gia Định.

Đi tìm Đạo trên núi Điện Bà Tây Ninh

Năm 1937, đang học năm thứ 4 trường Pétrus Ký để thi bằng Thành Chung, phát tâm xuất gia đi tìm minh sư trên núi non để học Đạo hầu tìm phương pháp độ đời giải khổ cho nhơn loại thoát khỏi vòng tứ khổ, mặc dầu đã nhập môn và học hết khóa huấn luyện Đồng Nhi lễ sĩ ở Thánh thất Bình Hòa rồi mà chưa thỏa mãn tham vọng xuất gia tìm minh sư học đạo giải thoát chớ không có mộng cầu làm Tiên Phật riêng tư. Trước để tìm học bào chế thuốc men trị bệnh, nghiên cứu cây cỏ hoa lá trong rừng của nước nhà hầu bào chế một thức ăn như thuốc viên bổ multivitamines mà hồi đó chưa có sản xuất được, mục đích là giúp con người khỏi khổ sở vật chất vì lo miếng ăn hằng ngày, chớ quần áo và chỗ ở có tạm bợ dễ dàng hơn là thức ăn rất cần thiết cho sự sống, nhưng không chủ trương theo pháp môn nhĩn đới (vô úy) thời đó vì làm mất sức khỏe người tu và không được sự tinh tấn sáng suốt của tâm linh. Vào ngày 26 tháng Chạp, giữa đêm khuya lén mở cửa thoát ra khỏi nhà để đi lên núi Điện Bà Tây Ninh vì không dám cho gia đình hay sợ bị cản trở.

Trước đó, cùng với Bào huynh Đạt Minh tập thủ cơ, nhưng vì thiếu bộ phận câu cơ và chưa có kinh nghiệm nên không có kết quả mỹ mãn. Tuy nhiên có hai đấng thiêng liêng nhập xác cho anh Đạt Minh để xuất khẩu dạy đạo lý, có khi dùng Pháp văn cho dễ hiểu hơn Hán văn. Ngài dạy cách kiểm điểm từ tư tưởng, lời nói và hành vi hằng ngày và ghi vào sổ nhật ký, giống như làm tờ vô ngã kiểm của CQPTGL vậy. Và hằng tuần Ngài cho điểm sau khi kiểm điểm. Sự trốn đi núi, tôi cũng dấu không cho anh Đạt Minh hay. Trước khi đi, tôi vào làm lễ trước Thiên Bàn và được chơn linh của một đấng thiêng liêng nhập vào, đốt một bó nhang và chạy ra cửa, băng qua các vườn tược nhà cửa từ Bà Chiêu lên Chí Hòa, Hòa Hưng giữa đêm khuya chó sủa

ran, tay họa phù chúng liền im bật. Việc đăng sơn, cũng đã dự trù trước, mỗi đêm tập lên Thánh thất Bình Hòa chạy xung quanh bốn góc, tập cho nhẹ nhàng để băng rừng leo núi khi cần. Điều lạ lùng là trong túi không có dính một đồng xu nào mà nói làm sao xe đò chở đi không lấy tiền lại còn dẫu không cho ai kiểm thấy mình nữa. Lên đến chơn núi, lại bỏ guốc đi chơn không lên tới chùa Trung, vào chùa giảng đạo thao thao bất tuyệt (thiên liêng xuất khẩu lúc đó) được cho ăn cơm no, sau đó nhờ người chỉ đường lên đánh núi, mặc dẫu mặt trời vừa lặn không còn ánh sáng, cũng một hai đôi đi liền không ai cản được. Nhảy phóc lên các hòn đá, trèo leo lên các cây tre lồ ô, nhảy nhót cảnh này qua cảnh kia như con vượn, mặc cho gai cào rách áo chảy máu nhưng cũng vẫn tung rùng leo núi cho đến khuya thì lên đến chót đỉnh, lúc đó thiện nam cũng hành hương đông và đốt lửa sáng thấy từng đoàn năm bảy người. Tôi liền vào quì lạy lễ Phật và ngồi tham thiền một lúc lâu. Bỗng trí não bừng sáng lên như sau một cơn mê man vừa tỉnh giấc. Ông Trên dạy phải hồi gia lập tức vì đi không cho gia đình hay, cha mẹ già khóc than và anh chị chạy kiếm tứ tung, làm như vậy đắc tội và hơn nữa hơn đạo chưa xong làm sao có thể xuất gia sớm quá được. (Việc này khi vào hành đạo tại Cơ Quan, Đức Lê Đại Tiên có nhắc lại chuyện cũ để khuyến khích việc hành đạo). Ra ngoài chùa, được chư Phật tử kể lại mấy ngày trước có hai cậu đi tìm đạo lạc vào rừng bị cọp ăn thịt, bỏ xương phơi trắng giữa rừng, mà dọn tóc gáy hú hồn cho mình. Thảm cảm ơn Thầy Mẹ đã hộ trì cho mình được thoát nạn. Sáng tinh sương, đồ dốc núi theo đường mòn, chớ không dám đi băng rừng trèo núi như khi lên vì đã tỉnh táo rồi. Thế mà, gần đến chân núi lại bị lạc vào giữa rừng rậm đến một ngã ba không biết phải ra lối nào, la rất cổ họng mà không thấy một tiếng đáp lại. Tâm thần bắt đầu xao xuyên ám ảnh sợ bị cọp ăn phơi xương như đã nghe thuật lại. May sao, còn chút sáng suốt chạy theo dòng suối, định bụng

dầu thể nào cũng có lối ra sông. Đi một đôi lâu thì thấy một cánh đồng lúa đã gặt lổ dạng. Mừng quá chạy riết đến một chòi canh của một ông già giữ vườn dưa hấu trồng để bán Tết. Nghe mình thuật câu chuyện, ông ấy dọn cơm nước cho ăn no nê. Hỏi đường về ra bến xe đò, thì được biết mình đang ở phía sau núi, bên kia của bến xe đi xa lắm, sợ lạc nữa, mới khẩn khoản nhờ ông cho người đưa đùm. Ông tặng cho hai trái dưa hấu to để mang về ăn Tết. Ngộ là không có tiền mà vào tiệm ăn hủ tíu nằm dưới chân núi, chủ tiệm hoan hỉ không lấy một xu vì lúc đó có phong trào thương mến các học sinh hiền hậu, nhất là có chí lên núi học đạo. Vì có phong trào hát tuồng Phật Tổ xuất gia của gánh hát cải lương Tân Thịnh nên ảnh hưởng rất lan tràn sâu đậm trong các tầng lớp dân gian.

Về gần tới nhà ở sâu trong xóm, nên đi bộ hai tay ôm hai trái dưa lưng thủng về nhà trong lúc chiều trời sẫm tối, trong nhà thấy bóng chạy túa ra, người chị hai ôm chầm em vào lòng mà khóc lên nức nở, mừng mừng tủi tủi vì tưởng đâu em mình đã chết theo lời đồn đãi nên hiện hình về. Cả xóm tụ lại mừng rỡ, vì ai ai cũng thương mến mình. Sau đó, gia đình ngăn cản đến Thánh thất hành đạo mà bắt ở nhà lo học hành và tu ở nhà cũng được, sau thành đạt sẽ tính tới.

IV. GIA NHẬP CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ CAO ĐÀI

Nhờ Bào huynh Đạt Minh giới thiệu đi hầu đàn cơ tại nhà đạo trưởng Huỳnh Chơn ở Thiên Lý Đàn (Hòa Hưng), lẽ ra nếu không có vụ trốn lên núi, thì đã được anh rủ đi hầu đàn ở Minh Tân Khánh Hội trước, mà hiểu đạo rộng hơn trước khi vào Cơ Quan. Sau đó một vài đàn cơ, mình thấy đường lối chánh chơn của anh chị em đạo tâm, nên nhận chức thủ môn cho Cơ Quan,

vì mình đang làm giám đốc một công ty lớn ở Đô Thành Sài Gòn và nhơn viên phòng Thương mại kỹ nghệ nên dĩ nhiên được tin cậy. Sau đó có Đức Lê Đại Tiên nhắc vụ mình đi núi tìm đạo khi trước và khuyên mình hãy hợp tác hành đạo vì đúng với tâm nguyện và cũng là Thánh ý cơ duyên của hiền đệ. Đức Giáo Tông Lý Thái Bạch có cho một bài thi tại Thánh tịnh Ngọc Minh Đài năm 1965.

*“Có kẻ buôn hài đến chợ trưa,
Kẻ bên bến giác cây ông đưa;
Ông đưa, ông dặn này ghi nhớ,
Hài của người buôn lắm kẻ vừa.”*

Ngài khuyên hãy hợp tác hành đạo với Cơ Quan mặc dầu Ôn Trên chưa chỉ định nhưng cũng là Thánh Ý và dặn hãy cẩn thận đừng phí ngày giờ và tiền bạc không đúng lúc và không nhằm chỗ (có lẽ Ngài muốn nhắc câu "hài của người buôn lắm kẻ vừa") vì bản tánh cõi mở rộng rãi vui vẻ hay làm vừa lòng mọi người.

Đến đêm giao thừa, 29 tháng Chạp năm Ất Ty (20-1-1966) tại Thiên Lý Đàn, Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ có ban cho Thánh danh:

*“LÊ VĂN BÁ thấy con chí nguyện,
Hiệp chung lo điều kiện Cơ Quan,
Đốc đem, đem tám can tràng,
Lập công bồi đức cho ngang bạn hiền.
Nay Thầy ban danh Tiên cho trẻ,
Để con hiền mát mẽ tâm trung,
Tên là CHÍ TÍN lập công,
Bước mau để kịp đại đồng thế gian.”*

Ngày Cơ Quan PTGL ra mắt đại hội tại Nam Thành Thánh Thất, được nhơn sanh bầu vào Ban chấp hành đầu tiên, ngày rằm tháng hai năm Bính Ngọ (1966) với chức vụ Nội Chánh Vụ trưởng, cùng với Đạo trưởng Huệ Lương Trần văn Quế lãnh đạo với chức vụ Tổng Lý Minh Đạo và Bào Huynh Đạt Minh làm Ngoại Giao Vụ.

Dưới đây liên tiếp nhận lãnh các chức vụ trong Cơ Quan.

Nội Chánh Vụ Trưởng nhiệm kỳ đầu tiên năm Ất Ty 1966 và nhiệm kỳ hai năm kế 1967-1968.

Phó Tổng Thư Ký nhiệm kỳ hai năm Kỷ Dậu và Canh Tuất (1969-1970) kiêm Tổng Thư Ký và Tham Lý Minh Đạo cuối năm 1969 vì Đạo trưởng Minh Lý ra khỏi Cơ Quan.

Tổng thư ký chánh thức năm Tân Hợi 1971.

Quyền Tham Lý Minh Đạo nhiệm kỳ 3 năm 1972-1973-1974.

Tham Lý Minh Đạo chánh thức nhiệm kỳ 3 năm 1975-1976-1977.

Chủ tịch Hội Đồng Nghiên cứu Giáo lý sau khi Đạo trưởng Kiến Minh ra đi vào năm 1978, một tổ chức song hành với CQPTGL.

Sau hết là Phó Tổng Lý Minh Đạo kể từ 18-2 Ất Sửu (07-4-1985) và lưu nhiệm một năm nữa của năm Bính Dần 1986 cho đúng chu kỳ 60 năm đạo Cao Đài ra mắt nhơn sanh tại Việt Nam. Phục vụ CQPTGL được hơn 21 năm, quá giai đoạn 20 năm đầu của bộ máy Đại Đạo sau cùng, lúc nào cũng dốc lòng

đem hết chí thành tâm đạo khả năng công sức và tài nguyên để làm tròn trách vụ của mình nhận lãnh với thiêng liêng và nhơn sanh giao phó, không thoái chí ngã lòng, chôn chôn lùi bước trước những khảo đảo từ nội tâm đến ngoại cảnh đưa đến, đúng theo lời dạy của Đức Chí Tôn lúc ban Tiên danh Chí Tín:

*"Đốc đem đem tâm can tràng,
Lập công bồi đức cho ngang bạn hiền."* ²⁰⁶

Để đền ơn Thầy và chư Phật Tiên có công dìu dắt dạy dỗ, lúc nào cũng cố gắng dồi trau tính nết, tâm hạnh để xứng đáng là học trò Tiên, môn đồ của Thầy, cốt lo chánh kỹ để hóa nhơn với chí hướng đã chọn khi bước vào con đường tu học là tiên lo tự giác, hậu phải giác tha để đền ơn đáp nghĩa với Thầy và chư Phật Tiên đã có công chất chiu dạy dỗ từ thuở còn thơ. Trong lúc hành sự nhiệm vụ Tổng thư ký được Đức Giáo Tông nâng đỡ và âu yếm gọi là Tổng thư ký của Bàn Đạo. Và khi lãnh nhiệm vụ mới là Tham Lý Minh Đạo, được Đức Giáo Tông khảo hạch trước bửu điện và toàn thể nhơn viên Cơ Quan và khâu trình dưới sự chứng kiến theo dõi của ĐT Phụ tá Bảo pháp Chơn Tâm và toàn thể nhơn viên Cơ Quan dự đàn cơ (đàn 15-2 Nhâm Tý 29-3-1972):

THI

*"Năm trước, muốn xong bản phúc trình,
Phải nhiều tâm thức lặng tịnh tịnh,
Móc moi tâm não ra mà viết,
Viết tới xóa lui vẫn bực mình."*

²⁰⁶ Thiên Lý Đàn, 29-12 Ất Ty, 20-01-1966.

HỮU

*Nay vừa xuất khẩu đã thành văn,
Mạch lạc khẩu trình có lớp lang,
Bất tuyệt thao thao đầu chí cuối,
Tỏ ra tiến bộ thật vô ngần.”*

Thật chúng ta phải cảm động thâm sâu sự chắt chiu dạy dỗ từng bước, từng chi tiết hành đạo như những người anh người cha ruột thể gian với đầy đủ tình thương yêu đậm đà thấm thiết, lắm lúc quá nuông chiều chúng ta, thể hiện đức độ hạ mình của Tiên Phật trong cơ tận độ kỳ ba mà tất cả người Thiên ân sứ mạng cần phải noi theo. Ngoài ra, Ngài còn không quên nhắc nhở gởi gắm mình về công phu luyện kỹ cho Đức Đông Phương Lão Tổ (04-02-1972).

*“Thấy trò em út nghĩ mà thương,
Trôi bước từ lâu vạn dặm trường;
Sức mọn, nhưng lòng không quá mọn,
Đỡ nâng nhờ có Lão Đông Phương.”*

Thật là phần khởi vô cùng, mình thấy đã được ân huệ Thiêng Liêng dắt dìu từng bước công quả, công trình và công phu cho đầy đủ mới có thể phản bổn hoàn nguyên phục hồi cựu vị được và chính hai Đấng lãnh đạo tối cao vô vi của lưỡng đài Cửu Trùng và Hiệp Thiên trực tiếp huấn luyện cho mình được nên người môn đệ xứng đáng của các Ngài và của Thầy nữa. Nhớ có lần Thầy nhắc nhở sứ mạng của mình qua bài thi:

*"Chí Tín, chí tâm chẳng đổi dời,
Nghịệp đời chùng đó dễ buông trôi;
Gay chèo Bát Nhã trên dòng nước,*

*Sứ mạng Tam Kỳ nhớ trẻ ôi!"*²⁰⁷

Và ở một đoạn Thầy nhắc nhở thêm:

*"Tâm con vốn Bửu Tòà Thầy ngự,
Hãy giúp người gìn giữ Thiên cơ;
Hoàng khai Đại Đạo Tam Kỳ,
Công Bình, Bác ái, Từ bi đứng đầu.*

(...)

*Đã chấp nhận con đồ cứu khổ,
Lướt dòng sông quốc độ kỳ ba;
Tâm con con sẵn bửu tòa,
Ngoài tâm chẳng có chi là đầu con."*²⁰⁸

Phải chăng đã đến lúc phải đem "đạo mâu công dụng mọi nơi" để "cho người thông cảm cùng người; dẹp tan sắc phái phục hồi tình thương" cho đúng tiêu đích của Cơ Quan. Và ai, lúc nào, nơi đâu? Cho nên các hàng lãnh đạo Cơ Quan được lệnh xuất gia, trước hết Đạo trưởng Quyền Tổng Lý Minh Đạo Thiện Bảo và Đạo tử Chủ Tịch Nữ Chung Hòa Ngọc Kiều và liền đó 5 bậc đàn anh của Cơ Quan: Chơn Tâm, Chí Tín, Đạt Minh, Chí Hùng và Chí Thuần cũng được lệnh xuất gia vào ngày 15-5 Ất Sửu (1985). Trên dòng đạo pháp cũng đã được Ôn Trên truyền giao giáo pháp đủ đầy khả dĩ thay Tôn Sư mà truyền lại đàn em. Các vị tiếp nối như đạo huynh Huệ Chơn vừa được nâng đỡ lên hàng Phụ tá Bảo pháp, Chí Thành và Thiên Vương Tinh cũng được ân huệ cho vào khóa tu Bá nhựt trúc cơ để cho đủ thần lực mà hành đạo.

²⁰⁷ CQPTGLĐĐ, 15-01 Nhâm Tý, 29-02-1972.

²⁰⁸ CQPTGLĐĐ, 15-10 Quý Sửu, 09-11-1973.

Nếu chỉ dạy cho Đạo tử Ngọc Kiều, sau khi giải thích ý nghĩa của hai chữ XUẤT GIA của các hàng Thiên ân Cơ Quan, thì không phải là thật tế vì bình và hoàn cảnh của đạo tử làm sao thực hành lời dạy cao xa dưới đây:

*“Sống đây vũ trụ là nhà,
Nghĩa là non nước, tình là vạn sanh.”*²⁰⁹

Cũng trên đường hương đó, Đức Ngô Đại Tiên đã dạy Chí Tín một đàn cơ tại Minh Đức Tu Viện, sau khóa tu cho 3 vị Chí Thành, Chí Mỹ, Thanh Chơn ngày 2 tháng 10 Nhâm Tuất (16-11-1982):

“Chí Tín, hiền đệ có tâm hành đạo muốn kế tục đạo nghiệp gìn giữ Tổ Đình (tức là Tổ Đình của Chiếu Minh Cần Thơ mà Chí Tín là môn sanh đã thọ chơn truyền) và theo ý của nữ đồ MINH DĨ (là người chị cao niên và uy tín nhất của Phái Chiếu Minh hiện nay). Đó là điều Tiên Huynh rất lưu ý, nhưng đúng theo sự thật thì Tiên Huynh và hiền đệ có cùng sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ mà Thượng Đế đã phó giao. Nay Tiên Huynh, do tôn ý trước Tam Giáo Tòa, hiền đệ được về Tổ Đình Cần Thơ để cùng chung lo lễ cúng, nhưng phải hoãn việc chấp cơ, hãy dùng tâm niệm vô vi, Tiên Huynh sẽ chứng lễ và ban ơn cho toàn thể chư đệ tử nam nữ. Hiền đệ còn phải được dạy thêm trong một khóa tu Đông Chí sắp đến mới đủ thần lực thanh tịnh mà kế tục đạo nghiệp của Tiên Huynh đến hết một thời gian nhất định. Hiền đệ còn mang một sứ mạng chính thức to tát hơn. Nên lưu ý việc gì đến sẽ đến. Phần Tiên Huynh khuyên hiền đệ hãy bình tâm mà thi hành mọi việc cho đúng đạo lý thiên cơ.

²⁰⁹ CQPTGLĐĐ, 06-3 Giáp Tý, 06-4-1984.

Trường thi buổi chót chọn nguyên nhân,
 Hoàng đạo thể Thiên định cõi trần,
 Không chậu không lỏng là giải thoát,
 Còn danh, còn tướng ấy còn phân.
 Đạo tâm ví thể Trời che chở,
 Tục tánh dường như đất cắt phân,
 Giải thoát chác chi dòng đời đời,
 Sạch lòng mới xứng phận Thiên ân."

Và trong một đàn cơ riêng tại Minh Đức Tu Viện nhơn ngày
 kỷ niệm khai trương 25-01-1985 (Ất Sửu), Chí Tín và hiền tỷ
 Bạch Tuyết cầu Ôn Trên dẫn đường mở rộng lối hành đạo cho
 Cơ Quan theo dự tính, nhưng Ôn Trên lại không chỉ rõ hay chấp
 nhận đường lối đó, lại chỉ vồn vện cho có một bài thi đồ rồi
 thăng, nên chúng tôi không dám tái câu ai nữa.

"Chết chiu từ thuở mới nên hiền,
 Gởi gắm chờ người biết hạnh duyên;
 Tôn chỉ nêu cao đường tận độ,
 Dư đồ vạch rõ lối qui nguyên.
 Tỳ tâm nguyện sẽ khơi nguồn thánh,
 Do chí thành mới đạt ý Thiên,
 Muốn tới Cao Đài đi mới tới,
 Có chi mà phải hỏi thần tiên."

(Đức Vô Vi Tiên Trưởng)

Trong một đàn cơ, rằm tháng 7 Ất Sửu (30-8-1985), Đức
 Bảo Pháp Huỳnh Chơn cho một bài thi để trấn an chư Thiên ân:

"Vật cùng tắc biến, biến liền thông,
 Trí giả tri cơ lối đại đồng;
 Pháp đạo vận hành từ thượng hạ,

*Quyền Thầy chuyển hóa khắp Tây Đông.
Thiên ân hiểu rộng không nao chí,
Hương đạo nhìn xa chẳng nỡ lòng,
Dung đó vẫy vùng không dấu dạng,
Tùy thời ẩn hiện tự thần long.”*

Và Đức Lý Giáo Tông tiếp theo cho một bài thi đầy đáp số:

*“Tiên Ông trao sẵn bộ Thiên thơ,
Đã mấy mươi năm luống đợi chờ;
Sứ mạng thiên ân kỳ tận độ,
Xây nền Thánh đức kịp thời cơ.”*²¹⁰

V. PHẦN THỌ TRUYỀN ĐẠO PHÁP

Thọ pháp Sơ thiên cử cử chung với chư huynh tỷ đệ muội ở Cơ Quan, khóa đầu tiên năm Bính Ngũ (12-6-1966) tại Thiên Lý Đàn với đạo trưởng Huỳnh Chơn Bảo Pháp Chơn Quân theo Thánh lệnh của Đức Tôn Sư Đông Phương Lão Tổ. Nhưng vốn quyết tâm đạo cho thấu đáo chơn truyền của Đại Đạo Chiếu Minh, sau khi học Đại Thừa Chơn Giáo của Phái Chiếu Minh. Nhờ đạo trưởng Huệ Lương quen thân với các anh tu của phái Chiếu Minh của các đàn Long An (Anh Lộc), Long Hoa (anh Truyện) và đàn Chợ Lớn (anh Hai Quảng), tôi lần mò làm quen được thân thiết với anh Truyện vốn cùng nghề XNC trong phòng thương mại và kỹ nghệ Saigon, nên thường được mời ăn cơm chay, tôi ngỏ ý xin keo để trước được hầu đàn của Chiếu Minh, sau thọ truyền đạo pháp. Tại đàn Long Hoa năm 1967-1968, tôi xin keo không được, các anh khuyên tiếp tục làm âm chất công quả cho đầy đủ đi, vì anh còn sứ mạng nơi cơ phổ độ,

²¹⁰ CQPTGLĐĐ, 15-7 Ất Sửu, 30-8-1985.

chứng đến thời giờ Thầy kêu mấy hồi. Mãi hai năm sau, tôi đến đàn anh Lộc (Long ần) do sự mời mọc của anh, chớ 2 năm trước anh từ chối cho rằng mình theo chưa nổi đâu. Vào xin keo cũng không được nữa (cũng do đó mà đàn cơ ở Cơ Quan Đức Ngộ Đại Tiên đã cho biết lý do không nhận mình làm đệ tử). Nhưng sau thời gian quan sát mình, và biết mình thật tâm tu hành và đã có quá trình hành đạo nhờ dắt các phái đoàn Tòa Thánh, Hội Thánh đến làm lễ tại Thánh Đức Tô Đình Cần Thơ trước đó, nên anh Lộc và anh Tiêng, vốn là cặp đồng tử của đàn, cho đặc ân quì hầu Thầy ở cuối gốc đàn, hy vọng Thầy thương tình mà kêu dạy (đây là biệt lệ của phái Chiếu Minh đó). Vì cảm trước tấm lòng chí thành cầu Đạo, nên Thầy ban ơn cho bài thi ngày 15-3 Canh Tuất (18-6-1970):

*“Tông Bá quản gì với tuyết sương,
Nguyên căn tỉnh ngộ tránh tang thương;
Theo Thầy học đạo tìm chơn lý,
Khởi uổng kiếp này ở cõi dương.”*

Một tháng sau, hầu đàn xin keo để được Thầy ban ơn cho thọ pháp hay không thì keo cho. Theo Chiếu Minh, 100 ngày đầu phải công phu cho đầy đủ, muốn chứng minh mình được đầy đủ chưa, phải xin keo Thầy cho biết, thì ra mình xin keo Thầy không chứng minh. Điều dễ hiểu mình đang có phận sự vận động các chi phái thống nhất nghĩa là mình mót bòn thêm công quả để xong xuôi mình qua Chiếu Minh tu luôn cho trọn phần đầy đủ quả công, trọn nghĩa thủy chung với Cơ Quan. Nhưng xin keo, Thầy không chứng minh điều này dễ hiểu vì mình tu còn thiếu sót, không đủ tứ thời hằng ngày, vì phải đi hành đạo đây đó, và các anh chị trong Chiếu Minh cũng thường quở trách hoài. Được Thầy ban ân, bài thi được truyền bá đến Tô Đình Cần Thơ mau lẹ, và mình bị các anh chị cười, nhắc

mãi bài Thầy chỉ mình để làm bài học chung cho những ai còn thiếu sót phân công phu như mình:

*“Bá nhất độ (là 100 ngày) in khuôn in lối,
 Một mình con hai mối sao xong;
 Ai ra trả nợ đại đồng,
 Ai về cố thủ đơn phòng sớm trưa.
 Đã bao lúc Thầy vừa ý trẻ,
 Khuyên con đừng xem rẻ qui điều;
 Thương trò Thầy mới dắt dìu,
 Thị phi càng lắm, càng nhiều lạc đưa.
 Gương Lục Tổ ngày xưa hiển hiện,
 Tay cầm chày, miệng niệm Di Đà;
 Mặc người Thần Tú cao xa,
 Một câu lục tự thoát qua bể trần.
 Hỡi nam nữ, mãi cần lời dạy,
 Luận lý nhiều quấy phải chê bai;
 Ngày đêm tưởng niệm Cao Đài,
 Bớt nghe bớt thấy, bớt hoài mới nên.
 Muốn thành Đạo phải bền chí cả,
 Muốn đăng tiên tâm hỏa diệt tiêu;
 Đơn phòng đừng để quạnh hiu,
 Khách trần lần dứt, sớm chiều tâm nguyện.”*
 (Đàn Long Ẩn, 07-10-1972)

Sau đó, rán công phu thêm cho đầy đủ và xin keo thì Thầy chúng bá nhật liền và chánh thức được lên nhất bộ. Theo nguyên tắc, nếu tu đúng 3 năm 8 tháng, liệu xét mình đầy đủ thì xin keo để Thầy chứng minh lên Nhị Bộ, nhưng không dám xin keo, để chừng nào Thầy ban ơn thì Thầy cho như có vài trường hợp của các huynh trưởng được Thầy ban ơn.

Mãi đến hôm đàn kỷ niệm ngày Thầy thoát xác 13-3 Ất Mão (24-4-1975) thay vì đi về làm lễ lớn tại Tổ Đình Cần Thơ như thường lệ, nhưng vì tình hình lúc này căng quá, nên làm lễ tại Saigon. Được Thầy ban ơn như sau:

*“Hữu chí thiên ngô đặng pháp minh,
Căn cơ hoà hảo hướng Kim Đình;
Tứ ân Nhị Bộ cho tròn vẹn,
Mối Đạo Trời Cha gắng giữ gìn.”*

Và Thầy dạy tập chấp bút để thay thế anh Tiêng già yếu hay bệnh hoạn.

Ở CQPTGL được Đức Tôn Sư Đông Phương Lão Tổ truyền trao nhiều pháp môn như: Pháp Ngoại Công phu thể dục gọi là Thập Nhị cầm Đoạn, trong đó có trùng nhiều tư thế công phu của Chiêu Minh, các khâu quyết Sơ cơ, Nhị cơ, Tam muội chánh định. Pháp môn luyện âm dương ngũ hành để diệt ngũ âm trừ ngũ tặc, luyện tan thất tình lục dục cho tâm được thanh tịnh mà bước vào trúc cơ có hiệu năng hơn. Đặc biệt trong thời kỳ hạ nguon mặt kiếp này hành giả gặp nhiều khó khăn.

Được Đức Lão Tổ và sư phụ Ngô Đại Tiên dạy truyền pháp Chiêu Minh cho nên xin ở Cơ Quan nếu có đủ điều kiện trường chay tuyệt dục và quyết tâm cầu tu giải thoát đốt cháy hết que trầm (thay cho việc đốt hồng thệ trong Chiêu Minh) lập đại nguyện trước Tam Giáo Tòa, nếu khinh thường đạo pháp, khi trọng tội cũng bị tam đồ bất năng thoát tục không khác gì lời thệ ở Chiêu Minh, mục đích để dung hợp pháp môn gọi là tân pháp Cao Đài (pháp môn bất nhị mới thiết là con đò trời).

Được thu nhận vào khóa Trúc cơ đầu tiên của Cơ Quan năm Mậu Ngọ (1978), sau đó được tiếp tục thọ pháp thập ngoạt hoà

thai (300 ngày) và điều ngộ nghĩnh thay làm cho mình vững lòng tin thêm duyên lành chính Sư phụ mình là Đức Ngộ Đại Tiên được lệnh Tam Giáo Tòa truyền chánh pháp tu luyện nội đan trực tiếp với ĐT Bạch Lương Ngọc trụ trì Vĩnh Nguyên Tự Cần Giuộc tại Minh Đức Tu Viện vào ngày mùng 06-7 Nhâm Tuất (24-8-1982).

Với những lời tự thuật này, kính mong chư hiền huynh hiền tỷ và chư đệ muội nghiên cứu suy nghiệm để làm bài học cho bản thân hầu tiến triển hơn đệ đệ đã mất nhiều thời gian hơn trước đó. Cầu xin Đức Tôn Sư và Sư phụ chúng lòng thành tri ân sâu xa của đệ tử và xin nguyện để hết lòng chon thành truyền trao đạo pháp cho những ai có căn lành và được nhĩ vị chúng giám dạy bảo để không mang tội khinh truyền đạo pháp. ■

MỘT SỐ HÌNH ẢNH



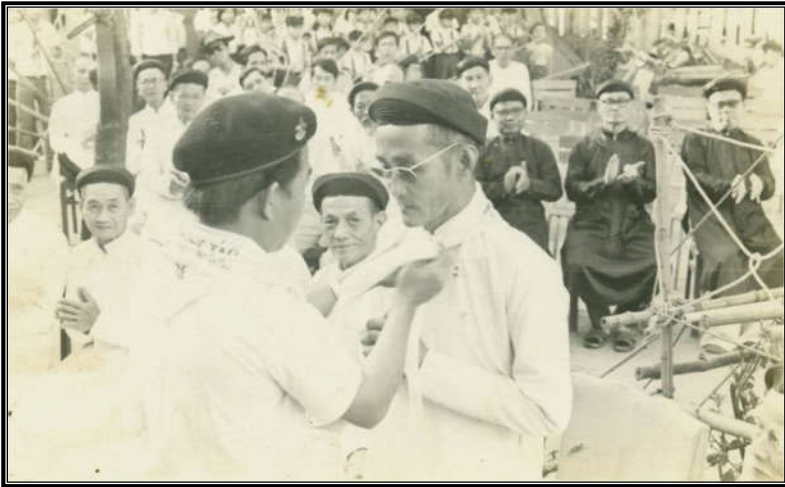
1. ĐT Chí Tín (ngồi ngoài cùng bên trái) và chư tiên bồi Cơ Quan



2. ĐT Chí Tín (đứng thứ hai từ trái) và quý Đạo Trưởng tiên bồi Cơ Quan (10-2-1980)



3. ĐT Chí Tín (đứng giữa) tham gia công tác Cao Đài Phổ Tế cùng với ĐT Huệ Lương



4. Đạo huynh Chí Tín thăm Thanh niên Đại Đạo cắm trại



5. ĐT Chí Tín (ngoài cùng bên phải) tại nơi xây dựng trụ sở Cơ Quan



6. ĐT Chí Tín với cương vị Tổng Thư Ký (Ban Thường Vụ - CQPTGLĐĐ) trước đây



7. DT Chí Tín (ngồi thứ 2 từ trái) trong lễ mừng thọ vào dịp tất niên năm Giáp Thân (2004)



8. DT Chí Tín khai mạc Hội đồng Tam Cá Nguyệt của CQPTGLĐĐ (2006)



9. ĐT Chí Tín và ĐT Đạt Trí chủ tọa buổi họp Hội Đồng Cơ Quan (2007)



10. ĐT Chí Tín (ngồi ghế) và một số đạo hữu nhân viên CQPTGLĐĐ (2007)



11. ĐT Chí Tín và lớp Lễ Nghi, Phổ Huấn (2007)



12. ĐT Chí Tín và lớp Tu sĩ hiến dâng (2007)



13. ĐT Chí Tín và nhóm Thế hệ tiếp nối (2007)



14. ĐT Chí Tín và lớp Bồi dưỡng giáo lý cấp 1 (2007)



15. ĐT Chí Tín và lớp Bồi dưỡng giáo lý cấp 1 (2007)



16. ĐT Chí Tín và lớp Bồi dưỡng giáo lý cấp 1 (2007)



17. ĐT Chí Tín và lớp Bồi dưỡng giáo lý cấp 1 (2007)

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	5
LƯỢC SỬ TÁC GIẢ CHÍ TÍN	7
Phần 1- Bài viết về Đạo pháp.....	14
1. ĐẠO PHÁP THUẦN CHƠN HUYỀN VI CHỨNG ĐẮC	15
2. NỘI GIÁO TÂM TRUYỀN VÀ NGOẠI GIÁO CÔNG TRUYỀN	20
3. SỰ TU CHỨNG	26
4. TỌA THIÊN	34
5. THƯỜNG XUÂN VỚI ĐẠO PHÁP	38
6. THẾ NÀO LÀ NỘI TU VÀ NGOẠI TU	41
7. XUÂN TÂM, XUÂN ĐẠO PHÁP	46
8. THÀNH TIÊN TẠI TRẦN	49
9. KHỬ TRƯỚC LƯU THANH	56
10. ĐỨC LÝ GIÁO TÔNG THÁI BẠCH KIM TINH VỚI VIỆC CÔNG PHU	64
11. TU LUYỆN	64
12. PHẢN TÌNH NỘI CẦU	72
13. CỐ TẠI MỤC	88
14. THẾ NÀO LÀ BỰC CHƠN NHƠN?	93
15. ĐỜI NGƯỜI MỘT KIẾP SỐNG VÀ TÁC DỤNG ĐẠO PHÁP	101

16. TÁNH MẠNG SONG TU	112
Phần 2 - Bài viết về giáo lý tổng quát	119
17. TU LÀ LÀM CÁCH MẠNG.....	121
18. ƯỚC VỌNG THỐNG NHẤT	126
19. TINH THẦN TRÊN PHƯƠNG DIỆN GIÁO LÝ	126
20. "THƯỢNG ĐỨC BẤT ĐỨC, THỊ DĨ HỮU ĐỨC, HẠ ĐỨC BẤT THẤT ĐỨC, THỊ DĨ VÔ ĐỨC"	132
21. TAM GIÁO ĐẠO TỎ ĐỀU ĐỒNG QUYỀN DƯỚI ĐỨC CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ	136
22. NHÂN BẢN TRONG GIÁO LÝ	141
23. CAO ĐÀI	141
24. THỬ NÊU NHỮNG YẾU ĐIỂM CỦA GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO	145
25. THUẦN CHƠN VÔ NGÃ.....	157
26. LÝ HUYỀN NHIỆM CỦA.....	161
27. NGŨ GIỚI CẨM CAO ĐÀI.....	161
28. VẤN ĐỀ XUẤT GIA	171
29. NGƯỜI TU HÀNH CẦN PHẢI BỒI CÔNG LẬP ĐỨC	179
30. CHƠN DUNG NGƯỜI CHƠN TU	183
31. XUÂN ĐẠO, XUÂN TÂM.....	190
32. HỌC HẠNH TỬ VÔ CỦA TAM GIÁO	194
33. THƯƠNG THƯƠNG, GHÉT GHÉT AI THẤU ĐÁO VẬY ÔI!	200

34. MUỐN HƯỞNG ĐỜI THƯỢNG NGUỒN THÁNH ĐỨC.....	204
35. TRIẾT LÝ CAO ĐÀI ĐỐI VỚI TRIẾT LÝ NHÂN SINH ..	211
36. NGƯỜI HƯỚNG ĐẠO HÃY LẤY NƯỚC LÀM GƯƠNG.....	215
37. THỬ TÌM HIỂU THỂ NÀO LÀ ĐỜI NGHIÊU THUẬN....	219
38. SỐNG ĐẠO.....	223
39. THIÊN ĐỊA CHI TÂM	225
40. CAO ĐÀI TUYÊN NGÔN VẠN GIÁO NHỨT LÝ.....	237
41. ĐẠI NGUYỆN CỦA THẦY.....	245
42. TÌM HIỂU THỂ NÀO LÀ SỨ MẠNG THIÊN ĐẠO ĐẠI THỪA	257
43. HÃY NHÌN NHỮNG PHO TƯỢNG LỘ THIÊN CỦA ĐỨC QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT.....	261
44. LÀM THỂ NÀO ĐỂ XỨNG ĐÁNG LÀ DÂN TỘC ĐƯỢC CHỌN	265
45. CÔNG QUẢ THỂ NÀO LÀ CHÁNH DANH VÀ ĐÚNG NGHĨA?.....	272
46. ĐẮC NHỨT.....	278
47. ÔN LẠI NHỮNG LỜI DẠY CỐT YẾU CỦA ĐỨC ĐIỀU TRỊ KIM MẪU	288
 Phần 3 - Bài viết về các đấng Thiêng liêng	 295
48. TƯỢNG NIỆM ĐỨC NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ NGÀY MỪNG 9 THÁNG GIÊNG	297
49. ÔN TẬP THÁNH GIÁO CỦA ĐỨC LÝ GIÁO TÔNG	307

50. PHƯƠNG PHÁP TU THÂN THEO ĐỨC QUÁN THỂ ÂM BỔ TÁT.....	312
51. THẦY MONG CON BIẾT THẦY HIỂU ĐẠO.....	319
Phần 4 - Bài viết về Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo	
52. ĐỀ XÚNG ĐÁNG LÀ MỘT GIÁO SĨ CỦA CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO	329
53. TÂM HẠNH ĐỨC TÀI.....	334
54. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO	340
55. CÂY PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐÃ ĐƠM BÔNG KẾT QUẢ CHƯA?.....	347
Phần 5 - Bài viết về tôn giáo bạn và kinh điển đạo giáo	
56. ĐỨC CHÚA JÉSUS CHRIST ĐẾN VỚI ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ	352
57. TỪ THÁNH NGÔN HIỆP TUYÊN ĐẾN ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO - NHỊ XÁC THÂN	362
58. LÃO, KHÔNG ĐỀU CHỦ TRƯỞNG SỐNG VUI	369
59. CUỘC KHẢO THÍ TUYÊN SINH VÀO TU VIỆN PYTHAGORE	375
60. THẦN LINH HỌC VỚI GIÁO LÝ CAO ĐÀI	381
61. TỨ DIỆU ĐỂ VÀ CON ĐƯỜNG TRUNG ĐẠO CỦA PHẬT GIÁO	393
62. VÀI ĐẶC ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO.....	397
63. CHƠN DUNG ĐỨC KHÔNG TỬ.....	401

64. BÀI THUYẾT PHÁP CỦA TỔ SƯ BỒ ĐỀ ĐẠT MA.....	406
65. TỨ VÔ LƯỢNG TÂM.....	417
TỰ THUẬT CUỘC ĐỜI TU THÂN HÀNH ĐẠO CỦA CHÍ TÍN (LÊ VĂN BÁ).....	424
MỘT SỐ HÌNH ẢNH.....	441